

LÂM HÂN DẠT
TẠO DỰ CHƯƠNG

LỊCH SỬ
TRUNG QUỐC
5000 NĂM

TẬP 4



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

isach.info

Mục lục

[Trương Thế Kiệt Từ Thủ Nhai Sơn](#)

[Chính Khí Ca](#)

[Quách Thủ Kính Sửa Lịch Pháp](#)

[Marco.Polo Từ Châu Âu Tới](#)

[Nổi Oan Nàng Đậu Nga Làm Cảm Động Cả Trời Đất](#)

[Người Đá Một Mắt](#)

[Hòa Thượng Làm Nguyên Soái](#)

[Đại Chiến Phiên Dương Hồ](#)

[Lưu Bá Ôn Cầu Mưa](#)

[Vụ Án Hồ Duy Dung](#)

[Yên Vương Vào Nam Kinh](#)

[Tam Bảo Thái Giám Xuống Tây Dương](#)

[Trận Thảm Bại Thổ Mộc Bào](#)

[Vu Khiêm Bảo Vệ Bắc Kinh](#)

[Dương Nhất Thanh Dùng Kế Trừ Lưu Cẩn](#)

[Dương Kế Thịnh Liều Chết Vạch Tội Nghiêm Tung](#)

[Hải Thụy Cương Trực Không Xu Nịnh](#)

[Thích Quang Kế Đuổi Giặc Biển Nhật](#)

[Lý Thời Trân Lên Núi Hải Thuốc](#)

[Trương Cư Chính Phụ Chính](#)

[Cát Hiền Đánh Quan Thu Thuế](#)

[Nỗ Nhĩ Cáp Xích Xây Dựng Hậu Kim](#)

[Đại Chiến Sác Xuy](#)

[Từ Quang Khải Nghiên Cứu Tây Học](#)

[Tả Quang Đầu Vào Ngục](#)

[Mộ Năm Người](#)

[Viên Sùng Hoán Đại Chiến Ninh Viễn](#)

[Hoàng Thái Cực Lập Mẹo Phán Gián](#)

[Từ Hà Khách Viễn Du Thám Hiểm](#)

Sấm Vương Lý Tự Thành
Lư Tượng Thăng Chết Trận Cự Lộc
Trương Hiến Trung Kỳ Tập Tương Dương
Lý Nham Và Hồng Nương Tử
Ngô Tam Quế Mượn Quân Thanh
Sử Khả Pháp Tử Thủ Dương Châu
Hạ Hoàn Thuần Giận Mắng Hồng Thừa Trù
Trịnh Thành Công Thu Phục Đài Loan
Lý Định Quốc Chiến Đấu Lưu Động Ở Tây Nam
Khang Hy Đế Bình Định Tam Phiên
Thăng Lợi Yakesa (Nhã Khắc Tát)
Ba Lần Đánh Gác-Đan
Cổ Viêm Võ Viết Sách, Lập Thuyết
Văn Tự Ngục
Hoàng Đế Càn Long Cấm Sách Và Soạn Sách
Tào Tuyết Cần Viết Hồng Lâu Mộng
Đại Tham Quan Hòa Thân
Nữ Anh Hùng Vương Thông Nhi
Niên Biểu Các Sự Kiện Lớn (Tập 1)
Niên Biểu Các Sự Kiện Lớn (Tập 2)
Niên Biểu Các Sự Kiện Lớn (Tập 3 End)

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Trương Thế Kiệt Tử Thủ Nhai Sơn

Trương Thế Kiệt và Trần Nghi Trung làm sao tới được Phúc Châu? Nguyên do là sau khi Lâm An bị chiếm, hoàng đế Triệu Hiến bị bắt đi Đại Đô, thì 2 người anh của Triệu Hiến là Triệu Tự 9 tuổi, và Triệu Bính 6 tuổi được hoàng tộc Nam Tống và đại thần Lục Tú Phu hộ tống chạy đi Phúc Châu. Lục Tú Phu cử người đi tìm Trương Thế Kiệt và Trần Nghi Trung, mời họ tới Phúc Châu. Ba đại thần bàn bạc, quyết định tôn Triệu Tự lên làm hoàng đế, tiếp tục giương ngọn cờ triều Tống để chống lại triều Nguyên. Văn Thiên Tường được tin, cảm thấy có hy vọng, liền vội vã tới Phúc Châu, và đảm nhận chức khu mật sứ trong triều đình mới. Ông đề nghị với Trần Nghi Trung là tiến công quân Nguyên từ ngoài biển để thu phục vùng Lưỡng Triết. Nhưng Trần Nghi Trung cho rằng làm như vậy thì quá mạo hiểm, nên không đồng ý kế hoạch của Văn Thiên Tường. Văn Thiên Tường đành thay đổi chủ trương, tới Nam Kiến Châu (nay là Nam Bình, Phúc Kiến) lập đô đốc phủ, chiêu mộ người ngựa, chuẩn bị phản công.

Năm sau, Văn Thiên Tường tiến quân về Giang Tây, phối hợp với các cánh nghĩa quân khác, liên tục đánh bại quân Nguyên, thu phục được Hội Xương và nhiều huyện thành khác. Lúc đó, 1 cánh quân Nguyên đã tiến xuống đánh Phúc Châu. Quân Tống liên tục thua trận. Trần Nghi Trung thấy không còn hy vọng khôi phục, liền dùng thuyền đi ra biển mất tăm. Trương Thế Kiệt và Lục Tú Phu hộ tống Triệu Tự lên thuyền, chạy xuống Quảng Đông. Không may gặp sóng to gió lớn, Triệu Tự sợ hãi quá, phát ốm rồi chết. Trương Thế Kiệt và Lục Tú Phu lại tôn Triệu Bính lên ngôi hoàng

đế, rồi di chuyển đến Nhai Sơn (nay ở phía nam Tân Hội, Quảng Đông). Đại tướng triều Nguyên là Trương Hoảng Phạm tấu trình với Nguyên Thế Tổ là nếu không nhanh chóng bóp chết cái triều đình nhỏ đó của Tống thì sẽ có nhiều người Tống hưởng ứng. Nguyên Thế Tổ liền phong Trương Hoảng Phạm làm nguyên soái, Lý Hằng làm phó soái, dẫn 2 vạn tinh binh, chia 2 đường thủy bộ tiến xuống. Trước hết, Trương Hoảng Phạm cho quân đánh Văn Thiên Tường ở Triều Châu, Văn Thiên Tường binh ít, thế cô buộc phải di chuyển tới 1 ngọn núi hoang ở Hải Phong. Quân Nguyên bất ngờ tiến đến, Văn Thiên Tường bị bắt sống. Quân Nguyên giải Văn Thiên Tường tới đại doanh của Trương Hoảng Phạm. Hoảng Phạm làm ra vẻ ân cần, cời trói cho Văn Thiên Tường, rồi giữ ông trong trại và hạ lệnh tập trung thủy quân tiến đánh Nhai Sơn. Quân Nguyên đến Nhai Sơn, Trương Hoảng Phạm sai người dụ hàng Trương Thế Kiệt. Trương Thế Kiệt trả lời: "Ta biết rằng nếu đầu hàng triều Nguyên thì không những giữ được tính mạng, mà còn có thể giàu sang. Nhưng ta thà mất đầu, chứ không để mất khí tiết".

Trương Hoảng Phạm biết thường ngày Trương Thế Kiệt rất khâm phục Văn Thiên Tường, liền yêu cầu Văn Thiên Tường viết thư khuyên Trương Thế Kiệt đầu hàng. Văn Thiên Tường cười nhạt: "Bản thân ta đã không cứu được cha mẹ, lẽ nào lại khuyên người khác phản bội lại cha mẹ?".

Trương Hoảng Phạm sai người đem bút mực tới, ép ông viết thư. Văn Thiên Tường lập tức cầm bút, viết luôn 2 câu thơ:

"Nhân sinh tự cổ thù vô tử,

Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh".

Dịch:

" Người vốn xưa nay ai chẳng biết,

Giữ tấm lòng son rạng sử xanh."

(đây là 2 câu thơ trong bài 8 câu thơ do Văn Thiên Tường viết trên biển khi đang đi tìm triều đình).

Binh lính đưa 2 câu thơ đó cho Trương Hoằng Phạm xem, hẳn chỉ còn biết cười gượng. Thấy khuyên hàng không có xong, Trương Hoằng Phạm liền thúc quân đánh ráo riết. Nhai Sơn nằm trong vùng ven biển Quảng Đông, sau lưng là núi, trước mặt là biển, địa thế rất hiểm yếu. Trương Thế Kiệt dùng hơn 1000 chiến thuyền dàn hàng ngang trên biển, dùng thừng chèo liên kết các thuyền lại với nhau, xung quanh thuyền dựng các chòi cao, quyết tâm tử chiến với quân Nguyên. Quân Nguyên dùng thuyền nhỏ chở đầy cỏ khô, tưới dầu, phóng hỏa, nhờ sức gió đưa vào toan đốt thuyền quân Tống. Trương Thế Kiệt đã chuẩn bị sẵn, cho trát đất bùn dày ngoài thuyền để chống cháy và dùng các sào dài ngăn hỏa thuyền của quân Nguyên, không cho tiến sát. Phương pháp hỏa công thất bại, Trương Hoằng Phạm liền dùng thuyền phong tỏa chặt Nhai Sơn, cắt đứt đường thông với lục địa của Trương Thế Kiệt. Quân Tống chỉ còn lương khô, ăn xong lại uống với nước biển; vừa mặn, vừa đắng nên rất nhiều người đau bụng, nôn mửa. Hai bên cầm cự 1 thời gian. Lúc đó, phó soái quân Nguyên là Lý Hằng mang quân từ Quảng Châu đến tăng cường cho Trương Hoằng Phạm. Quân Nguyên tổ chức lại cuộc tiến công, chia quân làm 4 cánh, vây chặt quân Tống. Khi nước triều xuống, quân Nguyên đánh từ mặt bắc, khi nước triều lên lại đánh từ mặt nam lên.

Quân Tống bị đánh 2 mặt, chống đỡ rất vất vả. Bỗng nghe từ thuyền chỉ huy của Trương Hoằng Phạm nổi lên tiếng âm nhạc. Quân Tống tưởng lầm rằng phía Nguyên tổ chức yến ẩm vui chơi, nên có phần lơ lửng. Ngờ đâu đó chính là ám hiệu tổng công kích của quân Nguyên. Quân Nguyên ồ ạt thúc thuyền tiến lên dưới sự yểm trợ của làn tên bắn như mưa về phía thuyền Tống, cướp được 1 số thuyền trong hàng rào bảo vệ. Các cánh quân Nguyên dũng mãnh xông lên, cuộc chiến đấu diễn ra suốt từ trưa tới tối,

sóng biển sục sôi, tiếng hô giết vang trời. Trương Thế Kiệt đang chỉ huy chiến đấu, bỗng thấy 1 chiếc thuyền Tống hạ cờ xuống, ngừng chống cự; 1 số thuyền khác cũng làm theo. Biết trận đánh đã thất bại, ông vội tập trung tinh binh về trung quân, rồi phái thuyền nhỏ đi đón Triệu Bính, chuẩn bị phá vây. Thuyền của Triệu Bính do Lục Tú Phu chỉ huy quân bảo vệ. Thấy thuyền nhỏ tới, ông không rõ là thật hay giả, sợ hoàng đế rơi vào tay quân Nguyên, nên nhất định không cho đón mang đi. Tới lúc nguy cấp, Lục Tú Phu nói với Triệu Bính: "Đất nước đã tới nước này, bệ hạ cũng đành hiến thân cho nước, chớ để rơi vào tay địch". Nói xong, liền công ấu chúa nhảy xuống biển, cùng chìm trong sóng lớn.

Trương Thế Kiệt không đón được Triệu Bính, đành chỉ huy chiến thuyền, lợi dụng trời tối, phá vây lui tới Hải Lăng Sơn. Ông kiểm điểm lại lực lượng, hơn 1000 chiến thuyền chỉ còn lại hơn 10 chiếc. Vừa lúc đó, trời nổi gió lớn, có người khuyên Trương Thế Kiệt lên bờ tránh sóng gió, nhưng ông không chịu. Cuối cùng, sóng lớn làm lật thuyền. Vị dũng tướng 1 lòng kháng chiến đã hy sinh. Năm 1279, triều Nguyên thống nhất Trung Quốc. Nam Tống hoàn toàn diệt vong.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Chính Khí Ca

Sau khi quân Nguyên đánh chiếm Nhai Sơn, Trương Hoảng Phạm mới các tướng lĩnh tới dự tiệc mừng công, Văn Thiên Tường cũng được mời tới. Trong tiệc rượu, Trương Hoảng Phạm nói với Văn Thiên Tường: "Nay triều Tống đã diệt vong, thừa tướng đã hết nghĩa vụ một trung thần rồi. Nếu thừa tướng hồi tâm chuyển ý, qui thuận hoàng thượng Đại Nguyên của chúng tôi, thì ngài vẫn có thể giữ chức thừa tướng".

Văn Thiên Tường rưng rưng nước mắt nói: "Nước mất nhà tan, tôi là một đại thần triều Tống, đã không cứu vãn được, chết đi còn mang tội, sao còn có thể tham tiếc mạng sống nữa".

Trương Hoảng Phạm cố gắng khuyên hàng ông không có kết quả, đành cử người áp giải Văn Thiên Tường về Đại Đô. Nửa năm sau, Văn Thiên Tường về tới Đại Đô. Triều Nguyên đưa ông tới nhà khách triều đình, cung cấp cho ông đủ của ngon vật lạ. Mấy hôm sau, thừa tướng Nguyên là Pô La cử viên quan đầu hàng là Lưu Mộng Viêm đến khuyên. Văn Thiên Tường từ lâu đã căm giận tên phản bội này, nay lại thấy hấn vác mặt đến khuyên hàng thì dùng dùng nổi giận, chưa kịp để cho hấn mở miệng, liền chửi mắng thậm tệ khiến hấn không dám ngẩng mặt lên, vội tui nghiu chuồn mất. Triều Nguyên thấy khuyên hàng không được, liền đưa ông xuống trại lính, cùm xích tay chân giam vào nhà lao. Một tháng sau, Pô La cho dẫn Văn Thiên Tường tới khu mật viện, tự mình thẩm vấn. Văn Thiên Tường bị lính đưa tới đại sảnh của khu mật viện, thấy Pô La ngồi chót vót trên cao, mặt đấng đấng sát khí. Văn Thiên Tường không thêm

nhìn, cứ ưỡn ngực đi thẳng. Tả hữu ồ lên, quát bắt Văn Thiên Tường quì xuống, ông dứt khoát không chịu. Pô La thẹn quá hóa giận, sai lính ra tay. Bọn lính hầu đưa kéo đưa đẩy, ấn Văn Thiên Tường ngã quay ra đất. Pô La hỏi: "Người còn gì để nói nữa không?".

Văn Thiên Tường thản nhiên nói: "Từ xưa tới nay, quốc gia lúc hưng lúc vong, đại thần bị bắt, bị giết, triều đình nào mà không có. Ta là bầy tôi triều Tống, nay đã thất bại, chỉ mong sớm được chết mà thôi!".

Pô La sợ cuộc thăm vấn đi vào bế tắc, cố lấy giọng hòa nhã, nói: "Từ thời Bàn Cổ tới nay, có bao nhiêu đế vương, người hãy nói ta nghe?".

Văn Thiên Tường "hừm" 1 tiếng, nói: "Mười bảy bộ sử, biết nói từ đâu. Hôm nay ta tới đây không phải để dự thi. Còn lòng dạ nào để nói chuyện phiếm". (cho tới nay Trung Quốc đã có 25 bộ chính sử, mở đầu là bộ Sử ký của Tư Mã Thiên. Vào thời điểm này, mới có 17 bộ sử).

Pô La cụt hứng, liền xoay sang trách hỏi Văn Thiên Tường tại sao lại bỏ chạy khỏi Lâm An, tại sao lại tự tiện lập nên 2 vua (chỉ Triệu Tự, Triệu Bính). Văn Thiên Tường dùng lý lẽ bác bỏ từng điều. Cuối cùng, ông khẳng khái tuyên bố: "Văn Thiên Tường ta hôm nay nằm trong tay các người, đã chuẩn bị đón nhận cái chết từ lâu, hà tất phải dài lời nữa?".

Pô La nổi giận, sai lính lôi Văn Thiên Tường trở lại nhà giam. Hẳn toan giết ông đi, nhưng Nguyên Thế Tổ sợ làm như vậy thì lòng dân không phục, nên không cho giết. Văn Thiên Tường bị giam trong 1 căn nhà đất, vừa thấp vừa chật, tối tăm ẩm thấp. Gặp ngày mưa, nước tràn đầy nền nhà; gặp trời nắng mặt đất bốc hơi, càng oi nóng ngột ngạt. Cạnh buồng giam 1 bên là nhà bếp của lính, 1 bên là kho lương thực cũ, nên luôn nồng nặc mùi ẩm mốc và khói bếp. Ngoài ra còn mùi phân người, mùi chuột chết, cực kì khó chịu. Văn Thiên Tường bị giam ở đây gần 3 năm trời, hoàn cảnh khắc nghiệt làm tiêu tụy thân thể, nhưng không lay chuyển được ý chí của ông. Ông tin rằng, chỉ cần giữ được chính khí hào nhiên yêu nước yêu dân, thì

có thể chiến thắng mọi hoàn cảnh. Trong nhà lao, ông đã viết nên tác phẩm bất hủ "Chính khí ca", được ngàn đời truyền tụng. Trong tác phẩm thơ dài này, ông nêu lên 1 số tấm gương của các trung thần nghĩa sĩ trong lịch sử, đã giữ vững chính nghĩa, không sợ hy sinh và cho đó là biểu hiện của chính khí. Trong thơ, ông viết:

"Thiên địa hữu chính khí,

Tạp nhiên phú lưu hình.

Hạ tắc vi hà nhạc,

Thượng tắc vi nhất tinh.

Vu nhân viết hạo nhiên,

Bái nhiên tắc thương mình.

....

Thời cùng tiết nãi hiện,

Nhất nhất thù đan thanh."

(Trong khoảng trời đất có 1 loại chính khí, biểu hiện thành các loại vật thể. Ở dưới đất là núi sông, ở trên trời là tinh tú. Ở trong thân thể con người thì biểu hiện thành khí hạo nhiên, lấp đầy trong vũ trụ...Tới lúc nguy cấp, mới biểu hiện khí tiết của con người. Sự tích của họ, đều được ghi trong sử sách).

Văn Thiên Tường bị giam tới năm thứ 3, thì tại phủ Trung Sơn, Hà Bắc nổ ra 1 cuộc khởi nghĩa nông dân. Lãnh tụ quân khởi nghĩa tự xưng là dòng dõi hoàng thất nhà Tống, tụ tập mấy ngàn người ngựa, kêu gọi dân chúng đánh vào Đại Đô, cứu Văn thừa tướng ra. Sự kiện này khiến triều Nguyên lo sợ. Nếu không giết Văn Thiên Tường đi, e sẽ sinh loạn lớn.

Nhưng đến lúc này, Nguyên Thế Tổ Khu-bi-lai vẫn còn nuôi ảo vọng chiêu hàng, liền quyết định đích thân gặp Văn Thiên Tường. Một hôm, Văn Thiên Tường được dẫn từ nhà lao vào thẳng trong cung. Thấy Nguyên Thế Tổ, ông không chịu quỳ lạy mà chỉ vái. Nguyên Thế Tổ hỏi ông có cần nói gì nữa không. Văn Thiên Tường nói: "Tôi là tể tướng Đại Tống, đã hết lòng hết sức phò trợ triều đình. Nhưng đáng tiếc là bọn gian thần bán nước khiến người anh hùng như tôi không có đất dụng võ. Tôi không những không khôi phục được lãnh thổ, mà còn bị bắt và chịu nhục. Dù có chết đi, tôi vẫn chưa cam lòng". Nói rồi, nghiêng răng kèn kẹt, không ngừng dấm vào ngực mình.

Nguyên Thế Tổ hòa nhã nói: "Lòng trung thành của khanh, trẫm rất hiểu. Nay tình hình đã khác, nếu khanh đổi ý tình nguyện làm tôi triều Nguyên, trẫm sẽ vẫn để khanh làm thừa tướng, ý khanh thế nào?".

Văn Thiên Tường khẳng khái nói: "Tôi là thừa tướng triều Tống, sao có thể phục vụ hai triều. Nếu tôi không nhận lấy cái chết, thì còn mặt mũi nào gặp lại các trung thần liệt sĩ dưới suối vàng".

Nguyên Thế Tổ nói: "Khanh không muốn làm thừa tướng, thì làm Khu mật sứ (là chức quan đứng đầu văn võ trong triều), khanh thấy thế nào?".

Văn Thiên Tường trả lời như dao chém đá: "Tôi chỉ xin được chết. Ngoài ra không còn gì để nói nữa!".

Nguyên Thế Tổ biết rằng không thể khuyên hàng, liền sai thị vệ dẫn Văn Thiên Tường ra. Hôm sau, liền hạ lệnh mang ông ra xử tử. Hôm đó, gió bắc thét gào, mây đen dày đặc, pháp trường được bố phòng nghiêm ngặt. Dân chúng Đại Đô nghe tin Văn Thiên Tường sắp tự nghĩa, liền tự động tập trung quanh pháp trường, trong chốc lát đã có hàng vạn người vây kín. Văn Thiên Tường đeo xiềng xích, thần sắc ung dung, được dẫn tới. Ông hỏi dân chúng xung quanh đâu là phương nam. Được dân chúng chỉ

cho biết, Văn Thiên Tường hướng về phương nam, lạy mấy lạy, rồi ngồi ngay ngắn, nói với quan giám trảm: "Việc của ta đã xong rồi!".

Tháng giêng năm 1283, vị anh hùng dân tộc 47 tuổi đã oanh liệt hy sinh, biểu hiện chính khí hào nhiên trong giờ phút nguy vong của dân tộc.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Quách Thủ Kính Sửa Lịch Pháp

Trước khi lên ngôi, Nguyên Thế Tổ Khu-bi-lai đã hết sức coi trọng việc sử dụng các trí thức người Hán giúp mình vạch ra và thực hiện các chính sách. Ông trọng dụng 1 mưu sĩ người Hán là Lưu Bình Trung. Việc xưng đế và đặt quốc hiệu là Nguyên của Khu-bi-lai đều do Lưu Bình Trung gợi ý. Sau đó, Lưu Bình Trung còn tiến cử với Khu-bi-lai 1 số bạn hữu và học trò của mình, đảm nhiệm các chức vụ quan trọng trong thời kì đầu của triều Nguyên. Trong số đó có nhà khoa học nổi tiếng đời Nguyên là Quách Thủ Kính. Quách Thủ Kính quê ở Hình Châu (nay là Hình Đài, Hà Bắc). Ông nội ông là Quách Vinh có học vấn uyên bác, không những tinh thông kinh điển Nho học, mà còn nghiên cứu toán học, thiên văn, thủy lợi. Khi còn trẻ, Quách Thủ Kính nhờ ảnh hưởng của ông nội đã rất đam mê khoa học. Lúc đó, Lưu Bình Trung đang cùng người bạn là Trương Văn Khiêm dạy học ở Tử Kim Sơn, phía tây nam Hình Châu. Quách Vinh liền đưa cháu đến đây theo học. Tại đây, Quách Thủ Kính làm quen với rất nhiều bạn bè yêu thích khoa học, nên học vấn được tăng tiến rất nhanh. Sau khi Khu-bi-lai thống nhất được miền bắc, liền quyết định sửa sang thủy lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp. Để làm việc đó, ông có ý tìm kiếm nhân tài hiểu biết rộng về ngành này. Trương Văn Khiêm tiến cử Quách Thủ Kính. Khu-bi-lai lập tức triệu kiến Quách Thủ Kính ở Khai Bình (sau đổi là Thượng Đô, nay ở đông nam Dolon-nor, khu tự trị Nội Mông). Quách Thủ Kính vốn rất am hiểu tình hình thủy lợi ở miền bắc, nên đã đưa ra 6 biện pháp sửa sang thủy lợi. Sau khi nghe kế hoạch Quách Thủ Kính, Khu-bi-lai tỏ ý rất hài lòng, liên tục gật đầu tán thưởng. Sau cùng, ông cảm khái nói: "Trao

công việc cho những người như thế này thì mới tránh được việc tổn cơm nuôi những kẻ bất tài nói suông". Sau khi tiếp kiến, Khu-bi-lai liền trao cho Quách Thủ Kính chức "đề cử các lộ hà cừ", phụ trách công việc về sông ngòi, thủy lợi.

Hai năm sau, quách thủ Kính lại được phái tới Tây Hạ để làm thủy lợi. Qua nhiều năm chiến tranh, sông ngòi ở đây ứ tắc, đất đai hoang vu sản xuất bị phá hoại nghiêm trọng. Quách Thủ Kính đến Tây Hạ, tiến hành khảo sát tỉ mỉ, rồi huy động người nạo vét số sông ngòi cũ, đào thêm 1 số sông ngòi mới. Không đầy 1 năm, hơn 9 triệu mẫu ruộng ở đây được tưới nước đầy đủ, lương thực dồi dào, đời sống nhân dân được cải thiện. Để mở mang việc giao thông từ Đại Đô đến Giang Nam, Khu-bi-lai lại phái Quách Thủ Kính đi khảo sát tình hình giao thông trên tuyến đó. Qua khảo sát, thiết kế, không những đã nạo vét vận hà cũ, mà còn đào thêm Thông Huệ hà từ Đại Đô đến Thông Châu. Như vậy, vận tải đường thủy từ Giang Nam tới Đại Đô được hoàn toàn thông suốt. Sau khi diệt Nam Tống, Nguyên Thế Tổ càng coi trọng việc khôi phục sản xuất nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp cần dùng đến lịch. Trước kia, Mông Cổ sử dụng lịch do triều Kim ban hành. Loại lịch này có nhiều sai lầm, cả đến những ngày tiết dùng cho nông nghiệp cũng không được xác định đúng. Sau khi triều Nguyên chinh phục được Giang Nam, thì vùng này lại đang sử dụng 1 loại lịch khác. Lịch của 2 miền nam bắc không giống nhau, dễ tạo thành sự hỗn loạn. Nguyên Thế Tổ quyết định đặt ra 1 loại lịch thống nhất, nên ra lệnh thiết lập 1 cơ quan làm lịch, gọi là Thái sử cục (sau đổi thành Thái tử viện). Người phụ trách Thái sử cục là Vương Tuân, bạn học của Quách Thủ Kính. Vì Quách Thủ Kính tinh thông thiên văn, lịch pháp nên cũng được triều đình điều từ ngành thủy lợi sang Thái sử cục, cùng với Vương Tuân phụ trách việc sửa lịch. Vừa bắt đầu công việc, Quách Thủ Kính liền nêu ý kiến, là nghiên cứu lịch pháp trước hết cần coi trọng việc quan sát thiên văn, mà muốn quan sát cần có công cụ. Cổ máy hỗn thiên nghi đồ sộ thời Tống dùng để quan sát thiên văn được vận chuyển từ Khai Phong (tức Đông Kinh của Bắc Tống) tới đã quá cũ kỹ, lạc hậu, không cung cấp được số liệu đáng tin cậy.

Quách Thủ Kính liền chế ra 1 cỗ máy mới, kết cấu giản đơn hơn máy cũ nhưng chia độ tỉ mỉ hơn, vì vậy mà cung cấp được số liệu chính xác hơn trước nhiều. Có được công cụ tốt, nhưng còn cần tổ chức việc quan sát thật tỉ mỉ, khoa học nữa. Năm 1279, Quách Thủ Kính xin Nguyên Thế Tổ cho Thái sử cục lập 1 đài thiên văn mới, đồng thời tổ chức việc quan sát thiên văn trên qui mô toàn quốc. Kế hoạch mạnh dạn đó lập tức được Nguyên Thế Tổ chuẩn y. Vương Tuân và Quách Thủ Kính nghiên cứu đặt 27 điểm quan sát trên toàn quốc. Điểm cực bắc tại Tia lơ (nay thuộc lưu vực I-ê-ni-xây thuộc Xibia, Liên bang Nga), điểm cực nam đặt tại biển nam, phái các quan chức tới các nơi đó quan sát và ghi chép. Bản thân Quách Thủ Kính đích thân dẫn người tới quan sát ở 1 số điểm quan trọng. Toàn bộ số liệu quan sát được đều được gửi về Thái sử cục. Căn cứ vào các số liệu đó, Quách Thủ Kính bỏ ra 2 năm trời, soạn ra 1 bộ lịch mới, là lịch Thụ Thời. Lịch mới này chính xác hơn lịch cũ nhiều. Nó tính ra 1 năm có 365.2425 ngày, so với thời gian vận động của trái đất quanh mặt trời chỉ sai có 26 giây. Loại lịch này so với lịch Gorêgoa thông dụng hiện nay có độ chính xác tương đương, nhưng lịch Thụ Thời do Quách Thủ Kính lập ra đã ra đời sớm hơn công lịch do Châu Âu xác lập tới 302 năm.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Marco.Polo Từ Châu Âu Tới

Khi Nguyên Thế Tổ tại vị, đế quốc Mông Cổ rộng lớn được sáng lập từ thời Trin-ghit-khan đã phân liệt thành 4 hãn là hãn Kim Trướng (hãn Lều Vàng), hãn Ba Tư, hãn Tragatai, đại hãn Nguyên. Về danh nghĩa, hoàng đế triều Nguyên là đại hãn của cả 4 hãn quốc. Nhưng trên thực tế, các hãn quốc khác không có mấy liên hệ và chịu sự chi phối gì của đại hãn. Thời kỳ đó, Trung Quốc là 1 nước lớn mạnh và giàu có nhất thế giới. Sứ thần, thương nhân, người du lịch từ khắp các nước đều tìm đến Trung Quốc. Trong số đó, người nổi tiếng nhất là MarcoPolo.

Cha của MarcoPolo là Nicolai Polo và em ruột của mình vốn là thương nhân ở Vơnidơ (nay thuộc Italya). Hai anh em thường ra nước ngoài buôn bán. Sau vì ở đây có chiến tranh, nên họ phải lánh tới Bukhara, 1 thành thị vùng Trung Á. Một hôm, sứ thần của Khu-bi-lai đi qua Bukhara, thấy 2 người lái buôn Châu Âu, cảm thấy hiếu kì, liền nói với họ: "Đại hãn của chúng tôi chưa được thấy người Châu Âu. Nếu các ông cùng đi với tôi về triều kiến đại hãn, thì nhất định sẽ được giàu sang. Và lại, cùng đi với chúng tôi về Trung Quốc thì không gì an toàn hơn".

Anh em Polo vốn là những người thích du lịch, nghe nói được đi gặp đại hãn Trung Quốc thì quá vui mừng, liền đi theo sứ giả đến Thượng Đô. Khu-bi-lai nghe nói có 2 người khách từ Châu Âu tới thì quả nhiên rất phấn khởi, lập tức tiếp kiến họ trong hành cung, hỏi han mọi việc 1 cách nhiệt tình. Hai anh em Polo không có ý định ở lại Trung Quốc, Khu-bi-lai sau khi nghe họ nói về tình hình Châu Âu, liền nhờ họ mang thư gửi giáo hoàng La

Mã, mời giáo hoàng cử người sang truyền đạo. Hai người từ biệt Khu-bi-lai, trở về Châu Âu. Họ đi mất 3 năm mới về tới Venidơ. Lúc đó, vợ Nicolai đã mất, chỉ còn lại cậu con trai là MarcoPolo, năm ấy đã 15 tuổi. Marco Polo nghe cha và chú kể lại cảnh tượng phồn hoa ở Trung Quốc thì hết sức hâm mộ, nài xin cha cho sang Trung Quốc. Nicolai cũng không yên tâm để lại con ở nhà, liền đồng ý cho Marco Polo cùng đi. Sau khi yết kiến giáo hoàng, 2 anh em Nicolai dẫn theo Marco Polo trở lại Trung Quốc. Lại mất hơn 3 năm nữa, họ mới tới Trung Quốc vào năm 1275. Lúc đó, Khu-bi-lai đã là hoàng đế triều Nguyên. Nghe tin anh em Nicolai trở lại, ông lập tức cử người đón họ từ rất xa tới Thượng Đô. Anh em Nicolai dẫn theo Marco Polo vào cung yết kiến Nguyên Thế Tổ. Nguyên Thế Tổ thấy có 1 cậu bé thiếu niên đi cùng, thì ngạc nhiên, hỏi cậu ta là ai. Nicolai vội đáp: "Muôn tâu bệ hạ, đó là đứa con trai của hạ thần, cũng là một tôi tớ của bệ hạ".

Thấy Marco Polo hình dung tuần tú, Nguyên Thế Tổ luôn miệng nói: "Tốt lắm, tốt lắm. Người tới đây là rất tốt!".

Ngay tối hôm đó, Nguyên Thế Tổ mở tiệc thết đãi họ trong hoàng cung và giữ họ lại giúp việc cho triều đình. Marco Polo rất thông minh, học tiếng Mông Cổ và tiếng Hán rất nhanh. Nguyên Thế Tổ thấy Marco Polo tiến bộ nhanh, rất khen ngợi. Một thời gian sau, liền cử chàng thanh niên đó xuống Vân Nam làm việc. Nguyên Thế Tổ vốn thích tìm hiểu phong tục tập quán các địa phương. Trước kia các sứ thần được cử đi thị sát, khi trở về, không trình bày được rõ ràng. Lần này, Marco Polo được cử đi, tới nơi nào, ông cũng chú ý tìm hiểu phong tục tập quán. Khi trở về Đại Đô, kể lại tường tận lại cho Nguyên Thế Tổ. Vì vậy, Nguyên Thế Tổ hết lời khen ngợi và tín nhiệm ông. Từ đó, hễ có việc gì quan trọng là cử Marco Polo đi. Marco Polo ở Trung Quốc suốt 17 năm, được Nguyên Thế Tổ cử đi thị sát nhiều nơi trong nước và đi sứ các nước thuộc vùng biển nam. Ông đã từng ở Dương Châu 3 năm, nghe nói còn giữ chức Tổng quản ở đó. Dần dần, 3 người Châu Âu thấy nhớ quê hương, nhiều lần xin Nguyên Thế Tổ cho họ

về nước. Nhưng Nguyên Thế Tổ rất yêu quý Marco Polo, không muốn để họ ra đi. May sao lúc đó, 1 vương phi của 1 hãn quốc bị chết, hãn nước đó cử sứ giả sang cầu hôn với công chúa Nguyên. Nguyên Thế Tổ chọn 1 thiếu nữ trong hoàng tộc là Khoát Khoát Chân gả cho hãn nước đó. Sứ giả thấy đưa dâu về theo đường bộ sẽ rất bất tiện, lại biết Nicolai rất thông thạo đường biển, nên xin Nguyên Thế Tổ cử Nicolai cùng em và con cùng đưa vương phi về nước. Nguyên Thế Tổ đành phải đồng ý.

Năm 1292, anh em Nicolai cùng Marco Polo đi theo sứ thần rời Trung Quốc, dùng thuyền đi vòng Ấn Độ Dương, đưa nàng Khoát Khoát Chân tới hãn quốc, sau đó trở về Vơniđơ. Hành trình của họ kéo dài đằng đẵng mất 3 năm. Tới lúc đó, họ đã xa cách Vơniđơ suốt 20 năm. Dân địa phương đã rất lâu không được tin tức gì về họ, đều cho rằng họ đã chết ở nước ngoài. Nay bỗng nhiên thấy họ trở về, ăn mặc theo kiểu phương đông, lại thấy nói họ đã qua Trung Quốc và mang về rất nhiều vàng ngọc và báu vật, thì đều xôn xao náo động. Mọi người liền đặt cho Marco Polo 1 biệt hiệu là "Triệu Phú Marco". Không lâu sau, giữa Vơniđơ và thành bang Giênoa (Genoa) có xung đột, quân đội 2 bên giao chiến trên Địa Trung Hải. Marco Polo bỏ tiền của mình ra mua 1 chiến thuyền, tự mình điều khiển, tham gia vào hạm đội Vơniđơ. Kết quả cuộc xung đột đó, Vơniđơ bị thua, Marco Polo bị bắt làm tù binh, giam tại nhà lao Giênoa. Dân chúng liền đua nhau đến nhà lao thăm ông, yêu cầu ông kể chuyện về phương đông và Trung Quốc. Cùng bị giam trong lao với Marco Polo có 1 nhà văn. Ông ta ghi chép lại chuyện kể của Marco Polo thành 1 cuốn sách. Đó là cuốn "Du ký của Marco Polo", còn gọi là "Ghi chép về những điều tai nghe mắt thấy ở phương đông". Trong cuốn du ký này, Marco Polo đã giới thiệu hết sức chi tiết về những thành phố lớn của Trung Quốc như Đại Đô (Bắc Kinh), Dương Châu, Tô Châu, Hàng Châu; ca ngợi sự giàu có và nền văn minh Trung Quốc. Việc xuất bản cuốn sách này đã thúc đẩy người Châu Âu hướng về Trung Quốc. Vì Marco Polo trở nên nổi tiếng, nên người Giênoa liền tha ông ra. Từ đó về sau, việc giao lưu giữa Trung Quốc với Châu Âu và các nước Ảrập càng thêm mật thiết. Các tri thức về thiên văn, toán học và y học của Ảrập bắt

đầu truyền tới Trung Quốc. Ba phát minh lớn của Trung Quốc thời cổ: kim chỉ nam, nghề in và thuốc súng cũng được truyền sang Châu Âu vào thời kì này. (Một phát minh lớn khác là nghề làm giấy của Trung Quốc đã được truyền sang Châu Âu trước đó).

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Nổi Oan Nàng Đạ Nga Làm Cảm Động Cả Trời Đất

Do Nguyên Thế Tổ thực hiện nhiều chính sách khuyến khích sản xuất, nên tình hình kinh tế, xã hội đầu đời Nguyên hết sức phồn vinh. Nhưng sự phồn vinh đó chỉ có lợi cho vương công quý tộc Mông Cổ và tầng lớp địa chủ quan liêu. Để thỏa mãn cuộc sống cực kỳ xa xỉ của quý tộc Mông Cổ và nhu cầu về quân sự, Nguyên Thế Tổ sử dụng 1 số đại thần lo việc tài chính, giúp triều đình huy động tiền bạc và của cải trong dân chúng. Những đại thần đó lợi dụng chức vụ của mình, câu kết với quan lại địa phương, ra sức vơ vét không từ 1 thủ đoạn nào. Triều Nguyên còn thực hiện chính sách áp bức dân tộc, chia dân trong nước thành 4 đẳng cấp. Đẳng cấp thứ 1 là người Mông Cổ, đẳng cấp thứ 2 là người Sắc mục, tức là người thuộc các dân tộc Tây Vực và Tây Hạ; đẳng cấp thứ 3 là người Hán, gồm những người Hán, Khiết Đan, Nữ Chân trước kia sống dưới sự thống trị của Kim; đẳng cấp thứ 4 là người Nam, là nhân dân các dân tộc sống dưới sự thống trị của Nam Tống trước kia. Địa vị chính trị và quyền lợi kinh tế của người thuộc 4 đẳng cấp được phân biệt khác nhau, đặc biệt là người Hán và người Nam chịu sự kỳ thị rất nặng nề.

Dưới sự áp bức giai cấp và áp bức dân tộc nặng nề, nhân dân các dân tộc đã sống những ngày bi thảm. Nạn tham nhũng hoành hành, án oan nhiều không kể xiết. Nguyên Thế Tổ chết đi, cháu là Thiết Mục Nhĩ nối ngôi, đó là Nguyên Thành Tông. Thời Nguyên Thành Tông, tệ nạn tham nhũng và lạm quyền càng tệ hại hơn. Chỉ 1 lần tra xét, đã phát hiện số quan lại có hành vi tham ô là 1 vạn 8000 người, số án oan có hơn 5000 vụ. Lúc đó, ở Đại Đô lưu hành rộng rãi 1 hình thức sân khấu, gọi là tạp kịch.

Một số tri thức chính trực bất mãn với nền thống trị đen tối, lợi dụng hình thức tạp kịch để vạch trần tội ác của quan trường và những hiện tượng bất công trong xã hội. Ở Đại Đô, có 1 tri thức tên là Quan Hán Khanh từ nhỏ đã yêu mến âm nhạc và ca kịch, biết đàn sáo và ca múa. Quan Hán Khanh từng làm quan trong Thái y viện ở kinh thành, nhưng ông không có hứng thú với nghề làm thuốc, mà hết sức say sưa sáng tác kịch bản. Thời đó, địa vị của những người làm nghề ca kỹ rất kém, nhưng Quan Hán Khanh lại rất chan hòa với họ, có lúc còn lên sân khấu sắm vai. Vì ông rất tinh thông âm nhạc và nghệ thuật sân khấu nên kịch bản do ông viết ra đều có trình độ cao. Ở Đại Đô, quý tộc và dân thường đều thích xem ca kịch. Những vở do Quan Hán Khanh viết ra không chỉ để cho quý tộc giải trí mà thường nói lên tình cảm của nhân dân. Ông đã đưa những điều tai nghe mắt thấy về cảnh ngộ bi thảm của nhân dân vào trong kịch bản của mình. Vở ca kịch "Nỗi oan nàng Đậu Nga" là 1 tác phẩm kiệt xuất tiêu biểu của ông.

Nhân vật chủ yếu trong vở ca kịch là 1 người con gái nhà nghèo vùng Sở Châu, tên là Đậu Nga. Mẹ nàng mất khi nàng còn nhỏ, cha nàng là Đậu Thiên Chương không có tiền trả nợ, lại vội lên kinh dự thi, không có tiền lộ phí, liền bán nàng cho 1 bà góa là Thái Bà làm con dâu nhỏ (tức là con dâu mua từ lúc nhỏ, khi lớn lên phải làm vợ con trai người mua). Đậu Nga tới nhà họ Thái chưa được 2 năm, thì cậu con trai họ Thái bị bệnh mất, chỉ còn nàng và bà góa họ Thái sống nương tựa vào nhau. Trương Lữ Nhi là 1 tên lưu manh ở Sở Châu, cùng với bố là Trương Lão Nhi thấy nhà họ Thái chỉ có 2 người phụ nữ, liền đến ở lý đó, rồi ép lão bà lấy Trương Lão Nhi. Thái Bà thế cô, đành ưng chịu. Trương Lữ Nhi lại ép Đậu Nga thành thân với hắn. Đậu Nga cương quyết cự tuyệt và chửi rủa hắn thậm tệ. Trương Lữ Nhi căm tức, liền nghĩ kế trả thù. Mấy hôm sau, Thái Bà bị ốm, sai Đậu Nga nấu cháo. Trương Lữ Nhi lén bỏ thuốc độc vào trong bát cháo, rắc tâm giết chết Thái Bà rồi sẽ ép buộc Đậu Nga. Đậu Nga bưng cháo cho Thái Bà, bỗng Thái Bà thấy buồn nôn, không muốn ăn nữa và chuyển bát cháo cho Trương Lão Nhi ăn. Trương Lão Nhi trúng độc, lăn lộn dưới đất rồi tắt thở.

Trương Lữ Nhi đã đổ tội đầu độc cho Đậu Nga, bắt nàng giải lên quan cai trị Sở Châu. Tri phủ Sở Châu là Đào Ngột, 1 viên quan nổi tiếng tham nhũng, nhận tiền đút lót của Trương Lữ Nhi, bắt Đậu Nga ra thẩm vấn, ép nàng nhận tội đầu độc. Đậu Nga bị đánh đập chết đi sống lại, nhất định không chịu nhận tội. Đào Ngột biết Đậu Nga rất hiếu thuận với Thái Bà, liền đem Thái Bà ra đánh đập trước mắt Đậu Nga. Đậu Nga thương Thái Bà tuổi già, không chịu nổi cực hình, đành chịu nổi oan mà nhận tội. Tên tham quan Đào Ngột đã dùng mọi thủ đoạn ép được cung, liền khép nàng vào tội chết, giải nàng ra pháp trường xử tử. Đậu Nga thấy không biết kêu oan vào đâu, lòng tràn đầy bi phẫn, nguyện rửa trời đất: "Đất kia sao người không biết phân biệt tốt xấu, trời kia sao không biết phân biệt người lành kẻ dữ; thì làm trời đất làm gì!".

Trước khi chịu hình phạt, nàng thề nguyện 3 điều: 1 là, khi đầu lìa khỏi cổ, máu phun ra sẽ được hứng trên lụa bạch; 2 là trời sẽ xuống tuyết phủ kín thi thể; 3 là vùng Sở Châu sẽ bị đại nạn 3 năm liền. Lời thề nguyện đó của Đậu Nga đã làm cảm động cả trời đất. Khi đó, đang là tháng 6 nóng nực, mà khi lưỡi dao của đao phủ vừa lướt qua, trong khoảnh khắc trời đất tối xầm, tuyết xuống như trút. Tiếp đó, vùng Sở Châu suốt 3 năm liền bị hạn nặng. Về sau, cha của Đậu Nga là Đậu Thiên Chương thi đỗ, làm quan của triều đình, án oan cả nàng được chiêu tuyết. Hung thủ giết người Trương Lữ Nhi bị xử tử, tham quan Đào Ngột cũng bị trừng trị thích đáng. Sự việc và người nêu trong vở kịch không hẳn là chuyện có thật. Trời xuống tuyết tháng 6, càng là 1 tưởng tượng mang tính thần thoại. Nhưng nó đã phản ánh nguyện vọng mãnh liệt được minh oan và báo thù của vô số người dân bị oan ức khổ đau dưới ách thống trị phong kiến. Vì vậy, sáu bảy trăm năm nay, vở ca kịch đó vẫn được mọi người yêu thích và tán thưởng. Quan Hán Khanh trở thành 1 kịch tác gia được nhân dân ca ngợi.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Người Đá Một Mắt

Triều Nguyên, kể từ khi Thánh Tông trở đi, còn truyền được 9 hoàng đế nữa. Nội bộ hoàng thất đấu tranh giành giật nhau rất kịch liệt, nền chính trị càng ngày càng thối nát, nhân dân cực khổ trăm bề. Sau khi hoàng đế cuối cùng là Thỏa Quán Thiếp Mục Nhĩ (tức Nguyên Thuận Đế, còn gọi là Nguyên Huệ Tông) lên ngôi, lại càng hoang dâm tàn bạo khiến cho kho tàng trống rỗng, vật giá lên cao, nhân dân chịu không nổi, rất nhiều địa phương nổi ra khởi nghĩa nông dân. Vùng Hà Bắc có 1 nông dân tên là Hàn Sơn Đồng. Tổ phụ của ông từng là 1 ông đồ dạy học, đã lợi dụng hình thức truyền giáo để bí mật tổ chức nông dân chống lại triều Nguyên, bị quan địa phương phát hiện, bắt đi sung quân ở Vĩnh Niên (nay ở đông bắc Hàm Đan, Hà Bắc). Khi Hàn Sơn Đồng trưởng thành, liền tiếp tục tổ chức Bạch Liên hội (1 hội đoàn bí mật của Bạch Liên giáo - tôn giáo lấy bông sen trắng làm biểu tượng), tụ tập rất nhiều nông dân nghèo khổ, cùng thắp hương cầu Phật. Hàn Sơn Đồng nói với họ: nay thiên hạ đại loạn, Phật Tổ sắp cử Phật Di Lặc xuống trần cứu vớt trăm họ. Truyền thuyết ấy nhanh chóng lan khắp miền Hà Nam và Giang Hoài. Dân chúng đều mong ngóng tới ngày Phật Di Lặc xuống trần.

Vừa đúng lúc đó, đê Bạch Mao của Hoàng Hà bị vỡ, trời lại liên tiếp đổ mưa suốt hơn 20 ngày, nước dâng mênh mông, dân 2 bên gặp thủy tai nghiêm trọng. Có người kiến nghị với triều đình là nên lấp chỗ đê vỡ lại, rồi khơi 1 dòng nước ở Hoàng Lăng Cương (nay ở tây nam huyện Tào, Sơn Đông) cho nước thoát đi. Năm 1351, triều Nguyên điều động 15 vạn dân công ở Biện Lương (nay là Khai Phong, Hà Nam) và Đại Danh cùng với 2

vạn binh sĩ, tới Hoàng Lăng Cường đào sông. Công trình đào sông bắt đầu, dân công bị thúc ép lao động suốt ngày đêm dưới mưa rào, nắng gắt. Thế mà, kinh phí do triều đình cấp phát lại bị quan lại bớt xén, dân công ăn không đủ no, tiếng oán thán vang dậy khắp nơi. Hàn Sơn Đồng quyết định nắm cơ hội đó để phát động quần chúng. Ông cử mấy trăm hội viên đi làm dân công, truyền bá trên công trường 1 câu ca dao:

"Thạch nhân nhất chích nhãn

Khiêu động Hoàng Hà thiên hạ phản"

Dân công không hiểu rõ câu ca dao đó có ý nghĩa gì, nhưng thấy trong đó có 3 chữ "thiên hạ phản" thì cảm thấy sắp được đổi đời. Đoàn dân công đào tới Hoàng Lăng Cường, bỗng phát hiện thấy 1 hình người bằng đá. Mọi người đều hiếu kỳ, moi lên xem xét, thấy trên mặt người đá đó chỉ có 1 con mắt, đều đứng ngậy ra. Sự việc nhanh chóng được đồn đại khắp trong mười mấy vạn dân công. Ai nấy đều nghĩ: lời trong câu ca dao thế là ứng nghiệm rồi!. "Người đá có 1 mắt, thúc giục dân Hoàng Hà đứng lên làm phản", thật là ý trời rồi. Bây giờ người đá đã đào thấy, ngày đứng lên làm phản đã tới. Tất nhiên, hình người đá 1 mắt đó là do Hàn Sơn Đồng lén chôn xuống chỗ đó từ trước.

Ý thức quần chúng đã được khơi dậy. Một người bạn của Hàn Sơn Đồng là Lưu Phúc Thông nói với ông: nay triều Nguyên áp bức dân chúng ta là quá tàn tệ, mọi người còn tưởng nhớ triều Tống. Nếu ta giương ngọn cờ triều Tống thì sẽ có nhiều người ủng hộ. Hàn Sơn Đồng tán thành chủ trương đó, liền tuyên bố với mọi người là Hàn Sơn Đồng vốn không phải họ Hàn, mà là họ Triệu, cháu đời thứ 8 của Tống Huy Tông, còn Lưu Phúc Thông cũng là dòng dõi đại tướng Lưu Thế Quang thời Nam Tống. Họ dựng câu chuyện 1 cách có đầu có đuôi, khiến ai cũng tin là sự thực. Hàn Sơn Đồng, Lưu Phúc Thông liền chọn ngày tụ tập 1 số người ngựa, giết 1 con ngựa trắng, 1 con trâu đen để tế cáo trời đất. Mọi người tôn Hàn Sơn Đồng làm lãnh tụ, lấy tên hiệu là "Minh Vương", và định ngày khởi nghĩa ở

Dĩnh Thượng, Dĩnh Châu (nay là Dĩnh Thượng, Cao Dương, An Huy), lấy khăn đỏ quần đầu để làm dấu hiệu. Trong lúc đang quệt máu ăn thề thì có kẻ làm lộ tin tức, quan địa phương liền phái lính tới bắt Hàn Sơn Đồng, giải lệnh nha rồi giết đi. Vợ Hàn Sơn Đồng mang theo con trai là Hàn Lâm Nhi chạy thoát được khỏi sự truy bắt, tới ẩn nấu ở Vũ An (nay thuộc tỉnh Hà Bắc). Lưu Phúc Thông chạy thoát được cuộc bao vây, triệu tập các nông dân đã hẹn ước, đánh chiếm 1 số cứ điểm ở Dĩnh Châu. Dân công đang đào sông ở Hoàng Lăng Cường được tin, tới tấp tham gia đội ngũ của Lưu Phúc Thông. Vì trên đầu quân khởi nghĩa đều quân khăn đỏ nên nhân dân gọi họ là Hồng quân, lịch sử gọi họ là Hồng Cân quân (quân khăn đỏ). Không tới 10 ngày, Hồng Cân quân phát triển tới hơn 10 vạn.

Triều Nguyên thấy quân của Lưu Phúc Thông thanh thế lừng lẫy thì hết sức hoảng sợ, vội điều động 6000 quân Sắc mục và mấy đội quân Hán tới trấn áp Hồng Cân quân. Quân Sắc mục vốn là 1 đội quân tinh nhuệ của triều Nguyên, nhưng tới lúc đó đã hết sức thối nát, tướng lĩnh chỉ quen rượu chè hưởng lạc, binh lính thì thường xuyên cướp bóc của dân. Vừa tiếp xúc với Hồng Cân quân, chưa kịp giao phong thì chủ tướng đã vung roi quát ngựa tháo chạy, mồm còn hô lớn "Chạy thôi! Chạy thôi!". Binh lính thấy vậy, cũng tan chạy khắp nơi. Qua 1 tháng, Hồng Cân quân của Lưu Phúc Thông đã liên tục đánh chiếm 1 số thành trì. Nông dân miền Giang Hoài từ lâu đã chịu ảnh hưởng của Bạch Liên giáo, nghe nói Lưu Phúc Thông khởi nghĩa, liền nô nức hưởng ứng như các toán quân của Từ Thộ Huy ở Kỳ Thủy (nay là Hy Thủy, Hồ Bắc), Quách Tử Hưng ở Hào Châu (nay là Phương Dương, An Huy) đều giương cờ Hồng Cân để nổi lên. Ngoài ra, còn các toán nghĩa quân khác không giương cờ Hồng Cân quân như Trương Sĩ Thành ở miền bắc Giang Tô. Năm 1354, Nguyên Thuận Đế phái thừa tướng Thoát Thoát tập trung người ngựa của chư vương và các tỉnh, huy động cả binh lực ở Tây Vực và Tây Phiên, nói phao lên là có 100 vạn, vây đánh quân khởi nghĩa Trương Sĩ Thành đang chiếm Cao Bưu. thành Cao Bưu bị vây chặt, quân khởi nghĩa đang gặp nguy cấp thì vương triều Nguyên phát sinh nội loạn. Nguyên Thuận Đế hạ lệnh cách chức Thoát

Thoát. Quân Nguyên không còn thống soái nên không đánh mà rối loạn, tan tác toàn bộ. Sau khi quân Nguyên tan vỡ, quân khởi nghĩa của Lưu Phúc Thông ở miền bắc nhân cơ hội mở cuộc tiến công, đánh tan quân Nguyên ở đó. Tháng 2 năm sau, Lưu Phúc Thông đón con trai Hàn Sơn Đông là Hàn Lâm Nhi về Hào Châu (nay là huyện Hào, An Huy), chính thức tôn làm hoàng đế, hiệu là Tiểu Minh Vương, lấy quốc hiệu là Tống.

Sau khi Hàn Lâm Nhi, Lưu Phúc Thông xây dựng chính quyền ở Hào Châu, liền chia quân làm 3 cánh tiến hành bắc phạt. Cánh quân phía tây do Lý Vũ, Thôi Đức dẫn đầu, đánh chiếm Thiểm Tây, Cam Túc, Ninh Hạ, Tứ Xuyên; cánh quân phía đông do Mao Quý dẫn đầu từ Sơn Đông, Hà Bắc tiến thẳng tới uy hiếp kinh thành Đại Đô, cánh quân giữa do Quan Tiên Sinh, Phá Đầu Phiên dẫn đầu, từ Sơn Tây đánh tới Liêu Đông, phối hợp với cánh quân phía đông đánh Đại Đô. Ba cánh quân bắc phạt tiến rất nhanh. Cánh phía đông của Mao Quý đánh tới chân thành Đại Đô, Lưu Phúc Thông đích thân dẫn đại quân đánh chiếm Biện Lương, đón Tiểu Minh Vương Hàn Lâm Nhi về, lấy nơi đây làm đô thành. Thanh thế Hồng Cân quân rất mạnh, khiến vương triều Nguyên vô cùng sợ hãi, phải tụ tập lực lượng vũ trang của địa chủ đem đi trấn áp. Ba cánh quân bắc phạt lần lượt thất bại, Biện Lương cũng bị quân Nguyên chiếm lại. Triều Nguyên lại dùng quan cao bồng hậu để chiêu hàng Trương Sĩ Thành. Lưu Phúc Thông bảo hộ Tiểu Minh Vương chạy về An Phong (nay là huyện Thọ, An Huy), lại bị Trương Sĩ Thành tập kích. Năm 1363, Lưu Phúc Thông hy sinh trong chiến đấu. Quân khởi nghĩa ở miền bắc qua 12 năm chiến đấu, cuối cùng đã thất bại.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Hòa Thượng Lâm Nguyên Soái

Trong khi Hồng Cân quân của Lưu Phúc Thông tiến lên phía bắc, thì cánh quân Hồng Cân quân của Quách Tử Hưng càng phát triển lớn mạnh. Quách Tử Hưng nguyên quán là 1 tài chủ ở Định Viễn (nay thuộc An Huy), vì xuất thân thấp kém nên thường bị quan lại địa phương chèn ép hạch sách. Ông bực bội, liền tham gia Bạch Liên hội, đem hết tiền của trong nhà, mở tiệc rượu, kết giao với anh hùng hảo hán, chỉ chờ cơ hội là giết bọn tham quan ô lại cho bỏ tức. Năm 1352, tức là năm thứ 2 sau khi cuộc khởi nghĩa của Lưu Phúc Thông, Quách Tử Hưng thấy thời cơ đã chín, liền cùng 4 người bạn dẫn đầu mấy ngàn thanh niên, nhân đêm tối đánh vào thành Hào Châu, giết quan châu, chiếm lấy Hào Châu, tuyên bố khởi nghĩa. Quách Tử Hưng và 4 người bạn đều xưng là nguyên soái. Đại tướng Nguyên là Triệt Lý Bất Hoa đem quân vây đánh Hào Châu. Triệt Lý Bất Hoa sợ Hồng Cân quân nên không dám đánh thành, chỉ hạ trại ngoài xa, rồi sai quân lính đi bắt 1 số dân ngoài thành, giả làm tù binh, nộp lên cấp trên lĩnh thưởng. Dân ngoài thành gặp tai họa, sống không nổi, liền đua nhau vào thành theo Quách Tử Hưng. Vì vậy, đội ngũ của Quách Tử Hưng ngày càng lớn mạnh.

Một buổi tối, Hồng Cân quân Hào Châu đang đi tuần canh cửa thành, bỗng thấy 1 nhà sư trẻ đi tới, nói xin đi theo Hồng Cân quân. Lính canh cửa ngờ đó là gian tế do quân Nguyên phái tới thám thính, liền trói lại, rồi báo cáo với Quách Tử Hưng. Quách Tử Hưng nghĩ đó có thể là 1 hảo hán tới xin gia nhập nghĩa quân, liền đích thân cởi ngựa ra cửa thành xem xét. Ông thấy nhà sư bị trói, tuy quần áo rách rưới, nhưng người cao lớn vạm

vỡ, mày rậm mắt sáng. Nhìn thấy thế, Quách Tử Hưng đã có cảm tình, lập tức hạ lệnh cởi trói rồi dẫn vào nguyên soái phủ. Nhà sư trẻ tuổi đến theo Quách Tử Hưng đó, tên là Chu Nguyên Chương, cha ông là 1 nông dân nghèo khổ ở Chung Ly, Hào Châu (nay là phía đông Phượng Dương, An Huy). Năm Chu Nguyên Chương 17 tuổi, vùng Hà Bắc bị hạn hán và sâu hoại nghiêm trọng, tiếp sau đó là nạn dịch tràn lan. Cha, mẹ và người anh lớn của Chu Nguyên Chương đều chết vì mắc bệnh dịch, chỉ còn lại Chu Nguyên Chương và người anh thứ 2, không có tiền mua áo quan. May nhờ có hàng xóm thương tình giúp đỡ, mới mai táng được cho cha, mẹ và anh. Mồ côi cha mẹ, Chu Nguyên Chương không còn chỗ nương tựa. Một người hàng xóm khuyên ông nên tới chùa Hoàng Giác làm chú tiểu để kiếm cơm ăn. Chu Nguyên Chương liền xuất gia. Làm chú tiểu trong chùa thực chất là kẻ bị sai phái làm mọi việc vặt. Hàng ngày, Chu Nguyên Chương phải hầu hạ sư phụ, sư huynh, thức khuya dậy sớm, quét tước, thắp hương, đánh chuông, làm bếp. Cuộc sống rất vất vả. Nhưng, trong những ngày đó, muốn kiếm cơm ăn trong chùa Hoàng Giác cũng không phải dễ. Vì chùa Hoàng Giác sống nhờ việc thu tô của dân, mà năm đó thiên tai nghiêm trọng, không thu được tô. Chu Nguyên Chương vào chùa được 50 ngày thì chùa hết lương, sư phụ và các sư huynh phải lần lượt phải rời chùa đi khất thực. Chi Nguyên Chương cũng được cử đi, mang theo mõ gỗ và bát đi xin ăn lang thang khắp vùng Hoài Tây. Ba năm sau, tình hình thiên tai ở Hào Châu dịu xuống, ông mới trở về chùa Hoàng Giác.

Một năm sau nữa, khởi nghĩa Hồng Cân quân bùng nổ. Ở trong chùa, Chu Nguyên Chương liên tục nghe mọi tin đồn từ bên ngoài, nào là Lưu Phúc Thông đã chiếm Dĩnh Châu, nào là Chi Ma Lý đã chiếm Từ Châu. Đến cuối năm, lại nghe tin Hào Châu cũng bị Hồng Cân quân chiếm. Từ lâu, Chu Nguyên Chương đã nghe nói tới câu chuyện Phật Di Lặc sắp xuống trần cứu nhân độ thế, nay lại thấy Hồng Cân quân nổi dậy khắp nơi, quân Nguyên thua trận chạy dài, thì nghĩ: ngày người nghèo đói đời đã tới. Ông liền rời chùa Hoàng Giác, tới Hào Châu theo Quách Tử Hưng. Quách Tử Hưng hỏi chuyện Chu Nguyên Chương, thấy ông ăn nói lanh lợi thì rất

yêu mến, lập tức bảo ông cởi bỏ áo tu hành, thay mặc binh phục, giữ luôn bên cạnh làm thân binh trưởng. Sau khi tham gia quân khởi nghĩa, Chu Nguyên Chương tỏ rõ ngay tài năng của mình. Ông đánh trận vừa dũng cảm vừa có mưu kế, Quách Tử Hưng coi ông là người tâm phúc, trước mỗi trận đánh bao giờ cũng bàn bạc với ông. Danh tiếng của Chu Nguyên Chương trong nghĩa quân dần dần lên cao. Quách Tử Hưng có người bạn thân họ Mã bị ốm chết năm Quách Tử Hưng khởi binh. Trước khi chết, ông Mã nhờ Quách Tử Hưng coi sóc cô con gái mồ côi. Quách Tử Hưng đem cô gái về, giao cho vợ là Trương phu nhân nuôi dưỡng, coi cô như con đẻ. Quách Tử Hưng vốn có ý định chọn cho cô 1 người chồng tốt. Lần này thấy Chu Nguyên Chương là 1 nhân tài, liền bàn với Trương phu nhân, muốn gả cho Chu Nguyên Chương. Phu nhân cũng hết sức tán thành. Thế là, chú tiểu chùa Hoàng giác liền trở thành con rể Quách nguyên soái, địa vị hoàn toàn đối khác. Trong quân khởi nghĩa, Chu Nguyên Chương được mọi người gọi là "Chu công tử".

Nghĩa quân Hồng Cân ở Hào Châu, kể cả Quách Tử Hưng, tổng cộng có tới 5 vị nguyên soái, không phân biệt cao thấp, không ai chỉ huy được ai. Ngoài Quách Tử Hưng, 4 vị nguyên soái còn lại đều ít nhiều có tính cách giang hồ, không chú ý đến kỷ luật. Dần dần, Quách Tử Hưng thấy không hợp với họ, họ cũng không ưa Quách Tử Hưng. Càng về sau, mâu thuẫn càng gay gắt, 4 người kia liên kết với nhau, chống lại Quách Tử Hưng. Một lần, suýt nữa Quách Tử Hưng bị bọn họ giết chết, may nhờ Chu Nguyên Chương biết tin cứu được. Chu Nguyên Chương thấy mấy tướng soái trong nghĩa quân bụng dạ hẹp hòi, nếu làm việc dưới quyền họ thì khó thành sự nghiệp, liền bỏ về nhà, tự chiêu binh mãi mã. Những bạn ông thời thiếu niên như Từ Đạt, Thang Hòa nghe nói Chu Nguyên Chương đã làm tướng trong Hồng Cân quân, đều tới xin theo. Không tới 10 ngày, đã chiêu mộ được 700 người. Sau đó, họ lại tập kích quân Nguyên và chiêu hàng được 1 số. Khi đã có trong tay 1 lực lượng đáng kể, Chu Nguyên Chương liền chỉnh đốn kỷ luật, tăng cường huấn luyện, khiến đội quân của mình trở thành 1 đội ngũ có sức chiến đấu rất cao. Thanh thế vì vậy ngày càng lớn.

Ở Định Viễn có 1 nhà văn là Lý Thiên Trường, đa mưu túc kế, cũng tìm đến theo Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương biết ông rất có học vấn, liền dùng làm mưu sĩ trong quân khởi nghĩa. Một hôm, Chu Nguyên Chương hỏi Lý Thiên Trường: "Nay khắp nơi trong nước đều đánh nhau. Đến bao giờ thì nước thái bình?".

Lý Thiên Trường nói: "Cuối triều Tần, cũng đã từng loạn lạc thế này. Hán Cao Tổ xuất thân từ người bình dân, nhưng vì có chí khí và độ lượng lớn, biết sử dụng nhân tài, không giết người bừa bãi, nên chỉ mất năm năm đã thống nhất được thiên hạ. Nay chính trị triều Nguyên hỗn loạn, thiên hạ đều rời rã cả, ngài có thể học tập Hán Cao Tổ được không?".

Từ đó trở đi, Chu Nguyên Chương quyết 1 lòng học theo Hán Cao Tổ Lưu Bang. Chu Nguyên Chương dẫn đội quân của mình liên tục đánh chiếm được Từ Châu, Hòa Châu. Năm Tiểu Minh Vương Hàn Lâm Nhi xưng đế ở Hào Châu thì Quách Tử Hưng mất vì bệnh. Tiểu Minh Vương liền phong con trai Quách Tử Hưng là Quách Thiên Thúc làm đô nguyên soái, Chu Nguyên Chương làm phó nguyên soái. Quách Thiên Thúc không có kinh nghiệm chỉ huy, lại thêm đại đa số tướng sĩ trong Hồng Cân quân đều là thân tín của Chu Nguyên Chương, nên Chu Nguyên Chương tuy về danh nghĩa là phó nguyên soái, nhưng trên thực tế lại nắm toàn bộ thực quyền. Không lâu sau, trong khi tiến đánh Tập Khánh (nay là Nam Kinh, Giang Tô), Quách Thiên Thúc bị kẻ phản bội giết chết, Chu Nguyên Chương liền chính thức làm nguyên soái. Sau khi 1 mình nắm binh quyền, Chu Nguyên Chương liền dẫn đại quân đánh tan thủy quân của triều Nguyên, vượt sông tiến đánh Tập Khánh. Hơn 50 vạn quân dân Tập Khánh đầu hàng. Chu Nguyên Chương vào Tập Khánh, treo bảng an dân, đổi Tập Khánh thành Ứng Thiên Phủ. Từ đó về sau, Chu Nguyên Chương lấy Ứng Thiên Phủ làm căn cứ địa, phát triển lực lượng khắp miền Giang Nam.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Đại Chiến Phiên Dương Hồ

Khi thế lực của Chu Nguyên Chương phát triển về miền nam, thì trước hết vấp phải ngay 1 đối thủ mạnh là Trần Hữu Lượng. Trần Hữu Lượng nguyên là bộ tướng của nghĩa quân Từ Thọ Huy. Sau, Lượng mưu sát Từ Thọ Huy, tự lập làm vương, lấy quốc hiệu là Hán. Trần Hữu Lượng chiếm giữ 1 dải Giang Tây, Hồ Nam, Hồ Bắc; đất rộng quân đông, hình thành 1 chính quyền cát cứ lớn mạnh. Năm 1360, Trần Hữu Lượng dẫn đội thủy quân mạnh từ Thái Thạch theo Trường Giang xuôi xuống phía đông, tiến công Ứng Thiên Phủ, toan thôn tính vùng đất của Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương vội triệu tập cấp dưới đến bàn bạc cách đối phó với quân Hán. Các bộ tướng, người thì nói lực lượng quân Hán rất lớn mạnh, chi bằng sớm đầu hàng. Người thì nói, nên chạy vào Chung Sơn (nay tại Nam Kinh) cố thủ. Cũng có người chủ trương quyết 1 trận tử chiến, nếu thất bại thì rút chạy cũng chưa muộn. Mọi người hăng hái tranh cãi, bàn luận xôn xao, chỉ có mưu sĩ mới nhập nghĩa quân là Lưu Cơ đứng bên cạnh là im lặng, không nói năng gì. Chu Nguyên Chương còn do dự, chưa quyết định được. Tan họp, Chu Nguyên Chương giữ riêng Lưu Cơ lại hỏi xem ông có ý kiến gì. Lưu Cơ nói: "Tôi thấy những ai chủ trương đầu hàng bỏ chạy đều đáng chém".

Chu Nguyên Chương hỏi: "Xin tiên sinh cho biết dùng biện pháp gì để đánh bại địch?".

Lưu Cơ trả lời: "Kẻ địch từ xa tới xâm phạm đất ta. Ta lấy quân được nghỉ ngơi đối phó với quân mệt nhọc, lo gì mà không thắng? Nếu nguyên

soái ban thường hậu cho tướng sĩ, rồi cho bố trí phục binh, đánh mạnh vào điểm yếu của địch thì nhất định sẽ đánh thắng được Trần Hữu Lượng".

Nghe Lưu Cơ nói, Chu Nguyên Chương mừng rỡ, liền cùng Lưu Cơ bàn thêm chi tiết rồi vạch ra kế hoạch tác chiến. Bộ tướng Khang Mậu Tài của Chu Nguyên Chương là người quen cũ của Trần Hữu Lượng. Chu Nguyên Chương gọi Khang Mậu Tài đến nói: "Lần này Trần Hữu Lượng tới, ta muốn đánh lừa hắn, cần đến sự giúp đỡ của ông. Ông hãy viết một bức thư cho Trần Hữu Lượng, giả làm đầu hàng, xin làm nội ứng cho hắn, cung cấp cho hắn một số tin tức giả, yêu cầu hắn chia quân làm ba cánh tới đánh Ứng Thiên Phủ để phân tán lực lượng của hắn ra".

Khang Mậu Tài nói: "Việc này không khó. Nhà tôi có một lão bộc từng làm tôi tớ cho Trần Hữu Lượng, nếu cử ông ta đi, Trần Hữu Lượng sẽ không nghi ngờ gì!".

Khang Mậu Tài về nhà, viết 1 bức thư theo lời dặn của Chu Nguyên Chương, bảo người lão bộc đem thư tới, quả nhiên Lượng tin ngay. Hắn hỏi người lão bộc: "Khang công hiện ở đâu?".

Người lão bộc trả lời: "Khang công hiện dẫn một đại quân đóng ở cầu Giang Đông để chờ đại vương tới".

Trần Hữu Lượng vội hỏi: "Cầu Giang Đông có hình dáng thế nào?"

Lão bộc nói: "Đó là một chiếc cầu gỗ, rất dễ nhận ra".

Trần Hữu Lượng hỏi han 1 hồi rồi sai người mang rượu thịt chiêu đãi rất hậu, sau đó giao cho ông ta mang thư trả lời. Trước khi người lão bộc lên đường, Trần Hữu Lượng còn dặn thêm: "Người nói với Khang công rằng. Tới nơi, ta sẽ gọi "Lão Khang! Lão Khang", xin ông ta tiếp ứng ngay!".

Người lão bộc trở về, báo cáo đầy đủ với Chu Nguyên Chương. Chương lập tức sai người gỡ bỏ cầu gỗ trong đêm và thay vào đó là 1 cầu đá. Qua 1 tên lính đào ngũ của Trần Hữu Lượng, Chu Nguyên Chương nhận được tin tức đầy đủ về đường tiến quân của hắn, liền phái các tướng Từ Đạt, Thường Ngộ Xuân đem quân mai phục tại mấy cửa quan trọng yếu ven sông. Đích thân Chu Nguyên Chương dẫn đại quân trấn giữ Lư Long Sơn (nay là Sư Tử Sơn, Nam Kinh), cho quân sĩ chuẩn bị đầy đủ cờ đỏ và cờ vàng, qui ước rằng khi giương cờ đỏ là tín hiệu báo địch đang tới, khi giương cờ vàng là mệnh lệnh xuất kích. Mọi việc chuẩn bị xong, Chu Nguyên Chương ung dung chờ quân Trần Hữu Lượng tới chui đầu vào lưới.

Sau khi người lão bộc về, Trần Hữu Lượng lập tức ra lệnh cho toàn quân xuất phát. Đích thân ông ta dẫn đầu toán quân đi tới cầu Giang Đông, nào ngờ khi tới điểm đã hẹn, không thấy cầu gỗ, chỉ thấy có chiếc cầu đá. Trần Hữu Lượng và các bộ tướng sinh nghi, nhưng không có cách nào khác, đành tìm cách đi gặp Khang Mậu Tài. Lượng đành tới chân cầu đá lớn tiếng gọi "Lão Khang! Lão Khang!". Không ai trả lời, Trần Hữu Lượng biết đã mắc lừa, vội vàng hạ lệnh lui quân. Chu Nguyên Chương lập tức giương cờ vàng phát động tổng công kích. Trong chớp mắt, trống trận vang trời, quân mai phục xông ra chém giết, quân thủy từ các khe ngòi cũng tiến ra phối hợp. Bị tập kích bất ngờ, mấy vạn quân Trần Hữu Lượng hỗn loạn. Số bị giết và chết nhiều không kể xiết. Hơn 2 vạn quân và hơn 100 chiến thuyền bị bắt sống. Trần Hữu Lượng nhờ có các bộ tướng hộ vệ, nhảy lên 1 chiếc thuyền nhỏ, chạy thoát. Trận đánh đó làm Trần Hữu Lượng tổn thất nặng, lực lượng suy giảm nhiều và thanh thế của Chu Nguyên Chương ngày càng vang dội. Trần Hữu Lượng rất căm, ra sức chấn chỉnh lực lượng để báo thù trận bại nhục nhã đó. Ba năm sau, ông ta chuẩn bị 1 đội chiến thuyền lớn, đem 60 vạn đại quân tiến công Hồng Đô (nay là Nam Xương, Giang Tây). Chu Nguyên Chương đích thân dẫn 20 vạn quân tới cứu Hồng Đô. Trần Hữu Lượng rút bỏ vòng vây, lui toàn bộ thủy quân về hồ Phiên

Dương. Chu Nguyên Chương liền phong tỏa chặt lối vào hồ Phiên Dương, nhốt chặt thủy quân Trần Hữu Lượng trong đó và quyết chiến trong hồ.

Thủy quân Trần hữu Lượng có nhiều thuyền vừa to vừa cao, xếp thành hàng ngang dài tới mười mấy dặm. Còn thủy quân của Chu Nguyên Chương chỉ gồm 1 số thuyền nhỏ, so sánh về thực lực thì thua kém nhiều! Hai bên đánh nhau liên tục 3 ngày, quân Chu Nguyên Chương đều thất bại. Bộ tướng Quách Hưng nói với Chu Nguyên Chương: "Binh lực hai bên quá chênh lệch, không thể dùng sức mạnh mà thắng. Phải dùng hỏa công thôi!".

Chu Nguyên Chương lập tức hạ lệnh dùng 7 thuyền nhỏ, chứa đầy chất cháy, mỗi thuyền lại kéo theo 1 xuồng nhỏ, cơ động nhẹ nhàng. Một đêm, trời nổi gió đông bắc, Chu Nguyên Chương phái đội cảm tử điều khiển 7 thuyền chở chất cháy, châm lửa xông thẳng vào đội thuyền Trần Hữu Lượng. Lửa to gió mạnh, chỉ trong chốc lát, toàn bộ đội thuyền quân Hán đã thành 1 biển lửa, chiếu đỏ rực mặt hồ. Quân tướng của Trần Hữu Lượng kẻ thì chết cháy, kẻ thì bị bắt làm tù binh. Trần Hữu Lượng dẫn tàn binh bại tướng chạy ra cửa hồ, toan phá vây chạy, lại gặp quân Chu Nguyên Chương đang chờ sẵn. Dưới làn tên bắn như mưa, Trần Hữu Lượng trúng tên tử trận. Sau khi tiêu diệt xong thế lực cát cứ lớn nhất ở miền nam của Trần Hữu Lượng, Chu Nguyên Chương liền xưng là Ngô Vương.

Từ khi Lưu Phúc Thông hy sinh, Chu Nguyên Chương đón Tiểu Minh Vương về Từ Châu và chịu sự lãnh đạo của Tiểu Minh Vương về danh nghĩa. Tới lúc này, tư tưởng làm hoàng đế của Chu Nguyên Chương trở dậy, ông cảm thấy Tiểu Minh Vương làm 1 trở ngại. Năm 1366, ông dùng thuyền đón Tiểu Minh Vương về Ứng Thiên Phủ, khi thuyền đi qua Trảo Bộ (nay ở đông nam Lục Hợp, Giang Tô) liền cử người lên đục thuyền, dìm chết Tiểu Minh Vương. Năm sau, Chu Nguyên Chương lại tiêu diệt lực lượng cát cứ của Trương Sĩ Thành. Sau đó, phong Từ Đạt làm Chinh lỗ đại tướng quân, Thường Ngô Xuân làm phó tướng quân, dẫn 25 vạn đại quân bắc phạt. Chỉ trong mấy tháng, cánh quân của Từ Đạt liên tục thắng lợi,

chiếm được Sơn Đông. Tháng giêng năm 1368, Chu Nguyên Chương xưng đế ở Ứng Thiên Phủ, lấy quốc hiệu là Minh. Đó là Minh Thái Tổ. Quân Minh thừa thắng tiến quân, quân Nguyên liên tục rút lui. Tới tháng 8, Từ Đạt dẫn đại quân đánh Đại Đô. Nguyên Thuận Đế chạy lên Thượng Đô. Triều Nguyên qua 97 năm thống trị Trung Quốc, cuối cùng đã bị lật đổ.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Lưu Bá Ôn Cầu Mưa

Trong chiến tranh thống nhất Trung Quốc, Minh Thái Tổ đã dựa vào số tướng lĩnh anh dũng thiện chiến để tranh thành cướp đất, đồng thời cũng sử dụng những mưu sĩ tài giỏi để giúp ông bày mưu đặt kế. Trong số những mưu sĩ đó, nổi tiếng nhất là Lưu Bá Ôn. Lưu Bá Ôn tên là Lưu Cơ, Bá Ôn là tên tự. Ông vốn là quan chức triều Nguyên, không hài lòng với nền chính trị thối nát, nên thường viết văn thơ châm biếm chúng. Vì vậy, bị bãi chức về quê ở Thanh Điền (nay thuộc Triết Giang). Khi quân Chu Nguyên Chương đánh tới Triết Đông, Chu Nguyên Chương mời ông ra hợp tác với nghĩa quân, làm mưu sĩ cho mình. Trong những cuộc chiến với Trần Hữu Lượng, Lưu Cơ đã góp nhiều công sức. Vì ông đa mưu túc trí nên được Minh Thái Tổ rất tín nhiệm, thường ví ông với Trương Lương thời Tây Hán.

Không những giỏi về mưu lược, Lưu Cơ còn tinh thông thiên văn. Thời xưa, người ta quan niệm rằng hiện tượng thiên nhiên có quan hệ mật thiết với sự lành dữ của con người. Lưu Cơ nhờ sự quan sát, nghiên cứu tỉ mỉ tình hình chính trị xã hội trong nước, suy xét chu đáo mọi mặt nên dự đoán mọi việc thường chuẩn xác. Nhưng mọi người lại cho rằng đó là do ông giỏi thiên văn đoán được mệnh trời. Truyền thuyết dân gian coi Lưu Bá Ôn là người "chưa bói đã biết". Khi Chu Nguyên Chương làm Ngô vương, miền Giang Nam có đại hạn. Vì Lưu Cơ nắm việc thiên văn, Chu Nguyên Chương liền hỏi ông tại sao lại sinh ra đại hạn, làm thế nào để cho trời mưa xuống. Lưu Cơ nói: "Trời không chịu mưa, là vì trong nhà lao giam giữ một số người bị oan!".

Chu Nguyên Chương tin lời, liền cho kiểm tra lại các phạm nhân bị bắt. Lưu Cơ tra xét, quả có 1 số án oan. Ông tâu với Chu Nguyên Chương, xin sửa những án oan đó, và thả những người bị oan ra. Cầu mưa và sửa án oan vốn là 2 việc không liên quan gì đến nhau. Lưu Cơ cũng không có pháp thuật gì để cầu mưa. Chẳng qua, ông hiểu thiên văn, có thể dự đoán được sự thay đổi của thời tiết; liền mượn việc đó, khuyên Chu Nguyên Chương sửa lại 1 số án oan mà thôi. Quả nhiên mấy hôm sau, mây đen đầy trời rồi mưa như trút nước. Lưu Cơ nhân lúc Chu Nguyên Chương phấn khởi, liền khuyên ông định ra pháp luật, lấy đó làm căn cứ, tránh việc giết nhầm người vô tội. Sau khi Minh Thái Tổ lên ngôi, phong Lưu Cơ làm ngự sử trung thừa, phụ trách công tác tư pháp. Lưu Cơ tiến hành công việc rất nghiêm minh. Một lần, 1 người thân tín của thừa tướng Lý Thiên Trường phạm pháp. Lý Thiên Trường là khai quốc công thần của triều Minh, lại là đồng hương của Minh Thái Tổ, có thế lực rất lớn. Nhưng Lưu Cơ không đếm xỉa gì đến sự ngăn trở của Lý Thiên Trường, cứ tâu lên Minh Thái Tổ, cho xử chém kẻ phạm pháp đó. Việc này khiến Lý Thiên Trường thâm thù ông. Vừa gặp dịp vào năm đó, kinh thành lại bị hạn hán, Minh Thái Tổ rất lo lắng. Lưu Cơ nhân dịp đó tâu với Minh Thái Tổ: các chiến sĩ tử vong trong chiến tranh, vợ con họ cần được chăm sóc; những thợ thuyền tử vong trong khi xây đắp thành trì, xương cốt còn rải rác trên đồng ruộng, không ai mai táng. Nếu giải quyết những việc đó, trời có thể mưa.

Minh Thái Tổ 1 lòng mong mưa, tất nhiên nhanh chóng thực hiện lời khuyên của Lưu Cơ: cử người chăm sóc vợ con tử sĩ, chôn cất di cốt thợ thuyền. Lưu Cơ tuy đã làm được mấy việc tốt trên, nhưng chỉ dựa vào ý trời để khuyên vua, không phải lúc nào cũng trôi chảy. Lần này, điều dự đoán của ông không ứng nghiệm, mọi việc đã tiến hành xong mà hơn 10 hôm sau, trời vẫn nóng như thiêu đốt, không có 1 giọt mưa nào. Điều này làm Minh Thái Tổ tức giận, lại thêm lời gièm pha của Lý Thiên Trường, khiến Lưu Cơ cảm thấy không yên. Lúc đó, bà vợ ông bị bệnh mất ở quê nhà, Lưu Cơ liền nhân cơ đó xin nghỉ việc về nhà. Nhưng Minh Thái Tổ vẫn đặc biệt coi trọng ông. Một lần, hoàng đế tỏ ý phong ông làm thừa tướng,

Lưu Cơ vội tìm cách thoái thác: "Muôn tâu bệ hạ, chọn thừa tướng quan trọng như chọn đòn nóc một tòa nhà, cần chọn gỗ lớn và tốt. Nếu chọn gỗ nhỏ và xấu, e sẽ có nguy cơ đổ sập".

Sau khi triệt chức thừa tướng của Lý Thiên Trường, Minh Thái Tổ lại 1 lần nữa muốn ông làm thừa tướng. Lưu Cơ nói: "Hạ thần có tính nóng vội và cứng cỏi, khó dung được kẻ xấu. Thêm nữa, tuổi tác đã cao, không gánh vác nổi trách nhiệm nặng nề. Trong thiên hạ có nhiều nhân tài, mong bệ hạ lưu tâm chọn lựa".

Lưu Cơ về Thanh Điền, sống đời ẩn cư, không bao giờ nhắc tới công lao trước kia. Huyện lệnh Thanh Điền nhiều lần xin gặp, đều bị Lưu Cơ khéo léo từ chối. Một hôm, viên huyện lệnh hóa trang làm người dân thường đến xin gặp Lưu Cơ. Ông đang rửa chân, thấy 1 người lạ, liền vội đi giày, mặc áo ra tiếp, nhiệt tình mời vào nhà, giữ lại ăn cơm. Lưu Cơ hỏi họ tên người khách, viên huyện lệnh đành nói thực, mình là quan địa phương tìm đến xin thỉnh giáo. Lưu Cơ giật mình, vội đứng dậy vái chào, tự xưng mình là dân dưới quyền cai trị. Từ đó về sau, ông không bao giờ gặp lại viên huyện lệnh nữa. Lưu Cơ ở quê nhà, nhưng vẫn quan tâm đến chính sự trong triều. Một lần, Minh Thái Tổ cử người đến Thanh Điền hỏi Lưu Cơ về điềm lành dữ của hiện tượng. Lưu Cơ nói: "Sương tuyết mùa đông vừa qua tiếp theo đó sẽ là mùa xuân ấm áp. Nay nước nhà đã an định, mong bệ hạ hãy khoan hòa trong chính sự".

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Vụ Án Hồ Duy Dung

Minh Thái Tổ là người xuất thân từ nông dân, ít nhiều hiểu được đời sống nông dân. Sau khi lên ngôi, ông chú ý thực hiện chính sách nuôi dưỡng sức dân, luôn răn đe quan lại: "Nay thiên hạ vừa an định, trăm họ đều nghèo khổ, giống như con chim mới tập bay, không được vặt lông của nó; như cái cây mới trồng, không được làm đứt rễ của nó".

Ông yêu cầu quan lại phải liêm khiết, tuân thủ pháp luật, không được tham nhũng lạm quyền làm tăng sự đóng góp của dân. Sau đó, ông lại chiêu tập nông dân lưu tán, cho khai khẩn đất hoang, miễn trừ lao dịch và thuế khóa cho hạn 3 năm; lại yêu cầu quân đội mở đồn điền khẩn hoang, tự túc lương thực. Ngoài ra còn sửa sang thủy lợi, khuyến khích trồng bông trồng dâu. Vì vậy, nông nghiệp đầu đời Minh phát triển mạnh mẽ, triều đại mới dần dần được củng cố. Nhưng mặt khác, Minh Thái Tổ lại nơm nớp lo ngại đối với các công thần khai quốc, sợ họ có mưu đồ kia khác. Ông lập ra 1 cơ cấu đặc vụ mang tên "Cấm y vệ", chuyên dùng để giám sát, thăm dò hoạt động của các đại thần. Đại thần nào có hoạt động gì ở bên ngoài hay bên trong gia đình, ông đều nhận được tin tức rất rõ ràng. Ai bị phát hiện có hành động đáng ngờ đều có nguy cơ bị bỏ tù, thậm chí chém đầu. Minh Thái Tổ đối đãi với các quan rất tàn bạo. Khi vào triều, đại thần nào nói năng gì khiến ông nổi giận, liền bị nọc ra đánh gậy giữa triều đình, gọi là "đình trượng". Cách làm đó khiến các đại thần nơm nớp lo âu, mỗi ngày khi vào triều đều buồn rầu từ biệt gia đình. Nếu hôm đó bình an vô sự, thì người thân đều mừng rỡ vì đã may mắn sống được thêm 1 ngày.

Năm 1380, thừa tướng Hồ Duy Dung bị cáo giác mưu phản. Minh Thái Tổ lập tức hạ lệnh chém chết cả nhà, đồng thời truy cứu các đồng đảng. Lần truy cứu đó, liên quan đến văn võ bá quan, tổng cộng hơn 1 vạn 5000 người. Minh Thái Tổ nhẫn tâm, đem toàn bộ những người bị tình nghi đó ra chém. Học sĩ Tống Liêm là người cùng với Lưu Cơ được Minh Thái Tổ trọng dụng trong thời khởi nghiệp. Sau này, ông còn là thầy dạy thái tử. Tống Liêm là người thận trọng, nhưng Minh Thái Tổ cũng không yên tâm về ông. Một hôm, Tống Liêm mời mấy người bạn đến uống rượu. Hôm sau vào triều, Minh Thái Tổ hỏi ông đêm qua có uống rượu không, mời những ai, ăn những món gì. Tống Liêm trả lời đúng sự thực. Minh Thái Tổ cười nói: "Khanh đã không nói dối trăm".

Thì ra, khi Tống Liêm mời khách, Minh Thái Tổ đã ngầm cử người theo dõi. Sau đó, Minh Thái Tổ khen Tống Liêm trước triều đình: "Tống Liêm phục vụ trăm trong mười chín năm, chưa hề nói dối trăm một lần nào, cũng chưa hề nói xấu ai một câu, thật là một người hiền!".

Năm 68 tuổi, Tống Liêm cáo lão về hưu. Minh Thái Tổ còn tặng ông 1 tấm gấm và nói: "Hãy giữ lấy, đợi ba mươi hai năm nữa, may một tấm áo mừng trăm tuổi".

Khi xảy ra vụ án Hồ Duy Dung, cháu của Tống Liêm là Tống Thận cũng bị tố cáo là phe cánh Hồ Duy Dung. Minh Thái Tổ ra lệnh đội Cẩm y vệ bắt Tống Liêm từ quê nhà ở Kim Hoa đưa về kinh thành, muốn xử tử ông. Mã hoàng hậu biết việc đó, liền khuyên Minh Thái Tổ: "Nhà dân thường thuê thầy dạy con mình, còn đối đãi cung kính, huống chi là gia đình hoàng đế. Vả lại, Tống tiên sinh ở quê nhà, sao biết được việc làm của cháu ở đây!".

Minh Thái Tổ đang cơn giận, không chịu tha Tống Liêm. Hôm đó, Mã hoàng hậu ăn cơm cùng Minh Thái Tổ. Bà ngồi ngậy người bên bàn ăn, không uống rượu cũng không ăn thịt. Minh Thái Tổ lấy làm lạ, hỏi nguyên

do. Mã hoàng hậu buồn rầu nói: "Tổng tiên sinh phạm tử tội, thiếp rất buồn lòng, đang cầu phúc cho tiên sinh đây!".

Mã hoàng hậu là người vợ từ thời trẻ đã chung mọi hoạn hạn với Minh Thái Tổ nên được ông tôn trọng. Nghe bà nói thế, ông có phần cảm động, miễn tội chết cho Tống Liêm, đổi thành hình phạt sung quân đi Mậu Châu (nay là huyện Mậu, Tứ Xuyên). Ông già Tống Liêm 71 tuổi, sợ hãi và đau xót, đã chết trên đường phát vàng. 7 năm sau, lại có người cáo giác Lý Thiên Trường từng qua lại mật thiết với Hồ Duy Dung, biết rõ Hồ Duy Dung mưu phản mà không tố giác, còn giữ thái độ chờ xem, phạm tội đại nghịch vô đạo. Lý Thiên Trường là khai quốc công thần hàng đầu, lại có quan hệ thông gia với Minh Thái Tổ. Khi Minh Thái Tổ phong chức cho hàng loạt công thần, đã từng cấp cho Lý Thiên Trường 2 "thiết quyền" (miễn xử tử tội chết nếu chẳng may sau này phạm pháp). Năm nay, Lý Thiên Trường đã 77 tuổi, nhưng Minh Thái Tổ đã nuốt lời hứa, đem cả gia đình Lý Thiên Trường hơn 70 người ra xử tử. Tiếp sau đó, hoàng đế lại hạ lệnh truy cứu tiếp phe cánh của Hồ Duy Dung, xử tử tiếp hơn 1 vạn 5000 người nữa. Sau vụ án Hồ Duy Dung, Minh Thái Tổ thấy không yên tâm khi trao đại quyền chính trị, quân sự cho các đại thần liền thủ tiêu chức thừa tướng, đích thân hoàng đế đảm nhận nhiệm vụ thượng thư các bộ lại, bộ, lễ, binh, hình, công. Đồng thời cũng phế bỏ đại đô đốc phủ nắm quyền chỉ huy quân sự, thay vào đó là 5 đô đốc phủ tả, trung, hữu, tiền, hậu; chia nhau phụ trách việc luyện binh. Khi cần điều quân ra trận, sẽ do hoàng đế trực tiếp hạ lệnh. Như vậy, quyền lực của hoàng đế trở nên tập trung chưa từng thấy.

Sự việc chưa kết thúc ở đó. 3 năm sau, Cấm y vệ lại cáo phát đại tướng Lam Ngọc mưu phản. Minh Thái Tổ liền giết Lam Ngọc và truy cứu kẻ đồng mưu. Lại có hơn 1 vạn 5000 người liên quan bị giết. Hai vụ án đó hầu như đã làm hết sạch mọi công thần triều đình. Sự chuyên chế và tàn bạo của Minh Thái Tổ vì vậy đã nổi danh trong lịch sử.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Yên Vương Vào Nam Kinh

Minh Thái Tổ 1 mặt giết nhiều đại thần giữ chức vị cao, 1 mặt phong cho 24 người con làm vương, trấn giữ các địa phương. Trong số đó, 1 số phiên vương có quân đội riêng. Minh Thái Tổ cho rằng làm như vậy có thể giữ vững được vương triều do mình dựng lên. Nào ngờ đâu làm như vậy, lại gây ra mối họa lớn sau này. Khi Minh Thái Tổ ngoài 60 tuổi, thái tử Chu Tiêu bị bệnh mất, con của Chu Tiêu là Chu Doãn Văn, cháu đích tôn của Minh Thái Tổ được lập làm hoàng thái tôn. Phiên vương ở các địa phương đại đa số đều là chú của Chu Doãn Văn, thấy địa vị kế thừa ngôi hoàng đế rơi vào tay đứa cháu, đều thấy không hài lòng. Đặc biệt là Chu Đệ, con thứ 4 của Minh Thái Tổ, được phân phong cầm quân giữ Bắc Bình (nay là Bắc Kinh) với tước Yên vương. Ông ta đã từng lập nhiều chiến công, nên càng không phục Chu Doãn Văn. Trong số con của Minh Thái Tổ, Chu Đệ là người thông minh, tài giỏi hơn cả. Theo kể lại, 1 lần Minh Thái Tổ ra cho Chu Doãn Văn 1 vế đối là "Phong suy mã vĩ thiên điều tuyền" (Gió thổi đuôi ngựa tung ngàn sợi (lông)). Chu Doãn Văn đối lại là "Vũ dả dương mao nhất phiến thiện" (Mưa xuống lông dê bốc mùi hôi). Minh Thái Tổ thấy câu đối dở quá, liền sầm mặt lại. Lúc đó, Chu Đệ đứng bên cạnh, liền nói: "Con cũng nghĩ được câu đối".

Minh Thái Tổ bảo ông ta đọc lên nghe thử. Chu Đệ đọc "Nhật chiếu long lân vạn điển kim" (Nắng chiếu vẩy rồng muôn đốm vàng). Vế đối của Chu Đệ rõ ràng nhằm nịnh nọt Minh Thái Tổ, khiến ông nức nở khen hay. Chu Đệ từ đó càng không coi Chu Doãn Văn ra gì. Tuy thật thà, nhưng Chu Doãn Văn vẫn thấy thái độ coi thường của Chu Đệ đối với mình. Trong

đông cung của hoàng tôn, có 1 viên quan gần gũi là Hoàng Tử Trùng, thường giúp Chu Doãn Văn đọc sách. Một hôm, Chu Doãn Văn ngồi 1 mình bên cửa phía đông, cau mày thở dài. Hoàng Tử Trùng thấy Văn có điều gì u uất, liền hỏi điện hạ có điều gì buồn. Chu Doãn Văn nói: "Hiện nay trong tay mấy thúc phụ đều có binh quyền, sau này làm sao kiềm chế họ được?".

Hoàng Tử Trùng liền kể chuyện đời Tây Hán bình định cuộc loạn 7 nước như thế nào, rồi nói: "Lúc đó, chư hầu bảy nước như Ngô, Sở lớn mạnh như vậy; nhưng khi họ nổi loạn, Hán Cảnh Đế xuất quân, họ đều tan hết. Điện hạ là cháu đích tôn của hoàng thượng, sau này sợ gì họ làm phản". Chu Doãn Văn nghe nói, phần nào yên tâm hơn.

Năm 1398, Minh Thái Tổ mất, hoàng tôn Chu Doãn Văn lên ngôi. Đó là Minh Huệ Đế, lịch sử còn gọi là Kiến Văn Đế (Kiến Văn là niên hiệu của Minh Huệ Đế). Trong kinh thành có lời đồn đại là mấy vị phiến vương đang liên lạc với nhau, chuẩn bị mưu phản. Kiến Văn Đế nghe tin, rất sợ hãi, tìm Hoàng Tử Trùng đến nói: "Tiên sinh còn nhớ lời nói ở cửa phía đông không?".

Hoàng Tử Trùng nói: "Xin bệ hạ yên tâm, hạ thần làm sao quên được!".

Hoàng Tử Trùng ra khỏi cung, liền tìm 1 đại thần thân tín khác là Tề Thái cùng bàn bạc. Tề Thái cho rằng trong chư vương, Yên vương có binh lực nhất, lại có dã tâm lớn nhất, nên trước hết tìm cách trừ bỏ quyền lực của ông ta. Hoàng Tử Trùng không tán thành ý kiến đó, là cho rằng, Yên vương đã có chuẩn bị, nếu ra tay với ông ta trước sẽ làm rung động đến các vương khác, chi bằng hạ thủ các phiến vương vùng xung quanh trước. Chu Vương Chu Tiên là em Yên Vương Chu Đệ, có đất phong ở vùng Khai Phong. Nếu trừ bỏ Chu Vương thì không khác gì chặt đi 1 cánh của Yên vương, bước tiếp theo trừ bỏ Yên vương sẽ không khó nữa. Hai người bàn bạc xong, liền tâu với Kiến Văn Đế. Kiến Văn Đế rất tán thành, liền tạo 1 cơ, phái quân

tới Hà Nam bắt Chu vương Chu Tiên giải về Nam Kinh, tước bỏ vương vị, bắt đi Vân Nam sung quân. Sau đó, lại tra xét hành vi phạm pháp của 3 phiên vương khác, đều tước bỏ vương vị của 3 người đó. Yên vương từ lâu đã ngấm ngầm luyện binh, chuẩn bị mưu phản. Để làm Kiến Văn Đế mất cảnh giác, ông ta vờ mắc bệnh thần kinh, suốt ngày nói năng lảm nhảm, có lúc còn nằm quay ra đất, mấy ngày liền không trở dậy. Kiến Văn Đế cử sứ thần đến thăm bệnh, lúc đó đang vào mùa nóng, Yên vương lại ngồi sưởi bên lò lửa, luôn mồm kêu rét. Sứ thần về tâu lại, Kiến Văn Đế cho rằng ông ta có bệnh thật. Nhưng Tề Thái và Hoàng Tử Trùng vẫn ngờ ông ta giả vờ. Một mặt họ cử người lên Bắc Bình bắt hết gia đình của Yên vương, 1 mặt ngầm hạ lệnh cho Đô chỉ huy sứ Bắc Bình là Trương Tiến đem quân tới bắt Yên vương, còn hẹn 1 số quan chức trong vương phủ của Yên vương làm nội ứng. Không ngờ, Trương Tiến lại đứng về phe Yên vương, nên đem mọi tình hình báo cho Yên vương. Được tin, Yên vương cho bắt hết các quan chức trong vương phủ làm nội ứng cho Kiến Văn Đế rồi tuyên bố khởi binh. Là 1 người thông minh, Yên vương biết rằng Kiến Văn Đế là hoàng đế hợp pháp, nếu công khai chống lại sẽ mang tiếng làm phản, không lợi cho mình. Ông ta liền lấy lý do "Thanh quân trặc", tức giúp Kiến Văn Đế thanh trừ các gian thần lộng quyền cạnh hoàng đế là Hoàng Tử Trùng, Tề Thái. Lịch sử gọi cuộc nội chiến này là "Tĩnh nạn chi biến" (tức sự biến "đẹp loạn").

Yên vương vốn giàu kinh nghiệm trận mạc, dưới quyền lại có nhiều tinh binh được huấn luyện tốt. Ông ta tiến xuống miền nam, nhanh chóng chiếm được 1 số cứ điểm, quan lại nhiều châu chuyện đua nhau ra hàng. Kiến Văn Đế hoảng sợ, liền cách chức Tề Thái, Hoàng Tử Trùng, mong Yên vương lui quân, nhưng Yên vương vẫn tiếp tục tiến. Cuộc nội chiến đó kéo dài khoảng 3 năm. Đến năm 1402, Yên quân gặp quân do triều đình cử lên tăng viện, đánh nhau kịch liệt tại Hoài Bắc, 1 số tướng lĩnh chủ trương tạm thời lui binh. Yên vương nói: "Lần tiến quân này, chỉ có tiến, không thể lui".

Không lâu sau, quân Yên cắt đứt đường tải lương của quân triều đình và mở cuộc tiến công ồ ạt. Quân triều đình thua tan tác. Quân Yên thế như chẻ tre, tiến sát tới thành Ứng Thiên. Kiến Văn Đế thấy tình hình nguy cấp, 1 mặt động viên tướng sĩ ra sức giữ thành, 1 mặt cử người gặp Yên vương xin hòa, tình nguyện cắt nhường đất đai, xin Yên vương lui quân, nhưng Yên vương cự tuyệt. Mấy hôm sau, đại tướng giữ kinh thành là Lý Cảnh Long mở cửa thành đầu hàng, kinh thành lọt vào tay quân Yên. Yên vương dẫn đầu vào thành, thấy hoàng cung bốc cháy đùng đùng, vội sai người đi dập lửa. Rất nhiều người đã bị chết cháy. Ông ta cho tìm tung tích Kiến Văn Đế. Có người báo: trước khi quân Yên vào thành, Kiến Văn Đế hạ lệnh đốt cung điện rồi cùng hoàng hậu nhảy vào lửa tự sát. Yên vương Chu Đế lên ngôi. Đó là Minh Thành Tổ. Đến năm 1421, Minh Thành Tổ dời đô lên Bắc Kinh. Từ đó về sau, Bắc Kinh trở thành Kinh Đô của cả 2 triều Minh, Thanh.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Tam Bảo Thái Giám Xuống Tây Dương

Minh Thành Tổ dùng vũ lực đoạt ngôi hoàng đế từ tay cháu, nhưng vẫn bản khoản nghi ngại 1 điều. Đó là sau khi hoàng cung bị cháy, cho người kiểm tra các xác chết, vẫn không thấy thi thể của Kiến Văn Đế. Thế thì quả thật là Kiến Văn Đế bị chết thật hay chưa? Trong kinh thành có nhiều lời đồn. Có người nói rằng Kiến Văn Đế không tự sát, mà nhân lúc cung điện bốc cháy hỗn loạn, đã dẫn mấy thái giám tùy tùng theo đường ngầm chạy thoát ra ngoài thành. Tin tức từ địa phương truyền về càng ly kỳ hơn, nói Kiến Văn Đế đã tới nơi này, nơi khác, về sau đã cắt tóc đi tu. Chuyện nào cũng thêm dẹt nhiều chi tiết rất cụ thể, làm Minh Thành Tổ càng thêm lo lắng. Ông ta nghĩ, nếu Kiến Văn Đế chưa chết thật, mà ẩn náu chờ thời, rồi triệu tập binh mã ở 1 nơi nào đó, dùng danh nghĩa chính thống tiến đánh thì thật đáng ngại. Để tra xét cho rõ sự kiện này, Minh Thành Tổ cử 1 số đại thần đi các nơi bí mật dò xét tung tích của Kiến Văn Đế, nhưng không tiện nói rõ lý do mà lấy cớ là đi cầu thần tiên. Cuộc tìm kiếm đó kéo dài vài ba chục năm.

Minh Thành Tổ lại nghĩ, phải chăng Kiến Văn Đế đã chạy ra biển? Lúc đó, nghề hàng hải ở Trung Quốc bắt đầu phát triển. Minh Thành Tổ lại nghĩ nếu cử người ra biển để biểu dương quốc uy, đồng thời trao đổi buôn bán với người nước ngoài, tìm mua 1 số châu báu, tiện thể thám thính về tung tích của Kiến Văn Đế, thì thật là nhất cử lưỡng tiện. Nghĩ vậy, ông bèn tổ chức 1 đoàn đi sứ ra nước ngoài, nhưng người được cử đi nhất thiết phải là người tâm phúc. Ông liền nghĩ tới 1 hoạn quan từng theo ông nhiều năm, đó là Trịnh Hòa, người thích hợp nhất với nhiệm vụ này. Trịnh Hòa họ Mã,

tên từ nhỏ là Tam Bảo, xuất sinh trong 1 gia đình tộc Hồi ở Vân Nam. Đời ông và cha của ông đều theo đạo Hồi, đã từng hành hương tới thánh địa La Mec Cơ nay thuộc Ả rập Xê út). Từ nhỏ, Trịnh Hòa đã được cha kể cho nghe tình hình ở nước ngoài, sau này ông vào làm thái giám ở trong cung Yên vương, vì tỏ ra thông minh, tháo vát nên được Yên vương, sau là Minh Thành Tổ yêu mến. Cái tên Trịnh Hòa là do Minh Thành Tổ đặt cho ông. Nhưng dân gian quen gọi tên thật của ông là "Tam Bảo thái giám". Trong sử sách sau này, cũng có sách vẫn dùng tên "Tam Bảo thái giám".

Tháng 6 năm 1405, Minh Thành Tổ chính thức cử Trịnh Hòa làm sứ giả, dẫn theo 1 đoàn thuyền đi sứ "Tây Dương". Tên "Tây Dương" mà thời đó sử dụng, không phải để chỉ Châu Âu như sau này, mà là chỉ vùng biển phía nam và phía tây Trung Quốc, tức Nam Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương ngày nay. Đoàn thuyền của Trịnh Hòa chở hơn 2 vạn 7 ngàn 800 người. Ngoài binh lính có thủy thủ, còn có nhân viên kĩ thuật, phiên dịch viên, thầy thuốc. Họ đi trên 62 con thuyền lớn. Loại thuyền này dài 44 trượng (tương đương $44 \times 3,33 = 147\text{m}$), rộng 18 trượng (= 60m), là loại thuyền lớn ít thấy thời đó. Đoàn thuyền xuất phát từ Lưu Gia Hà, Tô Châu; đi qua ven biển Phúc Kiến rồi giương buồm đi xuống ở phía nam. Trước hết, Trịnh Hòa ghé vào Chiêm Thành, sau đó tới Gia va-Xumato-ra, Xơri Lan Ka. Ông đem theo nhiều vàng bạc, của cải tới mỗi nước, đều đệ trình thư của Minh Thành Tổ và đưa nhiều lễ vật ra biếu, mong được cùng qua lại hữu hảo. Nhiều nước thấy Trịnh Hòa đem theo nhiều thuyền lớn như vậy, lại có thái độ hòa nhã, không có ý uy hiếp, đều nhiệt tình tiếp đãi. Lần đi sứ này của Trịnh Hòa kéo dài tới 3 năm 9 tháng mới về nước. Quốc vương các nước nhân chuyến về nước của Trịnh Hòa, đều cử sứ giả mang theo nhiều lễ vật về cùng, tới thăm Trung Quốc. Trên đường, tuy gặp mấy lần có gió to sóng lớn, nhưng nhờ có những thủy thủ nhiều kinh nghiệm nên không có sự cố gì. Chỉ có 1 việc phiền toái xảy ra khi thuyền về qua 1 cảng của Xumato-ra. Nơi đây có 1 tên cầm đầu bọn giặc biển, tên là Trần Tổ Nghĩa. Hắn chiếm 1 hòn đảo nhỏ, tụ tập 1 số tay chân, chuyên cướp bóc của cải của thương dân đường biển. Lần này nghe tin đoàn thuyền của

Trịnh Hòa đem theo nhiều của cải thì nổi lòng tham, liền cùng đồng bọn vờ làm vẻ tiếp đón, rồi nhân lúc không phòng bị, xông lên cướp bóc. Kế hoạch đó được 1 người địa phương biết được, liền báo tin cho Trịnh Hòa.

Trịnh Hòa nghĩ, trong tay mình có 2 vạn quân lính, sợ gì bọn cướp nhỏ. Nhưng chúng đã tới, thì phải cho chúng 1 bài học. Ông liền ra lệnh cho các thuyền tản khai, bỏ neo ngoài cửa cảng, và chuẩn bị đầy đủ thuốc súng, đao thương, sẵn sàng nghênh chiến. Đêm khuya, sóng biển yên lặng, Trần Tổ Nghĩa dẫn bọn giặc biển dùng mấy chục chiếc thuyền nhỏ xông vào cảng, chuẩn bị tập kích. Bỗng thấy 1 tiếng pháo nổ trên thuyền chỉ huy của Trịnh Hòa, các thuyền xung quanh đều lướt tới, vây chặt đoàn thuyền của bọn giặc biển. Quân Minh đông hơn, lại có chuẩn bị, nên bọn giặc biển đại bại. Đạn lửa trên thuyền lớn phóng xuống làm thuyền của bọn giặc biển bốc cháy. Trần Tổ Nghĩa muốn chạy nhưng không thoát, đã bị bắt sống. Trịnh Hòa trói Tổ Nghĩa lại, giải về Trung Quốc, tới kinh thành dâng nộp tù binh cho Minh Thành Tổ, đồng thời dâng nhiều lễ vật của các nước. Minh Thành Tổ thấy Trịnh Hòa làm xuất sắc nhiệm vụ đi sứ thì vô cùng phấn khởi. Sau này, Minh Thành Tổ tin rằng Kiến Văn Đế chết thật rồi, không cần thiết đi tìm nữa. Nhưng việc đi sứ nước ngoài, vừa đề cao được uy tín quốc gia, vừa xúc tiến được quan hệ buôn bán với các nước Tây Dương, có rất nhiều cái lợi. Vì vậy, sau lần đó, Minh Thành Tổ vẫn tiếp tục cử Trịnh Hòa dẫn thuyền đội đi Tây Dương. Từ năm 1405 đến 1433, trong gần 30 năm, Trịnh Hòa trước sau đã 7 lần dẫn đội thuyền đi qua Ấn Độ Dương, tới thăm hơn 30 quốc gia, xa nhất là Xô Ma Li thuộc Châu Phi.

Sau chuyến đi lần thứ 6 về nước, Minh Thành Tổ bị bệnh chết, con là Chu Cao Chức nối ngôi. Đó là Minh Nhân Tông. Không đầy 1 năm, Minh Nhân Tông chết. Kế thừa hoàng vị là 1 chú bé mới đầy 9 tuổi là Chu Chiêm Cơ. Đó là Minh Tuyên Tông, niên hiệu Tuyên Đức, do bà nội là Từ thái hậu và 3 lão thần nắm quyền. Các đại thần thấy Trịnh Hòa đã 7 lần đi sứ, tốn nhiều tiền của quốc gia, nên đã đình chỉ việc hàng hải. 7 lần ra biển của Trịnh Hòa, đã tỏ ra tinh thần dũng cảm trong việc thám hiểm của người

Trung Quốc và chứng tỏ kỹ thuật hàng hải của Trung Quốc lúc đó đã đạt tới trình độ cao. Qua việc đi sứ của Trịnh Hòa, đã xúc tiến được việc trao đổi kinh tế văn hóa giữa Trung Quốc với với nhiều nước Á Phi. Tới tận bây giờ, tại các nước đó còn lưu truyền nhiều sự tích về Tam Bảo thái giám.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Trận Thảm Bại Thổ Mộc Bảo

Khi Minh Thái Tổ trị vì, ông rút kinh nghiệm việc hoạn quan chuyên quyền dẫn tới tình hình hỗn loạn trong các triều đại trước, nên đã ban bố 1 quy định không cho phép hoạn quan tham gia vào chính sự. Ông viết quy định đó trên 1 tấm gang lớn, treo trong cung, yêu cầu con cháu đời sau phải tuân theo. Nhưng đến đời Minh Thành Tổ, quy định đó bị phế bỏ. Vì đã cướp ngôi hoàng đế từ tay cháu, Minh Thành Tổ luôn lo ngại bị các đại thần phản đối, chỉ tin tưởng vào các hoạn quan ở gần mình. Sau khi dời đô lên Bắc Kinh, ông cho thiết lập "đông xưởng" ở ngoài Đông An Môn, chuyên dùng để do thám các đại thần và dân chúng, phát hiện những ai có biểu hiện mưu phản. Ông sợ các đại thần ngoài hoàng cung không đáng tin cậy, nên trao cho các thái giám thân tín làm đề đốc đông xưởng. Vì vậy, quyền lực các hoạn quan ngày càng lớn. Đến đời Minh Tuyên Tông, ngay đến việc phê duyệt sớ tấu, cũng do hoạn quan viết thay hoàng đế, gọi là "Tư lễ giám". Quyền lực của hoạn quan lại càng lớn hơn.

Vào 1 năm, hoàng cung tuyển chọn 1 loạt thái giám. Một tên lưu manh ở Úy Châu (nay là huyện Úy, Hà Bắc) tên là Vương Chấn, hồi trẻ có được học hành chút ít, đi thi mấy lần không đỗ, chỉ làm chức giáo quan ở huyện. Sau, hấn phạm tội, đáng ra phải sung quân, nhưng nghe nói trong cung tuyển thái giám, liền tình nguyện xin hoạn để vào cung. Trong cung, rất ít thái giám biết chữ, chỉ có Vương Chấn là tương đối biết chữ nghĩa nên được bọn thái giám gọi là Vương tiên sinh. Sau, Minh Tuyên Tông cử hấn giúp thái tử Chu Kỳ Chấn đọc sách. Chu Kỳ Chấn tuổi trẻ ham chơi, Vương Chấn liền bày ra đủ trò vui để chiều ông hoàng đế tương lai. Vì vậy,

hắn được Chu Kỳ Trấn rất yêu mến. Minh Tuyên Tông chết, Chu Kỳ Trấn nối ngôi khi vừa tròn 9 tuổi. Đó là Minh Anh Tông. Vương Chấn liền được phong làm Tư lễ giám, giúp Minh Anh Tông phê duyệt mọi sổ tấu. Minh Anh Tông chỉ 1 mực say mê hoan lạc, không hỏi han gì tới quốc sự, Vương Chấn nhân cơ hội đó, nắm đại quyền về quân sự chính trị trong tay. Các quan trong triều ai làm hắn phật ý, thì nếu không bị cách chức, cũng bị sung quân. Nhiều vương công quý thích xúm vào nịnh nọt Vương Chấn, gọi hắn là "Ông phụ" (tức coi như cha, ông). Quyền lực của Vương Chấn lên tới tuyệt đỉnh trong triều.

Lúc bấy giờ, bộ lạc Ngõa Lạt của Mông Cổ ở phía bắc Trung Quốc rất lớn mạnh. Năm 1449, thủ lĩnh Ngõa Lạt là Dã Tiên dẫn sứ đoàn 3000 người tới Bắc Kinh, đem tiến cống 1 số ngựa và yêu cầu ban thưởng vàng bạc. Vương Chấn phát hiện thấy Dã Tiên báo gian số người, nên giảm bớt tiền thưởng. Dã Tiên cầu hôn con gái triều Minh cho con trai hắn, cũng bị Vương Chấn cự tuyệt. Điều này làm Dã Tiên nổi giận, liền dẫn kỵ binh Ngõa Lạt tiến công Đại Đồng. Tướng Minh giữ Đại Đồng đem quân chống lại, bị quân Ngõa Lạt đánh cho đại bại. Quan chức phòng thủ biên giới gửi công văn cáo cấp lên triều đình. Minh Anh Tông hoảng hốt triệu tập các đại thần lại bàn. Đại Đồng ở cách Úy Châu, quê hương của Vương Chấn không xa. Ở đó có nhiều ruộng nương của Vương Chấn. Hắn sợ Úy Châu bị quân Ngõa Lạt xâm chiếm, nên tìm mọi cách xin Anh Tông dẫn quân thân chinh. Thượng thư bộ binh là Quảng Dã và Thị lang bộ binh Vu Khiêm đều cho rằng triều đình chưa chuẩn bị đầy đủ, không thể để hoàng đế ngự giá thân chinh được. Minh Anh Tông vốn không có chủ kiến, Vương Chấn nói gì cũng nghe theo. Vì vậy, mặc cho các đại thần khuyên ngăn, Anh Tông hấp tấp quyết định thân chinh. Minh Anh Tông để em là Thành vương Chu Kỳ Ngọc cùng Vu Khiêm ở lại giữ Bắc Kinh; còn mình cùng Vương Chấn, Quảng Dã và hơn 100 quan chức, dẫn 50 vạn đại quân xuất phát từ Bắc Kinh, rầm rộ tiến lên Đại Đồng. Lần ra quân này không được chuẩn bị kỹ lưỡng, kỷ luật quân đội lỏng lẻo, trên đường lại gặp mưa to gió lớn, mới đi được mấy ngày, lương thực đã không được tiếp tế đủ. Binh sĩ vừa đói vừa

rét, nên vừa chạm trán với quân Ngõa Lạt, đã kêu khổ gầm trời. Tới gần Đại Đồng, quân lính thấy trên đồng ruộng ngoài vi phời đầy thi thể quân Minh, thì càng mất tinh thần. Có đại thần thấy tinh thần quân lính xuống thấp, liền khuyên Anh Tông lui quân, bị Vương Chấn chửi mắng thậm tệ, lại phạt quì 1 ngày.

Mấy hôm sau, đội tiền phong của quân Minh bị quân Ngõa Lạt tiêu diệt hoàn toàn ở bên thành Đại Đồng. Các cánh quân Minh vội vã lùi lại. Tới lúc đó, Vương Chấn cảm thấy tình hình nguy cấp, mới hạ lệnh lui quân về Bắc Kinh. Lẽ ra, đã lui quân thì cần càng nhanh càng tốt, nhưng Vương Chấn lại muốn vênh vang với quê hương Úy Châu, nên khuyên Anh Tông về Úy Châu đóng lại mấy ngày. Mấy chục vạn tướng sĩ rời Đại Đồng, đi 40 dặm tới Úy Châu. Lúc đó, Vương Chấn nghĩ lại, thấy để số quân đông như thế về Úy Châu, sẽ xéo nát hết hoa màu trên đồng ruộng của hãn, nên vội vàng hạ lệnh quay lại. Vì đi quanh co như thế nên đã kéo dài thời gian hành quân, bị quân truy kích của Ngõa Lạt đuổi kịp. Quân Minh vừa chống đỡ, vừa rút lui tới tận Thổ Mộc Bảo (ở phía đông Hoài Lai, Hà Bắc ngày nay). Lúc đó, trời đã xế chiều, có người khuyên Anh Tông nên nhân lúc trời chưa tối, đi gấp tới thành Hoài Lai gần đó rồi hãy nghỉ, đề phòng khi quân Ngõa Lạt đánh tới, đã có thành quách cố thủ. Nhưng Vương Chấn thấy mấy ngàn cỗ xe chở tài sản của hãn chưa tới kịp, nên nhất định bắt toàn quân dừng lại ở Thổ Mộc Bảo. Thổ Mộc Bảo tuy gọi là "bảo" (có nghĩa là thành quách, pháo đài) nhưng thực ra không có thành quách gì. Đại quân Minh, cả người và ngựa đi suốt mấy ngày, khát cháy cổ nhưng không tìm ra nguồn nước. Cách Thổ Mộc Bảo 15 dặm có 1 con sông, đã bị quân Ngõa Lạt chiếm. Quân lính phải đào giếng lấy nước, nhưng đào sâu tới 2 trượng (6,6m) vẫn không thấy nước.

Hôm sau, trời vừa mờ sáng, quân Ngõa Lạt tới Thổ Mộc Bảo, vây chặt quân Minh lại. Minh Anh Tông biết khó phá được vây, đành cử người sang gặp Dã Tiên xin hòa. Dã Tiên biết Minh còn nhiều quân, nếu chỉ dùng sức mạnh thì sẽ bị thiệt hại, liền giả vờ đồng ý nghị hòa, cho ngừng tiến công.

Minh Anh Tông và Vương Chấn ngỡ là thực, rất vui mừng, liền ra lệnh cho quân lính ra vùng xung quanh tìm nước. Quân lính tranh nhau tìm tới các hào rãnh và ngòi lạnh, tất cả ồn ào hỗn loạn, các tướng không thể ngăn lại được. Lúc đó, quân Ngõa Lạt từ các nơi mai phục ở 4 phía ào ạt xông tới, vùng trường thương đại đao thét lớn: "Kẻ nào đầu hàng sẽ không giết".

Quân Minh bị bất ngờ, cuống cuồng vứt bỏ khôi giáp, chạy thục mạng tan tác. Quân Ngõa Lạt đuổi theo sát, số quân Minh bị bắt bị giết nhiều không kể xiết. Binh bộ thượng thư Quảng Dã cũng chết trong đám loạn quân. Minh Anh Tông và Vương Chấn được cấm quân hộ tống, mấy lần muốn phá vây, nhưng không ra được. Vương Chấn thường ngày tác uy tác phúc, lúc đó sợ hãi run như cầy sấy. Tướng lĩnh cấm quân là Hàn Trung xưa nay vốn đã căm giận tên hại nước hại dân đó, phần nộ xông tới nói: "Ta vì nhân dân trăm họ, phải giết tên gian tặc là mày!". Nói xong, vùng búa lớn trong tay nện thẳng vào đầu Vương Chấn, kết thúc tính mạng của hắn. Hàn Trung giết xong Vương Chấn, liền xông vào giao chiến dữ dội với quân Ngõa Lạt, cuối cùng hy sinh giữa trận.

Minh Anh Tông thấy không còn hy vọng chạy thoát, liền xuống ngựa, ngòi dưới đất chờ chết. Các đại thần phò tá đều bị quân Ngõa Lạt xông vào chém giết (trong số đó có Trương Phụ, viên tướng tàn bạo đã từng cầm quân xâm chiếm Việt Nam thời Hồ). Minh Anh Tông bị quân Ngõa Lạt bắt làm tù binh. Lịch sử gọi sự kiện đó là "Thổ mộc chi biến" (sự biến Thổ Mộc). Qua cuộc chiến đó, 50 vạn quân Minh bị tổn thất 1 nửa. Lực lượng triều Minh thương tổn nặng nề. Thủ lĩnh Ngõa Lạt là Dã Tiên càng thêm ngang ngược. Kinh thành Bắc Kinh bị uy hiếp nghiêm trọng. Công việc phòng thủ Bắc Kinh trở thành của Chu Kỳ Ngọc và Vu Khiêm.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Vu Khiêm Bảo Vệ Bắc Kinh

50 vạn đại quân Minh đại bại ở Thổ Mộc Bảo, tin dữ truyền về Bắc Kinh khiến thái hậu và hoàng hậu lẫn khóc thảm thiết. Họ cho lấy trong kho nội cung rất nhiều vàng bạc châu báu, lựa là gấm vóc rồi ngầm sai thái giám đi tìm quân Ngõa Lạt, xin chuộc Anh Tông về. Kết quả tất nhiên là không đạt được.. Thương binh từ Thổ Mộc Bảo chạy về, người cụt tay, kẻ mất chân, lũ lượt xuất hiện trên đường phố Bắc Kinh, khiến dân kinh thánh càng hoang mang sợ hãi. Không ai biết tung tích của hoàng đế ở đâu. Mặt khác, trong kinh thành còn rất ít quân mã, lỡ quân Ngõa Lạt tới thì biết làm thế nào? Để yên lòng dân, hoàng thái hậu ra chiếu ủy thác Thành vương Chu Kỳ Ngọc làm giám quốc (tức thay thế chức quyền hoàng đế), đồng thời triệu tập các đại thần, bàn bạc đối phó với quân Ngõa Lạt. Các đại thần mỗi người 1 ý, không biết nên làm thế nào. Đại thần Từ Hữu Trinh nói: "Quân Ngõa Lạt rất mạnh, không sao chống nổi. Thần xem thiên tượng, thấy kinh thành sẽ gặp nạn lớn. Chi bằng chạy xuống miền nam, tạm tránh một thời gian, rồi sẽ tính sau".

Binh bộ thị lang Vu Khiêm lập tức nghiêm mặt, tâu với thái hậu và Thành vương: "Ai chủ trương bỏ chạy, nên đem chém! Kinh thành là cái gốc của quốc gia, nếu triều đình chuyển đi thì đại cục sẽ hỏng. Chẳng lẽ mọi người quên bài học triều Tống hay sao?".

Chủ trương của Vu Khiêm được rất nhiều đại thần tán thành. Thái hậu liền quyết định trao cho Vu Khiêm nhiệm vụ chỉ huy quân dân giữ thành. Vu Khiêm là anh hùng nổi tiếng thời Minh, quê tại Tiền Đường, Triết

Giang (nay là Hàng Châu). Từ nhỏ, ông đã có chí lớn. Tổ phụ của ông có giữ 1 bức họa Văn Thiên Tường. Vu Khiêm vô cùng khâm phục người anh hùng đó, liền treo bức họa đó lên tường học, tỏ ý nhất định noi theo tấm gương Văn Thiên Tường. Khi trưởng thành, ông thi đỗ tiến sĩ, làm quan ở mấy địa phương. Ở đâu, ông cũng giữ nghiêm pháp luật, chính trực liên khiết, hết lòng vì việc công. Sau ông làm tuần phủ Hà Nam, đã khuyến khích sản xuất, cứu tế dân bị thiên tai đói kém, luôn chú ý chăm lo đời sống nhân dân. Khi Vương Chấn chuyên quyền, tể tham nhũng lan tràn, mỗi khi quan địa phương lên kinh tâu việc, bao giờ cũng phải đem bạc nén lên đút lót cấp trên. Chỉ riêng Vu Khiêm không bao giờ đem lễ vật. Có người khuyên ông: "Ngài không mang theo vàng bạc châu báu, lẽ nào lại không đem theo một ít thổ sản?".

Vu Khiêm thấy 2 cánh tay áo rộng, cười nói: "Ta chỉ có gió lành mà thôi!".

Ông còn viết 1 bài thơ, tỏ thái độ của mình. Hai câu thơ cuối của bài thơ như sau:

"Thanh phong lưỡng tụ triều thiên khứ,
miễn đắc la diêm thoại đoản trường".

Tạm dịch"

"Hai tay áo rộng chầu thiên tử,
khỏi để dân gian nói thị phi."

Vì Vu Khiêm cương trực không xu nịnh, nên đã làm Vương Chấn phật ý, hăn liền xúi giục đồng đảng vu cáo Vu Khiêm, giam ông vào nhà lao, toan xử ông vào tội chết. Các quan lại và dân chúng vùng Hà Nam, Sơn Tây được tin Vu Khiêm bị vu cáo, liền tụ tập hàng ngàn hàng vạn người ký đơn thỉnh nguyện lên Minh Anh Tông, xin tha Vu Khiêm. Bọn Vương

Chấn thấy sự phẫn nộ của đông đảo dân chúng là đáng gờm, mặt khác cũng không có chứng cứ gì cụ thể, đành tha Vu Khiêm và trả lại chức vụ cho ông. Sau đó, ông được điều lên kinh thành làm Bộ binh thị lang. Lần này, trong giờ phút kinh thành nguy cấp, Vu Khiêm dũng cảm đứng ra đảm nhận việc giữ thành. Một mặt, ông điều binh khiển tướng, tăng cường binh lực phòng thủ kinh thành và các cửa quan trọng yếu; 1 mặt chinh đốn nội bộ, lùng bắt bọn gian tế làm tay trong cho quân Ngõa Lạt. Một hôm, giám quốc là Thành vương Chu Kỳ Ngọc lâm triều, các đại thần xôn xao yêu cầu công bố tội trạng của Vương Chấn. Chu Kỳ Ngọc không dám làm việc này. Tên hoạn quan Mã Thuận, là đồng đảng của Vương Chấn, thấy các đại thần không chịu lui triều, liền lớn tiếng muốn đuổi họ ra. Hành động của hắn khiến các đại thần nổi giận, 1 người xông lên tóm lấy hắn, mọi người hòa theo, xúm lại đấm đá, làm Mã Thuận chết tại chỗ. Chu Kỳ Ngọc thấy triều đình đại loạn, toan chạy trốn vào nội cung. Vu Khiêm ngăn lại nói: "Vương Chấn là tên đầu sỏ gây nên thất bại trong cuộc chiến tranh vừa rồi, không công bố rõ ràng tội trạng thì không dẹp yên được sự căm phẫn của nhân dân. Nếu giám quốc đại vương công bố rõ tội trạng của hắn, thì các đại thần mới yên tâm!".

Chu Kỳ Ngọc nghe theo ý kiến Vu Khiêm, hạ lệnh tịch thu gia sản Vương Chấn, trừng phạt 1 số đồng đảng của hắn. Lòng dân kinh thành nhờ thế mà an định lại. Thủ lĩnh Ngõa Lạt là Dã Tiên sau khi bắt sống được Minh Anh Tông, không giết mà giữ lại làm con tin, thường xuyên quấy phá biên giới. Thấy triều đình không thể thiếu vua, Vu Khiêm và 1 số đại thần liền tâu xin thái hậu chính thức đưa Chu Kỳ Ngọc lên ngôi hoàng đế, còn Minh Anh Tông đang bị bắt, được gọi là Thái thượng hoàng. Chu Kỳ Ngọc được chỉ định lên làm hoàng đế. Đó là Minh Đại Tông (còn gọi là Cảnh Đế). Dã Tiên biết triều Minh quyết tâm chống lại Ngõa Lạt, liền lấy cớ đưa Minh Anh Tông trở về, để mang quân đội tiến về Bắc Kinh. Tháng 10 năm đó, quân Ngõa Lạt nhanh chóng đánh tới chân thành Bắc Kinh, hạ trại ở ngoài Tây Trục Môn. Vu Khiêm liền triệu tập các tướng bàn đối sách. Đại tướng Thạch Hanh cho rằng quân Minh thiếu binh lực, nên rút vào trong

thành cố thủ, lâu ngày có thể quân Ngõa Lạt phải lui. Vu Khiêm nói: "Kẻ địch hung hăng như vậy, nếu chúng ta tỏ ra mềm yếu thì chỉ làm cho chúng thêm hung hãn. Chúng ta cần chủ động đưa quân ra, đánh cho chúng một đòn đích đáng". Sau đó, ông phái 1 số tướng đem quân ra khỏi thành, bày thế trận.

Sau khi Vu Khiêm bố trí xong trận thế, ông liền đích thân dẫn 1 cánh quân ra trấn giữ ngoài Đức Thắng Môn, bảo tướng giữ thành đóng chặt các cửa thành lại, tỏ rõ quyết tâm chỉ tiến không lùi. Đồng thời, ông hạ 1 quân lệnh, quy định nếu tướng lĩnh nào ra trận mà bỏ đội ngũ lui về thì sẽ bị chém; binh sĩ nào không nghe chỉ huy, khi lâm trận bỏ chạy, thì tướng sĩ phía sau được quyền chém. Các tướng sĩ được cổ vũ bởi tinh thần kiên quyết dũng cảm của Vu Khiêm, đều cảm động hăng hái, quyết tâm giao chiến với quân Ngõa Lạt, bảo vệ kinh thành. Lúc đó, quân Minh từ các địa phương nhận được mệnh lệnh của triều đình, đều lục tục kéo về chi viện cho Bắc Kinh. Quân Minh ngoài thành tăng lên tới 22 vạn. Quân Minh có thanh thế mạnh, bố trí phòng bị nghiêm chỉnh, nên Dã Tiên mở mấy cuộc tiến công, đều bị quân Minh dũng cảm đánh chặn. Dân chúng cũng phối hợp với quân đội, trèo lên mái nhà, bờ tường, dùng gạch ngói ném vào kẻ địch. Qua 5 ngày kịch chiến, quân Ngõa Lạt tổn thất nghiêm trọng. Dã Tiên đứng trước tình thế bất lợi, lại sợ đường lui quân bị cắt đứt, không dám chiến đấu nữa, phải đem theo Minh Anh Tông và tàn binh bại tướng rút lui. Vu Khiêm đợi cho Minh Anh Tông đã đi xa, liền dùng hỏa pháo bắn mạnh, sát thương thêm số quân Ngõa Lạt. Cuộc chiến đấu bảo vệ Bắc Kinh giành được thắng lợi rực rỡ.

Vu Khiêm lập công lớn, được quân dân kinh thành vô cùng yêu mến. Minh Đại Tông hết sức tôn trọng ông. Thấy nhà ở của Vu Khiêm quá sơ sài, chỉ đủ che mưa che gió, Đại Tông liền xây cho ông 1 phủ đệ; nhưng Vu Khiêm từ chối. Ông nói: "Nay là lúc nước nhà gặp nạn, sao thần có thể nghĩ tới việc hưởng thụ được".

Sau thất bại, Dã Tiên thấy giữ mãi Minh Anh Tông cũng chẳng có ích gì, liền tha cho Minh Anh Tông về Bắc Kinh. Vu Khiêm 1 lòng bảo vệ quốc gia, nhưng Từ Hữu Trinh, kẻ đã chủ trương bỏ chạy trong lúc Bắc Kinh nguy cấp, bị Vu Khiêm lên án nặng nề; và đại tướng Thạch Hanh, đã có lần bị Vu Khiêm quở trách, vẫn ôm mối hận trong lòng, ngấm ngấm tìm thời cơ để trả hận. Anh Tông về Bắc Kinh được 7 năm, tức vào năm 1457 thì Minh Đại Tông ốm nặng. Từ Hữu Trinh, Thạch Hanh cấu kết với 1 số hoạn quan, đem quân xông vào hoàng cung, lại tôn Minh Anh Tông Chu Kỳ Trấn lên làm vua. Lịch sử gọi sự kiện này là "đoạt môn chi biến" (sự biến chiếm đoạt cửa cung). Ít lâu sau, Minh Đại Tông chết. Minh Anh Tông trở lại ngôi hoàng đế, vốn đã tức giận Vu Khiêm giúp em mình lên ngôi hoàng đế trong lúc ông bị bắt, lại thêm lời vu cáo Từ Hữu Trinh, Thạch Hanh, liền dụng tâm độc án, ghép Vu Khiêm vào tội "mưu phản" và giết hại ông. Nhân dân Bắc Kinh nghe tin Vu Khiêm bị giết 1 cách oan uổng, thì già trẻ gái trai đều đau đớn khóc rờn. Người ta lưu truyền bài thơ "Vịnh vôi" mà ông làm lúc còn trẻ

"Thiên chùy bách tạc xuất thâm sơn,

Liệt hỏa phần thiêu nhược đẳng nhàn.

Phần cốt toái thân hồn bất phạ,

Yến lưu thanh bạch tại nhân gian".

Dịch thơ:

"Đục phá người mang khối núi non,

Lửa hừng thiêu đốt chẳng sờn gan.

Tấm thân tan nát không hề sợ,

Thanh bạch còn lưu tại thế gian".

Mọi người đều cho rằng, những câu thơ đó đã miêu tả hết sức đúng cuộc đời của Vu Khiêm.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Dương Nhất Thanh Dùng Kế Trừ Lưu Cẩn

Sau sự kiện Thổ Mộc Bảo, vương triều Minh bắt đầu đi xuống. Mấy hoàng đế sau Minh Anh Tông đều tối tăm hủ bại. Họ không rút được bài học từ vụ Vương Chấn làm hại nước, vẫn một mực dựa vào hoạn quan. Tình hình hoạn quan lũng đoạn triều chính càng ngày càng nghiêm trọng. Khi Minh Hiến Tông Chu Kiến Thâm (con của Anh Tông) tại vị, hoạn quan Ôn Trực chuyên quyền, ngoài "đông xưởng" thiết lập từ trước, còn lập thêm "tây xưởng" tăng cường bộ máy đặc vụ, giết oan rất nhiều người. Năm 1505, Minh Vũ Tông Chu Hậu Chiến lên ngôi. Cạnh ông ta có 8 hoạn quan, thường hầu hạ ông ta cưỡi ngựa, đánh cầu, đuổi hươu, săn thỏ. Tên đứng đầu số hoạn quan đó là Lưu Cẩn. Minh Vũ Tông chỉ ham chơi, thấy bọn Lưu Cẩn luôn chiều theo ý mình quý chuộng chúng. 8 tên hoạn quan đó dựa thế hoàng đế, tha hồ ra ngoài cung làm mọi chuyện phi pháp. Dân gọi chúng là "bát hổ".

Một số đại thần khuyên can Vũ Tông, xin Vũ Tông trừ bỏ 8 con hổ dữ đó. Bọn Lưu Cẩn được tin, liền khóc lóc với Vũ Tông. Minh Vũ Tông không những không nghe lời can gián của đại thần, mà còn thăng Lưu Cẩn lên chức Tư lễ giám và cho 2 tên đồng đảng của Lưu Cẩn làm đề đốc đông xưởng và tây xưởng. Năm quyền lớn trong tay, Lưu Cẩn liền tập hợp các đại thần, bắt quì trước Kim Thủy Kiều, công bố ghép tội 1 loạt đại thần là "gian đảng" và đuổi khỏi triều đình. Hàng ngày, bọn Lưu Cẩn bày ra đủ trò vui thú cho Vũ Tông, đợi tới khi Vũ Tông ham chơi, mới đưa hàng loạt sớ tấu của đại thần xin Vũ Tông phê duyệt. Minh Vũ Tông bực mình nói: "Ta

nuôi các người để làm gì? Có mấy việc vặt thế này bắt ta tự làm hay sao?". Nói xong, quăng các số tấu cho Lưu Cần.

Từ đó, bất kì việc lớn việc nhỏ, Lưu Cần đều không trình lên nữa. Hãn chuyên quyền độc đoán, giả truyền ý chỉ hoàng đế cho các đại thần. Bản thân Lưu Cần không thông thạo chữ nghĩa, nên đọc không hiểu nội dung các số tấu, liền mang về nhà cho đồng đảng và thân thích xử lý. Một số vương công đại thần biết rằng số tấu của mình không được tới tay Vũ Tông, nên mỗi lần muốn tâu việc gì, chỉ đưa bản sao cho Lưu Cần, còn bản chính thì đưa ra trước triều đình. Dân gian lưu truyền 1 câu nói: "Trong thành Bắc Kinh có hai hoàng đế, một hoàng đế ngồi, một hoàng đế đứng; một Chu hoàng đế, một Lưu hoàng đế".

Sợ bị chống lại, Lưu Cần phái đặc vụ của đông xưởng, tây xưởng đi do thám khắp nơi. Hãn còn đặt thêm 1 "nội hành xưởng" do tự mình quản lý, giám thị cả công việc của đông xưởng, tây xưởng. Người nào bị bộ máy đó bắt bớ, đều chịu hình phạt tàn khốc. Số người bị bức hại lên tới mấy ngàn. Tiếng kêu than, oán giận của dân chúng vang dậy kinh thành. Lưu Cần còn lợi dụng quyền thế, hạch sách bóp nặn, đòi đưa hối lộ. Các quan địa phương tới kinh thành triều kiến, sợ Lưu Cần gây khó dễ, đều phải đưa lễ vật trước mặt hãn, mỗi lần có tới 2 vạn lượng bạc. Có viên quan vào kinh, không mang đủ nhiều tiền như thế, phải đi vay nặng lãi của các nhà hào phú trong kinh thành, sau khi về địa phương sẽ thu góp gửi trả. Tất nhiên, khoản tiền đó, lại bổ xuống đầu nhân dân lao động. Năm 1510, An Hóa vương Chu Chí Phiên lấy danh nghĩa chống Lưu Cần, khởi binh mưu phản. Minh Vũ Tông cử Dương Nhất Thanh là võ quan tổng quản vùng Ninh Hạ, Diên Tuy đem quân thảo phạt Chu Chí Phiên, đồng thời cử hoạn quan Trương Vĩnh làm giám quân. Dương Nhất Thanh nguyên là thống soái quân sự vùng Thiểm Tây, đã lập nhiều công trong việc huấn luyện quân đội, tăng cường lực lượng biên phòng. Vì ông là người chính trực, không phụ họa Lưu Cần nên bị Lưu Cần vu cáo, bức hại. Nhờ các đại thần nói

giúp, ông mới được tha và đuổi về quê. Lần này, Minh Vũ Tông cần người dẹp loạn, mới triệu ông về kinh.

Dương Nhất Thanh đến Ninh Hạ thì cuộc phản loạn đã được 1 bộ tướng cũ của ông dẹp yên. Dương Nhất Thanh và Trương Vĩnh giải Chu Chí Phiên trở về, dâng tù binh lên hoàng đế. Từ lâu, Dương Nhất Thanh đã có ý muốn trừ Lưu Cẩn. Ông dò biết Trương Vĩnh vốn là 1 thành viên trong "bát hổ", nhưng từ khi Lưu Cẩn đắc thế. Trương Vĩnh có mâu thuẫn với Lưu Cẩn, liền lôi kéo Trương Vĩnh về phía mình để thực hiện ý định đó. Trên đường về kinh, Dương Nhất Thanh mật đàm với Trương Vĩnh, nói: "Lần này nhờ Trương Công cùng ra sức, mới dẹp yên được phản loạn, thật là một việc vui mừng. Nhưng trừ một phiên vương còn dễ, còn trừ nội hoạn mới thật khó. Biết làm thế nào?".

Trương Vĩnh kinh ngạc hỏi: "Ngài nói nội hoạn là việc gì vậy?".

Dương Nhất Thanh ghé sát vào tai Trương Vĩnh, dùng ngón trỏ tay phải viết vào lòng bàn tay trái 1 chữ "Cẩn". Trương Vĩnh nhíu mày nói: "Kẻ đó hàng ngày ở bên mình hoàng thượng, lại nhiều tai mắt, muốn trừ hẳn đi rất khó!".

Dương Nhất Thanh nói: "Ngài cũng là thân tín của hoàng thượng. Lần này khải hoàn về kinh, hoàng thượng nhất định sẽ triệu kiến ngài. Nhân dịp đó, ngài tâu rõ nguyên nhân khiến Chu Chí Phiên mưu phản, nhất định hoàng thượng sẽ giết Lưu Cẩn. Đại sự mà thành công thì tên tuổi của ngài sẽ lưu truyền hậu thế".

Trương Vĩnh do dự 1 lát, rồi nói: "Lỡ ra không thành công thì sao?".

Dương Nhất Thanh nói: "Nếu hoàng thượng không tin, ngài có thể khóc lóc trình bày lòng trung thành với hoàng thượng, thì nhất định hoàng thượng sẽ nghe theo. Có điều việc này phải làm thật nhanh, nếu để chậm e rằng việc sẽ bị tiết lộ".

Trương Vĩnh vốn có hiềm khích với Lưu Căn, nay được Dương Nhất Thanh nêu ra và thúc giục, liền thấy vững dạ và quyết tâm thực hiện. Đến Bắc Kinh, Trương Vĩnh làm theo kế hoạch của Dương Nhất Thanh, ngay trong đêm vào gặp Vũ Tông, tố cáo Lưu Căn mưu phản. Minh Vũ Tông liền hạ lệnh cho Trương Vĩnh dẫn cấm quân đến bắt Lưu Căn. Lưu Căn không phòng bị gì, đang ngủ say, bị cấm quân xông vào trói lại, đưa vào nhà lao. Minh Vũ Tông sai cấm quân đến khám xét và tịch thu gia sản của Lưu Căn, phát hiện được 24 vạn nén vàng, 5 triệu nén bạc và vô số ngọc ngà châu báu. Ngoài ra, còn khám xét thấy long bào, đai ngọc, khôi giáp, vũ khí. Minh Vũ Tông lúc đó mới giật mình, lập tức xử tử Lưu Căn. Lưu Căn tuy bị giết, nhưng tình trạng ngu tối hủ bại của Vũ Tông đã nghiêm trọng tới mức không thể nào sửa được. Sau khi giết Lưu Căn, ông ta lại sùng bái 1 võ quan là Giang Bân. Giang Bân xúi giục hoàng đế, nhiều lần rời Bắc Kinh lên tìm thú vui chơi ở Tuyên Phủ (nay là Tuyên Hóa, Hà Bắc) để mọi quyền quân sự, chính trị cho Giang Bân giải quyết. Giang Bân vì vậy tha hồ tham nhũng, đòi hối lộ, bài xích người tốt.

Do sự thống trị thối nát của vương triều Minh, đất đai tập trung cao độ vào tay địa chủ, thuế má và lao dịch trút lên đầu nhân dân lao động rất nặng nề, nên các cuộc khởi nghĩa nhân dân liên tiếp nổ ra. Năm 1510, vùng phụ cận Bắc Kinh nổ ra cuộc khởi nghĩa do Lưu Lục, Lưu Thất lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa kéo dài trong 2 năm, nghĩa quân hoạt động trong phạm vi 8 tỉnh thuộc Hà Bắc, Sơn Đông, Sơn Tây, 4 lần tiến tới gần Bắc Kinh, giáng 1 đòn nặng nề vào vương triều Minh thối nát.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Dương Kế Thịnh Liều Chết Vạch Tội Nghiêm Tung

Sau khi Minh Vũ Tông chết, người em họ là Chu Hậu Thông lên ngôi hoàng đế. Đó là Minh Thế Tông (niên hiệu Gia Tĩnh). Khi mới lên ngôi, Minh Thế Tông có thực hiện 1 số biện pháp cải lương về chính trị, như hạn chế quyền lực của hoạn quan, chỉnh đốn lại việc thu thuế...Nhưng về sau, ông lại mê tín Đạo giáo, lập đàn cầu tiên trong cung, dần dần không chú ý hỏi han đến triều chính nữa. Trong các đại thần, hễ ai tán thành việc tín ngưỡng Đạo giáo thì đều được trọng dụng. Đại học sĩ Nghiêm Tung vì giỏi viết các bài văn cầu thần tiên nên dần dần leo lên chức Thủ phủ nội các (tương đương tể tướng). Nghiêm Tung không có thực tài gì, chỉ giỏi xu nịnh phụ họa. Hắn cùng với con là Nghiêm Thế Phiên tổ chức bè đảng, làm mọi việc phi pháp để kiếm lời, không kiêng dè 1 việc xấu xa nào. Một số triều thần thiếu nhân cách đều vào hùa với chúng, có 30 người nhận Nghiêm Tung làm cha nuôi. Có đủ vây cánh, hắn càng lạm quyền, lũng đoạn mọi việc triều chính.

Khi Nghiêm Tung nắm quyền, bộ lạc Đạt Đán (1 nhánh của tộc Mông Cổ) ở phía bắc dần lớn mạnh, thống nhất các bộ lạc Mông Cổ, tạo thành nỗi uy hiếp lớn với triều Minh. Nghiêm Tung không những không tăng cường chuẩn bị về quân sự, mà còn tham ô tiền quân lương, khiến binh sĩ chịu đói rét. Thủ lĩnh Đạt Đán là Yểm Đáp mấy lần đem quân tiến công vào lãnh thổ Trung Quốc, quân Minh đều không đủ lực lượng chống lại. Năm 1550, Yểm Đáp đem quân tiến rất sâu, tới tận ngoại ô ở Bắc Kinh. Minh Thế Tông cử 1 đồng đảng của Nghiêm Tung là Cừ Loan làm đại tướng quân. Chỉ huy viện quân các lộ bảo vệ kinh thành. Nghiêm Tung sợ Cừ Loan bị

thua, liền bảo Cừ Loan không được chống lại. Kết quả, quân Đạt Đán cướp đi rất nhiều người, súc vật và tài sản, chất đầy xe rồi chở đi. Mười mấy vạn quân Minh xung quanh kinh thành vẫn không động tĩnh gì. 1 năm sau, Cừ Loan lại cầu kết với Yểm Đáp, chuẩn bị giảng hòa với Đạt Đán. Sự kiện đó khiến 1 số đại thần chính trực căm phẫn, đặc biệt là binh bộ viên ngoại lang Dương Kế Thịnh. Dương Kế Thịnh, quê ở Dung Thành, Bảo Định, xuất thân nghèo khó. Năm ông lên 7 tuổi thì mẹ mất. Bị mẹ kế rất nghiệt ngã, bắt ông đi chăn bò. Khi chăn bò qua 1 trường tư thực, thấy các bạn nhỏ cùng thôn được đọc sách thì rất thích. Về nhà, ông nài nỉ người anh cho mình đọc sách. Người anh nói: "Em còn bé quá, đọc được sách gì?".

Dương Kế Thịnh nói: "Em chăn bò được, sao lại không đọc sách được?". Cha ông thấy ông có chí, liền cho ông vừa học chữ, vừa chăn bò. Quả nhiên, ông tiến bộ rất nhanh. Sau này, ông dự thi, đỗ tiến sĩ, được nhiều đại thần trong kinh thành quý trọng. Dương Kế Thịnh vốn nhân cách chính trực, thấy hành động làm mất chủ quyền, nhục quốc thể của Nghiêm Tung, của Cừ Loan thì không sao chịu nổi. Ông dâng sớ lên Minh Thế Tông, chống lại việc nghị hòa, mong triều đình xây dựng lực lượng, luyện binh tuyển tướng để chống lại Đạt Đán. Minh Thế Tông xem sớ tấu, có hơi suy nghĩ, nhưng bị bọn Cừ Loan xúc xiểm. Liền giáng chức và điều Dương Kế Thịnh đi làm điển sứ ở Địch Đạo (nay là Lâm Thao, Cam Túc). Dương Kế Thịnh đến Địch Đạo, không hề chán nản. Thấy dân ở đây là dân tộc thiểu số, không biết chữ, ông liền chọn hơn 100 thanh niên, tập trung lại mời thầy dạy chữ cho họ. Học sinh nào không có tiền, ông bán cả ngựa và quần áo của vợ con mình lấy tiền giúp đỡ họ. Nhân dân địa phương vô cùng yêu quý ông, đều gọi ông là "Dương phụ" (cha Dương).

Sau khi Dương Kế Thịnh bị biếm trích, triều Minh và Đạt Đán giảng hòa, cùng thông thương. Nhưng không lâu sau, Yểm Đáp phá hoại hòa ước, nhiều lần tiến quân vào biên giới. Mật mưu của Cừ Loan bị bại lộ, hãn sợ hãi phát bệnh rồi chết. Lúc đó, Minh Thế Tông mới thấy ý kiến Dương Kế

Thịnh là đúng, liền triệu ông về kinh. Nghiêm Tung muốn lôi kéo Dương Kế Thịnh, nhưng ông còn căm ghét hẳn hơn cả Cừ Loan nữa. Sau khi về kinh 1 tháng, ông dâng sớ lên Minh Thế Tông, đàn hạch Nghiêm Tung, vạch ra 10 tội lớn của hẳn, mỗi tội đều có chứng cứ cụ thể. Ông nói trong sớ tấu, là Nghiêm Tung có 10 tội lớn, nhưng vẫn giấu giếm được hoàng thượng là do có "5 loại gian" giúp hẳn, đó là bợn gián điệp, vây cánh, thân thích, tay sai, tâm phúc được bố trí dày đặc xung quanh Thế Tông. Sớ tâu đó vạch đúng những điểm yếu của Nghiêm Tung. Hẳn cuống cuồng khóc lóc, phân trần vu cáo lại Dương Kế Thịnh với Minh Thế Tông. Minh Thế Tông hồ đồ, nổi giận, sai đánh Dương Kế Thịnh 100 trượng, giam vào đại lao. Dương Kế Thịnh bị đình trượng tím bầm thân thể, 2 đùi nát bét, ngay cả lính coi ngục cũng thương xót. Nhưng Dương Kế Thịnh vẫn bình thản, coi như không có chuyện gì. Người thân và bạn bè thấy ông bị thương nặng, liền nhờ lính coi ngục chuyển vào cho ông thuốc mật rắn để điều trị. Dương Kế Thịnh từ chối không nhận nói: "Bản thân tôi cũng có mật, không cần dùng tới thứ đó".

Dương Kế Thịnh bị giam trong ngục suốt 3 năm, nhưng triều đình không tra xét ra tội gì. Một số người muốn tìm cách cứu ông ra khỏi ngục. Đồng bọn của Nghiêm Tung nói với hẳn: "Ngài không giết Dương Kế Thịnh thì khác gì nuôi hổ để nuôi hậu hoạn về sau?". Nghiêm Tung liền rắp tâm độc ác, xúi giục Minh Thế Tông hạ lệnh giết Dương Kế Thịnh. Trong 21 năm nắm quyền binh, Nghiêm Tung đã cài phe cánh vào khắp các chức vị quan trọng trong triều đình, nên quyền hành ngày càng lớn. Minh Thế Tông dần dần chán ghét hẳn. Một lần, Minh Thế Tông mời đạo sĩ Lam Đạo Hành lên đồng, Hành mượn ý chỉ của thần tiên, khuyên Thế Tông trừ bỏ Nghiêm Tung. Minh Thế Tông hơi xao xuyến, ngự sử Trâu Ứng Long nghe biết việc đó, thấy đây là cơ hội tốt để đánh đổ Nghiêm Tung, nhưng nghĩ tới chuyện Dương Kế Thịnh lại có phần do dự. Sau khi suy đi tính lại, ông quyết định trước hết hãy bắt đầu từ con Nghiêm Tung là Nghiêm Thế Phiên đã. Nghiêm Thế Phiên dựa vào quyền thế của cha, làm nhiều điều xằng bậy. Sớ tấu vạch tội Nghiêm Thế Phiên của Trâu Ứng Long vừa tâu lên, quả

nhiên Minh Thế Tông lập tức hạ lệnh trị tội, bắt sung quân tới Lôi Châu, đồng thời buộc Nghiêm Tung nghỉ hưu.

Nghiêm Thế Phiên và đồng đảng của hắn là bọn lưu manh liều mạng, vừa tới Lôi Châu, hắn liền lên trở về nhà, thu nạp thêm 1 số giặc cướp giang hồ, lại cấu kết với tên Hán gian là Ưông Trực và giặc biển, chuẩn bị chạy trốn sang Nhật Bản. Sự việc đó lại bị 1 ngự sử khác là Lâm Nhuận tố giác. Minh Thế Tông nhận được tin đó, hết sức kinh sợ, lập tức hạ lệnh bắt Nghiêm Thế Phiên và đồng đảng đem ra chém đầu thị chúng và cách chức Nghiêm Tung làm dân thường. Tên quyền thần lớn nhất triều Minh cuối cùng đã bị đánh đổ.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Hải Thụy Cương Trực Không Xu Nịnh

Trong những năm tháng Nghiêm Tung chuyên quyền, không những cha con hấn, mà ngay cả bọn tay chân bên dưới, không tên nào là không dựa thế làm càn, tác uy tác phúc. Trên từ đại thần trong triều đình, dưới đến quan lại các địa phương, không ai là không kiêng dè chúng. Nhưng tại huyện Thuần An tỉnh Triết Giang có 1 viên tri huyện, cứ làm việc theo phép công, không hề sợ đồng đảng của Nghiêm Tung. Viên tri huyện đó là Hải Thụy. Hải Thụy quê ở Quỳnh Sơn tỉnh Quảng Đông. Cha ông mất khi ông còn nhỏ, được mẹ nuôi dưỡng tới lúc trưởng thành, cảnh nhà rất túng bần. Năm hơn 20 tuổi, ông đỗ cử nhân, làm thầy giáo trường huyện, dạy dỗ học sinh rất nghiêm túc chu đáo. Ít lâu sau, ông được điều về huyện Thuận An tỉnh Triết Giang làm tri huyện. Trước kia các quan huyện khi xử án đều nhận hối lộ, tùy tiện định án. Hải Thụy tới Thuần An, xét xử rất nghiêm minh, chu đáo. Vụ án nào ông xử cũng đều được điều tra đầy đủ không bao giờ để người vô tội bị hàm oan. Nhân dân địa phương đều gọi ông là "Thanh Thiên" (trời xanh). Tổng đốc Triết Giang là Hồ Tông Hiến, cấp trên của ông là đồng đảng của Nghiêm Tung ý thế có người đỡ đầu trong triều đình, nên thả sức vòi vĩnh hạch sách. Ai dám trái lệnh hấn là gặp tai vạ. Một lần, con trai Hồ Tông Hiến dẫn 1 lũ tùy tùng đi qua Thuần An, trú tại trạm khách của huyện. Nếu là ở 1 huyện khác, quan huyện thấy công tử của Tổng đốc đại nhân tới thì sẽ ra sức hầu hạ cung phụng. Nhưng ở huyện Thuần An, Hải Thụy đã có quy định là bất kì người quyền quý nào qua lại, cũng đều tiếp đãi như khách bình thường.

Tên công tử con Hồ Tông Hiến quen được tôn kính, hầu hạ, nay thấy nhân viên dịch trạm đưa cơm thường lên, cho là coi thường mình, liền nổi giận hất đổ cơm và hét tùy tùng trói nhân viên lại treo lên xà nhà. Nha dịch trong trạm vội báo với Hải Thụy. Hải Thụy vốn đã biết Hồ công tử qua địa phương mình tất sẽ đem tới điều phiền toái. Nay thấy hãn treo nhân viên của mình lên, buộc phải ra tay. Nghe xong báo cáo, Hải Thụy làm vẻ trấn tĩnh nói: "Ngài tổng đốc vốn là một đại thần thanh liêm. Ngài từng căn dặn ta là chiêu đãi quan lại đi qua không được phô trương lãng phí. Nay lại xuất hiện loại công tử ăn chơi làm điều làm bộ, kiêu ngạo hống hách như thế thì nhất định không phải công tử con Hồ đại nhân đâu. Tất là có kẻ xấu ở nơi nào đó mạo xưng là công tử, để khoe khoang phách lối đánh lừa chúng ta đó thôi". Nói xong, ông đem theo 1 số sai dịch tới trạm khách bắt giữ con Hồ Tông Hiến và lũ tay sai đem về huyện nha thẩm vấn. lúc đầu, Hồ công tử còn dựa thế cha, quát tháo ầm ĩ; nhưng Hải Thụy cứ đổ riệt cho hãn là giả mạo và dọa sẽ dùng trọng hình xử phạt, hãn hoảng sợ phải xuống giọng phân trần. Hải Thụy cho khám hành lý của hãn, phát hiện mấy ngàn lạng bạc, liền cho sung công, rồi quở trách về hành vi làm náo loạn nhà khách và đuổi hãn đi khỏi huyện Thuận An.

Khi tên công tử về tới Hàng Châu, khóc lóc tố cáo với cha, thì báo cáo của Hải Thụy đã đệ lên dinh Tổng đốc, nói có kẻ mạo xưng là công tử, đánh đập dịch lại 1 cách phi pháp. Hồ Tông Hiến thấy rõ con mình đã bị hớ, nhưng trong công văn. Hải Thụy vẫn khẳng định đó không phải là công tử, nếu nay làm to chuyện ra thì lại tự làm mất thể diện, đành phải nuốt giận lờ đi. Không lâu sau, lại có 1 quan ngự sử là Yên Mậu Khanh do triều đình phái tới Triết Giang thị sát. Yên Mậu Khanh là con nuôi của Nghiêm Tung, chỉ giỏi việc hạch sách vùi vĩnh. Đến nơi nào quan địa phương không ngoan ngoãn dâng lên 1 khoản tiền lớn, thì hãn không buông tha. Quan lại các nơi hể nghe tin Yên Mậu Khanh sắp tới thị sát thì đều lo hoảng. Nhưng Yên Mậu Khanh luôn làm ra vẻ chí công vô tư, giữ nghiêm pháp luật. Hãn thông tri cho các địa phương, nói là xưa nay hãn chỉ thích giản dị, không muốn đón tiếp linh đình. Hải Thụy nghe tin Yên Mậu Khanh sắp tới Thuận

An, liền viết cho hắn 1 bức thư. Trong thư viết: "Chúng tôi nhận được thông tri cần tiếp đón đơn giản. Nhưng chúng tôi được biết, mỗi lần ngài tới nơi khác đều có yến tiệc linh đình, khiến chúng tôi rất khó nghĩ! Nếu làm theo thông tri, thì sợ phạm lỗi quá sơ sài với ngài, nếu lại phô trương rầm rộ như các địa phương khác, lại sợ làm trái lệnh của ngài. Vậy xin ngài chỉ bảo cho biết chúng tôi nên làm như thế nào?".

Yên Mậu Khanh thấy lá thư có ý lật tẩy mình thì nghiến răng giận dữ. Nhưng hắn cũng biết từ lâu rằng Hải Thụy là người cứng rắn, thiết diện vô tư, lại biết tin con Hồ Tông Hiến đã bị Hải Thụy cho 1 trận thích đáng thì có ý chờn, đành thay đổi ý định, bỏ quan Thuần An, đi sang địa phương khác. Vì việc đó, Yên Mậu Khanh rất căm Hải Thụy, nên đã xúi đồng đảng vu cáo Hải Thụy với Minh Thế Tông. Cuối cùng, Hải Thụy bị cách khỏi chức vụ tri huyện Thuần An. Sau khi Nghiêm Tung bị bãi chức, Yên Mậu Khanh cũng bị sung quân nơi xa, Hải Thụy mới được khôi phục quan chức, sau lại được điều lên kinh. Hải Thụy tới kinh thành, càng thấy tận mắt sự ngu tối của Minh Thế Tông và tình hình thối nát của triều đình. Tới lúc đó, đã hơn 20 năm Minh Thế Tông chưa từng thiết triều, chỉ ở lỳ trong cung với bọn đạo sĩ. Triều thần không ai dám nói năng gì. Riêng Hải Thụy, tuy giữ 1 chức quan nhỏ nhưng đã dũng cảm viết 1 tấu chương dâng lên Minh Thế Tông. Ông vạch trần mọi hiện tượng thối nát trong vương triều Minh. Trong đó ông viết: "Hiện nay quan lại tham nhũng, hoành hành ngang ngược, dân không sống nổi. Bách tính trong thiên hạ đều bất bình với bệ hạ!".

Sau khi đưa tấu chương lên, Hải Thụy biết rằng xúc phạm Minh Thế Tông như vậy, sẽ khó bảo toàn được tính mạng. Trên đường về nhà, tiện đường ông mua 1 cỗ quan tài. Vợ con thấy thế, đều rụng rời kinh ngạc. Hải Thụy nói câu chuyện trên với người nhà và dặn dò kỹ lưỡng mọi việc sau khi mình chết, cho mọi tôi tớ ra về, rồi chuẩn bị sẵn sàng chờ người đến bắt mang đi xử tử. Quả nhiên, bản tấu chương của Hải Thụy khiến cả triều đình

rung động. Minh Thế Tông xem xong vừa giận vừa căm, ném ngay xuống đất, nói với tả hữu: "Mau bắt ngay tên đó lại, không để hắn chạy trốn!".

Một hoạn quan đứng bên cạnh, vốn nghe tiếng Hải Thụy từ lâu, liền tâu với Minh Thế Tông: "Con người này là một kẻ mọt sách. Hắn biết rằng xúc phạm đến bệ hạ sẽ không sống được, nên đã lo toan mọi việc hậu sự. Hắn sẽ không trốn đâu!".

Sau đó, Minh Thế Tông vẫn ra lệnh bắt giam Hải Thụy, giao cho Cấm ý vệ dùng cực hình tra tấn. Tới khi Minh Thế Tông chết, Hải Thụy mới được thả ra.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Thích Quang Kế Đuổi Giặc Biển Nhật

Thời Minh Thế Tông, 1 bọn giặc biển Nhật thường quấy nhiễu miền ven biển đông nam. Chúng liên kết với bọn thổ hào, gian thương, giết người cướp của khắp nơi, khiến miền duyên hải không còn an ninh. Lịch sử gọi bọn đó là "Nụy khấu" (giặc cướp Nhật). Năm 1553, bọn chúng cầu kết với bọn Hán gian Ưng Trực, Từ Hải, tập trung mấy trăm hải thuyền đổ bộ lên vùng ven biển Triết Giang, Giang Tô, phân thành mấy chục toán, tới cướp bóc ở hàng chục thành phố, thị trấn. Quan lại và binh sĩ ven biển không dám chống lại, hễ thấy chúng tới là bỏ chạy. Sự quấy nhiễu của chúng ngày càng nghiêm trọng khiến Minh Thế Tông xưa nay vẫn ru rú trong cung cũng không thể không lo lắng, liền gọi Nghiêm Tung tới bàn cách đối phó. Đồng đảng của Nghiêm Tung là Triệu Văn Hoa nghĩ ra 1 "cao kiến", là muốn dẹp được bọn giặc biển Nhật, cần cầu xin vị thần ở Đông Hải phù hộ. Minh Thế Tông tin theo, liền sai hãn tới Đông Hải cầu xin thần linh. Tất nhiên việc làm đó chẳng có tác dụng gì, triều đình phải cử 1 lão tướng không thuộc miền biển là Du Đại Du tổ chức lực lượng phòng chống. Du Đại Du tới Triết Giang, đánh thắng liền mấy trận. Nhưng không lâu sau, Tổng đốc Triết Giang là Trương Kinh bị Triệu Văn Hoa hãm hại, Du Đại Du cũng bị liên lụy, bị bắt giam. Việc phòng thủ ven biển không có người chỉ huy, nên hoạt động của bọn giặc biển càng càng rã ròi hơn. Triều đình phải điều Thích Kế Quang, tướng chỉ huy ở Sơn Đông về Triết Giang, mới giải quyết được tình hình đó.

Thích Kế Quang là anh hùng dân tộc trong lịch sử Trung Quốc, quê tại Phùng Lai, Sơn Đông. Khi tới Triết Giang, kiểm tra quân đội, thấy kỷ luật

quá lỏng lẻo, không thể đánh trận được. Ông liền chiêu mộ người, thành lập 1 đội quân mới. Lệnh chiêu mộ vừa ban ra, lập tức được nhiều người vốn đã khổ vì sự quấy nhiễu của giặc biển, gồm nông dân và phu khai mỏ tới tình nguyện gia nhập, 1 số địa chủ có vũ trang cũng đưa lực lượng tới xin sáp nhập. Quân số tăng nhanh chóng lên tới 4000 người. Thích Kế Quang là 1 tướng lĩnh tinh thông binh pháp. Ông hiểu rằng nếu quân lính không được huấn luyện nghiêm túc thì không thể ra trận được. Căn cứ vào địa hình miền nam có nhiều đầm ao, ông nghiên cứu tìm ra cách đánh thích hợp, huấn luyện quân lính sử dụng thông thạo các loại vũ khí. Qua 1 thời gian rèn luyện, đội quân mới của ông có sức chiến đấu rất mạnh. Tiếng tăm của "Thích gia quân" được đồn đại khắp gần xa. Mấy năm sau, bọn giặc biển lại tập kích vào Đài Châu (nay là Lâm Hải, Triết Giang). Thích Kế Quang dẫn quân tới. Thấy giặc quấy phá vùng nào, ông liền dẫn quân tới vùng đó. Bọn cường đạo ô hợp địch sao nổi đội quân được chỉ huy chặt chẽ như Thích gia quân? Lần giao tranh nào, đội quân của Thích Kế Quang cũng giành thắng lợi. Cuối cùng, bọn giặc biển không trụ nổi trên bờ, buộc phải rút xuống thuyền. Thích Kế Quang lại dùng pháo lớn bắn mạnh, thuyền bọn giặc bốc cháy, 1 số lớn giặc chết cháy hoặc rơi xuống biển, số còn lại trên bờ đành ngoan ngoãn đầu hàng.

Bọn giặc biển thấy Triết Giang được phòng thủ nghiêm mật, không dám xâm phạm nữa. Năm sau, chúng chuyển sang hoạt động vùng biển Phúc Kiến. Chúng chia làm 2 toán, 1 toán từ Ôn Châu đi xuống phía nam, chiếm cứ Ninh Đức; 1 toán khác từ Quảng Đông đi lên phía bắc, chiếm cứ Ngư Điền. Hai toán giặc hỗ trợ lẫn nhau, thanh thế rất lớn. Tướng giữ Phúc Châu không chống nổi, vội cáo cấp lên triều đình. Triều đình lại cử Thích Kế Quang dẫn quân cứu viện. Thích Kế Quang dẫn quân tới Ninh Đức, thấy sào huyệt bọn giặc đóng tại đảo Hoàng Dữ, cách Ninh Đức 10 dặm. Nơi đó 4 phía là nước, địa hình rất hiểm yếu. Bọn giặc biển xây dựng doanh trại tại đảo này, nên quân tại địa phương không dám tiến đánh chúng. Thích Kế Quang đích thân điều tra địa hình hòn đảo này, biết được đường thủy ra đảo vừa hẹp, vừa nông. Ngay trong đêm đó, ông hạ lệnh cho binh sĩ

mang theo mỗi người 1 bó cỏ rải xuống thành 1 con đường. Thích gia quân theo con đường đó, xuất hiện như trên trời xuống, ào ạt tiến đánh vào doanh trại bọn giặc. Qua 1 trận chiến đấu kịch liệt, toàn bộ hơn 2000 giặc biển trên đảo bị tiêu diệt. Đánh xong Hoàng Dữ, Thích gia quân lập tức tiến đánh Ngư Điền. Tới gần Ngư Điền, Thích Kế Quang hạ lệnh: "Ta đã hành quân đường dài, người ngựa mỗi mệt, hãy nghỉ ngơi tại chỗ rồi sẽ tính sau".

Tin đó nhanh chóng truyền tới tai bọn giặc. Chúng tin là Thích gia quân ngừng lại thật nên lơ là việc phòng bị. Nhưng ngay tối hôm đó. Thích Kế Quang hạ lệnh tổng công kích vào Ngư Điền. Bọn giặc biển không chuẩn bị ứng chiến, nên chống sao nổi sức tiến công mãnh liệt của Thích gia quân, đều trốn chạy tan tác. Tên đầu sỏ dẫn tàn binh chạy đến Hưng Hóa, Thích Kế Quang dẫn quân truy đuổi suốt đêm, đánh tan hơn 60 cứ điểm của giặc, tiêu diệt hầu hết số giặc chạy trốn. Khi trời sáng rõ, Thích gia quân tiến vào thành Hưng Hóa, dân trong thành mới biết bọn giặc biển vùng xung quanh đã bị tiêu diệt. Mọi người vô cùng phấn khởi, đua nhau giết trâu, dọn rượu mang tới quân doanh úy lạo tướng sĩ. Năm sau, bọn giặc biển lại xâm phạm Phúc Kiến, đánh chiếm Thanh Hóa. Lúc đó, Du Đại Du đã được phục chức. Triều đình liền cử Du Đại Du làm Tổng binh Phúc Kiến, Thích Kế Quang làm phó tổng binh. Hai danh tướng hợp tác với nhau, đánh bại giặc biển, thu lại Hưng Hóa. Năm 1565, 2 ông lại phối hợp đánh cho quân giặc tan tác. Từ đó, Nụy khấu được căn bản diệt trừ.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Lý Thời Trân Lên Núi Hải Thuốc

Minh Thế Tông ở ngôi hoàng đế hơn 40 năm, chỉ ăn chơi hưởng lạc. Ông ta chỉ lo mình càng ngày càng già yếu. Tới lúc nào đó chết đi, không còn được hưởng sung sướng nữa. Vì vậy, vị hoàng đế tìm mọi cách để kiếm được phương thuốc trường sinh. Năm 1336, triều đình hạ lệnh các địa phương tiến cử danh y lên phục vụ hoàng đế. Sở vương lúc đó được phong đất ở Vũ Xương, liền tiến cử Lý Thời Trân đang làm thầy thuốc trong vương phủ của mình lên Thái y viện. Lý Thời Trân quê ở Kỳ Châu (nay là Kỳ Xuân, Hồ Bắc), đời ông và cha đều làm thầy thuốc. Cha ông là Lý Ngôn Văn từng nghiên cứu sâu về dược thảo, có ảnh hưởng lớn đối với xu hướng của con trai. Từ nhóm Lý Thời Trân thường cùng các bạn nhỏ lên núi hái các loại dược thảo. Lâu dần, ông nhận biết được khá nhiều loại thảo mộc cùng tên gọi từng loại, còn biết được loại nào trị được bệnh gì. Tri thức về y dược của ông ngày càng phong phú. Nhưng vào thời đó, làm 1 thầy thuốc bình thường không được tăng lớp trên, trong xã hội coi ra gì. Bản thân Lý Ngôn Văn là thầy thuốc, nhưng lại bắt Lý Thời Trân đọc sách để theo đường khoa cử. Do sự đôn đốc của cha, năm 14 tuổi Lý Thời Trân đi thi, đỗ tú tài; nhưng sau đó thi tiếp 3 lần đều không trúng cử nhân. Mọi người đều tiếc cho ông, nhưng ông không vì thế mà buồn. Chí nguyện của ông là làm 1 thầy thuốc chữa bệnh cho dân.

Từ đó, Lý Thời Trân 1 lòng 1 dạ theo cha học nghề y. Đúng vào năm đó, quê ông gặp thủy tai lớn, sau khi nước rút thì nạn dịch tràn lan. Người mắc bệnh đều là dân nghèo. Gia đình ông không lấy gì làm sung túc, nhưng cha con ông đều hết lòng vì người nghèo. Ai đến xin trị bệnh, họ đều hết

lòng, không tính tới thù lao. Dân chúng thấy cha con ông có y thuật cao minh, lại nhiệt tình với bà con, đều hết lòng cảm kích. Để đi sâu vào y thuật, Lý Thời Trân đọc rất nhiều sách. Từ thời cổ, Trung Quốc có đã có nhiều y thư. Người thời Hán đã viết nên "Thần Nông bản thảo kinh". Trong hàng ngàn năm sau đó, không ngừng xuất hiện nhiều tác phẩm y học. Lý Thời Trân thường xem bệnh cho các vương công quý tộc địa phương, trong nhà họ thường có nhiều sách vở. Vì quan hệ thầy thuốc – bệnh nhân nên Lý Thời Trân thường mượn sách vở của họ về xem. Nhờ vậy, học vấn của ông ngày càng uyên bác, y thuật cũng ngày càng tinh thông. Tiếng tăm của Lý Thời Trân càng ngày càng vang dội. Bệnh nhân được ông chữa khỏi ca ngợi và truyền bá tiếng tăm của ông đi khắp nơi. Vì vậy, người ở các châu huyện khác cũng tới xin ông chữa bệnh..

Một lần, con trai Sở vương mắc bệnh động kinh. Trong vương phủ tuy cũng có thầy thuốc nhưng không ai chữa khỏi được. Cậu bé đó là con trai nối dõi của Sở vương, nên ông lại càng lo lắng. Nhờ có người mách, Sở vương lập tức cho mời Lý Thời Trân đến vương phủ. Lý Thời Trân quan sát sắc mặt và xem mạch, biết bệnh của cậu bé là do ruột và dạ dày gây ra. Ông kê 1 đơn thuốc điều trị rồi cho người đến hiệu lấy thuốc cho cậu bé uống. Quả nhiên chỉ ít hôm, cậu bé hoàn toàn khỏi bệnh. Sở vương hết sức phấn khởi, khẩn khoản mời ông ở lại vương phủ. Không lâu sau, tiếp được lệnh trưng triệu nhân tài của triều đình. Để lấy lòng Minh Thế Tông, Sở vương liền cử Lý Thời Trân lên Thái y viện. Thái y viện là cơ quan chữa bệnh tối cao của quốc gia, nhưng lúc đó Minh Thế Tông không hề coi trọng y học chân chính, mà chỉ mê tín 1 số phương sĩ bịp người, cho dựng phòng giảng đạo, phòng luyện đan; hòng dùng những pháp thuật đó để đạt tới trường sinh bất lão. Lý Thời Trân là 1 thầy thuốc chân chính, không chịu được hoàn cảnh sặc mùi nhảm nhí lộn xộn đó, nên ở Thái y viện được 1 năm, ông liền xin từ chức. Sau khi từ quan, trên đường về nhà, tiện đường ông ghé thăm nhiều danh sơn thắng cảnh. Ông lên núi không phải chỉ để thưởng ngoạn phong cảnh, mà là để hái thuốc, nghiên cứu thêm tính chất các loại thảo mộc. Một lần, ông lên núi Vũ Dương Sơn thuộc Quân Châu

(nay là huyện Quân, Hồ Bắc), nghe nói ở đây có 1 loại lang mai, ăn vào có thể cải lão hoàn đồng, ai cũng gọi đó là "quả tiên". Giới quý tộc trong cung đình coi thứ quả đó như 1 loại bảo bối, yêu cầu quan lại địa phương hàng năm phải tiến cống, và cấm dân thường không được hái. Lý Thời Trân vốn không tin có loại quả tiên đó. Để làm rõ sự việc, ông phải mạo hiểm, leo trèo lên vách núi dựng đứng, cố hái lấy 1 trái lang mai đem về nhà. Nghiên cứu kỹ lưỡng, ông thấy loại mai đó chẳng qua cũng giống các loại mai khác, chỉ có tác dụng giải khát, chứ chẳng thể giúp người ta trường sinh bất lão.

Qua quá trình chữa bệnh và nghiên cứu dược lý lâu dài, Lý Thời Trân thu thập được rất nhiều tư liệu về dược vật. Ông phát hiện ra nhiều sai lầm trong các phẩm y dược cổ. Ngoài ra, trải qua nhiều thời đại, người ta còn lần lượt phát hiện ra nhiều loại dược thảo chưa từng được ghi trong sách vở. Ông xác định quyết tâm biên soạn 1 bộ sách hoàn bị về dược học. Sau khi từ chức về nhà, ông bỏ ra gần 30 năm, viết nên bộ "Bản thảo cương mục" (Phân loại cây cỏ) nổi tiếng. Bộ sách này ghi chép cả thảy 1892 loại cây cỏ, trình bày tính năng từng loại và đưa ra hơn 1 vạn bài thuốc. Tác phẩm lớn này là 1 cống hiến vĩ đại về y dược học, đã góp phần phát triển quan trọng đối với nền y học và dược học Trung Quốc và thế giới. Sau khi "Bản thảo cương mục" xuất bản (năm 1590), đã nhanh chóng lưu truyền tới nhiều nước. Đã có các bản dịch sang tiếng Nhật, Đức, Anh, Pháp, Nga và nhiều ngôn ngữ La tinh khác. Tác phẩm đã chiếm địa vị quan trọng trong giới y học thế giới.

Còn Minh Thế Tông, vị hoàng đế mê tín thuật luyện đan để mong trường sinh bất lão, thì không những chẳng được trường sinh, mà lại chết vì uống phải "kim đan" có chất độc. Minh Thế Tông chết, con là Chu Tải Hậu lên ngôi. Đó là Minh Mục Tông.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Trương Cư Chính Phụ Chính

Khi Minh Mục Tông lên ngôi, đại học sĩ Trương Cư Chính vì có tài năng xuất chúng, rất được Mục Tông tín nhiệm. Năm 1572, Mục Tông bị bệnh mất, thái tử Chu Hủ Quân lên nối ngôi. Đó là Minh Thần Tông. Mục Tông để lại di chiếu, trao cho Trương Cư Chính và 2 đại thần khác làm phụ chính. Sau khi Minh Thần Tông lên ngôi, Trương Cư Chính là người đứng đầu các đại thần phụ chính. Căn cứ lời dặn dò của Mục Tông, Trương Cư Chính đối đãi với Thần Tông như thầy dạy đối với học trò, dạy bảo cặn kẽ cho Minh Thần Tông lúc đó mới 10 tuổi. Ông biên soạn 1 cuốn sách lịch sử cho minh họa bằng hình vẽ, đặt tên là "Đế giám đồ thuyết" để hàng ngày giảng giải cho Thần Tông. Thần Tông thấy cuốn sách có cả hình vẽ thì rất thích, nên hào hứng nghe Trương Cư Chính giảng. Một hôm, Trương Cư Chính giảng tới Hán Văn Đế tới úy lạo quân đội ở Tế Liễu, rồi nói: "Bệ hạ nên chú ý tới việc quân bị. Nay thiên hạ thái bình đã lâu, việc quân bị càng ngày càng lơ lửng, cần được kịp thời chấn chỉnh". Minh Thần Tông liên tục gật đầu khen phải.

Lại một lúc khác, Trương Cư Chính giảng về chuyện Tống Nhân Tông thích dùng châu ngọc làm đồ trang sức. Minh Thần Tông nói: "Đúng thế! Làm vua thì phải coi hiền thần làm bảo bối, chứ châu ngọc có tác dụng gì?".

Trương Cư Chính thấy cậu bé 10 tuổi mà nói được những câu như thế thì rất phấn khởi, liền nói tiếp: "Các bậc vua hiền đều coi trọng lương thực

mà coi thường châu ngọc. Vì trăm họ sống bằng lương thực, còn châu ngọc thì đói không dùng để ăn được, rét không dùng để mặc được".

Đối với Minh Thần Tông, Trương Cư Chính dạy dỗ hết sức nghiêm khắc, Thần Tông cũng coi Trương Cư Chính như 1 vị nghiêm sư, vừa tôn kính, vừa sợ sệt. Lại được sự ủng hộ của thái hậu và hoạn quan Phùng Bảo, nên mọi việc lớn trong triều đều do Trương Cư Chính chủ trương. Trương Cư Chính là 1 chính trị gia tài giỏi của triều Minh. Sau khi nắm được thực quyền, ông cương quyết chỉnh đốn lại các mặt quân sự, chính trị, kinh tế. Lúc đó, "nụy khấu" miền duyên hải tuy đã được dẹp yên; nhưng ở phía bắc, quý tộc Đạt Đán vẫn thường vào quấy nhiễu, tạo nên mối uy hiếp lớn với vương triều Minh. Trương Cư Chính điều danh tướng Thích Kế Quang lên miền bắc trấn thủ Kế Châu (nay ở miền bắc tỉnh Hà Bắc). Thích Kế Quang cho xây dựng hơn 3000 pháo đài dọc theo trường thành từ Sơn Hải Quan đến Cư Dung Quan. Thích gia quân do có kỷ luật nghiêm minh, trang bị tốt, nên nhiều lần đánh bại được cuộc tiến công của Đạt Đán. Thủ lĩnh Đạt Đán là Yểm Đáp phải đồng ý giảng hòa, cùng nhau thông thương. Trương Cư Chính tâu lên hoàng đế, phong Yểm Đáp làm Thuận Nghĩa vương, trong khi qua lại thông thương với Đạt Đán, vẫn đưa biên phòng lên lập đồn điền để tăng cường phòng thủ. Từ đó, trong khoảng hai ba chục năm, giữa triều Minh và Đạt Đán không xảy ra chiến tranh, các dân tộc ở miền bắc được sống yên ổn.

Lúc đó, đê Hoàng Hà nhiều năm không tu sửa, nước sông thường dâng tràn, nhiều đồng ruộng bị chìm ngập, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và giao thông. Trương Cư Chính liền cử Phan Lợi Thuần là viên quan chuyên lo việc thủy lợi, đứng đầu trông coi việc xây dựng công trình thủy lợi Hoàng Hà. Phan Lợi Thuần cho gia cố đê điều, đắp lại những chỗ bị vỡ, nên nước Hoàng Hà không còn tràn ngập như trước, giao thông được thông suốt, sản xuất nông nghiệp được khôi phục và phát triển. Từ lâu, do triều chính thối nát, đại địa chủ thâm tóm đất đai, trốn đóng thuế, số phú hào địa chủ càng ngày càng giàu, kho tàng nhà nước cạn kiệt dần. Trương Cư Chính cho đo

lại ruộng đất, phát hiện thấy rất nhiều ruộng đất bị hoàng thân quốc thích, phú hào địa chủ giấu giếm chiếm đoạt. Biện pháp đó đã kiềm chế được hành động phi pháp của chúng và tăng thu cho ngân khố quốc gia. Sau khi đo lại ruộng đất, Trương Cư Chính lại cho gộp các loại thuế má và lao dịch thành 1 khoản, qui đổi thành tiền để thu vào ngân khố. Biện pháp này được gọi là "nhất điều tiên pháp" (Luật "một ngọn roi"). Qua việc cải cách thuế má, đã ngăn ngừa được việc thông đồng kiếm lợi của quan lại; tăng thu nhập cho quốc gia và ít nhiều giảm nhẹ được đóng góp của nhân dân. Trương Cư Chính đã thực hiện những cải cách mạnh dạn trên trong 10 năm, khiến triều Minh từ chỗ vô cùng thối nát đã có sự khởi sắc về chính trị. Dự trữ lương thực của nhà nước khá dồi dào, có thể chi dùng trong 10 năm. Nhưng công cuộc cải cách đó đã đụng chạm tới lợi ích của tầng lớp quý tộc và phú hào, khiến chúng tuy bề ngoài phải phục tùng, nhưng trong lòng thì căm giận Trương Cư Chính đến bầm gan tím ruột. Năm thứ 5 khi Trương Cư Chính cầm quyền, cha ông vì già ốm nên mất tại quê nhà. Theo lễ giáo phong kiến, ông phải từ quan về cư tang 3 năm. Trương Cư Chính sợ rằng nếu mình rời bỏ chức vụ, thì việc cải cách đang tiến hành sẽ bị ảnh hưởng. Do Minh Thần Tông và 1 số đại thần cố lưu giữ, ông cho con thay mình về cư tang, còn bản thân vẫn ở lại kinh thành đảm đương nhiệm vụ. Không ít kẻ mượn cớ Trương Cư Chính không về chịu tang khi cha chết, ra sức bới móc, dâng sớ lên Minh Thần Tông vạch lỗi của ông. Thậm chí, có kẻ còn dán cáo bạch ngoài phố công kích Trương Cư Chính, làm xôn xao cả kinh thành. Minh Thần Tông phải hạ lệnh: kẻ nào còn chống lại việc Trương Cư Chính lưu nhậm, sẽ nhất loạt xử tử. Việc công kích vì thế mới dẹp yên được.

Trương Cư Chính tập trung hết quyền lực. Minh Thần Tông dần trưởng thành, nhưng không có việc gì để làm, 1 số thái giám thân cận liền bày ra các loại trò vui cho ông tiêu khiển. Một hôm, hoàng đế uống rượu say, vô duyên vô cớ đánh 2 tiểu thái giám dờ sống dờ chết. Thái hậu biết việc đó, lập tức gọi Minh Thần Tông tới trách mắng rồi gọi tả hữu mang "Hán thư – Hoắc Quang truyện" tới cho Thần Tông đọc. Thời Tây Hán, khi

Hoặc Quang phụ chính, chẳng phải có sự kiện Xương Ấp vương Lưu Hạ bị thái hậu và Hoặc Quang phế bỏ hoàng vị đó sao? Trương Cư Chính hiện nay có địa vị như Hoặc Quang trước kia. Thần Tông nghĩ tới điều đó thì sợ run lấy bầy, quì trước thái hậu xin tha tội. Sau đó Trương Cư Chính liền cho đuổi hết số thái giám đã bày ra những chuyện nhằm nhí để rủ rê Thần Tông tham gia. Thái hậu còn sai Trương Cư Chính khởi thảo cho Thần Tông một "tờ chiếu tự kể tội mình". Việc đó rồi cũng qua đi, nhưng từ đó, Minh Thần Tông chuyển thái độ từ sợ hãi sang căm tức Trương Cư Chính. Năm 1582, Trương Cư Chính bị ốm chết, Minh Thần Tông thân chấp chính. Những đại thần trước kia vốn bất mãn với Trương Cư Chính đua nhau công kích ông đã chuyên quyền ngang ngược. Năm sau, Minh Thần Tông lại hạ lệnh tước bỏ mọi quan tước của Trương Cư Chính, rồi cử người đến tịch thu tài sản. Mười mấy người trong gia đình bị nhốt trong nhà, đều chết đói. Người con lớn bị khảo đả, đã tự sát. Toàn bộ biện pháp do Trương Cư Chính tiến hành cũng bị phế bỏ. Nền chính trị của vương triều Minh vừa khởi sắc đã bị vùi dập và lại đi xuống.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Cát Hiền Đánh Quan Thu Thuế

Minh Thần Tông là 1 hôn quân tham lam vô độ. Ông ta chạy theo cuộc sống hưởng lạc, mãi mê thu thập vàng bạc châu báu, tiêu hết cả ngân khố quốc gia, rồi tìm mọi cách bòn mót, bóc lột dân chúng. Thời kì đó, sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp đang phát triển; tại vùng ven biển đông nam, thương nghiệp cũng phát đạt. Đặc biệt là tại Tô Châu, nghề dệt phát triển rất mạnh. Những hộ dệt vải lụa giàu có bắt đầu mở xưởng dệt, thuê mướn thợ dệt. Toàn thành Tô Châu có tới mấy ngàn thợ. Cảnh tượng phần vinh của thành phố thương nghiệp đó thấy triều Minh có thể kiếm lời. Để thu được nhiều tiền, Minh Thần Tông liền phái hoạn quan tới 1 số thành thị thu thuế. Loại quan thu thuế đó được gọi là thuế giám. Bọn thuế giám không những thu tăng mọi thứ thuế mà còn hạch sách vơ vĩnh, khiến dân chúng rất khổ sở. Năm 1601, Minh Thần Tông phái thuế giám Tôn Long tới Tô Châu thu thuế. Tôn Long tới Tô Châu, liền câu kết với bọn thổ phỉ lưu manh, lập các trạm gác trên các ngã đường. Mỗi khi có vải vóc tơ lụa qua lại, đều đánh thuế rất nặng. Lái buôn không đủ tiền nộp thuế thì không dám vào thành buôn bán. Năm đó, lại có mưa dầm suốt 2 tháng, Tô Châu bị thủy tai, bãi dâu ngập nước, nghề nuôi tằm dệt lụa đình đốn. Bọn Tôn Long vẫn cứ đòi các hộ dệt phải nộp thuế, qui định mỗi cỗ máy phải nộp thuế 3 tiền, mỗi tấm lụa phải nộp 5 phân. Vì vậy, nhiều hộ dệt phải đóng cửa, thợ dệt bị thất nghiệp.

Một hôm, có 1 người thợ dệt tên là Cát Hiền đi qua Phong Môn, thấy bọn tay sai của Tôn Long đang xúm lại đánh đập 1 người bán dưa. Cát Hiền hỏi ra mới biết người nông dân đó gánh dưa vào thành bán, bọn chúng

đòi nộp tiền thuế. Người đó không có tiền, bị chúng thu 1 số dừa. Đến khi bán được dừa mua 1 số lúa mang về, lại bị chúng bắt nộp thuế lúa. Người đó không chịu nộp, liền bị chúng đánh thậm tệ. Cát Hiền vốn thâm thù bọn thuế giám, nay thấy thế thì không nhịn được, liền hoa chiếc quạt cầm trong tay, kêu gọi mọi người đánh bọn côn đồ. Dân chúng qua đường hưởng ứng, ào ào xông tới trạm thuế Phong Môn. Tên thuế lại Hoàng Kiến Tiết toan chạy nhưng không thoát, bị quần chúng vây kín, người ném đá, kẻ liệng gói khiến tên côn đồ đó vỡ đầu toác trán, chết tại chỗ. Lúc đó, dân chúng tụ tập mỗi lúc một đông, tinh thần phản kháng bốc cao hừng hực. Cát Hiền thấy mọi người đã đánh chết tên Hoàng Kiến Tiết, biết đã sinh chuyện lớn, liền bảo mọi người cùng tới Huyện Diệu quán bàn bạc. Mọi người thấy đã không làm thì thôi, đã làm thì làm tới cùng, liền cử Cát Hiền và 1 số khác làm thủ lĩnh, cùng kéo nhau đi tính sổ với tên thuế giám Tôn Long.

Bọn Cát Hiền chia nhau kéo tới nhà 12 tên côn đồ, tay sai của thuế giám, châm lửa đốt nhà chúng. Quần chúng còn lại rầm rộ kéo tới nha môn của thuế giám Tô Châu, tìm bắt Tôn Long. Trong chốc lát, tiếng hô hét vang trời dậy đất. Tôn Long sợ hãi rụng rời, vội trèo qua tường sau, chạy trốn về Hàng Châu. Sau khi Tôn Long đã chạy trốn, tri phủ Tô Châu hạ lệnh trục nã những người tham gia bạo động. Được tin đó, Cát Hiền sợ liên lụy tới mọi người, liền tự đến nha môn Tô Châu, nói: "Chỉ một mình tôi là người cầm đầu, muốn chặt đầu mổ bụng cũng chỉ một mình tôi chịu, không liên quan gì đến người khác!".

Viên tri phủ đang lo không bắt được kẻ đầu sỏ, nay thấy Cát Hiền đến nhận, vội giam ngay vào nhà lao. Ngay khi Cát Hiền phải vào nhà lao, hàng ngàn hàng vạn thị dân Tô Châu tụ tập lại chảy nước mắt tiễn đưa ông. Khi đã nằm trong nhà lao, lại có hàng ngàn người mang rượu thịt quần áo đến úy lạo, thăm hỏi. Cát Hiền chối từ không nhận thì họ nhất định không chịu về. Cát Hiền đành nhận lấy mọi thứ và đem chia cho các bạn tù. Bọn thống trị triều Minh thấy tình cảm quần chúng như vậy, không dám giết Cát Hiền, sau khi giam giữ 2 năm, phải thả ông ra.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Nỗ Nhĩ Cáp Xích Xây Dựng Hậu Kim

Nền chính trị của triều Minh ngày càng thối nát, công việc biên phòng cũng ngày càng lơ lửng. Trong lúc đó, 1 chi tộc của Nữ Chân – chi Nữ Chân Kiến Châu ở phía đông bắc, nhân cơ hội đó mở rộng thế lực và dần lớn mạnh lên. Lãnh tụ của họ là Ái Tân Giác La Nỗ Nhĩ Cáp Xích. Nỗ Nhĩ Cáp Xích xuất thân trong 1 gia đình quý tộc thuộc chi Nữ Chân Kiến Châu. Ông nội là Giác Xương An và cha là Thập Khắc Thế, đều là quý tộc trong chi đó, nên được triều Minh phong là Tả vệ Kiến Châu. Từ nhỏ, Nỗ Nhĩ Cáp Xích đã luyện tập cưỡi ngựa bắn cung và các môn võ thuật. Năm 18 tuổi mẹ đẻ mất, mẹ kế đối xử tệ bạc. Nỗ Nhĩ Cáp Xích buộc phải rời gia đình, cùng các bạn nhỏ đi săn, đào nhân sâm, nhặt quả thông, hái nấm trong rừng rậm, rồi đem bán lấy tiền tự nuôi thân. Chợ Phủ Thuận rất đông đúc, người Nữ Chân thường tới đây trao đổi lâm sản lấy đồ sắt, lương thực, muối và vải vóc. Tại Phủ Thuận, Nỗ Nhĩ Cáp Xích tiếp xúc với nhiều người Hán nên học được chữ Hán, đọc được sách Hán Văn. Ông rất thích đọc các tiểu thuyết Tam quốc diễn nghĩa, Thủy Hử.

Tộc Nữ Chân Kiến Châu có nhiều bộ lạc, thường đánh giết nhau. Tổng binh triều Minh là Lý Thành Lương lợi dụng mâu thuẫn giữa các bộ lạc để cai trị. Năm Nỗ Nhĩ Cáp Xích 25 tuổi, người đứng đầu thành Thổ Luân là Ni Kham Ngoại Lan dẫn quân Minh đánh Hà Đài là người đứng đầu Cổ Lạc Trại. Vợ Hà Đài là cháu Giác Xương An. An được tin, liền cùng Thập Khắc Thế đến Cổ Lạc Trại thăm cháu. Đúng lúc đó, quân Minh đang đánh Cổ Lạc Trại, Giác Xương An và Thập Khắc Thế đều bị quân Minh giết chết trong khi hỗn chiến. Nỗ Nhĩ Cáp Xích gào khóc đau đớn,

chôn cất ông và cha. Nhưng thấy lực lượng quân Minh quá mạnh, ông chưa dám đánh trả mà trút mọi căm thù lên Ni Kham Ngoại Lang. Ông tới nói với quan lại Minh: "Ni Kham Ngoại Lang là kẻ đã giết chết ông và cha tôi. Nếu các ngài trao Ni Kham Ngoại Lang cho tôi thì tôi sẽ không động binh chống lại các ngài". Quan lại Minh không chịu.

Nỗ Nhĩ Cáp Xích uất giận trở về nhà, lấy 13 bộ khôi giáp mà cha để lại phân phát cho thủ hạ, rồi tiến đánh thành Thổ Luân. Nỗ Nhĩ Cáp Xích anh dũng thiện chiến. Ni Kham Ngoại Lang không đánh nổi, phải chạy trốn. Nỗ Nhĩ Cáp Xích chiếm thành Thổ Luân rồi tiếp tục truy kích, thừa cơ chinh phục luôn 1 số bộ lạc Nữ Chân Kiến Châu khác. Ni Kham Ngoại Lang trốn lủi khắp nơi, cuối cùng chạy tới Ngạc Lạc Hồn (nay ở gần Tê Tê Cáp Nhĩ – tức Xi Xi Kha Rợ) xin quân Minh bảo vệ. Nỗ Nhĩ Cáp Xích đuổi tới nơi. Quân Minh thấy ông có thái độ quyết liệt, sợ xảy ra chiến tranh, nên để Nỗ Nhĩ Cáp Xích giết chết Ni Kham Ngoại Lang. Sau khi diệt được Ni Kham Ngoại Lang, thanh thế Nỗ Nhĩ Cáp Xích trở nên vang dội. Mấy năm sau, ông thống nhất các bộ lạc Nữ Chân Kiến Châu. Điều này, khiến các chi Nữ Chân khác sợ hãi. Tộc Nữ Chân lúc đó có 3 chi, ngoài Nữ Chân Kiến Châu, còn có Nữ Chân Hải Tây và Nữ Chân Dã Nhân. Trong chi Nữ Chân Hải Tây có bộ lạc Diệp Hách là mạnh nhất. Năm 1593, bộ lạc Diệp Hách liên hợp với 9 bộ lạc Nữ Chân và Mông Cổ, tập hợp được 3 vạn quân, chia làm 3 đường tiến đánh Nỗ Nhĩ Cáp Xích. Nỗ Nhĩ Cáp Xích nghe tin 9 bộ lạc tiến đánh, đã chuẩn bị nghênh chiến chu đáo. Ông cho mai phục quân tinh nhuệ trên đường và bố trí gỗ đá trên các sườn núi. Mọi việc thu xếp xong, ông bình thản đi ngủ. Vợ ông thấy thế rất lo, đánh thức ông dậy nói: "Quân của chín bộ lạc kéo đến đánh mà ông còn đi ngủ được sao? Chẳng lẽ vì sợ quá mà đăm lú lẫn chẳng?". Nỗ Nhĩ Cáp Xích cười nói: "Nếu ta sợ, thì sao còn ngủ được?".

Hôm sau, thám tử về báo là quân địch rất đông, tướng sĩ nghe nói đều có vẻ sợ Nỗ Nhĩ Cáp Xích, liền giải thích: "Đừng sợ! Hiện nay chúng ta đã chiếm địa hình hiểm yếu. Quân địch tuy đông nhưng là lũ ô hợp, nhất định

sẽ trông chờ, dựa dẫm lẫn nhau. Nếu toán nào xông lên trước, ta giết một vài tên cầm đầu, là tất cả bọn chúng phải rút chạy thôi!".

Quân của 9 bộ lạc tới Cổ Lạc Sơn, quân Kiến Châu đã bố trí nghiêm chỉnh trên núi sẵn sàng đối phó. Trước hết, Nỗ Nhĩ Cáp Xích cho hơn 100 kỵ binh ra khiêu chiến. Một thủ lĩnh bộ lạc Diệp Hách xông tới, bị cọc gỗ làm ngựa ngã lăn quay, quân Kiến Châu xông lên chém giết hấn tại trận, 1 thủ lĩnh khác thấy vậy sợ quá ngất xỉu. Liên quân 5 bộ lạc vì vậy mất chỉ huy tan tác trốn chạy. Nỗ Nhĩ Cáp Xích thừa thắng cho truy kích, đánh tan quân Diệp Hách. Mấy năm sau, về cơ bản, ông đã thống nhất được toàn thể các bộ lạc Nữ Chân. Trong quá trình thống nhất tộc Nữ Chân, Nỗ Nhĩ Cáp Xích phân Nữ Chân thành 8 "kỳ". Kỳ vừa là đơn vị hành chính, vừa là tổ chức quân sự. Dưới mỗi kỳ có nhiều "ngưu lục". Mỗi ngưu lục gồm 300 người, thời bình làm ruộng, săn bắn, thời chiến thì đánh trận. Cách tổ chức như vậy vừa thúc đẩy sản xuất, vừa tăng cường lực lượng chiến đấu. Để làm cho triều Minh tê liệt cảnh giác, Nỗ Nhĩ Cáp Xích vẫn triều cống xưng thần. Triều Minh thấy thái độ Nỗ Nhĩ Cáp Xích cung kính phục tùng, liền phong ông làm Long Hồ tướng quân. Ông còn nhiều lần tới Bắc Kinh, tận mắt quan sát mọi tình hình triều Minh. Năm 1616, thấy thời cơ đã chín, liền lên ngôi hãn ở Hách Đồ A Lạp (nay ở gần Tân Tân, Liêu Ninh) với sự nhiệt tình ủng hộ của quý tộc cả 8 kỳ, lấy quốc hiệu là Đại Kim. Để phân biệt với triều Kim trước kia, lịch sử gọi triều đại này là Hậu Kim.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Đại Chiến Sác Xuy

Sau khi lập nên Hậu Kim, Nỗ Nhĩ Cáp Xích để ra 2 năm tiến hành chinh đốn nội bộ, phát triển sản xuất, mở rộng binh lực. Năm 1618, Nỗ Nhĩ Cáp Xích triệu tập thủ lĩnh và tướng lĩnh 8 kỳ tới làm lễ thệ sũ, tuyên bố có 7 mối thù với triều Minh, gọi là "thất đại hận". Mối thù thứ nhất là triều Minh đã vô cớ gây sũ, giết mất ông và cha Nỗ Nhĩ Cáp Xích. Để trả mối thù ấy, cần khởi binh chinh phạt triều Minh. Hôm sau, Nỗ Nhĩ Cáp Xích đích thân dẫn 2 vạn người ngựa tiến đánh Phủ Thuận. Trước hết, ông viết thư cho tướng Minh giữ Phủ Thuận, gọi hàng. Tướng Lý Vĩnh Phương thấy thế quân Kim quá mạnh, liệu sức không chống đỡ nổi, phải đầu hàng. Quân Kim bắt được người ngựa và gia súc tới 30 vạn. Tuần phủ Liêu Đông của triều Minh cử quân tới cứu Phủ Thuận, bị quân Kim đánh chặn tan tác giữa đường. Nỗ Nhĩ Cáp Xích ra lệnh phá hủy thành Phủ Thuận, đem toàn bộ chiến lợi phẩm về Hách Đồ A Lạp. Tin tức truyền tới Bắc Kinh, Minh Thần Tông cả giận, cử Dương Cảo làm kinh lược Liêu Đông để thảo phạt quân Kim. Dương Cảo vội vã điều binh khiển tướng, tập trung được 10 vạn người ngựa. Năm 1619, Dương Cảo chia quân làm 4 cánh do 4 quan tổng binh dẫn đầu nhằm Hách Đồ A Lạp tiến phát. Cánh giữa bên trái do tổng binh Sơn Hải Quan là Đổ Tùng chỉ huy, cánh giữa bên phải do tổng binh Liêu Đông là Lý Như Bá chỉ huy, cánh bắc do tổng binh Khai Nguyên là Mã Lâm chỉ huy, cánh nam do tổng binh Lưu Dương là Lưu Đĩnh chỉ huy. Để hư trương thanh thế, triều Minh phao lên là đại quân gồm 47 vạn. Dương Cảo đóng đại bản doanh tại Thẩm Dương để chỉ huy toàn cục.

Lúc đó, binh lực quân Kim, cộng cả 8 kỳ lại cũng chỉ có hơn 6 vạn. Một số tướng lĩnh Kim nhận được tin đại quân Minh tiến đánh, hơi tỏ vẻ lo ngại, liền tìm đến Nỗ Nhĩ Cáp Xích xin ông nghĩ cách đối phó. Nỗ Nhĩ Cáp Xích bình tĩnh nói: "Đừng sợ! Mặc chúng tới từ mấy hướng, ta cứ đón đánh một hướng đã!".

Qua trinh sát, Nỗ Nhĩ Cáp Xích biết quân Minh ở cánh giữa phía trái là quân chủ lực do Đỗ Tùng chỉ huy, từ Phủ Thuận đang tiến tới, liền tập trung binh lực đối phó trước. Đỗ Tùng là 1 danh tướng đã trải qua bách chiến. Sau khi xuất phát từ Phủ Thuận, gặp trời xuống tuyết lớn, nhưng ông ta muốn lập công đầu nên mặc cho khí hậu khắc nghiệt, vẫn đôn đốc tướng sĩ hành quân. Trước hết, ông ta đánh chiếm Sác Xuy (nay ở phía đông Phủ Thuận, Liêu Ninh), sau đó chia quân làm đôi, một nửa ở lại giữ Sác Xuy, tự mình dẫn số tinh binh còn lại tiến đánh thành Giới Phiên của Kim (nay ở tây bắc Tân Tân). Thấy Đỗ Tùng phân tán binh lực, Nỗ Nhĩ Cáp Xích mừng thầm, liền tập trung binh lực của 8 kỳ, đánh chiếm lại Sác Xuy, cắt đứt đường lui của Đỗ Tùng. Sau đó, ông cho hành quân gấp tới cứu Giới Phiên. Quân Minh đang đánh Giới Phiên, thấy bị bọc phía sau, lòng quân đều nao núng. Quân Kim đang giữ Giới Phiên, từ trên núi đánh ép xuống, khiến quân Đỗ Tùng tan tác. Nỗ Nhĩ Cáp Xích dẫn đại quân tới, vây quân Minh trùng trùng lớp lớp. Đỗ Tùng tả xung hữu đột mong phá vây, bị 1 mũi tên bắn trúng đầu, ngã lộn xuống chết dưới chân ngựa. Quân Minh bị giết phơi thây khắp núi, máu chảy thành sông. Thế là cánh quân thứ nhất bị tiêu diệt toàn bộ. Cánh quân phía bắc của Mã Lâm xuất phát từ Khai Nguyên (nay thuộc Liêu Ninh) vừa tới cách Sác Xuy 40 dặm, thì nhận được tin Đỗ Tùng đã thảm bại, liền cuống cuồng đổi thế công thành thế thủ, dựa vào núi, dựng doanh trại, đào 3 vòng hào để phòng thủ. Nỗ Nhĩ Cáp Xích dẫn quân 8 kỳ hành quân liên tục từ Giới Phiên tới, đánh phá tan tành doanh trại Minh. Mã Lâm liều chết mở đường tháo chạy trở về Khai Nguyên. Thế là cánh quân thứ 2 cũng thất bại.

Dương Cảo đang ngồi tại Thâm Dương chờ tin thắng trận, nào ngờ liền trong 2 ngày đều được tin thảm bại. Tới lúc đó, ông ta mới biết lực lượng Nỗ Nhĩ Cáp Xích là ghê gớm, vội phái ngựa trạm đi phi báo cho 2 cánh quân còn lại ngừng tiến quân. Lý Như Bá, tổng binh Liêu Đông chỉ huy cánh giữa bên phải, vốn là kẻ nhát gan, hành động chậm chạp, vừa nhận được lệnh Dương Cảo, liền cho lui quân. Có lần, 20 quân Kim đi tuần tiễu phía xa, thấy quân Minh rút, liền thét to dọa dẫm. Quân Lý Như Bá ngỡ phía sau có nhiều quân Kim đuổi theo, liền chen nhau chạy dẫm đạp lên nhau, tự làm bị thương 1 số lớn. Còn lại cánh quân phía nam của Lưu Đĩnh đã dẫn quân vào sâu trận địa quân Kim, không hề biết tin các cánh quân khác thua trận. Lưu Đĩnh là mãnh tướng nổi tiếng của quân Minh, sở trường sử dụng 1 thanh đại đao nặng 120 cân (=60kg), múa nhanh như chớp, có biệt danh là "Lưu đại đao". Quân Lưu Đĩnh có kỷ luật nghiêm minh, trang bị tốt. Sau khi vào sâu đất Kim, cánh quân này liên tục chiếm được mấy doanh trại. Biết Lưu Đĩnh là tướng kiêu dũng, Nỗ Nhĩ Cáp Xích không sử dụng sức mạnh, mà dùng mẹo lừa. Ông dùng 1 hàng binh Minh đóng vai hạ bộ của Đỗ Tùng, mang thư đến cho Lưu Đĩnh, báo tin Đỗ Tùng đã tới chân thành Hách Đồ A Lạp, chỉ đợi Lưu Đĩnh tới là hợp sức đánh thành. Lưu Đĩnh vì không nhận được lệnh của Dương Cảo, tưởng thật, sợ 1 mình Đỗ Tùng lập được công, liền hạ lệnh hỏa tốc tiến quân. Con đường này chật hẹp, không, không thể đi hàng đôi, chỉ có thể đi từng người một. Lưu Đĩnh vừa đi 1 đoạn, bỗng thấy bốn bề nổi lên tiếng hô "giết", phục binh Kim đầy núi đầy khe đang xông tới chém giết. Lưu Đĩnh đang hoảng hốt, lại thấy 1 toán quân mặc khôi giáp Minh, mang cờ Minh, giả làm quân của Đỗ Tùng đến cứu. Lưu Đĩnh không nghi ngờ, dẫn quân tiến vào giữa đám quân Minh giả đó. Quân Kim phối hợp trong ngoài từ mọi phía đánh tới khiến hàng ngũ quân Minh rối loạn. Lưu Đĩnh tuy dũng cảm, võ nghệ cao cường, đánh giết được 1 số quân Kim, nhưng cuối cùng không thể chống nổi quân Kim đông đảo, 2 cánh tay đều bị thương ngã nhào xuống chết tại trận.

Cuộc chiến tranh đó chỉ diễn ra trong 5 ngày, 10 vạn quân dưới quyền Dương Cảo bị tiêu diệt quá nửa, 300 quan văn võ bị giết. Đó là "Trận Sác Xuy" nổi tiếng trong lịch sử. Sau trận Sác Xuy, thực lực triều Minh suy giảm nhiều, quân Kim tiếp ép từng bước. Hai năm sau, Nỗ Nhĩ Cáp Xích lại dẫn đại quân 8 kỳ, liên tiếp đánh chiếm 2 cứ điểm quan trọng vùng Liêu Đông là Thẩm Dương và Lưu Dương. Tháng 3 năm 1625, Nỗ Nhĩ Cáp Xích dời đô tới Thẩm Dương, đổi tên Thẩm Dương thành Thịnh Kinh. Từ đó về sau, Hậu Kim trở thành mối uy hiếp với triều Minh.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Từ Quang Khải Nghiên Cứu Tây Học

Bốn cánh quân do Dương Cảo thống lĩnh hầu như bị tiêu diệt tại Sóc Xuy khiến toàn thể bá quan văn võ triều Minh chấn động. Tất cả tể tự ngoài cửa cung, kêu xin Minh Thần Tông chiêu mộ quân, tăng quân phí để chống lại triều Kim. Từ Quang Khải, 1 quan chức trong Hàn Lâm Viện liên tục dâng lên 3 bản tấu chương, trình bày kế sách giữ nước. ông cho rằng muốn cứu vãn đất nước thì cần tuyển chọn nhân tài, huấn luyện tân binh và xin tình nguyện đảm nhận việc huấn luyện binh đó. Minh Thần Tông nghe nói Từ Quang Khải hiểu biết việc quân, liền cử ông tới Thông Châu luyện binh. Từ Quang Khải là người Thượng Hải. Trước khi ông ra đời, vùng này bị nạn khố quấy nhiễu cướp phá nặng nề. khi ông còn nhỏ, đã nghe cha kể lại chuyện nhân dân anh dũng đánh lại giặc như thế nào, nên đã sớm nảy sinh lòng yêu nước. Khi trưởng thành, Từ Quang Khải học tập và đi thi, dọc đường qua Nam Kinh, nghe nói ở đó có 1 giáo sĩ truyền giáo từ phương tây tới, tên là Li Ma Tân, thường truyền bá các tri thức khoa học phương tây. Giới trí thức ở Nam Kinh thích nói chuyện với giáo sĩ. Từ Quang Khải nhờ người khác giới thiệu, làm quen với giáo sĩ này. Ông nghe những điều giảng giải, cảm thấy đó là những tri thức chưa từng được nói tới trong sách cổ. Từ đó về sau, ông có hứng thú sâu sắc với khoa học phương tây.

Vị giáo sĩ phương tây truyền bá kiến thức khoa học nhằm mục đích mở đường cho việc truyền giáo. Ông ta thấy muốn mở rộng việc truyền giáo thì phải được sự ủng hộ của hoàng đế. Lúc đó, triều Minh không cho các giáo sĩ tới truyền giáo ở Bắc Kinh. Ông ta muốn nhờ 1 đại thần tâu xin

giúp với Minh Thần Tông, đồng thời còn tìm cách chạy chọt qua 1 hoạn quan là Mã Đường, gửi dâng Minh Thần Tông 1 cuốn kinh thánh, 1 tấm hình Đức Bà và mấy chiếc đồng hồ kiểu mới có thể tự động đánh chuông theo giờ. Minh Thần Tông không hiểu kinh thánh, cũng không biết Đức Bà là ai, nhưng lại rất thích mấy chiếc đồng hồ kiểu mới. Hoàng đế liền hạ lệnh cho Mã Đường dẫn vị giáo sĩ phương tây vào bệ kiến. Trong buổi tiếp, Minh Thần Tông hỏi kỹ về phong tục tập quán phương tây. Li Ma Tân vốn là người Italia, nhưng để lòe bịp khoe khoang, ông ta tự xưng mình là người nước "Đại Tây Dương". Đại thần trong triều mở bản đồ ra tra cứu, không thấy nước Đại Tây Dương ở đâu, cho rằng ông ta có lai lịch bất minh, nên tâu xin Minh Thần Tông đuổi đi. Nhưng Minh Thần Tông không nghe theo, lại thưởng cho vị giáo sĩ nọ tặng phẩm và tiền bạc, cho phép ông ta lưu lại Bắc Kinh truyền giáo. Nhờ sự cho phép của hoàng đế, quan hệ của giáo sĩ với các quan trong triều trở nên dễ dàng hơn. Mấy năm sau, Từ Quang Khải thi đỗ tiến sĩ, cũng về Bắc Kinh nhận chức tại viện Hàn Lâm. Ông cho rằng học tập khoa học phương tây là việc có ích cho sự cường thịnh của quốc gia, liền quyết tâm nhận Li Ma Tân làm thầy, học ở vị giáo sĩ này các kiến thức về thiên văn, toán học, đo lường và phương pháp chế tạo vũ khí. Một hôm, Từ Quang Khải đến thăm vị giáo sĩ, qua trò chuyện, được biết ở phương tây có 1 cuốn sách toán học do nhà toán học cổ đại Hy Lạp Oclit viết ra, có tên "Cơ sở hình học". Đáng tiếc, việc dịch sang tiếng Hán rất khó, ngoài khả năng của vị giáo sĩ đó. Từ Quang Khải nói: "Cuốn sách hay như thế, tiên sinh vui lòng giảng giải, thì dù có khó thế nào, tôi cũng sẽ cố gắng phiên dịch".

Từ đó, chiều chiều, sau khi rời khỏi Viện Hàn Lâm, Từ Quang Khải lại tới nhà vị giáo sĩ, cùng hợp tác với ông để dịch cuốn "Cơ sở hình học". Giáo sĩ dùng lời lẽ, cử chỉ và hình vẽ để trình bày vấn đề. Từ Quang Khải lĩnh hội và viết thành Hán văn. Thời đó, chưa từng có ai dịch thuật trước tác toán học nước ngoài, nên muốn truyền đạt lại nguyên tác cho thật chuẩn xác, thật không đơn giản. Từ Quang Khải bỏ ra hơn 1 năm, cân nhắc từng câu từng chữ, viết đi sửa lại, cuối cùng đã hoàn thành việc phiên dịch 6

quyển đầu của "Cơ sở hình học". Ngoài cuốn "Cơ sở hình học", Từ Quang Khải còn hợp tác với Li Ma Tân và 1 giáo sĩ khác phiên dịch 1 số trước tác về đo lường và thủy lợi. Sau đó, ông lại dựa trên cơ sở nghiên cứu lịch pháp cổ đại Trung Quốc, hấp thụ những tri thức khoa học mới nhất của Châu Âu về lịch pháp và thiên văn, tiến hành công tác nghiên cứu đạt tới trình độ khá cao. Từ Quang Khải không những ham thích khoa học, mà còn rất quan tâm tới nỗi khổ của dân chúng. Năm cha ông mất, ông về Thượng Hải chịu tang. Mùa hè năm đó, miền Giang Nam gặp thủy tai lớn, nước làm ngập hết ruộng lúa nước và cánh đồng lúa mạch. Sau khi nước rút, đồng ruộng xơ xác không thu hoạch được gì. Từ Quang Khải rất lo lắng. Ông nghĩ, nếu không trồng bổ sung 1 số hoa màu thì tới mùa xuân nạn đói sẽ lan tràn. Vừa may lúc đó, 1 người bạn ở Phúc Kiến có mang tới 1 số mầm khoai lang. Từ Quang Khải trồng thử, thấy khoai mọc rất nhanh. Sau đó, ông viết 1 cuốn sách nhỏ phổ biến rộng rãi cách trồng khoai lang. Vì vậy, khoai lang vốn chỉ được trồng ở Phúc Kiến, đã được di thực khắp vùng Giang-Triết.

Lần này, Từ Quang Khải đề xuất chủ trương luyện binh, được Minh Thần Tông phê duyệt nên tràn đầy hy vọng, mong nhanh chóng xây dựng được 1 đội quân mới, tăng cường lực lượng quốc phòng. Ngờ đâu, bộ máy hành chính thối nát, làm cản trở mọi việc. Cơ quan luyện binh thành lập đã 1 tháng, Từ Quang Khải xin người không được người, xin tiền cũng chẳng có tiền, không tiến hành được việc gì. Sau đó, ông chạy vạy vất vả xin được 1 ít tiền, vội đến Thông Châu kiểm tra số người đã chiêu tập. Trong 7000 tân binh, đại đa số đều là già yếu, thương tật; chỉ có 2000 người tạm đủ tiêu chuẩn, nếu tuyển lựa kỹ thì chẳng được bao nhiêu. Ông hết sức thất vọng, liền xin từ chức.

Năm 1620, Minh Thần Tông chết, con là Minh Quang Tông Chu Thường Lạc vừa nối ngôi cũng chết luôn. Cháu Thần Tông là Chu Do Hiệu kế vị. Đó là Minh Hy Tông. Từ Quang Khải trở lại kinh thành. Ông thấy Hậu kim càng ngày càng uy hiếp nghiêm trọng, liền ra sức tâu xin triều

đình cho chế tạo nhiều pháo lớn theo kiểu phương tây. Vì chuyện này, ông va chạm với Binh bộ thượng thư và bị chèn ép bật khỏi triều đình. Từ Quang Khải trở về Thượng Hải, đã là 1 ông già ngoài 60. Ông vốn rất có hứng thú về nghiên cứu nông nghiệp, nên về tới quê nhà, lại tự tham gia lao động, tiến hành 1 số thí nghiệm. Sau đó, ông tập hợp thành quả nghiên cứu của mình, viết nên tác phẩm "Nông chính toàn thư". Trong tác phẩm này, ông đã ghi chép tỉ mỉ về nông cụ, thổ nhưỡng, thủy lợi, bón phân, chọn giống, chết ghép cây. Vì vậy, tác phẩm "Nông chính toàn thư" của ông đáng được coi là 1 cuốn bách khoa toàn thư về nông nghiệp thời cổ của Trung Quốc.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Tả Quang Đầu Vào Ngục

Cuối đời Minh Thần Tông, có 1 viên quan là Cố Hiến Thành, vì mạnh dạn can ngăn thẳng thắn, đắc tội với Thần Tông, bị cách chức. Ông trở về quê nhà ở Vô Tích (nay là Vô Tích, Giang Tô) hợp tác với mấy người bạn cùng chí hướng mở 1 trường học ở cửa đông, đặt tên là Đông Lâm thư viện. thư sinh quanh vùng đó nghe danh ông là người có học vấn cao, liền đua nhau tới Vô Tích nghe ông giảng sách. Cố Hiến Thành rất căm ghét nền chính trị thối nát đương thời, nên trong khi giảng sách, đôi lúc có đề cập tới triều chính và phê phán 1 số đại thần đương thời. Những người nghe giảng đều thấy Cố Hiến Thành là nghị luận xác đáng. Một số đại thần trong triều đồng tình với ông. Tiếng tăm của Đông Lâm thư viện ngày càng lớn. Một số quan liêu quý tộc bị phê phán thì vô cùng căm tức ông. Chúng gọi những người ủng hộ Đông Lâm thư viện Đông Lâm đảng nhân. Khi Minh Hy Tông vừa lên ngôi, 1 số đại thần ủng hộ Đông Lâm đảng nắm quyền, có uy tín nhất trong số đó, phải kể tới Dương Liên và Tả Quang Đầu.

Một lần, triều đình cử Tả Quang Đầu tới vùng phụ cận kinh thành tiến hành thị sát, đồng thời phụ trách giám khảo cuộc thi ở đó. Một hôm, gió bắc nổi mạnh, tuyết bay mù mịt. Tả Quang Đầu uống mấy chén rượu, bỗng nổi hứng, dẫn mấy tùy tùng cưỡi ngựa ra vùng ngoại ô chơi tuyết. Họ tới 1 ngôi chùa cổ, khung cảnh rất u tĩnh, Tả Quang Đầu liền quyết định vào đó nghỉ 1 lát. Họ xuống ngựa, đẩy cánh cửa khép hờ, bước vào chùa, thì thấy trong gian phòng cạnh hành lang bên trái, có 1 thư sinh đang gục xuống bàn ngủ gà ngủ gật, trên bàn để mấy quyển văn đầy chữ. Tả Quang Đầu tới gần, cầm lên xem kỹ. Mấy quyển văn đó không những chữ viết đẹp đẽ mà

văn chương lại rất hay. Tả Quang Đẩu vừa xem vừa khen thầm. Ông đặt mấy quyển văn xuống, định quay ra, liền chợt nghĩ, ngoài trời đang xuống tuyết lớn, thời tiết rất lạnh mà chàng thư sinh này chỉ có 1 tấm áo mỏng, nằm ngủ dễ bị cảm lạnh lắm. Ông không do dự, cởi ngay tấm áo khoác lông chồn, nhẹ nhàng đắp cho chàng. Tả Quang Đẩu đi ra, khép cửa lại, bảo mấy người tùy tùng tới hỏi các nhà sư, mới biết chàng thư sinh đó tên là Sử Khả Pháp, vừa tới kinh thành chờ dự thi. Ông thầm ghi nhớ lấy cái tên đó. Đến ngày thi, Tả Quang Đẩu vào trong sảnh đường. Một tiểu lại đang đọc to danh sách thí sinh. Khi gọi đến tên Sử Khả Pháp, Tả Quang Đẩu chú ý theo dõi người lên nộp quyển thi, thì thấy đúng là chàng thư sinh trong chùa hôm trước. Trong cuộc thi đó, Sử Khả Pháp được Tả Quang Đẩu lấy đỗ đầu.

Sau kỳ thi, Tả Quang Đẩu tiếp Sử Khả Pháp trong dinh mình, khuyên Sử Khả Pháp nên tiếp tục cố gắng, rồi dẫn vào nhà trong chào Tả phu nhân. Ông khen ngợi Sử Khả Pháp trước Tả phu nhân: "Mấy đứa trong nhà ta đều không có tài. Kế thừa sự nghiệp của tôi sau này, chỉ trông mong vào chàng trai này thôi!".

Từ đó về sau, Tả Quang Đẩu đối đãi với Sử Khả Pháp theo tình thầy trò rất thân mật. Gia đình Sử Khả Pháp rất nghèo, Tả Quang Đẩu bảo chàng tới ở trong dinh mình, tự mình hướng dẫn chàng đọc sách. Có lần, tuy đã làm việc công tới đêm khuya nhưng Tả Quang Đẩu vẫn tới phòng Sử Khả Pháp, 2 người hào hứng trao đổi về học thuật, quên cả ngủ. Tả Quang Đẩu và Dương Liên 1 lòng 1 dạ lo chinh đốn lại triều chính. Nhưng Minh Hy Tông là 1 ông vua cực kỳ ngu tối, chỉ nghe theo lời tên hoạn quan nham hiểm là Ngụy Trung Hiền, cho Ngụy Trung Hiền chỉ huy cơ quan đặc vụ - đông xướng. Dựa vào đặc quyền trong tay, Ngụy Trung Hiền kéo bè kết đảng, mua quan bán tước, làm đủ chuyện xấu xa. Một số quan chức xưa nay vốn chống lại Đông Lâm đảng liền hòa theo Ngụy Trung Hiền. Lịch sử gọi bọn này là "Yêm đảng" (Yêm: thiên, hoạn). Dương Liên phản nộ trước hành động của "Yêm đảng" liền mạnh dạn dâng 1 tấu chương vạch ra 24 tội

của Ngụy Trung Hiền. Tả Quang Đẩu cũng hết lòng ủng hộ ông. Thế là các ông đã rước họa vào thân. Năm 1625, Ngụy Trung Hiền và Yêm đảng của hắn đã cấu kết với nhau công kích Dương Liên, Tả Quang Đẩu là Đông Lâm đảng rồi thuê dật tội trạng, bắt họ giam vào nhà ngục, dùng cực hình buộc phải cung khai. Sau khi Tả Quang Đẩu bị bắt, Sử Khả Pháp bối rối không biết làm thế nào. Mỗi ngày từ sáng tới chiều, chỉ quanh quẩn trước nhà lao, tìm cơ hội vào gặp thầy dạy của mình. Nhưng Yêm đảng giam giữ Tả Quang Đẩu rất nghiêm ngặt, không cho ai thăm hỏi. Trong nhà ngục, mặc dù chịu mọi cực hình, Tả Quang Đẩu vẫn kiên quyết không khuất phục. Sử Khả Pháp nghe nói Tả Quang Đẩu bị tra tấn dã man sắp chết, liền không quản nguy hiểm, đưa 50 lạng bạc cho tên coi ngục, khẩn khoản xin hắn cho vào gặp thầy dạy lần cuối cùng. Xiêu lòng trước mối lợi và lời cầu khẩn khẩn khoản, tên cai ngục liền tìm cách giúp ông. Tối hôm đó, Sử Khả Pháp mặc bộ quần áo rách rưới cải trang làm người đi nhặt phân, đi giày cỏ, khoát sọt đựng phân, tay cầm xẻng, đi theo ngục tối vào phòng giam.

Tới phòng giam, Sử Khả Pháp thấy Tả Quang Đẩu ngồi trong 1 góc, khắp người thương tích, mặt đã biến dạng, không nhận ra nổi, chân trái bị gãy lòi xương ra. Sử Khả Pháp thấy vậy, quá đau lòng, tiến tới quỳ xuống ôm Tả Quang Đẩu, khóc ròng. Tả Quang Đẩu mặt mũi sưng vù, không mở được mắt, nhưng nghe tiếng khóc, biết là Sử Khả Pháp. Ông dùng tay cố sức vạch mắt ra, 2 tròng mắt giập dũ như bốc lửa, lớn tiếng mắng: "Đồ ngu xuẩn! Người đã biết đây là nơi thế nào mà còn tìm đến! Sự thế đất nước đã đến bước này, ta đã không làm gì được nữa, người lại liều thân tới đây, lỡ chúng phát hiện được thì công việc sau này trông cậy vào ai?".

Sử Khả Pháp vẫn khóc lóc sụt sùi. Tả Quang Đẩu giận dữ nói: "Người không cút ngay ra thì ta cho người chết ở đây, khỏi cần tới bàn tay bọn gian thần nữa!".

Nói xong, ông giơ cao xiềng xích trong tay, làm như sắp bỏ xuống đầu Sử Khả Pháp. Sử Khả Pháp không dám nói gì nữa, đành nén đau thương,

lui ra. Mấy hôm sau, Tả Quang Đẩu và Dương Liên bị bọn Ngụy Trung Hiền giết hại. Sử Khả Pháp lại bỏ ra 1 món tiền, nhờ ngục tốt giúp đỡ mới nhận được thi thể Tả Quang Đẩu mang về chôn cất. Nhớ lại tình cảnh trong nhà ngục, ông rớt nước mắt nói: "Tấm lòng của thầy ta thật là gan thép".

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Mộ Năm Người

Ngụy Trung Hiền giết hại Dương Liên, Tả Quang Đầu xong, lũng đoạn hoàn toàn về quân sự, chính trị. Hắn thăng chức cho 1 loạt các quan chức trong bè đảng và cả lũ con cháu của chúng vào các chức vụ quan trọng trong triều. Trong số đó, kẻ thì bày mưu đặt kế, kẻ thì chuyên làm việc dò xét, giết người. Dân gian đặt cho chúng những biệt hiệu, nào là "ngũ hổ", "ngũ bư" (bư: hổ con), "thập cầu", nào là "thập hài nhi", "tứ thập tôn". Quyền lực của Ngụy Trung Hiền lớn tới mức, bất kì quan chức trong triều hay tại địa phương, hễ muốn giữ được địa vị, đều phải xu phụng chúng. Khi Ngụy Trung Hiền ra khỏi nhà, bao giờ cũng trưng cờ kiệu như hoàng đế, mọi người cũng phải đối đãi với hắn như với hoàng đế. Thời phong kiến, hoàng đế được xưng "vạn tuế", Ngụy Trung Hiền không phải là hoàng đế, đương nhiên không thể xưng "vạn tuế". Một viên quan liền gọi Ngụy Trung Hiền là "Cửu thiên tuế". Hắn nghe gọi thế thì rất phấn khởi, liền trọng thưởng cho kẻ khéo nịnh đó. Từ đó về sau, Ngụy Trung Hiền liền trở thành "Cửu thiên tuế". Có viên tuần phủ Triết Giang muốn lấy lòng Ngụy Trung Hiền, liền xây cho hắn 1 ngôi từ đường. Nói chung, từ đường là đền thờ người đã chết, nay Ngụy Trung Hiền còn sống, mà làm từ đường, nên gọi là "sinh từ" (đền thờ sống). Việc kỳ quái đó xuất hiện, có 1 số người có ý kiến phản đối, lập tức họ bị Ngụy Trung Hiền cách chức. Quan lại địa phương khác sợ đắc tội với Ngụy Trung Hiền, liền đua nhau xây sinh từ cho hắn.

Lúc đó, khắp triều đình đều là các quan chức thuộc Yêm đảng hoặc hùa theo Yêm đảng. Những ai có chút lòng chính trực không chịu xu phụng

chúng, đều xin từ chức. Một viên quan là Chu Thuận Xương không chịu được sự lộng hành của chúng, liền cáo quan về nhà ở Tô Châu. Năm 1626, Ngụy Trung Hiền lại tiến hành 1 cuộc bắt bớ lớn những người mà hắn cho là thuộc Đông Lâm đảng. Khi quan lính áp giải 1 viên quan thuộc Đông Lâm đảng đi qua Tô Châu, Chu Thuận Xương liền mở tiệc tiễn ông. Trong bữa tiệc, Chu Thuận Xương chỉ đích danh Ngụy Trung Hiền, chửi mắng hắn thậm tệ. Khi về kinh, bọn lính bầm lại với Ngụy Trung Hiền. Hắn nổi giận, lệnh cho đông xướng phái quân lính, do tuần phủ Nam Kinh Mao Nhất Lộ dẫn đầu tới Tô Châu tróc nã Chu Thuận Xương. Tin tức về quân đông xướng tới bắt người được truyền đi, làm rung động cả dân thành Tô Châu. Hơn 20 năm trước, dân Tô Châu dưới sự lãnh đạo của Cát Hiền đã từng đấu tranh chống thái giám. Nay bọn đặc vụ của Ngụy Trung Hiền lại đến đây bắt người, sao chẳng khiến cho mọi người phẫn nộ. Và lại, Chu Thuận Xương chỉ vì phản đối Yêm đảng mà bị bức hại, ai cũng đồng tình với ông. Vì vậy, đúng hôm quân lính của đông xướng tới Tô Châu, thì hàng vạn thị dân đã đổ ra đường, ủng hộ Chu Thuận Xương.

Mọi người ngăn kiệu của Mao Nhất Lộ, cử mấy người có chữ nghĩa đứng ra thỉnh nguyện, yêu cầu hủy bỏ lệnh bắt Chu Thuận Xương. Thấy thanh thế quần chúng lớn mạnh, Mao Nhất Lộ sợ toát mồ hôi, ném cùm xích sắt xuống đất, lớn tiếng dọa: "Chúng ta là quân đông xướng đây, kẻ nào dám ngăn trở!".

Cùm xích kêu loảng xoảng, càng làm cho quần chúng nổi giận. có người xông lên bắt bẻ: "Các người chẳng vừa nói là phụng thánh chỉ của hoàng thượng tới bắt người sao? Hóa ra là trò quỷ của đông xướng!".

Quân lính chưa kịp trả lời, thì quần chúng đã ồ cả lên: "Thì ra là bọn gian tặc ở đông xướng". Mọi người vừa reo hò, vừa xông tới đám quân lính và Mao Nhất Lộ, tiếng hò hét như trời long đất lở. Bọn quân lính ngày thường cậy thế hiếp người, hoảng sợ chạy tứ tán, toan thoát khỏi vòng vây. Quần chúng phẫn nộ đuổi theo, túm lấy chúng, đánh đấm túi bụi. Một tên

lĩnh bị đâm trúng vùng tim, ngã quay ra đất, lăn lộn mấy vòng rồi tắt thở. Số còn lại vỡ đầu chảy máu, vừa bò vừa chạy thoát khỏi vòng vây. Quần chúng chưa chịu thôi, liền tìm Mao Nhất Lộ, toan tính sổ với hắn. Tên này cũng ranh ma, đã sớm chui ra khỏi kiếp, nhân lúc hỗn loạn, cởi bỏ áo mũ tuần phủ, theo 1 ngõ hẻm chuồn đi. Thấy phía trước có 1 hố phân, hắn chẳng quản gì thể diện, chẳng quản mùi hôi thối nồng nặc, nhảy xuống nép vào 1 góc. Mãi tới khi quân chúng tản mát đi hết, bọn tùy tùng mới tìm thấy ngài tuần phủ đã ngất xỉu, liền lôi từ đống phân lên. Bọn đặc vụ đông xưởng chạy về khóc lóc tố cáo với Ngụy Trung Hiền. Hiền đâu chịu bỏ qua, lại ra lệnh cho Mao Nhất Lộ dẫn quân tới Tô Châu đàn áp. Chúng bắt 5 người cầm đầu vụ bạo động của thị dân là Nhan Phụng Thư, Dương Niệm Như, Mã Kiệt, Thẩm Dương, Chu Văn Nguyên đưa vào nhà giam, khép tội xúi giục bạo loạn và xử tội chết. Khi 5 người bị giải tới hình trường, thần sắc họ vẫn thản nhiên, còn chửi rủa Ngụy Trung Hiền và Mao Nhất Lộ.

Sau khi họ hy sinh, nhân dân tự bỏ tiền ra, xin lĩnh thi thể họ từ tay bọn đao phủ, rồi an táng họ ven núi phía đông Hồ Khâu. Sau đó, nhân dân còn dựng bia, trên khắc dòng chữ "Ngũ nhân chi mộ" (mộ 5 người). Lần bạo động đó tuy bị trấn áp, nhưng từ đó về sau, bọn đặc vụ đông xưởng thấy lực lượng quần chúng ghê gớm như vậy, không dám tùy tiện tới các nơi bắt người nữa.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Viên Sùng Hoán Đại Chiến Ninh Viễn

Trong khi Yêm đảng của Ngụy Trung Hiền làm cho nhà Minh nát nát, thì đại hãn Hậu Kim Nỗ Nhĩ Cáp Xích không ngừng tiến công quân Minh ở Liêu Đông. Sau đại chiến Sác Xuy, triều Minh phái 1 lão tướng là Hùng Đình Bật ra ngoài cửa quan để chỉ huy quân sự ở Liêu Đông. Hùng Đình Bật là 1 tướng rất có tài, nhưng tuân phủ Quảng Ninh (nay là Bắc Trăn, Liêu Ninh) là Vương Hóa Trinh khi thấy Hùng Đình Bật tới sẽ ảnh hưởng đến quyền lực của mình, nên tìm mọi cách cản trở việc chỉ huy của ông. Năm 1622, Nỗ Nhĩ Cáp Xích tiến đánh Quảng Ninh, Vương Hóa Trinh dẫn đầu các quan chức bỏ chạy vào trong cửa quan. Hùng Đình Bật không thể ngăn cản được việc đó, đành yểm hộ dân chúng lui vào trong Sơn Hải Quan. Quảng Ninh thất thủ, vương triều Minh không điều tra rõ nguyên nhân, liền bắt cả Hùng Đình Bật và Vương Hóa Trinh tống giam. Ngụy Trung Hiền nhân cơ hội đó hạch sách, vùi vĩnh, đòi Hùng Đình Bật phải nộp 4 vạn lượng bạc thì mới tha tội chết. Hùng Đình Bật là người chính trực, liêm khiết, sao có số tiền đó được, nên đương nhiên cự tuyệt. Yêm đảng liền tố cáo ông đã tham ô quân phí, đưa ông ra xử tử.

Giết mất tướng giỏi là Hùng Đình Bật rồi, triều Minh chưa tìm ra người thay thế. Bộ binh đang lo lắng vì điều đó thì lại xảy ra sự kiện là chủ sự (tên 1 chức quan) Viên Sùng Hoán bỗng nhiên mất tích. Người trong bộ tới hỏi gia đình ông, nhưng người nhà cũng không ai biết ông đi đâu. Mấy ngày sau, Viên Sùng Hoán mới trở về. Thì ra, do thấy tình hình nguy cấp, ông đã 1 mình cưỡi ngựa ra ngoài Sơn Hải Quan trình sát. Viên Sùng Hoán nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình trong ngoài Sơn Hải Quan, rồi trở về báo

cáo với binh bộ thượng thư Tôn Thừa Tông. Ông nói: "Chỉ xin cấp cho hạ quan người ngựa và quân phí, hạ quan có thể đảm nhận được việc giữ Liêu Đông!".

Các đại thần trong triều đang run sợ trước thế tiến công của quân Kim, nay thấy Viên Sùng Hoán tự đứng ra nhận nhiệm vụ, thì đều tán thành cử ông đi xem sao. Minh Hy Tông phê chuẩn, cấp cho ông 20 vạn lạng bạc quân phí và cử ông ra chỉ huy quân Minh ngoài cửa quan. Qua mấy năm chiến tranh, vùng ngoài cửa quan trở nên hoang phế, khắp nơi là di cốt tử sĩ, lại thêm băng tuyết bao phủ, dã thú hoành hành, hoàn cảnh hết sức gian khổ. Tới nơi, Viên Sùng Hoán dẫn các tùy tùng, cưỡi ngựa đi suốt đêm qua khắp vùng hoang vắng, tới đồn điền Ninh Viễn (nay là Hưng Thành, Liêu Ninh) trước khi trời sáng. Tại đây, ông chiêu tập nạn dân, xây dựng thành lũy. Trước dũng khí và nghị lực của ông, các tướng sĩ đều vô cùng khâm phục. Qua khảo sát thực địa, Viên Sùng Hoán quyết định dẫn quân lên đóng tại Ninh Viễn, tăng cường công sự phòng thủ. Báo cáo về ý định đó của ông lập tức được Tôn Thừa Tông ủng hộ.

Tại Ninh Viễn, Viên Sùng Hoán cho xây tường thành cao 3 trượng 2 thước ($3.2 \times 3.33 = 10.65\text{m}$), rộng 2 trượng ($2 \times 3.33 = 6.66\text{m}$) và trang bị các loại súng và pháo. Tôn Thừa Tông còn phái mấy toán quân tới đóng ở Cẩm Châu, Tùng Sơn gần Ninh Viễn để chi viện cho Ninh Viễn. Viên Sùng Hoán quy định hiệu lệnh nghiêm minh, kỷ luật chặt chẽ khiến quân dân đều mến phục. Thương nhân các vùng ngoài cửa quan nghe nói việc phòng thủ Ninh Viễn đã được củng cố, đều tấp nập tới Ninh Viễn buôn bán. Tình hình nguy cấp ở Liêu Đông nhanh chóng được cứu vãn. Trong lúc công việc bố trí phòng thủ của Tôn Thừa Tông, Viên Sùng Hoán đang tiến triển thuận lợi thì Ngụy Trung Hiền lại nghi ngờ. Hắn xúi giục tay chân nói xấu Tôn Thừa Tông, buộc ông phải từ chức. Sau khi loại bỏ được Tôn Thừa Tông, Ngụy Trung Hiền liền đưa đồng đảng của hắn là Cao Đễ lên nhận chức chỉ huy quân sự vùng Liêu Đông. Cao Đễ ngu dốt, bất tài, vừa tới Sơn Hải Quan, hắn liền triệu tập các tướng đến họp, nói quân Hậu Kim rất lợi hại, không

thể phòng thủ ngoài cửa quan, mà phải rút toàn bộ quân đội vào trong Sơn Hải Quan. Viên Sùng Hoán kiên quyết phản đối việc rút quân. Ông nói: "Chúng tôi hết sức khó khăn mới đứng chân được ngoài cửa quan, sao lại dễ vứt bỏ đi như vậy được?".

Cao Đễ nhất định bắt Viên Sùng Hoán bỏ Ninh Viễn. Viên Sùng Hoán cả giận, nói: "Chức vụ của tôi là phòng thủ Ninh Viễn. Cần chết thì cũng chết ở đó, quyết định không rút về phía sau!".

Cao Đễ đành để Viên Sùng Hoán giữ lại 1 số quân Minh ở Ninh Viễn, nhưng lại hạ lệnh cho các toán quân Minh khác ngoài cửa quan phải rút về trong Sơn Hải Quan theo kỳ hạn quy định. Mệnh lệnh được ban bố hết sức đột ngột, các toán quân không hề được chuẩn bị, vội vàng lui quân, bỏ lại hơn 10 vạn tạ lương thực (= 5000 tấn). Nỗ Nhĩ Cáp Xích thấy quân Minh rút lui lếch thếch như vậy, cho rằng đây là 1 đối tượng không đáng ngại. Vì vậy, năm 1626, ông dẫn 13 vạn đại quân vượt qua Liêu Hà, tiến đánh Ninh Viễn. Lúc đó, quân Minh ở các cứ điểm xung quanh đã rút hết, thành Ninh Viễn chỉ còn hơn 1 vạn quân, ở vào thế hoàn toàn cô lập. Nhưng Viên Sùng Hoán không nao núng. Ông cắn ngón tay, lấy máu viết 1 bức huyết thư thề chết chống quân Kim, đưa cho tướng sĩ xem và động viên khuyến khích mọi người quyết chiến. Tướng sĩ cảm động, sôi trào nhiệt huyết, thề quyết 1 lòng theo Viên tướng quân tử thủ Ninh Viễn. Tiếp đó, Viên Sùng Hoán ra lệnh cho cư dân ngoài thành đem theo lương thực, tài sản rút vào trong thành, rồi cho đốt hết nhà cửa ngoài thành, không để cho quân Kim có chỗ trú. Ông trao nhiệm vụ rõ ràng cho từng quan chức trong thành, người lo tiếp tế quân lương, người phụ trách dò xét nội gian. Ông còn gửi thư cho tướng giữ Sơn Hải Quan, yêu cầu nếu phát hiện thấy binh sĩ nào trốn chạy về thì xử tử ngay tại chỗ. Lệnh ban ra, lòng người trong thành Ninh Viễn đều chỉ tập trung vào việc giữ thành giết địch, không hề phân tán lo toan việc gì khác.

20 ngày sau, quân Kim do Nỗ Nhĩ Cáp Xích thống lĩnh rầm rộ kéo tới chân thành Ninh Viễn. Đoàn quân đông đúc đó dùng thuẫn che đầu, liều mạng xông pha dưới rừng tên, mưa đạn của quân Minh, tìm mọi cách phá thành. Quân Minh tuy chống cự anh dũng, nhưng quân Kim vẫn xông lên, lớp này ngã xuống, lớp sau lại tiếp lên, khí thế rất hung hãn. Trong lúc nguy cấp, Viên Sùng Hoán liền cho điều số đại pháo đã chuẩn bị sẵn, bắn mạnh vào quân Kim. Tiếng pháo vang rền, khói lửa mù mịt; binh sĩ Kim bị pháo bắn, xương thịt bay tung, đội hình tan tác, buộc phải lui lại. Hôm sau, Nỗ Nhĩ Cáp Xích thân ra đốc chiến, tập trung đông đảo binh lực đánh thành. Viên Sùng Hoán đứng trên đài quan sát tại lầu thành, trầm tĩnh theo dõi hành động của quân Kim tới sát tường thành, mới hạ lệnh bắn pháo vào nơi quân Kim chen lấn dày đặc nhất. Loạt pháo đó khiến quân Kim thương vong nặng nề. Nỗ Nhĩ Cáp Xích đang cưỡi ngựa đốc chiến tại phía sau cũng bị trọng thương, đành hạ lệnh rút lui. Viên Sùng Hoán thấy quân Kim rút lui, liền thừa thắng mở cửa thành truy kích, đuổi theo suốt 30 dặm, mới dắt thắng quay về thành.

Nỗ Nhĩ Cáp Xích bị trọng thương, về tới Thẩm Dương, nói với bộ hạ: "Ta từ thuở hai mươi lăm tuổi đã đánh đâu thắng đó, không ngờ tòa thành Ninh Viễn con con này lại không hạ nổi". Ông ta vừa giận uất vừa đau lòng, lại thêm vết thương quá nặng, nên mấy ngày sau là tắt thở. Người con thứ 8 của Nỗ Nhĩ Cáp Xích là Hoàng Thái Cực thay cha, lên ngôi đại hãn Hậu Kim.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Hoàng Thái Cực Lập Mẹo Phản Gián

Sau khi Nỗ Nhĩ Cáp Xích chết vì trọng thương, Viên Sùng Hoán muốn thám thính tình hình Hậu Kim, liền phái sứ giả đến Thẩm Dương điếu tang. Hoàng Thái Cực vô cùng căm giận Viên Sùng Hoán, nhưng vì Hậu Kim vừa thua trận, cần nghỉ ngơi chỉnh đốn, lại cũng muốn thăm dò thái độ triều Minh, nên không những vẫn tiếp đãi sứ giả mà còn cử sứ đoàn tới Ninh Viễn đáp lễ. Bề ngoài, 2 bên tỏ ra hòa hoãn, nhưng bên trong đều ngấm ngầm chuẩn bị cho cuộc chiến tiếp sau. Năm sau, Hoàng Thái Cực lại thân dẫn đại quân tiến đánh quân Minh. Quân Kim chia làm 3 cánh tiến xuống, trước hết bao vây chặt thành Cẩm Châu. Viên Sùng Hoán phán đoán mục tiêu chủ yếu của Hoàng Thái Cực là Ninh Viễn, nên quyết định tự mình lưu lại Ninh Viễn, chỉ phái bộ tướng dẫn 4000 kỵ binh tới cứu Cẩm Châu. Quả nhiên, viện binh chưa xuất phát thì Hoàng Thái Cực đã cử quân tới đánh Ninh Viễn. Viên Sùng Hoán đích thân trèo lên mặt thành đôn đốc tướng sĩ giữ thành, dùng pháo lớn bắn mạnh vào quân Kim. Quân Minh đóng sẵn ở ngoài thành cũng phối hợp với quân trong thành đánh ép quân Kim, buộc quân Kim rút lui.

Hoàng Thái Cực lại điều quân tới Cẩm Châu nhưng quân Minh giữ Cẩm Châu hết sức nghiêm ngặt, lại thêm tiết trời chuyển sang nóng nực, sĩ khí quân Kim xuống thấp. Hoàng Thái Cực đành phải lui quân. Thế là Viên Sùng Hoán lại 1 lần nữa giành thắng lợi. Nhưng bọn Yêm đảng của Ngụy Trung Hiền lại giành công ấy cho mình, còn trách cứ Viên Sùng Hoán là không đích thân tới cứu Cẩm Châu. Viên Sùng Hoán biết Ngụy Trung Hiền rắp tâm kiếm chuyện, đành xin từ chức. Năm 1627, vị hoàng đế ngu tối

Minh Hy Tông ốm chết, em là Chu Do Kiểm lên nối ngôi. Đó là Minh Tư Tông, cũng gọi là Sùng Trinh Đế (Sùng Trinh là niên hiệu của Minh Tư Tông). Sùng Trinh Đế từ lâu đã biết Ngụy Trung Hiền là kẻ lộng quyền làm bậy khiến dân chúng oán giận, nên vừa lên ngôi, liền vạch tội Ngụy Trung Hiền, bắt hãm sung quân tới Phượng Dương. Ngụy Trung Hiền biết là khó sống nổi, nên tới nửa đường đã tự sát.

Sau khi trừng trị Yêm đảng, Sùng Trinh Đế sửa lại án oan, khôi phục danh dự cho Dương Liên và Tả Quang Đẩu, đồng thời có ý muốn chinh đồn lại triều chính. Rất nhiều đại thần xin triệu Viên Sùng Hoán trở về triều đình, Sùng Trinh Đế nghe theo lời tâu đó, triệu Viên Sùng Hoán về, phong làm bộ binh thượng thư, phụ trách việc quân toàn vùng Hà Bắc, Liêu Đông. Sùng Trinh Đế còn đích thân triệu kiến Viên Sùng Hoán, hỏi xem ông có kế hoạch gì. Viên Sùng Hoán tâu: "Chỉ xin bệ hạ trao cho thần quyền chỉ huy, các bộ trong triều nhất trí phối hợp, thì không quá năm năm có thể khôi phục được Liêu Đông!".

Sùng Trinh Đế rất hài lòng, ban cho Viên Sùng Hoán thanh Thượng Phương bảo kiếm, cho phép ông toàn quyền tiến hành công việc. Viên Sùng Hoán trở lại Ninh Viễn, tuyển chọn tướng tài, chinh đồn đội ngũ, giữ nghiêm quân lệnh, khiến sĩ khí lên cao. Tổng binh Đông Giang là Mao Văn Long đánh trận thua, vẫn mạo báo quân công, không phục tùng sự chỉ huy của Viên Sùng Hoán. Ông liền sử dụng Thượng Phương bảo kiếm chém Mao Văn Long.

Hoàng Thái Cực thua trận, rất cay cú. Biết Ninh Viễn, Cẩm Châu phòng giữ nghiêm ngặt, liền đổi hướng tiến công. Sau khi chuẩn bị chu đáo, năm 1629, Hoàng Thái Cực thống lĩnh mấy chục vạn quân từ Long Tỉnh Quan, Đại An Khẩu (nay ở phía bắc Tuân Hóa, Hà Bắc) đi vòng tới Hà Bắc, tiến thẳng đến kinh thành Bắc Kinh. Hành động đó nằm ngoài dự đoán của Viên Sùng Hoán. Ông vội vàng cất quân toan chặn quân Kim giữa đường, nhưng không kịp. Quân Kim tiến vào nơi không có phòng thủ, tới

tận ngoài thành Bắc Kinh. Viên Sùng Hoán lòng như lửa đốt, dẫn quân Minh đuổi theo 2 ngày đêm liền không nghỉ, lao vào cuộc chiến đấu kịch liệt với quân Kim. Các cánh quân Minh khác cũng lần lượt về cứu kinh thành, phối hợp với nhau chống lại quân Kim. Quân Kim đột nhiên tiến đánh Bắc Kinh khiến toàn kinh thành chấn động. Sùng Trinh Đế lại càng hoảng hốt, không biết xử trí thế nào. Sau nghe nói Viên Sùng Hoán đã mang quân về kịp, mới trấn tĩnh lại. Nhưng số dư đảng của Ngụy Trung Hiền lại phao tin là lần này quân Kim đi vòng đường tiến vào được, nhất định là có âm mưu mờ ám gì bên trong. Sùng Trinh Đế là người đa nghi, nghe những lời đó cũng có chút ngờ vực. Chính vào lúc đó, 1 thái giám bị quân Kim bắt, tìm cách trốn về được, tâu với Sùng Trinh Đế là Viên Sùng Hoán đã có mật ước với Hoàng Thái Cực, bán rả Bắc Kinh cho Kim. Nguồn tin đó như sét nổ giữa trời quang, khiến Sùng Trinh Đế ngây người kinh sợ. Nguyên do là, sau khi 2 viên thái giám triều Minh bị quân Kim bắt đi, đem giam trong trại Kim, thì 1 đêm, viên thái giám họ Dương chợt tỉnh, thấy 2 lính gác Kim đang trò chuyện to nhỏ với nhau. Một tên nói: "Hôm nay, quân ta đang giao chiến lại có lệnh lui quân, hoàn toàn là do chủ ý của hoàng thượng (chỉ Hoàng Thái Cực). Mà có hiểu không?".

Tên kia hỏi: "Mày hiểu thế nào?".

Tên thứ nhất trả lời: "Vừa rồi tao nhìn thấy hoàng thượng một mình một ngựa đi sang phía doanh trại Minh, từ trong trại Minh có hai người cưỡi ngựa đi ra, nói chuyện với hoàng thượng rất lâu rồi hai bên mới từ biệt. Nghe nói hai người đó là do Viên tướng quân cử ra. Tướng quân đã có mật ước với hoàng thượng chúng ta. Xem ra, đại sự thành công đến nơi rồi..."

Viên thái giám họ Dương nghe lỏm được mẩu đối thoại đó, rồi nhân lúc lính gác không chú ý, liền lén trốn ra, chạy về phía quân Minh, sau đó về kinh thành tâu lại với Sùng Trinh Đế. Sùng Trinh Đế cho là thật, chứ đâu biết rằng màn kịch đó là do Hoàng Thái Cực bày đặt ra để làm kế ly gián.

Sùng Trinh Đế lập tức triệu Viên Sùng Hoán vào cung. Nhận được lệnh triệu, Viên Sùng Hoán không biết có việc gì, vội vàng vào cung. Sùng Trinh Đế vừa thấy, đã vênh mặt quát hỏi: "Tại sao nhà ngươi dám tự tiện giết Mao Văn Long? Tại sao quân Kim tới sát Bắc Kinh mà ngươi lần lữa mãi mới mang quân về?".

Viên Sùng Hoán kinh ngạc, không biết nên trình bày từ đâu. Ông đang chuẩn bị tâu trình thì Sùng Trinh Đế đã quát cấm y vệ tới trối ông lại đưa vào đại lao. Có đại thần thấy Viên Sùng Hoán xưa nay vẫn tận trung với nước, cảm thấy vẫn đề có uẩn khúc, liền tâu xin Sùng Trinh Đế: "Cuối xin bệ hạ nên suy xét thận trọng".

Sùng Trinh Đế xẵng giọng: "Thận trọng cái gì! Thận trọng chỉ làm hỏng việc!"

Mặc cho các đại thần tâu xin, Sùng Trinh Đế ngả theo lời xúc xiểm của dư đảng Ngụy Trung Hiền, năm sau liền hạ lệnh xử tử Viên Sùng Hoán.

Hoàng Thái Cực dùng mẹo phản gián trừ được đối thủ Viên Sùng Hoán, liền lui quân về Thịnh Kinh. Từ đó, Hậu Kim ngày càng lớn mạnh. Năm 1635, Hoàng Thái Cực đổi tên Nữ Chân thành Mãn Châu. Năm sau, liền xưng đế ở Thịnh Kinh, đổi quốc hiệu là Thanh. Đó là Thanh Thái Tông.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Từ Hà Khách Viễn Du Thám Hiểm

Trong khi vương triều Minh đang nát bét, thì tại vùng Giang Âm có 1 thanh niên, bất mãn với triều chính thối nát, không chịu theo con đường khoa cử để làm quan, mà nuôi chí đi du lịch khắp núi cao sông lớn của tổ quốc, tìm tòi phát hiện những bí mật của tự nhiên. Từ Hà Khách có tên thực là Từ Hoảng Tổ, Hà Khách chỉ là biệt hiệu. Từ nhỏ, ông đã ham đọc sách lịch sử, địa lý. Khi học trong trường tư thực, thầy đồ đôn đốc ông đọc tứ thư ngũ kinh, ông thường giấu sách địa lý bên dưới, nhân lúc thầy không chú ý thì lấy ra đọc trộm, đọc tới mức mê mải say sưa. Năm 19 tuổi, cha ông mất. Ông vốn đã muốn đi khảo sát khắp sông núi trong nước, nhưng vì nghĩ tới bà mẹ đã già, không có ai trông nom nên không dám nêu ý muốn đó ra. Tâm sự của ông cuối cùng cũng được bà mẹ biết đến. Bà hiểu rõ nguyện vọng chính đáng của ông, liền nói: "Tài trai chí ở bốn phương, sao lại vì mẹ mà cứ ru rú ở nhà như con gà trong lồng, con ngựa trong chuồng!". Bà chuẩn bị hành trang đầy đủ cho ông, lại còn khâu cho ông chiếc mũ chuyên dùng để đi xa. Được mẹ khuyến khích, Từ Hà Khách liền quyết tâm lên đường viễn du.

Năm 22 tuổi, Từ Hà Khách lên đường. Ông lần lượt đi thăm Thái Hồ, Động Đình Hồ, Thiên Đài Sơn, Nhạn Đãng Sơn, Thái Sơn, Vũ Di Sơn và Ngũ Đài Sơn, Hằng Sơn ở miền bắc. Mỗi lần về qua nhà, ông đều kể lại cho bạn bè thân thích nghe các phong tục lạ và những cảnh nguy hiểm khi du lịch. Nhiều người nghe nói thì tròn mắt kinh sợ, nhưng bà mẹ lại thấy rất hứng thú. Sau khi mẹ mất, Từ Hà Khách dốc toàn tinh lực vào công cuộc du lịch và khảo sát. Năm 50 tuổi, ông tiến hành cuộc du lịch xa nhất, lâu

nhất. Trong suốt 4 năm, ông đi qua Hồ Nam, Quảng Tây, Quý Châu, Vân Nam, tới tận Đẳng Xung thuộc miền biên giới. Ông vượt suối trèo non, tới nhiều địa phương chưa từng có dấu chân người, leo lên các vách đá, khảo sát mọi đỉnh núi và hang động. Một lần, tại Đẳng Việt, ông vượt qua 1 đỉnh núi chót vót, phát hiện bên vách núi có 1 cửa động, không có đường nào tới được. Ông không quản nguy hiểm tới tính mạng, leo trèo trên vách núi như khi vượn, cuối cùng tới được cửa hang.

Lại 1 lần khác, ông tới Trà Lăng thuộc Hồ Nam, nghe nói ở đó có 1 động tên là Ma Diệp Động, trong đó có thần long và yêu quái, ai không có pháp thuật thì không thể vào được. Từ Hà Khách không tin vào thần thánh ma quỷ. Ông bỏ tiền thuê người địa phương dẫn đường để vào động khảo sát. Lúc sắp tới cửa động, người dẫn đường hỏi ông là người thế nào. Khi biết ông chỉ là 1 người bình thường, người dẫn đường sợ hãi nói: "Tôi tưởng ngài là một pháp sư mới dám cùng ngài vào động. Nếu ngài chỉ là một người đọc sách bình thường, tôi không thể liều mạng đi với ngài!".

Từ Hà Khách không chịu bỏ ý định, thuê người đốt đuốc đi vào trong động. Người trong thôn nghe nói có người vào động, đều kéo nhau đến cửa động, chờ xem sự thế ra sao. Từ Hà Khách khảo sát trong đó rất lâu, mãi tới khi hết đuốc mới chịu đi ra. Mọi người thấy ông trở ra an toàn, đều hết sức kinh ngạc nói: "Chúng tôi đợi mãi, cứ tưởng rằng ngài bị yêu tinh ăn thịt mất rồi!".

Từ Hà Khách đi thăm miền Tây Nam, ngoài 1 gia tộc đi theo, còn có 1 hòa thượng tên là Tĩnh Văn cùng đi. Một lần, khi bọn họ đi thuyền trên Tương Giang thì gặp 1 bọn cướp, toàn bộ tiền bạc và hành lý bị bọn chúng cướp sạch. Hòa thượng Tĩnh Văn bị đánh trọng thương, đi tiếp tới giữa đường thì chết. Cuối cùng, chính người gia tộc cũng bỏ ông mà đi. Mặc dù lâm vào hoàn cảnh đó, ông vẫn không lay chuyển quyết tâm tiếp tục cuộc thám hiểm. Trên đường đi, mỗi tối trước khi đi ngủ, Từ Hà Khách đều ghi chép tỉ mỉ những điều tai nghe mắt thấy trong ngày. Ngay dù trong ngày

phải ngủ trong rừng hoặc trên đường, ông đều giữ nếp ghi nhật ký. Năm 1641, sau khi ông qua đời, số nhật ký để lại rất nhiều. Đó là những ghi chép hết sức quý giá trong quá trình khảo sát địa lý của ông. Qua việc khảo sát thực địa, ông đã cải chính lại rất nhiều sai lầm được ghi trong sách vở trước kia và phát hiện, bổ sung nhiều điều chưa từng được ghi chép. Thí dụ như trường hợp sách địa lý cũ ghi rằng Mân Giang là đầu nguồn của Trường Giang. Qua khảo sát thực địa, Từ Hà Khách đã phát hiện thấy đầu nguồn của Trường Giang không phải là Mân Giang, mà là Kim Sa Giang. Lại thí dụ như khi khảo sát Ứng Sơn thuộc Đẳng Xung, Vân Nam, ông đã phát hiện thấy những dấu tích trên núi lửa từ thời xưa. Trong khi thám hiểm, ông từng khảo sát rất nhiều dung nham. Tại Thất Tinh Nham thuộc Quế Lâm, ông đã khảo sát và ghi chép hết sức tỉ mỉ về các dạng thạch nhũ thiên hình vạn trạng trong hang. Đây là những trang ghi chép sớm nhất thế giới về hiện tượng thạch nhũ. Sau này, người ta dùng những nhật kí của ông để biên soạn cuốn "Từ Hà Khách du ký". Bộ sách này không những là tài liệu quý về địa lý học thời cổ, mà còn xứng đáng được coi là 1 tác phẩm văn học ưu tú của Trung Quốc.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Sấm Vương Lý Tự Thành

Năm 1628, tức là năm thứ 2 đời Sùng Trinh, vùng Thiểm Tây lâm vào nạn đói nghiêm trọng. Dân chúng không có lương thực, đã đào hết rễ cỏ, bóc hết vỏ cây, đành phải ăn cả đất trên núi. Nhưng quan lại địa phương vẫn cứ đốc thúc thu thuế, trong khi dân chúng không có gì giao nộp. Chịu không nổi, nhiều người nổi ra khởi nghĩa nông dân. Mùa đông năm đó, triều Minh điều 1 số quân từ Cam Túc lên Bắc Kinh. Quân tới huyện Kim (nay là Du Lâm, Thiểm Tây), không được phát tiền lương, liền ào vào làm nháo động nha môn. Tướng cầm đầu đứng ra ngăn cản, 1 người lính trẻ phản nộ, hô hào mọi người xông tới giết luôn viên tướng và quan huyện. Người lính đó là Lý Tự Thành.

Lý Tự Thành quê ở Mễ Chi, Thiểm Tây, sinh trong 1 gia đình nông dân. Khi còn ít tuổi, đã thích cưỡi ngựa bắn cung, luyện tập võ nghệ. Sau, cha mất đi, cảnh nhà bần cùng, Lý Tự Thành phải tới dịch trạm Ngân Xuyên làm phu giữ ngựa. Ông cư xử với mọi người đều chí tình nên được mọi phu trạm yêu mến. Gia đình Lý Tự Thành từ lâu vẫn làm sai dịch đi thu thuế cho quan địa phương. Vùng Mễ Chi mất mùa mấy năm liền, nông dân không nộp được tô thuế. Một địa chủ họ Ngải ở địa phương thừa cơ cho vay lãi cao để bóc lột dân nghèo. Lý Tự Thành thấy mọi người không nộp được thuế, liền đứng ra vay lãi cao nộp thuế thay cho tất cả. Thời gian sau, tên địa chủ họ Ngải bắt Lý Tự Thành phải trả nợ. Ông không kiếm được tiền trả, bị hãm trình quan, bắt ông lên đánh 1 trận thừa sống thiếu chết, rồi cùm xích lại, mang ra phơi nắng, không cho ăn uống gì. Dân chúng và lính trạm thương xót, khẩn cầu quan huyện cho ông đứng dưới

bóng cây và cho ăn uống. Quan huyện không thuận. Quân chúng bưng bưng phần nộ, hòa nhau xông vào tháo cùm xích cho Lý Tự Thành rồi đưa ông cùng trốn khỏi Mễ Chi, tới Cam Túc xin đăng lính. Lần này, Lý Tự Thành cầm đầu giết quan tướng, rồi dẫn mấy chục bạn lính đi theo nghĩa quân do Vương Tả Quải lãnh đạo, được làm 1 đầu lĩnh.

Tổng đốc Dương Hạc thấy nghĩa quân ngày càng đông thì vô cùng sợ. Ông ta vừa mang quân trấn áp vừa dùng quan cao lộc hậu để chiêu hàng tướng lĩnh nghĩa quân. Vương Tả Quải nghe lời chiêu dụ, liền đầu hàng. Lý Tự Thành buộc phải đi tìm toán nghĩa quân khác. Sau, nghe tin có đội nghĩa quân lớn, thủ lĩnh là Cao Nghinh Tường, tự xưng là "Sấm Vương", liền quyết tâm đi theo Cao Nghinh Tường. Thấy Lý Tự Thành đem lực lượng đến theo, Cao Nghinh Tường cả mừng, lập tức phong ông làm tướng, phụ trách 1 toán quân. Mọi người gọi ông là "Sấm tướng".

Cao Nghinh Tường liên hợp với các nghĩa quân khác, chiến đấu lưu động trong phạm vi 5 tỉnh vùng Sơn Tây, Hà Bắc, thanh thế ngày càng lớn. quân triều đình đi đánh dẹp, đều bị đánh bại. Sùng Trinh Đế giận quá hóa khùng, điều động hạ lệnh quân đội các tỉnh tới bao vây quân khởi nghĩa, toan đánh 1 đòn quyết định. Để đối phó lại cuộc bao vây lớn đó, Cao Nghinh Tường triệu tập thủ lĩnh 13 nghĩa quân tới họp tại Huỳnh Dương để bàn đối sách. Trong hội nghị, mọi người tranh luận sôi nổi, có người cho là quân triều đình quá mạnh, chi bằng chuyển về căn cứ cũ ở Thiểm Tây lần tránh 1 thời gian rồi tính kế sau. Có người phản đối chủ trương đó, nhưng lại không nêu được chủ trương gì hay. Lúc đó, Lý Tự Thành đứng dậy nói: "Một người lính dám liều mình còn có thể chiến đấu giết địch một trận kịch liệt. Nay chúng ta có mười vạn đại quân, địch tới bao vây, sao chúng ta lại không chống lại được?".

Cao Nghinh Tường hỏi, giọng tán thưởng: "Vậy theo ý tướng quân, chúng ta nên làm thế nào?".

Lý Tự Thành nêu lên chủ trương: cần phân lực lượng làm mấy cánh, cùng đánh ra, phá vỡ vòng vây của địch. Mọi người nghe nói có lý, liền bàn luận chi tiết, phân toán quân làm 6 cánh, cánh thì kìm giữ địch, cánh thì tác chiến lưu động. Cao Nghinh Tường, Lý Tự Thành cùng đội nghĩa quân do Trương Hiến Trung lãnh đạo đánh về hướng đông, phá vòng vây, tiến chiếm Phượng Dương thuộc miền Giang Hoài. Phượng Dương là quê hương của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Sau khi Minh Thái Tổ chết, nơi đây trở thành Trung Đô của triều Minh. Quân nông dân đánh vào Phượng Dương, tức là đánh vào nơi tượng trưng oai linh của triều Minh. Đội quân của Cao Nghinh Tường, Trương Hiến Trung tiến đánh, thế như chẻ tre, không đầy 10 ngày đã hạ được Phượng Dương, đốt trụ khu lăng miếu các hoàng đế Minh và ngôi chùa Hoàng Giác, nơi trước kia Chu Nguyên Chương đã tu hành. Đòn đánh đó làm toàn thể triều đình rung động. Được tin, Sùng Trinh Đế vừa buồn vừa giận, lập tức hạ lệnh xử tử tuần phủ Phượng Dương.

Cao Nghinh Tường và Lý Tự Thành lại dẫn quân về Thiểm Tây, lưu động tiến đánh quân triều đình, khiến quân quan triều Minh luống cuống không sao đối phó nổi. Sùng Trinh Đế và các đại thần trong triều đều coi đội quân của Cao Nghinh Tường là cái gai trong mắt, tìm trăm phương nghìn kế hòng tiêu diệt. Một lần, Cao Nghinh Tường dẫn quân tiến công Tây An, tuần phủ Thiểm Tây là Tôn Truyền Đình đem quân mai phục trong hẻm núi thuộc Châu Chí (nay là Chu Chí, Thiểm Tây). Cao Nghinh Tường không phòng bị, qua kịch chiến, bị bắt và hy sinh. Lý Tự Thành dẫn số quân còn lại thoát được vòng vây. Các tướng sĩ mất chủ soái, hết sức đau buồn. Mọi người thấy Sấm tướng Lý Tự Thành là người xưa nay được Sấm Vương Cao Nghinh Tường tin yêu nhất, lại có võ nghệ cao cường, chiến đấu dũng cảm, liền tôn ông lên thay Cao Nghinh Tường, làm Sấm Vương. Từ đó về sau, danh tiếng của Lý Sấm Vương được truyền khắp gần xa. Danh tiếng Lý Sấm Vương càng cao thì vương triều Minh càng sợ hãi và căm ghét. Sùng Trinh Đế hạ lệnh cho tổng đốc Hồng Thừa Trù và tuần phủ Tôn Truyền Đình chuyên đối phó với Lý Tự Thành. Lý Tự Thành rơi vào

hoàn cảnh hết sức khó khăn. Nhờ nghĩa quân chiến đấu dũng cảm và Lý Tự Thành đa mưu túc trí, nên nhiều lần nghĩa quân phá được vòng vây, hoạt động suốt dải Tứ Xuyên, Cam Túc, Thiểm Tây, liên tục tiến đánh quân triều đình.

Trong hoàn cảnh khó khăn đó, thủ lĩnh 2 cánh nghĩa quân là Trương Hiến Trung, La Nhữ Tài đều về hàng triều đình, 1 số tướng dưới quyền Lý Tự Thành cũng bỏ trốn. Những sự kiện đó càng làm cho hoàn cảnh của Lý Tự Thành thêm khó khăn. Năm 1638, Lý Tự Thành từ Cam Túc di chuyển về Thiểm Tây, chuẩn bị đánh Đồng Quan, thì quân Minh từ 2 bên núi, dựa vào ưu thế địa hình, xông tới hết lớp này đến lớp khác. Nghĩa quân anh dũng chống lại, xung sát liên tục trong mấy ngày đêm, hàng vạn nghĩa quân hy sinh, số còn lại bị đánh tan tác. Lý Tự Thành và bộ tướng Lưu Tông Mẫn cùng 16 bộ tướng khác đánh lui nhiều đợt quân địch, mới vượt khỏi vòng vây. Họ trèo đèo lội suối, khắc phục biết bao khó khăn, tới được vùng núi Thương Lạc ở đông nam Thiểm Tây, lẩn trốn ở đó. Quân Minh từ Đồng Quan, phái nhiều kỵ binh trinh sát đi lòng truy bắt Lý Tự Thành. Nhưng truy lùng suốt mấy tháng, vẫn không có tăm hơi gì. Sau có người nói rằng, Lý Tự Thành bị trọng thương trong chiến đấu, đã bị chết, quân Minh mới dần lơ lửng việc truy lùng.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Lư Tượng Thăng Chết Trận Cự Lộc

Trong khi Lý Tự Thành và 17 bộ tướng đang chinh đồn đội ngũ ở vùng núi Thương Lạc, thì ở biên giới phía đông bắc triều Minh đang trong tình hình rất căng thẳng. Sau khi Hùng Đình Bật, Viên Sùng Hoán bị giết oan, triều Minh không còn tướng tài nào để trấn giữ vùng biên cương đó. Quân Hậu Kim nhiều lần đột nhập cùng trong cửa quan giết người, cướp gia súc. Năm 1638, Thanh Thái Tông phái Thân vương Đa Nhĩ Cổn dẫn đại quân tiến hành cuộc viễn chinh lần thứ 4. Quân Thanh tiến thẳng tới ngoại vi Bắc Kinh, kinh thành lâm nguy. Nội bộ vương triều Minh mỗi người một ý, người chủ trương chống lại, kẻ chủ trương giảng hòa. Sùng Trinh Đế không có chủ kiến dứt khoát, vừa gọi binh lực các nơi về cứu kinh sư, vừa sai Binh bộ thượng thư Dương Tự Xương và hoạn quan Cao Khởi Tiềm phái người lên đông bắc thăm dò việc cầu hòa với triều Thanh. Nghe nói Lư Tượng Thăng, tổng quản việc quân sự vùng Tuyên Phủ, Đại Đồng là 1 tướng tài, Sùng Trinh Đế liền triệu ông về kinh thành, hạ lệnh cho ông thống lĩnh việc quân trong toàn quốc.

Lư Tượng Thăng tới Bắc Kinh, Sùng Trinh Đế lập tức triệu kiến, hỏi ông nên đối phó với quân Thanh như thế nào. Lư Tượng Thăng sớm biết việc triều đình đang bí mật nghị hòa, liền nói thẳng với Sùng Trinh Đế: "Bệ hạ giao cho thần chỉ huy quân đội, thần chỉ biết đánh trận, không biết đến việc gì khác".

Sùng Trinh Đế thấy trong lời nói có ý chỉ trích, không được vui, phải phân trần: "Nghị hòa là ý kiến của một số đại thần, còn triều đình chưa từng

có quyết định nghị hòa". Ông yêu cầu Lữ Tượng Thăng đi bàn bạc với Dương Tự Xương về biện pháp đối phó với quân Thanh.

Dương Tự Xương thấy Lữ Tượng Thăng cản trở việc nghị hòa do mình chủ trương thì rất bức bối, liền trao cho Cao Khởi Tiềm làm tổng giám, chỉ huy 1 nửa trong số 4 vạn viện binh từ các nơi đến. Như vậy, Lữ Tượng Thăng về danh nghĩa là thống soái, nhưng trên thực tế chỉ nắm được 2 vạn binh mã. Quân Thanh tiến theo 8 đường, đánh sâu vào nội địa. Khi đánh tới Cao Dương, nguyên binh bộ thượng thư Tôn Thừa Tông, người từng ủng hộ Viên Sùng Hoán, nay đã nghỉ hưu tại quê nhà, nghe tin quân Thanh đánh tới, liền dẫn cả gia đình gồm mười mấy người lên thành chống lại. Quân Thanh đánh chiếm được Cao Dương, cả gia đình Tôn Thừa Tông đều hy sinh anh dũng. Lữ Tượng Thăng dẫn quân tới Bảo Định, đang chiến đấu chống quân Thanh, thì Sùng Trinh Đế lại tin theo lời vu cáo của Dương Tự Xương, cho rằng ông chỉ huy kém cỏi, hạ lệnh giáng chức ông, buộc ông lập công chuộc tội ở cương vị thấp hơn. Dương Tự Xương liền chia số quân hiện dưới quyền Lữ Tượng Thăng, trao 1 nửa số quân cho người khác chỉ huy. Lữ Tượng Thăng đến Cự Lộc, trong tay chỉ còn 5000 quân. Lúc đó, số quân của Cao Khởi Tiềm chỉ đóng cách Cự Lộc 50 dặm. Lữ Tượng Thăng cử người cầu cứu Cao Khởi Tiềm, nhưng Cao Khởi Tiềm từ chối. Lữ Tượng Thăng đơn độc tác chiến, lâm vào tình thế rất khó khăn. Mặt khác, Dương Tự Xương lại cố tình gây khó dễ, lương thực tiếp tế không đủ, tướng sĩ đều đói lã. Một buổi sáng, Lữ Tượng Thăng bước ra cửa doanh trại, cúi mình vái toàn bộ tướng sĩ xung quanh, rồi nói: "Chúng ta chịu ơn sâu của nhà nước, chỉ lo không thể vì nước hy sinh, chứ không lo gì giữ mạng sống của mình". Các tướng sĩ nghe nói, đều xúc động rơi nước mắt, thề quyết tâm tử chiến.

Lữ Tượng Thăng chia 5000 quân còn trong tay thành 3 cánh, giao cho 2 tướng Hồ Đại Uy và Dương Quốc Trụ đảm nhận 2 cánh tả, hữu, tự mình phụ trách trung quân, kịch chiến với quân Thanh, đánh lui 1 đội quân đối phương. Nửa đêm hôm đó, xung quanh trại Minh bỗng vang rền tiếng

thanh la của quân Thanh, mấy vạn kỵ binh Thanh tiến tới vây chặt trại Minh. Hồ Đại Uy dẫn quân phá vây, bị quân Thanh đánh bật lại. Lư Tượng Thăng hét lớn: "Hồ tướng quân! Đây là giờ phút chúng ta tận trung báo quốc!".

Tướng sĩ nhất tề hưởng ứng, tiếng hô giết vang trời dậy đất. Cuộc chiến đấu diễn ra suốt từ sáng đến tối. Lư Tượng Thăng trúng 4 phát tên và bị đâm trúng 3 chỗ, vẫn xông xáo chiến đấu như 1 người bằng máu, còn giết được mấy chục lính Thanh rồi mới ngã xuống. Cao Khởi Tiềm không đợi tới khi cuộc chiến phía trước kết thúc, đã nhổ trại chạy. Đa Nhĩ Cổn dẫn quân Thanh đánh tới tận Tế Nam, Sơn Đông, cướp được rất nhiều chiến lợi phẩm rồi mới rút ra ngoài cửa quan. Thanh Thái Tông đánh Minh nhiều lần, lần nào cũng thắng, nhưng không dừng chân chiếm giữ Trung nguyên. Những thị trấn quan trọng ngoài cửa quan như Ninh Viễn, Cẩm Châu vốn nằm trong tay quân Minh nhưng có nguy cơ bị cắt đứt phía sau khi quân Thanh vào sâu. Sau cuộc lui quân lần thứ 4, Thanh Thái Tông liền quyết tâm đánh chiếm Cẩm Châu.

Năm 1641, quân Thanh vây đánh Cẩm Châu, Sùng Trinh Đế phái tổng đốc Hồng Thừa Trù dẫn 30 vạn quân tới Cẩm Châu cứu viện. Quân Minh mới tới Tùng Sơn, Thanh Thái Tông liền đích thân thống lĩnh đại quân bao vây Tùng Sơn cắt đứt đường tiếp lương phía sau quân Minh. Năm sau, thành Tùng Sơn bị phá vỡ, Hồng Thừa Trù bị bắt làm tù binh. Tướng giữ Cẩm Châu nghe tin Tùng Sơn thất thủ, cũng đầu hàng quân Thanh. Hồng Thừa Trù bị áp giải tới Thịnh Kinh, Thanh Thái Tông cử người đến khuyên hàng. Lúc đầu, Hồng Thừa Trù tỏ ra rất kiên quyết dù thuyết khách nói thế nào cũng không thêm để ý. Mấy hôm sau, Thanh Thái Tông đích thân đến thăm, ân cần hỏi han sức khỏe, lại cởi áo lông điếu ra, khoác cho Hồng Thừa Trù. Hồng Thừa Trù mềm lòng, liền quì xuống xin hàng. Thu phục được Hồng thừa Trù, Thanh Thái Tông vô cùng phấn khởi, ngoài việc ban thưởng vàng bạc, của cải, còn cho tấu nhạc diễn trò để chúc mừng. Tướng lĩnh Thanh thấy Thanh Thái Tông coi trọng Hồng Thừa Trù như vậy, đều

thắc mắc. Thanh Thái Tông liền hỏi: "Các khanh ngày ngày xông pha mưa gió đánh trận hiểm nguy vất vả như thế, là để làm gì?".

Các tướng trả lời: "Đều là nhằm mục đích chiếm lấy Trung nguyên cho Đại Thanh ta!".

Thanh Thái Tông cười nói: "Chúng ta tiến vào Trung nguyên, như người mù đi đường. Nay ta kiếm được người dẫn đường, sao lại không phần khởi cho được?".

Sau đại chiến Tùng Sơn, Cấm Châu, toàn bộ vùng phía bắc Sơn Hải Quan đều bị quân Thanh khống chế. Quân Thanh muốn vào Trung nguyên, chỉ còn vương Ninh Viễn và Sơn Hải Quan thôi. Chính đang lúc Thanh Thái Tông nuôi bão lớn, đánh vào Sơn Hải Quan, thì đột nhiên bị bệnh mất. Con ông là Phúc lâm mới 6 tuổi lên kế vị. Đó là Thanh Thế Tổ, cũng gọi là Thuận Trị Đế. Thuận Trị Đế nhỏ tuổi, do 2 chú là Thân vương Đa Nhĩ Cổn và Tế Nhĩ Cáp Lang phụ chính. Chính trong thời gian đó, tình hình Trung nguyên có những biến chuyển đột ngột.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Trương Hiến Trung Kỳ Tập Tương Dương

Năm 1639, Trương Hiến Trung lại nổi dậy khởi nghĩa ở Cốc Thành, Hà Bắc. Nguyên do là trước kia, Trương Hiến Trung nhận lệnh chiêu an ở Cốc Thành không phải là thực lòng đầu hàng, mà là để ngầm tích lũy lương thực cho cuộc nổi dậy sau này. Các tướng Minh phát giác được ý đồ đó, chuẩn bị đem quân tới đàn áp. Trương Hiến Trung ra tay trước, giết luôn huyện lệnh của triều Minh ở Cốc Thành, đốt cháy dinh quan, rồi giương cờ khởi nghĩa. Không lâu sau, La Nhữ Tài cũng khởi nghĩa hưởng ứng. Tổng binh triều Minh là Tả Lương Ngọc đem quân tiến công, bị Trương Hiến Trung đánh cho bại trận, chỉ còn mấy trăm tàn binh bại tướng chạy thoát. Sùng Trinh Đế nổi giận, lập tức cách chức chủ soái Hùng Văn Xán và tổng binh Tả Lương Ngọc, rồi cử binh bộ thượng thư Dương Tự Xương tới Hồ Quảng vây đánh Trương Hiến Trung.

Dương Tự Xương mang theo Thượng Phương bảo kiếm của Sùng Trinh Đế, dẫn 10 vạn người ngựa oai phong lẫm liệt tiến tới Tương Dương. Xương cử Tả Lương Ngọc và 1 số tướng khác dẫn quân bao vây chặt nghĩa quân. Khi Trương Hiến Trung dẫn quân di chuyển tới núi Mã Nảo, trong hàng ngũ có 1 tên gian trà trộn vào, dẫn nghĩa quân vào vòng vây, bị quân Tả Lương Ngọc đánh thua, tổn thất nhiều lực lượng, cả vợ và con của Trương Hiến Trung cũng bị bắt. Trương Hiến Trung dẫn 1000 kỵ binh, từ Hồ Bắc di chuyển tới Tứ Xuyên, Dương Tự Xương bám sát truy kích, đòi sở chỉ huy đến Trùng Khánh, chuẩn bị tiêu diệt nghĩa quân tại Tứ Xuyên. Xương cho yết bảng khắp nơi, nói ai bắt được Trương Hiến Trung sẽ được thưởng 1 vạn lạng vàng và phong tước hầu. Ngờ đâu hôm sau, ngay tại sở

chỉ huy của Dương Tự Xương, xuất hiện rất nhiều biểu ngữ, viết: "Ai chém được đầu Dương Tự Xương, sẽ được thưởng ba tiền". (Ý khinh bỉ, nói chiếc đầu của hắn không đáng giá gì).

Dương Tự Xương phái quân đi khắp nơi truy lùng, nhưng quân khởi nghĩa của Trương Hiến Trung lúc ở phía đông, lúc ở phía tây khiến quân triều đình loay hoay vất vả, luôn xoay như chong chóng. Mãi tới đầu năm sau, quân triều đình mới đối mặt với nghĩa quân ở huyện Khai. Khi các tướng Minh là Mãnh Như Hồ và Lưu Sĩ Kiệt dẫn toán quân mệt nhọc đuổi tới thì nghĩa quân của Trương Hiến Trung lại vòng ra đằng sau, từ trên núi hò hét xông xuống. Toàn bộ quân triều đình tan tác, Lưu Sĩ Kiệt bị giết, còn Mãnh Như Hồ khó khăn lắm mới chạy thoát. Nghĩa quân đánh lui kẻ địch, cùng nhau vỗ tay cao giọng hát:

"Trước có Thiệu tuần phủ (chỉ tuần phủ Tứ Xuyên Thiệu Tiệp Xuân)

Xoay quanh như khiêu vũ.

Sau có Liêu giám quân (chỉ giám quân Liêu Đại Hạnh)

Bám theo ta từng lũ

Dương Các Bộ tài cao (chỉ binh bộ thượng thư Dương Tự Xương)

Chỉ cách ta ba bộ".

Bài ca đó truyền tới tai quân Minh, khiến Dương Tự Xương dở khóc dở cười.

Năm 1641, Trương Hiến Trung phát hiện Dương Tự Xương bố trí quân chủ lực ở cả Tứ Xuyên, còn Tương Dương rất mỏng yếu, liền bất ngờ dẫn quân rời Tứ Xuyên, di chuyển về phía đông với tốc độ hành quân ba, bốn trăm dặm trong 1 ngày đêm, bỏ đại quân Dương Tự Xương tụt lại phía sau rất xa. Tới Tương Dương thuộc Hồ Bắc, gặp 1 toán quân Minh cản

đường. Trương Hiến Trung để La Nhữ Tài đối phó, còn mình dẫn quân tinh nhuệ vượt thẳng tới Tương Dương. Dương Tự Xương đang ở Trùng Khánh nhận được tin, vội phái người tới Tương Dương, truyền lệnh cho quân Minh ở đó phải bố phòng nghiêm mật. Ngờ đâu, phái viên đi nửa đường đã bị nghĩa quân bắt giữ. Nghĩa quân khám thấy trong người phái viên có lệnh bài, công văn, trên có đóng đại ấn của Dương Tự Xương. Trương Hiến Trung gọi con nuôi là Lý Định Quốc tới, sai hóa trang làm phái viên của Dương Tự Xương, dẫn mấy "tù tòng", đem lệnh bài, công văn về Tương Dương. Bọn họ tới thành Tương Dương lúc đêm tối, liền gọi quân giữ thành mở cửa. Quân giữ thành thấy nói là phái viên của Dương Các bộ, lại thấy có đủ lệnh bài, công văn nên không nghi ngờ gì, liền cho họ vào thành. Ngay đêm hôm ấy, những người ấy lên đi đốt lửa ở mấy nơi trong thành. Dân trong thành nửa đêm đang ngủ say, thấy lửa cháy khắp nơi, thì hoảng hốt, rối loạn. Nhân tình hình đó, quân khởi nghĩa mở cửa thành, đưa đại đội binh mã tiến vào. Quân triều đình không sao đối phó được nữa.

Sau khi chiếm được thành, nghĩa quân mở cửa nhà giam, cứu được nhiều binh lính và người nhà nghĩa quân bị giam giữ. Một cánh quân tới ngay Tương Vương phủ, bắt sống Tương vương Chu Dực Minh. Trương Hiến Trung ngồi trong đại sảnh của Tương Vương phủ, gọi lính giải Chu Dực Minh tới. Chu Dực Minh sợ run cầm cập, quì dưới đất xin tha. Trương Hiến Trung nói: "Ta không cần cái gì khác, chỉ cần cái đầu người, có việc?".

Chu Dực Minh nghe nói bị đem giết thì đập đầu lia lịa, van xin: "Trong cung của tôi có nhiều vàng bạc châu báu, cúi xin Thiên tuế sử dụng, chỉ xin tha cho cái mạng hèn này!".

Trương Hiến Trung cười ha hả, nói: "Ta đã chiếm được Tương Dương, thì vàng bạc, châu báu chẳng lẽ lại không thuộc về ta? Có điều, không có cái đầu của người thì Dương Tự Xương chết sao nổi?". Nói xong, hét binh sĩ lôi Chu Dực Minh xuống thềm, chém đầu.

Sau đó, Trương Hiến Trung cho đi kiểm kê, thấy vô số lương thực, binh khí do Dương Tự Xương tàng trữ ở đó. Ông hạ lệnh đem mười mấy vạn lạng bạc trong Tương Vương phủ phân phát cho dân nghèo. Trăm họ thấy Tương vương tàn ác đã bị xử tội, đều hân hoan phấn khởi, ca ngợi nghĩa quân. Tin Tương Dương thất thủ truyền tới Tứ Xuyên, Dương Tự Xương sợ hãi rụng rời. Toàn bộ kế hoạch vây diệt nghĩa quân mà ông ta tốn bao công sức sắp đặt đã hoàn toàn sụp đổ. Đặc biệt là hành động nhanh chóng, xuất quỷ nhập thần của Trương Hiến Trung diễn ra ngay trước mũi mình, khiến 1 cứ điểm quan trọng bị mất, 1 phiên vương bị giết, thì biết trình bày với Sùng Trinh Đế sao đây?

Dương Tự Xương kinh hồn lạc phách, từ Tứ Xuyên chuồn về Hồ Bắc, vừa tới Sa Thi, lại nhận được 1 tin dữ nữa: quân khởi nghĩa của Lý Tự Thành rời vùng núi Thương Lạc, chinh đồn lại đội ngũ, nhân lúc Hà Nam không có binh lực phòng thủ, tiến chiếm Lạc Dương, giết chết Phúc vương Chu Thường Tuân. Sự kiện này khiến Dương Tự Xương vừa kinh ngạc vừa sợ hãi. Ông ta nghĩ đi nghĩ lại, không tìm ra đường thoát, đành tự sát.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Lý Nham Và Hồng Nương Tử

Khi Lý Tự Thành rời Thương Lạc, tới Hà Nam thì vùng Hà Nam đang bị hạn hán lớn, hàng ngàn hàng vạn dân đói lang thang trên đường. Khi Lý Tự Thành vừa tới, dân nghèo nghe nói Sấm Vương đã xuống núi, đều đua nhau tới xin theo. Một hôm, 1 toán dân đói dẫn đầu là 1 thanh niên có dáng thư sinh đi tìm Sấm vương, Lý Tự Thành hỏi han biết được thanh niên đó là Lý Nham (còn có tên là Lý Tín), vừa được mọi người cứu ra khỏi nhà lao huyện Kỳ. Lý Nham vốn là 1 con nhà giàu ở huyện Kỳ. Mấy năm trước, trong vùng có thiên tai nặng, nhiều nông dân không có lương ăn. Lý Nham lấy lương thực trong gia đình ra tiếp tế cho họ. Hành động đó là ít thấy đối với 1 người nhà giàu. Vì vậy, người nghèo kính trọng nhân cách của ông, đều gọi ông là "Lý công tử". Huyện Kỳ gặp thiên tai liên tiếp, người nghèo bị dồn tới mức khó mà sống nổi. Nhưng quan huyện vẫn cứ sai dịch tới bắt họ nộp tô, nộp thuế. Lý Nham sợ xảy ra chuyện không hay, liền đến gặp viên quan huyện họ Tống, khuyên ông ta tạm dừng việc thu thuế và trích 1 số lương thực của công ra cấp cho dân nghèo.

Quan huyện trả lời: "Cấp trên thúc ta nộp gấp lương nuôi quân, mà thúc rất gấp, ta không thu tô thu thuế thì lấy gì để nộp. Thêm nữa, lương thực trong kho công đã cạn, lấy gì mà cấp cho dân đói. Nếu thương họ, thì mấy nhà giàu các anh mở kho ra mà cho họ".

Lý Nham thấy quan huyện không chấp nhận đề nghị, liền về nhà, mở kho lương thực, chia hơn 200 thạch (thạch = 103,35 lít) lương cho dân đói. Dân đói thấy Lý công tử cho lương, đều rất phấn chấn, nhưng người đói

nhiều, chỉ riêng lương thực của nhà họ Lý cũng chẳng giải quyết được bao nhiêu. Có người nảy ra ý, tụ tập mấy chục người tới 1 nhà giàu khác, đề nghị họ làm theo gương nhà họ Lý. Những căn nhà đó không chịu cho, lấy cớ là trong nhà không sẵn lương thực. Dân đói nổi khùng, hò nhau xông vào nhà, cướp lương thực đem chia nhau. Các nhà giàu hoảng sợ, kéo lên huyện tố cáo. Quan huyện hỏi: "Thế thì chúng làm loạn à?". Liên phái mấy sai dịch cầm lệnh bài đi ngăn cản và đe dọa, nếu còn tụ tập đi vùi vãnh, sẽ nghiêm trị. Dân đói đang hăng, sợ gì lệnh quan huyện. Họ túm lấy sai dịch, giăng lệnh bài ném xuống đất giẫm nát, rồi kéo lên nha môn, hò hét: "Chúng tôi không có lương ăn, trước sau gì cũng chết. Chi bằng liều với các người một phen!".

Quan huyện thấy dân đói toan bạo động, sợ hãi núp trong nha môn không dám lộ ra. Ông ta nghĩ, Lý Nham có quan hệ tốt với dân đói, liền vội cử người đi mời Lý Nham tới, đề nghị ông nghĩ giúp biện pháp. Lý Nham nói: "Nếu ngài không muốn để xảy chuyện thì chỉ có cách ngừng ngay việc thúc thuế và khuyên các nhà giàu bỏ lương thực ra".

Quan huyện không có cách nào khác, đành miễn cưỡng tỏ ý ứng thuận. Dân nghèo đứng đợi bên ngoài, nghe nói Lý Nham đã thuyết phục được quan huyện, mới ngó giạng. Có người nói: "Chúng ta cứ về đi, nếu trong mấy ngày họ không bỏ lương ra, thì chúng ta sẽ tính sổ với họ".

Nào ngờ, khi dân đói vừa giải tán, huyện lệnh liền thay đổi ý kiến. Ông ta nghĩ, không thúc thuế của dân đói thì tuy gỡ được cái vướng trước mắt, nhưng trên vẫn thúc thì xử trí ra sao, liệu mình còn giữ được chiếc mũ cánh chuồn trên đầu không? Ông ta suy đi tính lại, thấy cảm tức Lý Nham, cho rằng dân đói dám làm như vậy, đều do anh chàng họ Lý này đầu têu ra. Ông ta lập tức sai viết 1 cáo trạng gửi lên cấp trên, vu cáo Lý Nham mua chuộc lòng người, chuẩn bị tạo phản. Tin đó lộ ra, ai cũng lo cho Lý Nham. Trong khu rừng gần đó, có 1 đội nghĩa quân, đứng đầu là 1 cô gái, chuyên mãi võ giang hồ, mọi người gọi cô là Hồng Nương tử. Hồng Nương tử

nghe nói tới chuyện Lý Nham quỳên góp lương thực cứu đói, hết sức khâm phục. Nay thấy Lý Nham có nguy cơ bị bức hại, liền tới nhà Lý Nham, đưa chàng lên núi. Lý Nham ban đầu không hiểu bản ý của Hồng Nương tử. Sau thấy Hồng Nương tử muốn chàng ở lại, tham gia nghĩa quân, thì không muốn, nên 1 thời gian sau tìm cách trốn về nhà. Lý Nham vừa tới nhà, bọn sai dịch đầu trâu mặt ngựa mang cùm xích đã đợi sẵn, lập tức bắt chàng điệu về nha môn thẩm vấn. Trăm họ trong huyện Kỳ nghe tin Lý Nham bị bắt, đều nói: "Lý công tử bị giam trong nhà lao, chẳng lẽ chúng ta chỉ giương mắt nhìn công tử chịu khổ mà không cứu sao?".

Hồng Nương tử được tin, cũng dẫn quân tới. Đám đông dân đói đi theo nàng, người cầm dao, kẻ cầm gậy, xông vào đánh phá nha môn huyện. quan huyện và lũ sai dịch thấy nghĩa quân và dân đói đông đảo, mạnh mẽ, liệu thể không chống nổi, đều trốn lui hết. Hồng Nương tử và dân đói phá nhà giam, cứu Lý Nham ra. Đến bước này, Lý Nham biết rằng không thể về nhà được nữa, bèn nghe theo lời khuyên của Hồng Nương tử, cùng đi theo dân khởi nghĩa đi tìm Sấm vương. Lý Tự Thành nghe chuyện, biết Lý Nham tuy là 1 thư sinh con nhà giàu nhưng cũng là người bị bức hại; thêm nữa, nghĩa quân đang cần tìm 1 mưu sĩ, nên giữ Lý Nham lại với nghĩa quân. Lý Nham từ lâu đã nghe danh Lý Tự Thành là người anh hùng có hoài bão lớn, nên 1 lòng 1 dạ giúp Lý Tự Thành đánh đổ triều Minh. Khi đội ngũ nghĩa quân lớn mạnh, Lý Tự Thành liền bắt tay vào việc chấn chỉnh tổ chức, tăng cường kỷ luật, đồng thời tiếp thu kiến nghị của Lý Nham, nêu ra khẩu hiệu "quân điền miễn phí" (chia đều ruộng, miễn thuế). Lý Nham cử 1 số binh sĩ giả trang làm thương nhân thâm nhập vào vùng do quân triều đình đóng giữ, rỉ tai với mọi người: "Quân đội của Lý Sấm vương giữ kỷ luật rất nghiêm, không giết người, không cướp bóc của dân!".

Dân chúng vốn đã giận thấu xương trước hành động giết người cướp của của quân triều đình, nay thấy quân của Lý Sấm vương có kỷ luật nghiêm minh, nên không ai bảo ai, đều tự động hưởng theo nghĩa quân. Nhân dân địa phương còn truyền nhau câu ca dao do Lý Nham đặt ra:

"Quan đòi hết đầu đến thặng

Dân nghèo sớm tối khó lòng sống qua

Mau mau mở cửa đón "vua" (Sấm vương)

Mọi người được sống chan hòa, ấm no

Sấm vương như mẹ như cha

Hết cho cơm gạo lại cho áo quần

Mau mau mở cửa đón quân

Sấm vương đã tới thì dân đổi đời".

Quân khởi nghĩa của Lý Tự Thành được nhân dân ủng hộ, sau khi giết Phúc vương Chu Thường Tuân, lại liên tiếp đánh thắng mấy trận lớn ở Hà Nam. Năm 1643, Lý Tự Thành đánh phá Đồng Quan, giết chết thống soái triều Minh là binh bộ thượng thư Tôn Truyền Đình. Không lâu sau, liền tiến chiếm Tây An (tức cố đô Trường An thời Hán, Đường).

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Ngô Tam Quế Mượn Quân Thanh

Năm 1644, Lý Tự Thành chính thức xây dựng chính quyền ở Tây An, lấy quốc hiệu là Đại Thuận. Sau đó, ông thống lĩnh 1 triệu quân, vượt qua Hoàng Hà, chia làm 2 cánh tiến đánh Bắc Kinh; 2 cánh quân thế như chẻ tre, tiến nhanh như vũ bão, chỉ tới tháng 3 năm đó đã hội quân ở chân thành Bắc Kinh. 3 đội quân tinh nhuệ nhất của triều Minh đóng tại ngoài thành đều đầu hàng. Quân khởi nghĩa đánh phá mãnh liệt vào thành Bắc Kinh. Đến tối ngày hôm sau, Sùng Trinh Đế trèo lên Môi Sơn (ở phía sau hoàng cung, nay là Cảnh Sơn, Bắc Kinh) nhìn ra xung quanh, thấy lửa sáng rực trời, biết là tình thế nguy cấp, liền chạy về cung, ra sức gõ chuông, muốn triệu tập các quan tới bảo vệ. Nhưng gõ chuông mãi, chẳng thấy 1 ai. Ông biết ngày tận số đã tới, liền chạy lên Môi Sơn, treo cổ tự sát trên 1 cây hòe cạnh Thọ Hoàng Đình. Triều Minh từng thống trị Trung Quốc trong 227 năm, tới đây kết thúc. Quân Đại Thuận phá vỡ thành Bắc Kinh, đại tướng Lưu Thông Mẫn dẫn quân vào thành trước tiên. Sau đó, Đại Thuận vương Lý Tự Thành đầu đội nón tre, mình mặc áo vải xanh, cưỡi tuấn mã, thông thả đi vào Tử Cấm thành. Dân chúng Bắc Kinh vui mừng như trong ngày hội, treo đèn kết hoa đón chào quân khởi nghĩa.

Chính quyền Đại Thuận vừa treo bảng yên dân, kêu gọi mọi người an cư lạc nghiệp, vừa trừng trị nghiêm khắc bọn hoàng thân quốc thích, tham quan ô lại triều Minh. Lý Tự Thành cử Lưu Tông Mẫn và Lý Quá đi tra xét, buộc bọn quyền quý đó phải nộp mọi tài sản do bóc lột dân chúng mà có, sung làm quân phí của nghĩa quân. Bọn nào chống lại không nộp, đều bị nghiêm trị. Số hoàng thân quốc thích nào bị dân chúng căm giận cao độ đều

bị đưa ra chém đầu. Một đại thần là Ngô Tương bị Lưu Tông Mẫn đến khám nhà và bắt giữ để truy hỏi về tài sản. Có người nói với Lý Tự Thành rằng con trai Ngô Tương là Ngô Tam Quế hiện làm tổng quân triều Minh ở Sơn Hải Quan, trong tay còn mấy chục vạn quân. Nếu chiêu hàng được Ngô Tam Quế, sẽ giải trừ được mối uy hiếp lớn đối với chính quyền Đại Thuận. Lý Tự Thành thấy có lý, liền bảo Ngô Tương viết thư cho con trai, khuyên Ngô Tam Quế về hàng quân khởi nghĩa. Ngô Tam Quế vốn được triều Minh phái ra ngoài cửa quan để chống Thanh, đóng tại Ninh Viễn để phòng giữ từ xa. Khi nghĩa quân tiến tới gần Bắc Kinh, Sùng Trinh Đế liền tiếp ra lệnh gọi Ngô Tam Quế về ứng cứu. Ngô Tam Quế về tới Sơn Hải Quan, thì Bắc Kinh đã bị nghĩa quân chiếm mất. Mấy hôm sau, nhận được thư cha khuyên hàng, Ngô Tam Quế do dự cân nhắc. Đương nhiên, ông ta không muốn đầu hàng quân khởi nghĩa, nhưng nếu không đầu hàng thì khó chống lại được lực lượng mạnh mẽ đông đảo, anh dũng thiện chiến của nghĩa quân. Thêm nữa, ở Bắc Kinh còn có tài sản và người thân thuộc, khó mà từ bỏ. Nay có thư chiêu hàng của Lý Tự Thành, ông ta liền quyết định về Bắc Kinh 1 chuyến xem sao. Ngô Tam Quế dẫn quân về tới Loan Châu, gần Bắc Kinh thì gặp 1 số người từ Bắc Kinh trốn ra, nói cho biết cha ông đã bị bắt, gia sản bị tịch thu. Ông ta nghiến răng căm giận, lại nghe nói ca nữ được ông ta sủng ái nhất là Trần Viên Viên cũng bị nghĩa quân bắt đi thì nổi giận bừng bực, lập tức dẫn quân quay lại Sơn Hải Quan, và lệnh cho toàn tướng sĩ đổi sang mặc khôi giáp màu tang, tỏ ý quyết báo thù cho Sùng Trinh Đế.

Lý Tự Thành được tin Ngô Tam Quế không chịu đầu hàng, liền thân dẫn 20 vạn quân tiến đánh Sơn Hải Quan. Ngô Tam Quế vốn sợ nghĩa quân, nghe tin đó thì lo cuống quýt, không nghĩ gì tới lợi ích và danh dự dân tộc, Ngô Tam Quế liền viết thư, sai người đi gấp ra ngoài cửa quan, xin triều Thanh giúp mình trấn áp. Đại thần phụ chính triều Thanh là Đa Nhĩ Cổn, nhận được tin thư cầu cứu của Ngô Tam Quế, cảm thấy đây là cơ hội tốt, lập tức đồng ý. Sau đó, ông ta thân dẫn mười mấy vạn quân Thanh, đi suốt mấy ngày đêm tới Sơn Hải Quan. Quân Thanh tới Sơn Hải Quan, Ngô

Tam Quế vội vàng dẫn 500 thân binh ra đón Đa Nhĩ Cỗn, quỳ lạy cầu khẩn, xin Đa Nhĩ Cỗn giúp báo thù. Đa Nhĩ Cỗn tất nhiên đồng ý. Ngô Tam Quế mời Đa Nhĩ Cỗn vào cửa quan, giết trâu trắng ngựa trắng, tế lễ trời đất, kết thành minh ước. Đại quân Lý Tự Thành tiến tới gần Sơn Hải Quan, dựa vào thế núi, thế biển, dàn thành thế trận hùng điệp, chuẩn bị tiến công. Đa Nhĩ Cỗn vốn là kẻ nhiều mưu mô xảo quyệt, đứng trên thành thấy thế nghĩa quân vững chắc, liệu bề khó đối phó, liền sai Ngô Tam Quế làm tiên phong, lệnh cho quân Thanh mai phục, còn bản thân cùng mấy tướng Thanh đứng trên núi phía sau quan sát.

Cuộc chiến đấu bắt đầu, Lý Tự Thành cưỡi ngựa, lên Tây Sơn chỉ huy tác chiến. Ngô Tam Quế vừa dẫn quân tới, nghĩa quân từ 2 cánh trái phải tiến ra, vây chặt quân Ngô Tam Quế lại. Quân Minh tả xung hữu đột vẫn không thoát nổi vòng vây; trong khi nghĩa quân hăng hái chiến đấu, tiếng hô giết vang trời dậy đất. Chính lúc 2 bên đang chiến đấu quyết liệt thì 1 trận cuồng phong bất ngờ từ ven biển nổi lên, làm đất bụi mù mịt. Trong khoảng khắc, trời đất tối tăm, đối diện cũng không nhìn rõ mặt người. Đa Nhĩ Cỗn nắm ngay thời cơ đó, hạ lệnh cho mấy vạn quân Thanh đang mai phục sau trận địa nhất tể xuất phát, xông thẳng vào đội hình nghĩa quân. Nghĩa quân không hề phòng bị, không rõ kẻ địch từ đâu tới, trong lòng hoang mang, trận thế trở nên rối loạn. Tới khi trời trở lại quang đãng, mới nhìn rõ đối thủ chính là quân Thanh để bím tóc dài. Lý Tự Thành từ trên Tây Sơn phát hiện thấy quân Thanh đã vào cửa quan, muốn chấn chỉnh lại thế trận để chống lại, thì không kịp nữa, đành truyền lệnh rút lui. Đa Nhĩ Cỗn phối hợp với Ngô Tam Quế trong ngoài cùng đánh ép, khiến nghĩa quân thất bại nặng nề. Lý Tự Thành dẫn tướng sĩ vừa đánh vừa lui, Ngô Tam Quế dựa vào thế yểm trợ của quân Thanh, truy đánh ráo riết. Nghĩa quân lui về tới Bắc Kinh, binh lực đã tiêu hao rất nhiều.

Sau khi về Bắc Kinh, Lý Tự Thành tiến hành lễ tức vị long trọng trong hoàng cung, tiếp nhận sự triều kiến của các quan chức triều đình mới. Sớm hôm sau, Lý Tự Thành dẫn quân khởi nghĩa rời Bắc Kinh, rút về Tây An.

Ngày thứ 3 sau khi Lý Tự Thành rút khỏi Bắc Kinh, Đa Nhĩ Cổn dẫn quân Thanh, điều võ dương oai tiến vào thành đã bỏ trống. Tháng 10 năm 1644, Đa Nhĩ Cổn đón Thanh Thuận Đế từ Thẩm Dương về Bắc Kinh, lấy nơi đây làm quốc đô triều Thanh. Từ đó về sau, vương triều Thanh bắt đầu thiết lập sự thống trị tại Trung Quốc. năm sau, quân Thanh chia làm 2 cánh tiến đánh Tây An. Một cánh do A Tế Cách, Ngô Tam Quế và Thượng Khả Hỷ dẫn đầu; 1 cánh do Đa Đạc và Khổng Hữu Đức dẫn đầu. Lý Tự Thành chống cự lại ở Đông Quan. Qua nhiều trận đánh kịch liệt, cuối cùng nghĩa quân phải rút khỏi Tây An, di chuyển về Tương Dương. Mấy tháng sau, nghĩa quân bị lực lượng vũ trang của địa chủ tập kích ở Cửu Doanh Sơn thuộc huyện Thống Sơn, Hồ Bắc. Lý Tự Thành thua trận, hy sinh. Sau khi Lý Tự Thành rút khỏi Bắc Kinh, Trương Hiến Trung xưng đế ở Tứ Xuyên, lấy quốc hiệu Đại Tây, tiếp tục chống lại quân Thanh.

Năm 1647, quân Thanh tiến vào Tứ Xuyên, trong 1 trận chiến đấu ở Phượng Hoàng Sơn thuộc Tây Xung vùng Xuyên Bắc, Trương Hiến Trung bị trúng tên hy sinh. Như vậy, 2 đội quân khởi nghĩa nông dân lớn nhất cuối đời Minh đều đã thất bại.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Sử Khả Pháp Tử Thủ Dương Châu

Tin Sùng Trinh Đế treo cổ tự sát trên Mối Sơn truyền tới bồi đô (kinh đô dự bị) Nam Kinh. Các đại thần ở đó rất hoảng hốt. Họ liền tìm lập 1 người trong hoàng tộc chạy trốn xuống đó là Chu Do Tung làm hoàng đế, dựng 1 chính quyền ở Nam Kinh. Lịch sử gọi chính quyền này là Nam Minh và gọi Chu Do Tung là Hoảng Quang Đế. Hoảng Quang Đế Chu Do Tung là kẻ ham mê tửu sắc, cực kỳ đồi trụy. Tổng đốc Phụng Dương Mã Sĩ Anh và 1 số dư đảng của Ngụy Trung Hiền lợi dụng sự ngu tối của Hoảng Quang Đế, thao túng mọi việc trong triều. Hoảng Quang Đế và Mã Sĩ Anh không hề nghĩ tới việc chống lại quân Thanh mà chỉ lao vào cuộc sống hoang dâm xa xỉ. Bộ binh thượng thư của triều đình Nam Minh là Sử Khả Pháp vốn không tán thành để Chu Do Tung lên ngôi hoàng đế, nhưng sợ xảy ra mâu thuẫn nội bộ, mới miễn cưỡng đồng ý. Sau khi Hoảng Quang Đế lên ngôi, Sử Khả Pháp chủ động xin ra tiền tuyến thống soái quân đội.

Lúc đó, tại bờ bắc Trường Giang có 4 đạo quân Minh, gọi là tứ trấn. Các tướng lĩnh của tứ trấn đều hoành hành ngang ngược, cát cứ địa bàn, tranh đoạt lẫn nhau, mặc cho quân lính tàn sát nhân dân. Sử Khả Pháp có uy tín cao trong số tướng sĩ miền nam. Ông tới Dương Châu, các tướng lĩnh ở đó không thể không nghe theo mệnh lệnh. Sử Khả Pháp đích thân tìm gặp từng người, khuyên họ không nên xâu xé nhau nữa, rồi cử họ đóng giữ xung quanh Dương Châu, tự mình đóng tại Dương Châu chỉ huy chung. Mọi người đều gọi ông là Sử Đốc Sư. Đốc sư Sử Khả Pháp luôn gương mẫu, đồng cam cộng khổ với binh sĩ, được các tướng sĩ yêu mến. Trong đêm 30 tết năm đó, Sử Khả Pháp cho các tướng sĩ đi ngủ hết, 1 mình ngồi

trong dinh phê duyệt công văn. Tới nửa đêm, cảm thấy tinh thần mỏi mệt, liền gọi đầu bếp mang rượu và thức nhắm tới. Đầu bếp vội thưa: Theo lệnh tướng quân, hôm nay nhà bếp đã chia hết số thịt cho tướng sĩ ăn tết. Trong bếp không còn gì để làm thức ăn nhắm. Sử Khả Pháp nói: "VẬY mang cho ít muối và nước chấm vậy!".

Nhà bếp mang rượu lên, ông liền ngồi dựa vào bàn uống rượu. Sử Khả Pháp vốn có tư lượng cao, nhưng từ khi đến Dương Châu làm đốc sử, đã bỏ rượu. Hôm đó, vì để phần chấn tinh thần nên mới phá lệ toan uống 1 ít. Nâng chén rượu, ông nghĩ tới nạn nước đang tới gần, lại nghĩ tới việc triều chính thối nát, vừa uống vừa rơi nước mắt, không còn biết đã uống bao nhiêu nữa. Cuối cùng, vừa mệt vừa say, gục xuống bàn ngủ thiếp đi. Sáng hôm sau, các quan văn võ ở Dương Châu theo thường lệ kéo nhau tới dinh đốc sử làm việc, thấy cửa vẫn đóng chặt. Mọi người lấy làm lạ, vì ngày thường đốc sử dậy sớm. Sau, 1 tên lính bước ra nói: "Đêm qua đốc sử có uống rượu, đến giờ vẫn chưa tỉnh".

Tri phủ Dương Châu Dân Dục nói: "Hằng ngày đốc sử làm việc quá vất vả. Đêm qua được ngủ một giấc ngon, là việc ít có. Chúng ta không nên làm kinh động đến ngài, để ngài nghỉ ngơi thêm một chút". Ông ta còn gọi người đánh trống canh tới, yêu cầu anh ta đánh lại trống canh tư 1 lần nữa (trống canh tư là tỏ rằng trời chưa sáng). Sử Khả Pháp tỉnh dậy, thấy trời sáng từ lâu mà nghe tiếng trống canh, thấy đánh là canh tư thì ùng ùng nổi giận, cho gọi 1 người lính tới hỏi: "Kẻ nào dám đánh trống canh bậy bạ, vi phạm quân lệnh của ta?".

Người lính canh kể lại việc làm của tri phủ, Sử Khả Pháp không nói gì nữa, vội mời các quan chức vào làm việc. Từ hôm đó, Sử Khả Pháp quyết tâm không uống rượu nữa. Không lâu sau, quân Thanh do Đa Đa soái mang quân tiến ào ạt xuống phía nam. Sử Khả Pháp chỉ huy tướng lĩnh tứ trấn chống lại, thắng 1 số trận. Nhưng nội bộ triều Nam Minh lại lục đục. Tướng Tả Lương Ngọc giữ Vũ Xương muốn tranh quyền với Mã Sĩ Anh,

nên đem quân tiến đánh Nam Kinh. Mã Sĩ Anh sợ hãi, vội gọi quân tứ trấn từ Giang Bắc về để đối phó. Ông ta còn dùng danh nghĩa Hoảng Quang Đế triệu tập Sử Khả Pháp đem quân về Nam Kinh bảo vệ mình. Sử Khả Pháp hiểu rõ rằng quân Thanh đã áp sát, không nên rời Dương Châu. Nhưng để dẹp cuộc tranh chấp nội bộ, ông bất đắc dĩ phải dẫn quân về Nam Kinh. Vừa vượt qua Trường Giang, được tin Tả Lương Ngọc đã bị đánh thua, ông vội vã quay trở lại Giang Bắc, thì quân Thanh đã áp sát Dương Châu.

Sử Khả Pháp ban hịch khẩn cấp, kêu gọi tướng lĩnh các trấn tập trung về giữ Dương Châu. Nhưng mấy ngày trôi qua, vẫn không thấy 1 cứu binh nào. Sử Khả Pháp hiểu rằng trong tình thế này, chỉ còn có thể dựa vào lực lượng bản thân của quân dân Dương Châu mà thôi. Quân Thanh đến chân thành Dương Châu, Đa Đa trước tiên cử người vào thành khuyên Sử Khả Pháp đầu hàng. Liên tiếp 5 lượt thuyết khách vào thành, đều bị Sử Khả Pháp cự tuyệt. Đa Đa then quá hóa khùng, hạ lệnh bao vây Dương Châu trùng trùng lớp lớp. Thành Dương Châu lâm vào tình thế vô cùng nguy cấp, 1 số tướng lĩnh nhát gan hết sức sợ hãi. Ngày hôm sau, đã có 1 tổng binh và 1 giám quân ngầm dẫn quân 2 bản ra ngoài thành đầu hàng quân Thanh. Hành động đó khiến lực lượng giữ thành càng thêm mỏng yếu. Sử Khả Pháp triệu tập các quan thành, khuyến khích họ đồng tâm hiệp lực chống lại quân Thanh; đồng thời cắt cử từng người đảm nhận từng việc vụ thể trong việc giữ thành. Ông phân tích tình hình, thấy cửa tây là nơi xung yếu nhất, liền đích thân dẫn quân tới giữ cửa tây. Các tướng sĩ thấy Sử Khả Pháp kiên định, trầm tĩnh, đều xúc động tỏ quyết tâm sát cánh cùng đốc sư, thề chết chống giặc.

Đa Đa hạ lệnh cho quân Thanh đánh thành liên tục suốt ngày đêm. Quân dân Dương Châu anh dũng đánh lui hết đợt tiến công này tới đợt tiến công khác. Quân Thanh chết lớp này, lại đưa lớp khác lên thay thế, tình hình càng ngày càng nguy ngập. Đa Đa quyết tâm dùng phương pháp quyết liệt nhất, đưa pháo lớn bắn vào thành. Ông ta biết cửa tây được phòng thủ nghiêm ngặt nhất, lại do đích thân Sử Khả Pháp chỉ huy, liền hạ

lệnh cho bắn mạnh vào góc tây bắc. Từng trái pháo rơi xuống cửa tây, mỗi lúc 1 dày đặc. Tường thành dần dần sụp đổ, cuối cùng vỡ ra 1 khoảng lớn. Sử Khả Pháp đang chỉ huy quân lính bịt cửa thì quân Thanh đã xông vào đông như kiến. sử Khả Pháp không thể giữ thành được nữa, liền rút bội đao toan tự đâm vào cổ. Tướng lĩnh tùy tùng vội giữ chặt tay ông, giằng lại đao. Sử Khả Pháp còn muốn đứng tại chỗ tiếp tục chiến đấu tới cùng thì mọi người vừa khuyên vừa kéo ông về phía cửa đông. Lúc đó, 1 toán quân Thanh xông tới, thấy Sử Khả Pháp mặc quan phục triều Minh, liền thét hỏi tên họ. Sử Khả Pháp sợ liên lụy tới người khác, liền lớn tiếng đáp: "Ta là Sử đốc sử, các người mau giết ta đi!".

Tháng 4 năm 1645, thành Dương Châu bị hạ, Sử Khả Pháp hy sinh. Đa Đa thấy quân Thanh bị thương vong quá lớn trong khi đánh chiếm Dương Châu, lòng đầy căm hận, liền ra 1 mệnh lệnh vô nhân đạo là giết hết dân chúng trong thành. Cuộc đại tàn sát kéo dài suốt 10 ngày. Lịch sử gọi cuộc thảm sát đó là "Dương Châu thập nhật". Sau cuộc đại thảm sát, con nuôi của Sử Khả Pháp là Sử Đức Uy vào thành tìm kiếm di thể cha. Nhưng vì xác chết quá nhiều, lại gặp thời tiết nóng nực nên đều thối rữa, không sao nhận ra được. Mọi người đành đem chiếc áo bào và hốt ngà mà ông thường dùng hằng ngày, đặt trong áo quan mai táng trên Mai Hoa Lĩnh ngoài thành Dương Châu. Đó là ngôi "Y quan mộ" (mộ áo cũ) của Sử Khả Pháp còn tồn tại đến ngày nay.

Sau khi Dương Châu thất thủ mấy ngày, quân Thanh tiến đánh Nam Kinh. Các triều thần ở Nam Kinh, kẻ thì đầu hàng, kẻ thì chạy trốn. Chính quyền Hoằng Quang Đế bị tiêu diệt. Quân Thanh tiếp tục tiến xuống phía nam và hẹn trong 10 ngày, toàn thể dân chúng phải theo phong tục Thanh, nhất loạt cắt hết phần tóc phía trước, để 1 bím tóc phía sau gáy. Mệnh lệnh qui định: ai trái lệnh sẽ bị chém, thực hiện khẩu hiệu "muốn giữ đầu phải cắt tóc, muốn giữ tóc phải chặt đầu". Mệnh lệnh đó làm bùng lên tinh thần phản kháng của nhân dân Giang Nam. Dưới sự dẫn đầu của điển sử (1 viên chức nhỏ trong nha môn huyện) Diêm Ứng Nguyên, quân dân Giang Nam

đã chống lại cuộc bao vây của hơn 20 vạn quân Thanh, giữ vùng huyện thành trong hơn 80 ngày. Toàn bộ già trẻ trai gái trong thành không 1 ai đầu hàng. Quân Thanh tử thương nặng nề. Quân dân Gia Định của kiên trì chống lại quân Thanh trong 3 tháng, bị quân Thanh tàn sát 3 lần, hy sinh hơn 2 vạn người. Lịch sử gọi cuộc thảm sát này là "Gia Định tam đồ" (3 lần sát hại ở Gia Định).

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Hạ Hoàn Thuần Giận Mắng Hồng Thừa Trù

Sau khi chính quyền Hoảng Quang Đế tan rã, lực lượng chống Thanh ở miền duyên hải vẫn tiếp tục chiến đấu. Tháng 6 năm 1645, 1 số đại thần triều Minh là Hoàng Đạo Chu, Trịnh Tử Long liền lập 1 triều đình mới ở Phúc Châu, tôn Đường vương Chu Duật Kiện lên ngôi. Lịch sử gọi ông là Long Vũ Đế. Một số đại thần khác là Trương Quốc Duy, Trương Hoàng Ngôn ở Thiệu Hưng, lại tôn Lỗ vương Chu Dĩ Hải làm giám quốc. Như vậy, 2 chính quyền Nam Minh đồng thời tồn tại. Để đối phó với lực lượng chống Thanh, triều Thanh liền cử Hồng Thừa Trù, người đã đầu hàng trong chiến dịch Tùng Sơn, làm tổng đốc, đi chiêu phủ miền Giang Nam. Lúc đó, tại Tùng Giang (nay là thành phố Thượng Hải) có 1 số nhân sĩ đang nhen nhóm lực lượng chống Thanh; đứng đầu số đó là Hạ Doãn Di và Trần Tử Long. Hạ Doãn Di có 1 con trai mới 15 tuổi là Hạ Hoàn Thuần, lại là học trò của Trần Tử Long. Từ nhỏ, Hạ Hoàn Thuần đã đọc nhiều sách vở, giỏi văn thơ. Chịu ảnh hưởng của cha và thầy dạy, chàng cũng tham gia cuộc đấu tranh chống Thanh.

Muốn tổ chức chống Thanh mà chỉ có mấy người trí thức thì không đủ. Hạ Doãn Di có 1 học trò là Ngô Chí Quì, làm tổng binh Ngô Tùng, trong tay có 1 số binh lực. Họ liền thuyết phục Ngô Chí Quì cùng chống Thanh. Ngô Chí Quì nhận lời và mang quân tiến đánh Tô Châu. Bước đầu vô cùng thuận lợi, đội tiên phong vào được thành Tô Châu; nhưng Ngô Chí Quì lâm trận thiếu quyết đoán, không kịp thời tăng viện nên số nghĩa quân lọt được vào đã bị bao vây tiêu diệt, số quân chủ lực của Ngô Chí Quì ở ngoài thành cũng bị đánh bại. Không lâu sau, quân Thanh vây đánh Tùng

Giang, cha con Hạ Doãn Di cùng với Trần Tử Long vượt được vòng vây, chạy về nông thôn ẩn náu. Quân Thanh truy lùng khắp nơi, còn mong dụ Hạ Doãn Di về tự thú. Hạ Doãn Di không chịu để lọt vào tay quân Thanh, liền lao xuống sông tự sát. Ông để lại di chúc, mong con là Hạ Hoàn Thuần nối chí chống Thanh của mình. Cái chết của cha khiến Hạ Hoàn Thuần vô cùng đau đớn, lại càng căm thù sâu sắc quân Thanh. Chàng và Trần Tử Long bí mật trở lại Tùng Giang, tổ chức quân khởi nghĩa. Lúc đó, họ nghe tin tại Trương Bạch Đằng thuộc Thái Hồ có 1 đội nghĩa quân chống Thanh do Ngô Dị lãnh đạo, đang chặn chính đội ngũ. Hạ Hoàn Thuần bán hết gia sản, quyên góp cho nghĩa quân làm quân phí, và làm tham mưu dưới quyền Ngô Dị. Chàng còn viết 1 tấu chương, cử người mang tới Thiệu Hưng đưa lên Lỗ vương, xin Lỗ vương kiên trì chống lại quân Thanh. Lỗ Vương nghe nói người dâng tấu chương là 1 thiếu niên, hết sức khen ngợi và phong cho chàng chức Trung thư xá nhân.

Thủy quân của Ngô Dị khi ẩn khi hiện bên Thái Hồ, đánh cho quân Thanh tối tăm mặt mũi. Nhưng sau vì có kẻ phản bội, nghĩa quân bị thất bại, Ngô Dị cũng hy sinh. Một năm sau, Trần Tử Long lại bí mật vận động Ngô Thăng Triệu, đề đốc của quân Thanh ở Tùng Giang chống lại Thanh. Lần binh biến này chẳng may bị thất bại, Ngô Thăng Triệu bị giết, Trần Tử Long cũng bị quân Thanh bắt. Trần Tử Long không chịu nhục, trên thuyền áp giải tới Nam Kinh, đã giăng lưới dây trời, lao đầu xuống sông tự tử. Hạ Hoàn Thuần đang bàng hoàng đau xót trước sự hy sinh của thầy học, thì bị bắt do có kẻ tố giác. Quân Thanh cử nhiều binh lính áp giải chàng về Nam Kinh. Hạ Hoàn Thuần bị giam trong nhà lao suốt 80 ngày, chàng viết cho bạn bè rất nhiều bài thơ hào hùng và bi tráng. Sự uy hiếp của thần chết không làm chàng sờn lòng, chỉ đau lòng về nỗi không thực hiện được tráng chí bảo vệ dân tộc, khôi phục Trung nguyên. Cuộc thăm vấn Hạ Hoàn Thuần bắt đầu. Kẻ thăm vấn chính là Hồng Thừa Trù, vị quan to được triều Thanh trao trọng trách chiêu phủ Giang Nam. Hồng Thừa Trù biết Hạ Hoàn Thuần là 1 "thần đồng" nổi tiếng khắp vùng Giang Nam, nên muốn dùng

thủ đoạn mềm mỏng buộc Hạ Hoàn Thuần khuất phục. Ông ta hỏi: "Nghe nói cậu gửi tấu chương lên Lỗ vương, có việc đó không?".

Hạ Hoàn Thuần ngẩng đầu lên trả lời: "Chính là chữ viết của ta!".

Hồng Thừa Trù lấy giọng ôn hòa, nói: "Ta xem cậu còn nhỏ tuổi, vị tất đã có thể khởi binh làm phản, hẳn là bị người khác xúi giục. Chỉ cần cậu chịu quay về theo Đại Thanh, ta sẽ cho cậu làm quan".

Hạ Hoàn Thuần làm ra vẻ không biết kẻ đang thăm vấn mình là Hồng Thừa Trù, lớn tiếng đáp: "Ta nghe nói triều Minh ta có tiên sinh Hồng Hạnh Cửu (tên tự của Hồng Thừa Trù) là người hào kiệt. Năm nọ, trong trận đánh Tùng Sơn, ngài đã hy sinh vì nước, làm xúc động trong ngoài. Ta khâm phục sự trung liệt của ngài, nên tuy còn ít tuổi vẫn quyết hy sinh báo thù, sao chịu thua kém".

Câu nói đó làm Hồng Thừa Trù hồ thẹn dở cười dở khóc, toát hết mồ hôi. Binh lính đứng bên cạnh tưởng rằng Hạ Hoàn Thuần không biết Hồng Thừa Trù, vội nhắc nhở: "Đừng nói càn! Ngồi trước mặt người chính là Hồng đại nhân đó!".

Hạ Hoàn Thuần "phì" 1 tiếng, nói tiếp: "Hồng tiên sinh hy sinh vì nước, khắp thiên hạ ai mà không biết. Sùng Trinh Đế còn lập đàn tế, bách quan trong triều đều khóc lóc viếng tang. Còn tên phản bội này sao dám mạo làm tiên liệt, ô nhục đến trung hồn".

Tiếp đó, chàng chỉ mặt Hồng Thừa Trù, không ngừng chửi mắng. Hồng Thừa Trù mặt xám như tro, không còn dám thăm vấn gì nữa, vội vỗ bàn thét lính lôi Hạ Hoàn Thuần ra ngoài.

Tháng 9 năm 1647, vị thiếu niên anh hùng vừa 17 tuổi đó đã bị sát hại tại Tây Thị, Nam Kinh. Đến nay, phía tây thành Tùng Giang, vẫn còn ngôi mộ chung của 2 cha con liệt sĩ Hạ Doãn Di, Hạ Hoàn Thuần.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Trịnh Thành Công Thu Phục Đài Loan

Sau khi Long Vũ Đế xây dựng chính quyền ở Phúc Châu, đại thần Hoàng Đạo Chu vốn là người thực lòng chống Thanh, quyết tâm muốn phò tá Long Vũ Đế dẫn quân bắc phạt. Nhưng Trịnh Chi Long, người nắm giữ binh quyền, lại chỉ muốn bảo toàn thực lực, không chịu xuất binh. Một năm sau, khi quân Thanh tiến tới Phúc Kiến, liền cử người tới gặp Trịnh Chi Long khuyên hàng. Vì ham giàu sang, Trịnh Chi Long liền bỏ Long Vũ Đế, sang hàng triều Thanh. Chính quyền Long Vũ Đế diệt vong.

Trịnh Chi Long có người con trai là Trịnh Thành Công, sinh tại Nam An, Phúc Kiến lúc đó là 1 tướng trẻ mới 22 tuổi. Khi Trịnh Chi Long đầu hàng triều Thanh, Trịnh Thành Công ra sức khuyên cha. Thấy cha mê mẩn công danh, không chịu nghe lời nói phải, Trịnh Thành Công giận dữ, liền bỏ xuống đảo Nam Áo, chiêu mộ được mấy ngàn người, kiên quyết chống Thanh. Vương triều Thanh biết Trịnh Thành Công là 1 tướng tài, nhiều lần cử người đến dụ hàng, nhưng ông kiên quyết cự tuyệt. Tướng Thanh lại cử người em đem theo thư của Trịnh Chi Long đến khuyên hàng. Người em nói: "Nếu anh không chịu hàng, thì tính mạng của cha khó lòng giữ được".

Trịnh Thành Công không dao động, viết 1 phong thư tuyệt tình với Trịnh Chi Long. Binh lực của Trịnh Thành Công dần lớn mạnh, xây dựng được 1 đội thủy quân ở Hạ Môn. Ông liên hợp với tướng chống Thanh là Trương Hoàng Ngôn, dẫn đội thủy quân 17 vạn người từ ngoài biển đi vào Trường Giang, phân 2 cánh thủy bộ tiến đánh Nam Kinh, tới sát chân thành. Nhưng quân Thanh dùng kế trá hàng, là quân Trịnh Thành Công vào

nơi mai phục sẵn rồi đánh bại. Trịnh Thành Công phải rút ra Hạ Môn. Trịnh Thành Công về tới Hạ Môn thì quân Thanh đã chiếm đại bộ phận Phúc Kiến. Họ buộc dân ven biển Phúc Kiến, Quảng Đông lùi sâu vào phía trong 40 dặm, tiến hành phong tỏa, triệt đường tiếp tế cho quân Trịnh Thành Công, định đẩy họ vào chỗ chết vì thiếu đói. Trịnh Thành Công gặp khó khăn lớn trong việc chiêu binh và tiếp tế, liền quyết định phát triển ra Đài Loan.

Từ cuối triều Minh, người Hà Lan từ Châu Âu tới đã chiếm Đài Loan, xây dựng thành lũy, bắt nhân dân địa phương phải nộp thuế. Nhân dân Đài Loan nhiều lần chống lại, đều bị chúng đàn áp. Khi còn nhỏ tuổi, Trịnh Thành Công đã có lần theo cha tới Đài Loan, tận mắt nhìn thấy cảnh nhân dân chịu cực khổ, đã có ý định thu phục Đài Loan. Lần này, ông hạ quyết tâm đánh đuổi kẻ xâm chiếm phương tây nên hạ lệnh cho tướng sĩ sửa sang chiến thuyền, chuẩn bị lương thảo, sẵn sàng vượt biển. Vừa gặp dịp lúc đó, 1 người tên là Hà Đình Bân, từng làm phiên dịch cho quân đội Hà Lan, tới Hạ Môn tìm gặp Trịnh Thành Công, khuyên ông nên thu phục Đài Loan. Anh ta cho biết nhân dân Đài Loan bị quân xâm lược Hà Lan ức hiếp, từ lâu đã muốn chống lại. Nếu đưa quân tới, nhất định nhân dân địa phương sẽ cùng phối hợp để đuổi người Hà Lan đi. Hà Đình Bân còn biểu Trịnh Thành Công 1 tấm bản đồ Đài Loan, có ghi đầy đủ điểm bố phòng của quân Hà Lan. Có được nguồn tin và sự giúp đỡ đáng tin cậy đó, quyết tâm và lòng tin vào thắng lợi của Trịnh Thành Công càng nâng cao.

Tháng 3 năm 1661, Trịnh Thành Công để con là Trịnh Kinh và 1 số quân ở lại giữ Hạ Môn, còn bản thân dẫn 2 vạn 5000 tướng sĩ, dùng mấy trăm chiến thuyền rầm rộ xuất phát từ Kim Môn. Họ xông pha sóng gió, vượt qua eo biển Đài Loan, nghỉ mấy ngày tại quần đảo Bành Hồ để chuẩn bị tiến thẳng ra Đài Loan. Lúc đó, 1 số tướng sĩ nghe nói người phương tây có nhiều pháo lớn rất lợi hại, có phần ngại ngùng e sợ. Trịnh Thành Công liền đưa thuyền chỉ huy của mình dẫn đầu, khuyến khích tướng sĩ: "Pháo

Tây Dương của người Hà Lan không có gì đáng sợ. Các người cứ nổi theo thuyền của ta mà tiến tới".

Quân Hà Lan nghe tin đoàn thuyền lớn của Trịnh Thành Công sắp tiến công vào đảo thì rất kinh hoàng. Họ tập trung quân đội vào 2 thành Đài Loan (nay là vùng Đông Bình, Đài Loan) và Xích Khảm (nay ở vùng Đài Nam) vì ở đó có pháo đài và công sự, đồng thời cho đánh chìm nhiều thuyền cũ trên lối vào cảng nhằm ngăn trở đoàn thuyền của Trịnh Thành Công đổ bộ. Trịnh Thành Công cử Hà Đình Bân làm hoa tiêu, lợi dụng lúc thủy triều lên, tiến vào Lộc Nhĩ Môn, đổ bộ lên đảo. Nhân dân địa phương biết quân Trịnh Thành Công tới, nô nức mang xe thuyền tiếp tế, úy lạo quân đội. Quân Hà Lan ẩn nấp trong pháo đài rất tức tối, cử hơn 100 lính xông ra. Lệnh của Trịnh Thành Công vừa phát ra, quân Trịnh đã bao vây chặt, xông tới chém chết tên chỉ huy, số còn lại tan chạy. Hà Lan liền điều tới 1 quân hạm lớn nhất, hùng dũng tiến tới, ngăn không cho những thuyền còn lại vào bờ. Trịnh Thành Công trầm tĩnh quyết đoán, điều 60 thuyền lớn tới bao vây chặt quân hạm, nhất tề khai pháo, khiến quân hạm bốc cháy bùng bùng, lửa chiếu sáng rực mặt biển. Quân hạm lớn nhất dần dần chìm xuống đáy biển, 3 quân hạm nhỏ còn lại thấy tình thế bất lợi, đành bỏ chạy.

Quân Hà Lan thảm bại, co cụm trong 2 pháo đài không dám ứng chiến; một mặt họ cử người ngầm đi thuyền tới Patauây (nay là Gia va, thuộc Indonesia) cầu viện, 1 mặt cử người ra đàm phán, nói nếu quân Trịnh rút khỏi đảo, họ sẽ tình nguyện nộp 10 vạn lạng bạc trắng để úy lạo quân đội. Trịnh Thành Công nghiêm chỉnh tuyên bố: "Đài Loan là lãnh thổ của ta. Nay việc thu hồi lại là lẽ đương nhiên. Nếu các người cứ ở lì không chịu rút, ta sẽ dùng sức mạnh đuổi các người đi".

Trịnh Thành Công quát đuổi sứ giả, rồi phái quân đánh mạnh vào Xích Khảm. Quân Hà Lan chống cự mãnh liệt, nhất thời chưa hạ được. Một người dân địa phương mách cho quân Trịnh biết là nước dùng trong thành Xích Khảm đều từ 1 điểm cao ngoài thành chảy vào. Nếu cắt đứt nguồn

nước, thì quân địch không bị đánh cũng đã. Trịnh Thành Công làm theo kế đó, quả nhiên 3 ngày sau, quân Hà Lan ngoan ngoãn mở cửa thành đầu hàng. Số quân Hà Lan còn giữ thành Đài Loan toàn tiếp tục chống cự để chờ viện binh. Trịnh Thành Công cho quân vây chặt. Sau 8 tháng, Trịnh Thành Công hạ lệnh tổng công kích. Quân Hà Lan không còn cách nào khác, đành giương cờ trắng đầu hàng. Đầu năm 1662, người đứng đầu quân Hà Lan phải tới bàn doanh của Trịnh Thành Công kí vào văn bản đầu hàng, rồi lui thủ dẫn nhau rời khỏi Đài Loan. Do có công thu phục Đài Loan từ tay quân chiếm đóng Hà Lan, Trịnh Thành Công trở thành 1 anh hùng dân tộc kiệt xuất.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Lý Định Quốc Chiến Đấu Lưu Động Ở Tây Nam

Sau khi 2 chính quyền Nam Minh của Long Vũ Đế và Lỗ vương lần lượt bị tiêu diệt, quân Thanh liền chia 3 cánh đánh xuống Tây Nam. Một đại thần triều Minh là Cù Thức Tự giữ vùng Lưỡng Quảng liền lập Quế vương Chu Do Lang lên ngôi ở Triệu Khánh, lấy niên hiệu là Vĩnh Lịch. Lịch sử gọi ông là Vĩnh Lịch Đế. Tháng 11 năm 1647, tướng Minh là Hà Đăng Giao dựa vào lực lượng còn lại của chính quyền Đại Thuận (tức của Lý Tự Thành) đánh bại quân Thanh ở Toàn Châu. Cù Thức Tự cũng đánh lui quân Thanh ở Quế Lâm. Thanh thế quân Nam Minh lại lừng lẫy. Nhưng do nội bộ chính quyền của Quế vương lung củng nên Hồ Quảng và Quảng Tây lại bị quân Thanh chiếm lĩnh. Hai năm sau, Hà Đăng Giao bị bắt ở Tương Đàm rồi bị giết hại, Cù Thức Tự cũng hy sinh trong trận quân Thanh đánh chiếm thành Quế Lâm. Trong giờ phút chính quyền Quế vương đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt thì nghĩa quân Đại Tây dưới sự lãnh đạo của Lý Định Quốc đảm nhận trọng trách chống Thanh, tiếp tục chiến đấu hơn 10 năm nữa trong vùng Tây Nam.

Lý Định Quốc là 1 trong 4 dũng tướng dưới quyền Trương Hiếu Trung, đồng thời lại là 1 trong 2 con nuôi của Trương Hiếu Trung, sau Tôn Khả Vọng. Sau khi Trương Hiếu Trung hy sinh, năm, sáu vạn quân khởi nghĩa còn lại dưới quyền chỉ huy của Tôn Khả Vọng và Lý Định Quốc tiến xuống miền Quý Châu, Vân Nam. Họ cử người tới đề nghị với Vĩnh Lịch Đế là tình nguyện cùng liên hợp chống Thanh. Trải qua mấy lần thất bại, Vĩnh Lịch Đế thấy tình hình đã rất nguy cấp, đành phải dựa vào quân Đại Tây và phong Tôn Khả Vọng làm Tần vương. Tôn Khả Vọng là người nuôi

dã tâm, ông ta không chế chặt Vĩnh Lịch Đế và tác uy tác phúc ở Quý Dương, độc đoán chuyên quyền, không chú ý gì tới việc chống Thanh cả. Lý Định Quốc thì 1 lòng chống Thanh, bỏ ra 1 năm huấn luyện được 3 vạn tinh binh ở Vân Nam, và xúc tiến việc chế tạo vũ khí khôi giáp. Ông còn tìm 1 số người dạy voi, lập được 1 đội voi chiến. Sau khi chuẩn bị chu đáo, ông quyết định đem quân tiến công quân Thanh. Quân đội của Lý Định Quốc có tinh thần chiến đấu cao, kỷ luật nghiêm. Từ Vân Nam, Quý Châu, họ đánh tới tận Hồ Nam, liên tục thắng trận, thu phục được mấy trọng trấn. Sau đó, lại từ 3 phía tiến công Quế Lâm. Tướng Thanh giữ Quế Lâm là Khổng Hữu Đức mấy lần đem quân nghinh chiến, nhưng chưa giao đánh thì binh lính đã bỏ chạy. Khổng Hữu Đức phải đích thân dẫn quân tới Nghiêm Quan, đối diện với quân Minh. Đại quân Lý Định Quốc tới, đi đầu là đội tượng binh lừng lững, tiếp sau là quân sĩ oai hùng. Khi lâm trận, voi trận hý vang làm ngựa chiến của quân Thanh sợ hãi chạy tán loạn. Lúc đó, trời mưa lớn, sấm sét vang rền, tượng binh thừa cơ xông lên, quân Thanh đại bại. Quân Minh anh dũng truy kích, đánh cho quân Thanh tan tác.

Khổng Hữu Đức vội vã rút quân vào trong thành Quế Lâm, đóng chặt cổng để cố thủ. Lý Định Quốc vây chặt thành Quế Lâm, ngày đêm đánh phá mãnh liệt. Khổng Hữu Đức đứng trên thành lâu quan sát, bị quân Minh bắn tên như mưa, trúng giữa trán. Lúc đó, ông ta lại được tin ngọn núi phía bắc thành đã bị quân Lý Định Quốc chiếm, liền đốt lửa rồi lao vào lửa tự sát. Lý Định Quốc dẫn quân vào thành Quế Lâm, vừa truy quét tàn binh vừa an định dân chúng, đón các quan nhà Minh phải bỏ trốn trước kia trở về. Một hôm, Lý Định Quốc ở tiệc ở cạnh Thất Tinh Nham, mời các quan tới dự. Ông nói: "Tình hình hiện nay giống như những năm cuối đời Nam Tống. Các vị chắc hẳn đều khâm phục các tiên liệt Văn Thiên Trường, Lục Tú Phu, Trương Thế Kiệt. Lòng trung trinh và hào khí của các vị đó cố nhiên là lưu truyền sử sách. Nhưng chúng ta tận trung báo quốc, nhất định không muốn có kết cục như vậy".

Mọi người nghe nói, đều rất khâm phục khí khái anh hùng đó của Lý Định Quốc. Vĩnh Lịch Đế nhận được tin thắng trận, liền phong Lý Định Quốc làm Tây Ninh vương. Tiếp đó, Lý Định Quốc còn đem quân đánh chiếm Vĩnh Châu, Hành Dương, Trường Sa, ép sát Nhạc Châu. Triều Thanh rung động, vội phái thân vương Ni Khâm dẫn 10 vạn quân phản công vào Trường Sa. Lý Định Quốc biết lực lượng địch rất mạnh, liền chủ động rút khỏi Trường Sa, nhưng bố trí phục binh trên đường tới Hành Dương. Ni Khâm đích thân dẫn quân truy kích, rơi vào vùng mai phục của quân Minh, bị chém chết tại trận. Thắng lợi của Lý Định Quốc khiến Tần vương Tôn Khả Vọng kèn cựa. Tôn Khả Vọng vội mời Lý Định Quốc tới bàn quốc sự, toan ám hại ông. Lý Định Quốc phát hiện được quỷ kế đó, đành đem quân rời Hồ Nam, về Vân Nam. Tôn Khả Vọng muốn đề cao uy tín của mình, liền đích thân dẫn quân tới Hồ Nam tiến công quân Thanh, nhưng lại bị đại bại. Tôn Khả Vọng có ý muốn ép Vĩnh Lịch Đế nhường ngôi, ông ta biết rằng muốn đạt được mục đích đó thì phải trừ bỏ Lý Định Quốc, liền dẫn 14 vạn quân tiến đánh Vân Nam. Ngờ đâu, các tướng sĩ dưới quyền ông ta vô cùng căm giận hành động chia rẽ đó. Lúc lâm trận, họ đều quay giáo, đứng về phía Lý Định Quốc. Toàn bộ quân đội của Tôn Khả Vọng tan rã. Tôn Khả Vọng lui thủi chạy về Quý Dương, lại bị các tướng sĩ Quý Dương chống lại. Cùng đường, Tôn Khả Vọng liền chạy về Trường Sa đầu hàng quân Thanh.

Triều đình Nam Minh qua cuộc nổi loạn của Tôn Khả Vọng, lực lượng bị yếu đi nhiều. Năm 1658, quân Thanh do các hàng tướng Ngô Tam Quế, Hồng Thừa Trù dẫn đầu chia làm 3 cánh đánh xuống Vân Nam, Quý Châu. Lý Định Quốc chia quân đánh chặn từng cánh, nhưng đều bị thất bại, buộc phải rút về Côn Minh. Vĩnh Lịch Đế cùng mấy tay chân thân tín hoảng hốt rụng rời, bỏ chạy sang Miến Điện (nay là Mianma). Sau khi Vĩnh Lịch Đế chạy sang Miến Điện, Lý Định Quốc tiếp tục thu thập lực lượng ở vùng biên giới Vân Nam, đánh lại quân Thanh, chuẩn bị khôi phục lại cơ đồ. Ông nhiều lần cử người sang Miến Điện mời Vĩnh Lịch Đế về nước, nhưng hoàng đế này không dám trở về.

Tháng 12 năm 1661, Ngô Tam Quế dẫn 10 vạn tinh binh tiến vào Miến Điện, buộc Miến Điện phải giao nộp Vĩnh Lịch Đế, dẫn về Côn Minh. Về tới Côn Minh, Vĩnh Lịch Đế bị Ngô Tam Quế bức tử. Chính quyền cuối cùng của Nam Minh tới đây hoàn toàn bị diệt vong. Lý Định Quốc kiên trì chống Thanh trong hơn 10 năm mà không thực hiện được nguyện vọng. Ông ôm mối hận, mắc bệnh rồi mất. Trước khi mất, ông nói với con và các bộ tướng: "Thà chết nơi hoang dã, chứ không thể đầu hàng!".

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Khang Hy Đế Bình Định Tam Phiên

Vào năm chính quyền cuối của Nam Minh diệt vong, Thuận Trị Đế đã chết, con ông là Huyền Diệp lên ngôi. Đó là Thanh Thánh Tổ, niên hiệu Khang Hy (suốt 61 năm tại vị, Thánh Tổ chỉ sử dụng 1 niên hiệu Khang Hy nên lịch sử thường gọi ông là Khang Hy Đế). Khi lên ngôi, Khang Hy Đế mới có 8 tuổi. Theo di chiếu của Thuận Trị Đế, 4 đại thần tộc Mãn giúp ông xử lý việc triều chính, gọi là 4 đại thần phụ chính. Trong 4 đại thần đó, có Ngao Bái dựa vào cương vị nắm binh quyền, lại coi thường hoàng đế nhỏ tuổi, chuyên quyền độc đoán, đại thần nào trái ý đều bị âm mưu hãm hại. Sau khi vương triều Thanh dời vào Trung nguyên, liền dùng biện pháp cưỡng bách, khoanh chiếm đất đai của nông dân, chia cho quý tộc 8 "kỳ". Sau khi Ngao Bái nắm quyền, ông ta lại cậy thế mở rộng thêm vùng đất đã khoanh chiếm, còn lấy đất xấu của mình ép các kỳ khác đổi cho mình lấy đất tốt. Việc làm đó gây oán giận trong dân Hán và cả giới quý tộc thuộc các kỳ khác. Ngao Bái liền vu cáo các quý tộc đại nghịch bất đạo, đem xử tử 3 quan chức quý tộc địa phương.

Năm vừa 14 tuổi, Khang Hy Đế tự mình chấp chính. Lúc đó, 1 đại thần phụ chính khác là Tô Khắc Tát Cáp có tranh chấp với Ngao Bái. Ngao Bái nuôi lòng thù hận, liền câu kết với đồng đảng, vu cho Tô Khắc Tát Cáp phạm đại tội, tâu xin Khang Hy Đế xử tử ông ta. Khang Hy Đế không phê chuẩn. Ngao Bái công khai tranh cãi với Khang Hy Đế giữa triều chính, lại dám hung hăng xắn tay áo, giơ nắm đấm, làm ầm ĩ. Khang Hy Đế vô cùng tức giận, nhưng thấy Ngao Bái có thế lực lớn, đành tạm thời nín nhịn, chịu để cho ông ta giết Tô Khắc Tát Cáp. Sau chuyện đó, Khang Hy Đế quyết

trừ bỏ Ngao Bái. Ông cử người tuyển chọn 1 số con em quý tộc mười mấy tuổi vào làm thị vệ. Những thiếu niên đó đều có sức khỏe tốt, luôn được giữ bên cạnh Khang Hy Đế, hằng ngày luyện tập môn đánh vật. Ngao Bái vào cung, thường thấy những thiếu niên đó ồn ã tập luyện trong vườn ngự uyển, chỉ coi là trò trẻ con, không hề chú ý. Một hôm, Ngao Bái nhận được lệnh của Khang Hy Đế, yêu cầu vào cung 1 mình để bàn việc quốc sự quan trọng. Như thường lệ, Ngao Bái nghênh ngang đi vào. Vừa bước qua cửa cung, bỗng bọn thiếu niên đó xông tới vây chặt, người níu cánh tay, người lôi chân. Ngao Bái tuy xuất thân võ tướng, có sức khỏe nhưng số thiếu niên đó đông đảo, lại đã được luyện môn vật. Ngao Bái không địch nổi, chỉ 1 thoáng đã bị quật lăn quay dưới đất. Mặc ông ta lớn tiếng kêu cứu, nhưng làm gì có ai trong đó!

Ngao Bái bị nhốt trong đại lao, Khang Hy Đế lập tức triệu tập đại thần, yêu cầu điều tra và luận tội. Mọi người đều cho rằng Ngao Bái lạm quyền, giết người tùy tiện vô cớ, tội ác chồng chất, cần phải xử tử. Khang Hy Đế khoan dung, chỉ cắt hết chức tước của ông ta. Khang Hy Đế dùng kế trừ được Ngao Bái khiến toàn thể triều đình vui mừng. Một số đại thần vốn khá ngang ngược, biết ông hoàng đế trẻ tuổi này là người có bản lĩnh cũng không dám buông tuồng như trước kia nữa. Sau khi tự mình chấp chính, Khang Hy Đế ra sức chinh đốn triều chính, khuyến khích sản xuất, trừng trị tham nhũng, khiến vương triều trong buổi đầu kiến lập dần dần cường thịnh lên. Lúc đó, chính quyền Nam Minh tuy đã diệt vong, nhưng vẫn còn 3 phiên vương ở miền nam khiến Khang Hy Đế luôn lo lắng. 3 phiên vương đó nguyên là các tướng Minh về hàng quân Thanh. Người thứ nhất là Ngô Tam Quế, đã dẫn quân Thanh vào cửa quan. Hai người kia là Thượng Khả Hỷ và Cảnh Trọng Minh. Vì họ có công giúp triều Thanh tiêu diệt triều Minh và đàn áp quân nông dân, nên vương triều Thanh phong Ngô Tam Quế làm Bình Tây vương, trú phòng tại Vân Nam, Quý Châu; Thượng Khả Hỷ làm Bình Nam vương, trú phòng tại Quảng Đông; Cảnh Trọng Minh làm Tĩnh Nam vương, trú phòng tại Phúc Kiến. cả 3 được gọi là "Tam phiên".

Trong 3 phiên vương, Ngô Tam Quế có lực lượng mạnh nhất. Sau khi được phong phiên vương, Ngô Tam Quế hết sức ngạo nghễ, không những nắm binh quyền ở địa phương mà còn khống chế cả tài chính, tự bổ nhiệm các quan lại, không coi triều Thanh ra gì. Khang Hy Đế thấy muốn thống nhất chính lệnh, thì Tam phiên là trở ngại lớn nhất, phải chọn thời cơ tước bỏ thế lực của họ. Vừa gặp dịp, Thượng Khả Hỷ vì già yếu muốn về quê tại Liêu Đông, dâng sớ tấu xin để con là Thượng Chi Tín kế thừa tước vị tại Quảng Đông. Khang Hy phê chuẩn cho Thượng Khả Hỷ cáo lão về hưu, nhưng không cho con ông ta kế thừa tước vị Bình Nam vương. Sự việc này gây rung động tới Ngô Tam Quế và Cảnh Tinh Trung (cháu của Cảnh Trọng Minh). Để thăm dò thái độ của Khang Hy Đế, cả 2 giả vờ xin chủ động giải trừ tước vị phiên vương để trở về miền bắc. Tấu chương gửi tới triều đình, Khang Hy Đế triệu tập các đại thần tới bàn. Rất nhiều đại thần cho rằng sớ tấu xin giải trừ chức phiên vương của bọn Ngô Tam Quế không thật lòng. Nếu phê chuẩn lời thỉnh cầu đó, nhất định Ngô Tam Quế sẽ nổi loạn. Khang Hy Đế nói rất quả đoán: "Ngô Tam Quế có dã tâm từ lâu. Giải chức sẽ làm phản, không bằng ta ra tay trước". Sau đó, ông hạ lệnh chiếu trả lời Ngô Tam Quế, chấp nhận lời cầu xin giải chức phiên vương. Chiếu lệnh vừa ban xuống, quả nhiên Ngô Tam Quế nhảy dựng lên tức tối. Ông ta tự cho mình là khai quốc công thần triều Thanh, thế mà bây giờ vị hoàng đế non trẻ này lại dám tước quyền của mình. Thật lòng không chống lại thì không chịu nổi.

Năm 1673, Ngô Tam Quế khởi binh ở Vân Nam. Để lung lạc mọi người, ông ta cởi bỏ mọi trang phục mang tước vị triều Thanh, đổi sang khôi giáp triều Minh, vờ vịt khóc lóc 1 hồi trước mộ Vĩnh Lịch Đế, thề sẽ báo thù trả hận cho triều Minh. Nhưng mọi người còn nhớ rất rõ, là kẻ rước quân Thanh vào Sơn Hải Quan là Ngô Tam Quế, kẻ giết chết Vĩnh Lịch Đế cũng là Ngô Tam Quế. Bây giờ ông ta lại giương lá cờ khôi phục triều Minh, còn lừa bịp được ai? Thế lực của Ngô Tam Quế ở Tây Nam rất mạnh. Lúc đầu, quân nổi loạn thẳng liên tiếp, đánh tới tận Hồ Nam. Ông ta còn cử người đi liên lạc với Thượng Chi Tín ở Quảng Đông và Cảnh Tinh

Trung ở Phúc Kiến, hện họ cùng nổi dậy. 2 phiên vương này được Ngô Tam Quế khuyến khích, cũng nổi loạn. Lịch sử gọi sự kiện này là "loạn Tam phiên" (Tam phiên chi loạn).

Ba phiên vương cùng nổi loạn, toàn bộ vùng miền nam đều bị lực lượng làm phản chiếm lĩnh. Khang Hy Đế không hề sợ hãi. Ông vừa điều khiển binh tướng, tập trung binh lực đánh Ngô Tam Quế, vừa đình chỉ việc giải trừ tước vương của Thượng Chi Tín và Cảnh Tinh Trung để giữ yên 2 mặt đó. Thượng Chi Tín, Cảnh Tinh Trung thấy tình hình của Ngô Tam Quế bất lợi, liền xin đầu hàng. Ngô Tam Quế lúc đầu thắng 1 số trận, sau quân Thanh kéo tới ngày càng nhiều, đánh càng mạnh, lực lượng Ngô Tam Quế tiêu hao dần, lâm vào tình cảnh hết sức cô lập. Qua 8 năm chiến tranh, ông ta không đứng vững được nữa, vừa căm tức vừa hối hận, mắc bệnh nặng rồi chết. Năm 1681, quân Thanh chia 3 hướng đánh vào Côn Minh thuộc Vân Nam. Cháu Ngô Tam Quế là Ngô Thế Phồn tự sát. Cuối cùng, quân Thanh dẹp được thế lực phản loạn, thống nhất miền nam. Nhưng, trong lúc triều đình ăn mừng thắng lợi dẹp yên phản loạn ở miền nam thì từ biên giới Đông Bắc lại truyền về tin tức nước Nga Sa hoàng xâm phạm biên cương. Sự kiện này khiến Khang Hy Đế phải lập tức chuyển sự chú ý lên biên giới Đông Bắc.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Thắng Lợi Yakesa (Nhã Khắc Tát)

Nguyên nhân dẫn tới việc nước Nga sa hoàng xâm chiếm miền đông bắc, là do cuối triều Minh, triều Thanh mãi lo tiến xuống Trung nguyên, để lơ lửng việc phòng thủ biên giới phía bắc. Nước Nga sa hoàng nhân cơ hội đó, xâm phạm vùng Hắc Long Giang. Họ cướp đoạt của cải, giết hại nhân dân, nên gặp phải sự chống cự của nhân dân địa phương. Sau khi chiếm xong Trung nguyên, triều Thanh phái quân lên đánh đuổi lực lượng xâm lược, thu phục lại Yakesa ở bờ bắc Hắc Long Giang (nay ở phía bắc Hồ Mã, phía đông Mạc Hà thuộc tỉnh Hắc Long Giang). Khi Khang Hy Đế điều số lớn binh lực xuống phía nam để bình định Tam phiên, có 1 tù phạm Nga vượt ngục dẫn theo 84 tên phi chạy tới Yakesa, xây dựng công sự, pháo đài ở đó rồi đi cướp đoạt vùng xung quanh. Chúng đem da điều cướp đoạt được dâng lên Sa hoàng. Sa hoàng không những xá tội cho tên cầm đầu mà còn phong hãn làm quan, cai trị vùng Yakesa, muốn vĩnh viễn chiếm cứ vùng đó.

Khang Hy Đế vừa bình định xong loạn Tam phiên, nghe tâu biên giới phía bắc bị xâm phạm thì cả giận. Để nắm vững tình hình địch, ông đích thân lên Thịnh Kinh, 1 mặt phái các tướng Bành Xuân, Lang Đàm lấy cố đi săn, lên biên giới trinh sát; 1 mặt ra lệnh cho quan địa phương chế tạo chiến thuyền, xây đắp thành lũy, chuẩn bị đánh địch. Sau khi hoàn thành mọi việc, Khang Hy Đế cử người mang thư tới cho người đứng đầu quân Nga, buộc họ phải lập tức rút khỏi Yakesa. Quân Nga không những không chịu rút, mà còn tăng viện, tỏ ý sẵn sàng đối địch. Thấy không còn khả năng giải quyết hòa bình, Khang Hy Đế liền hạ lệnh tiến quân. Năm 1685, Khang Hy

Để cử Bành Xuân làm thống soái, dẫn 1 vạn 5000 quân bộ và quân thủy, rầm rộ kéo tới dưới thành Yakesa, vây chặt ngôi thành nhỏ này. Qua mấy năm chuẩn bị, quân Nga đã xây dựng nơi đây rất kiên cố. Sau khi quan sát địa hình, Bành Xuân cho đắp núi đất phía nam, để binh sĩ đứng trên núi đất bắn tên vào thành. Quân Nga lúc đầu tưởng lầm rằng quân Thanh sẽ tấn công vào phía nam thành, liền điều binh lực đến đó. Nào ngờ quân Thanh giấu sẵn hỏa pháo ở phía bắc, nhân lúc việc phòng thủ phía bắc lơ lửng, đột nhiên bắn mạnh. Đạn pháo xé không khí bay tới tấp vào thành, lầu thành bị trúng đạn, bốc cháy ngùn ngụt. Trời sáng dần, quân Thanh lại xếp củi, chuẩn bị đốt thành. Quân Nga hoảng sợ, vội giương cờ trắng đầu hàng.

Theo lời dặn từ trước của Khang Hy Đế, Bành Xuân tha toàn bộ hàng binh, buộc họ rút ngay về nước. Tên chỉ huy củi đầu lúi thúi dẫn tàn binh bại tướng rút đi. Sau khi quân Nga rút, Bành Xuân ra lệnh cho binh sĩ san phẳng mọi thành lũy, công sự ở Yakesa, biến thành đồng ruộng cho dân trồng trọt, rồi dẫn quân về thành Ái Huy. Nhưng tên đầu sỏ quân Nga là Tuốc-pu-chin không cam chịu. Sau khi nghe tin quân Thanh đã rút đi, hắn lại dẫn đồng bọn lên về Yakesa, xây dựng lại thành lũy kiên cố hơn trước. Tin cấp báo từ biên giới gửi về Bắc Kinh, Khang Hy Đế quyết định triệt để tiêu diệt bọn xâm phạm. Mùa hè năm sau, tướng giữ Hắc Long Giang là Tát Bố Tố lại tiến quân lên Yakesa. Tướng sĩ Thanh thấy kẻ địch đã được tha, bây giờ lại dám tới, thì đều giận dữ muốn tiêu diệt ngay. Lần này, hỏa lực pháo binh của quân Thanh càng mãnh liệt hơn. Quân Nga mấy lần xông ra khỏi thành toan chống lại, đều bị quân Thanh đánh lui. Tên đầu sỏ giữ thành là Tuốc-pu-chin trúng đạn chết, số còn lại buộc phải rút xuống hầm ngầm. Nhưng chỉ mấy ngày sau, kẻ thì ốm, kẻ thì chết, cuối cùng còn lại chỉ có 150 người. Chính phủ Nga sa hoàng vội phái sứ giả tới Bắc Kinh, đề nghị đàm phán, Khang Hy Đế mới hạ lệnh ngừng đánh thành.

Năm 1689, phía Trung Quốc cử đại biểu là Sách Ngạch Đồ, phía Nga cử đại biểu Cơ-lê-ven tiến hành hòa đàm, vạch đường biên giới giữa 2

nước, khẳng định 1 vùng rộng lớn thuộc lưu vực Hắc Long Giang và sông Út-xu-ri đều là lãnh thổ Trung Quốc. Đó là "điều ước Ni-bu-su".

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Ba Lần Đánh Gác-Đan

Sau thất bại ở Yakesa, chính phủ Nga chưa cam chịu. Năm thứ 2 sau khi kí điều ước Nibusu, họ liền xúi giục thủ lĩnh bộ tộc Trugac (Chuẩn Cát Nhĩ – 1 chi của tộc Mông Cổ) là Gác Đan tiến đánh vùng Mạc Bắc Mông Cổ. Lúc đó, tộc Mông Cổ phân làm 3 bộ phận ở Mạc Nam, Mạc Bắc và Mạc Tây. Ngoài bộ phận Mạc Nam từ lâu đã qui phục triều Thanh, 2 bộ phận khác cũng đã tỏ ý thần phục. Trugac là 1 chi Mông Cổ ở Mạc Tây, sống du mục ở vùng Y Ly. Từ khi Gác Đan làm thủ lĩnh Trugac, ông ta có ý đồ trước hết kiêm tính các bộ lạc Mông Cổ khác ở Mạc Tây, sau lại tiến công bộ phận Mông Cổ ở Mạc Bắc. Bộ phận Mông Cổ này chống trả nhưng thất bại, mấy chục vạn người chạy xuống Mạc Nam xin triều đình Thanh bảo vệ. Khang Hy Đế phái sứ giả đến gặp Gác Đan, yêu cầu ông ta trả lại những vùng đã chiếm cho bộ phận Mông Cổ Mạc Bắc. Gác Đan cho rằng mình được nước Nga sa hoàng nâng đỡ nên rất ngạo nghễ, không những không chịu lui quân, mà còn lấy cớ truy kích Mông Cổ Mạc Bắc, ồ ạt xâm phạm Mạc Nam.

Khang Hy Đế triệu tập các đại thần tuyên bố sẽ ngự giá thân chinh đánh Gác Đan. Ông cho rằng Gác Đan hung hăng, dã tâm không nhỏ, đã đánh vào Mạc Nam thì cần phản kích. Năm 1690, Khang Hy Đế chia quân làm 2 cánh, cánh trái do Phủ Viễn đại tướng quân là Phúc Toàn thống lĩnh, từ Cổ Bắc Khẩu tiến ra; cánh phải do An Bắc đại tướng quân Thường Ninh thống lĩnh, từ Hỷ Phong Khẩu tiến ra; Khang Hy Đế thân dẫn quân chỉ huy phía sau. Cánh quân Thanh phía phải tiếp xúc với quân Gác Đan trước, bị đánh thua. Gác Đan dẫn quân tiến sâu vào, tới tận Nhan Bố Thông (nay là

Khơ Sơ Khơ Thăng Xi thuộc khu tự trị Nội Mông), cách Bắc Kinh khoảng 700 dặm. Gác Đan dương dương đắc ý, còn cử người sang đòi quân Thanh phải giao kẻ thù của ông ta đang nương nhờ bên Thanh. Khang Hy Đế hạ lệnh cho Phúc Toàn phản kích. Gác Đan tập trung mấy vạn kỵ binh dưới chân Đại Hồng Sơn, phía sau có rừng cây che chở, phía trước lại có sông ngăn cản. Ông ta dùng hơn 1 vạn con lạc đà, trói chặt 4 chân phục xuống đất, trên lưng lạc đà có các hòm gỗ lớn, được bọc kín bằng chăn đệm ướt, xếp thành 1 bức thành lạc đà dài dằng dặc. Quân của Gác Đan ẩn nấp trong những hòm đó bắn tên và súng ra, ngăn cản sự tiến công của quân Thanh. Quân Thanh dùng pháo và súng bắn đạn lửa bắn tập trung vào 1 đoạn thành lạc đà. Tiếng pháo và súng nổ vang trời dậy đất. Bức thành lạc đà bị vỡ 1 mảng, bộ binh và kỵ binh Thanh nhất tề xông lên chém giết. Phúc Toàn lại phái quân vòng ra cánh rừng phía sau đánh bọc lại, khiến quân Gác Đan tan tác, phải bỏ doanh trại tháo chạy. Gác Đan thấy tình thế bất lợi, vội cử 1 Lạt ma đến trại Thanh xin hòa. Phúc Toàn ngừng truy kích, đồng thời tâu lên Khang Hy Đế. Khang Hy Đế hạ lệnh: "Mau tiếp tục truy kích! Đừng để trúng quỷ kế của giặc!". Quả nhiên, Gác Đan cầu hòa chỉ là kế hoãn binh. Khi quân Thanh được lệnh tiếp tục truy kích, thì Gác Đan đã dẫn tàn binh chạy về Mạc Bắc rồi.

Gác Đan chạy về Mạc Bắc, bề ngoài tỏ ý quy phục triều Thanh, nhưng vẫn ngầm chiêu binh mãi mã. Năm 1694, Khang Hy Đế hẹn Gác Đan tới hội kiến để lập minh ước. Gác Đan không những không tới mà còn ngầm cử người xuống Mạc Nam xúi giục phản loạn. Ông ta rêu rao là đã mượn được của nước Nga sa hoàng 6 vạn khẩu súng, sắp mở cuộc đại tiến công. Thân vương các bộ tộc ở Nội Mông Cổ tới tấp gửi thư cáo phát về Khang Hy Đế. Năm 1696, Khang Hy Đế ngự giá thân chinh lần thứ 2. Ông chia quân làm 3 cánh, Hắc Long Giang tướng quân là Tát Bố Tố tiến quân từ phía đông; đại tướng quân Phí Dương Cổ dẫn quân Thiểm Tây, Cam Túc xuất quân từ phía tây để chặn đường phía sau của Gác Đan; Khang Hy Đế tự dẫn cánh trung quân từ Độc Thạnh Khẩu tiến vào. 3 cánh quân có kế hoạch giáp công theo kỳ hẹn đã quy định. Cánh trung quân của Khang Hy

Đế đến Khoa Đồ, gặp quân tiên phong của địch, nhưng 2 cánh đông tây chưa tới kịp. Lúc đó có người nói nước Nga sẽ đem quân giúp Gác Đan. Một số đại thần đi theo có phần sợ hãi, khuyên Khang Hy Đế đem quân trở về Bắc Kinh. Khang Hy Đế nổi giận nói: "Lần này trăm xuất chinh chưa thấy quân phản tặc đã lui quân, thì nói với thiên hạ thế nào. Thêm nữa, cánh giữa mà lui, phản quân sẽ đem toàn lực đối phó với cánh tây, cánh tây chẳng sẽ gặp nguy hiểm sao?".

Sau đó, Khang Hy Đế quyết định tiến quân tới Lỗ Luân Hà, rồi phái sứ giả đi gặp Gác Đan, báo cho ông ta biết tin Khang Hy Đế thân chinh. Gác Đan đứng trên núi quan sát, thấy cờ vàng tung bay, trận thế nghiêm chỉnh, vội rút bỏ doanh trại chạy ngay trong đêm đó. Khang Hy Đế vừa truy kích vừa thông báo gấp cho đại tướng Phí Dương Cổ ở cánh tây nhanh chóng đánh chặn. Gác Đan dẫn quân chạy suốt 5 ngày đêm, tới Chiêu Mạc Đa (nay ở đông nam Ulanbato, Mông Cổ) thì vừa gặp quân của Phí Dương Cổ. Chiêu Mạc Đa nguyên là 1 rừng cây lớn, phía trước có 1 dải đất rộng, vốn là chiến trường vùng Mạc Bắc. Phí Dương Cổ làm theo kế hoạch của Khang Hy Đế, bố trí mai phục trong vùng rừng rậm thuộc 1 ngọn núi nhỏ, và phái 400 quân ra nhử, vừa đánh vừa lui, dẫn phản quân vào vùng mai phục. Lúc đầu quân Thanh xuống ngựa đánh bộ, khi nghe hiệu tù và, liền nhảy lên ngựa, xông lên chiếm đỉnh núi. Phản quân tiến công lên đỉnh núi, quân Thanh từ trên đỉnh núi bắn tên và đạn xuống, 2 bên kịch chiến. Phí Dương Cổ lại phái 1 toán quân tập kích vào đoàn xe tải lương của phản quân, rồi trước sau đánh ép lại. Phản quân số chết, số đầu hàng. Cuối cùng Gác Đan chỉ còn có mấy chục kỵ binh, phá vây trốn thoát.

Sau 2 trận đánh lớn, tập đoàn phản quân của Gác Đan tan rã. Khang Hy Đế buộc Gác Đan đầu hàng, nhưng Gác Đan vẫn ngang ngạnh chống lại. Năm sau, Khang Hy Đế lại dẫn quân vượt Hoàng Hà thân chinh. Lúc đó, Y Ly, căn cứ địa cũ của Gác Đan đã bị người cháu là Sách Vọng A Na Bố Đản chiếm mất. Thân tín dưới quyền nghe tin quân Thanh kéo tới, liền lũ lượt đầu hàng, xin dẫn đường cho quân Thanh. Gác Đan cùng đường,

liền uống thuốc độc tự sát. Từ đó về sau, triều Thanh lại khống chế được bộ phận Mông Cổ Mặc Bắc ở phía đông dãy An Tai, phong cho các quý tộc Mông Cổ tước phong và quan chức, đồng thời còn phái tướng lĩnh tới U-ly-y-a-su-tai để cai quản bộ phận Mông Cổ Mặc Bắc.

Về sau, cháu của Gác Đan là Sách Vọng A Na Bố Đản đánh chiếm Tây Tạng. Năm 1720, Khang Hy Đế lại phái quân viễn chinh Tây Tạng, đuổi Sách Vọng A Na Bố Đản đi, hộ tống Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 6 về Tây Tạng. Sau đó, triều Thanh lại đặt đại thần trú tại La Sa, thay mặt triều đình cùng với Đạt Lai và Ban Thiên cùng quản lý Tây Tạng.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Cố Viêm Võ Viết Sách, Lập Thuyết

Sau khi dẹp xong loạn Tam phiên, nền thống trị của vương triều Thanh ở Trung Quốc bắt đầu ổn định. Nhưng còn 1 điều khiến Khang Hy Đế không thật yên tâm, đó là 1 số nhân sĩ cũ của triều Minh không phục. Do đó, ông dùng 1 biện pháp, là mở ra "Khoa Bác Học Hồng Từ", ra lệnh cho các đại thần trong triều và các quan địa phương tiến cử người có học vấn lên triều đình, phong ngay cho họ làm quan. Biện pháp này quả nhiên rất hiệu nghiệm, nhiều học giả, văn nhân nổi tiếng trong toàn quốc hưởng ứng lệnh triệu, tới kinh thành nhận chức. Nhưng vẫn có 1 số học giả cho rằng mình là thần dân triều Minh, ra làm quan cho triều Thanh là mất khí tiết. Họ thà chịu chém đầu chứ nhất định không theo lệnh triệu. Trong số đó có nhà tư tưởng nổi tiếng Cố Viêm Võ. Có người muốn tiến cử ông vào Khoa Bác Học Hồng Từ, ông viết thư trả lời: "Tôi là một ông lão đã bảy mươi tuổi, còn ham muốn gì nữa? Chỉ có cái chết đang chờ tôi. Nếu nhất định buộc tôi theo lệnh triệu, tôi đành chọn cái chết mà thôi!".

Cố Viêm Võ quê tại Côn Sơn, Giang Tô, xuất thân trong 1 dòng họ lớn ở Giang Nam. Tổ phụ của ông là 1 trí thức nổi tiếng, cho rằng đọc sách cần phải đồng thời nghiên cứu thực tế. Chịu ảnh hưởng tổ phụ, từ nhỏ Cố Viêm Võ đã thích đọc "Tư trị thông giám", "Sử ký" và "Tôn Ngô binh pháp", đồng thời rất quan tâm đến thời sự. Sau 1 lần thi không đỗ, ông liền quyết tâm từ bỏ khoa cử, vùi đầu đọc mọi thư tịch lịch sử các triều đại, nghiên cứu địa phương chí các vùng trong cả nước và mọi tấu chương của danh nhân các đời. Sau đó, bắt tay vào viết tác phẩm lịch sử-địa lý quan trọng là "Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư". Chính trong lúc ông tập trung

tâm lực vào nghiên cứu học thuật thì triều Minh diệt vong, quân Thanh tiến xuống miền Nam, nhân dân các địa phương thuộc Giang Nam đều tổ chức chống cự. Cố Viêm Võ và 2 người bạn thân cũng tham gia cuộc chiến đấu bảo vệ Côn Sơn. Sau khi kịch chiến với quân Thanh trong 21 ngày, vì lực lượng quá chênh lệch, quân nhân Côn Sơn đã thất bại. Khi thành Côn Sơn bị mất, bà mẹ của Cố Viêm Võ bị lính Thanh chém đứt cánh tay phải. Bà mẹ kể, người đã nuôi nấng ông trưởng thành, nghe tin quân Thanh đánh chiếm Thường Thục, liền nhịn ăn mà chết. Trước khi mất, bà nói với Cố Viêm Võ: "Ta tuy là một người đàn bà, nhưng chết theo nạn nước cũng là lẽ đương nhiên. Mong con sau này chớ làm thần tử triều Thanh, thì dù ta có chết đi cũng yên tâm nhắm mắt".

Cố Viêm Võ khóc rống lên đau đớn, sau khi an táng kể mẫu, liền rời khỏi làng quê. Ông toan đi đường biển tới theo Lỗ vương, nhưng chưa thực hiện được ý định thì chính quyền Lỗ vương đã bị tiêu diệt. Cố Viêm Võ thay tên đổi họ, đi khắp dải nam bắc Trường Giang, muốn tổ chức 1 đội nghĩa quân chống Thanh, nhưng do thế cô, sức mỏng nên không thực hiện được. Lúc đó, ở miền ven biển và Thái Hồ còn 1 số lực lượng lẻ tẻ chống Thanh. Nhưng quân Thanh đề phòng rất nghiêm, hễ phát hiện thấy ai có chút hiềm nghi là ghép cho tội "tư thông với phản quân" rồi bắt giam. Tại Côn Sơn, có 1 địa chủ kiêm quan lại tên là Diệp Phương Hằng, muốn chiếm ruộng đất của gia đình Cố Viêm Võ, liền mua chuộc lũ gia nhân nhà họ Cố, vu cáo Cố Viêm Võ "tư thông với phản quân". Diệp Phương Hằng bắt Cố Viêm Võ tới, tự lập công đường, buộc ông tự sát. Một số bạn bè của Cố Viêm Võ muốn cứu ông, liền đi tìm Tiền Khiêm Ích đang làm quan đang làm quan cho triều Thanh nhờ giúp đỡ. Tiền Khiêm Ích vốn là Lễ bộ thượng thư trong triều Nam Minh của Hoảng Quang Đế, lại là 1 văn học gia có tiếng. Khi quân Thanh xuống Giang Nam, ông ta liền đầu hàng, mất hết thanh danh. Tiền Khiêm Ích tỏ ý, nếu Cố Viêm Võ chịu nhận là học trò của ông ta, thì ông ta sẽ bảo lãnh cho ra khỏi nhà giam. Người bạn biết Cố Viêm Võ không chịu nghe theo điều kiện đó, liền tự quyết định, viết 1 danh thiếp của Cố Viêm Võ, đưa cho Tiền Khiêm Ích, nhờ giúp đỡ.

Cố Viêm Võ biết việc đó, trách mắng người bạn, buộc phải đòi danh thiếp về. Người bạn không chịu làm theo, Cố Viêm Võ liền dán bố cáo ngoài phố, nói rõ tấ danh thiếp ấy là giả, khiến Tiền Khiêm Ích lâm vào cảnh khó xử. Nhờ nhiều bạn bè chạy vạy, Cố Viêm Võ mới được tha ra. Diệp Phương Hằng vẫn chưa chịu thôi, cử người theo dõi ông. Một hôm, Cố Viêm Võ đi qua Thái Bình Môn của thành Nam Kinh, bị bọn côn đồ xông ra đánh, bị thương nặng ở đầu, may nhờ có người cấp cứu mới thoát được nguy hiểm. Ông thấy không thể ở lại Giang Nam được, liền quyết tâm đi du lịch miền bắc. Tới miền bắc, Cố Viêm Võ nhằm 2 mục đích: 1 là khảo sát địa thế và phong tục tập quán địa phương, 2 là tìm kiếm, kết giao với những bạn bè cùng chí hướng để tổ chức hoạt động chống Thanh. Trong hoàn cảnh rong ruổi đường xa gian khổ, nhưng Cố Viêm Võ không bao giờ lơ lửng việc nghiên cứu học thuật. Trên đường, ông đem theo 2 con ngựa, 4 con lừa để thồ sách vở. Qua những nơi quan ải hiểm yếu, đều hỏi han những lão binh đã giải ngũ, tìm hiểu phong tục tập quán địa phương, nếu thấy trong sách không ghi chép đúng như vậy, đều đối chiếu, sửa chữa lại. Do đó, tri thức của ông càng phong phú thêm. Cho đến năm 45 tuổi, Cố Viêm Võ bỏ ra 25 năm đi khảo sát khắp vùng Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Bắc, Giang Nam. Hầu như 1 nửa số thời gian trong năm, ông trú trong các lữ quán. Ông còn cùng 1 số bạn bè khai khẩn đất hoang ở vùng Nhạn Bắc. Những năm cuối đời, ông mới định cư ở Hoa Âm thuộc Thiểm Tây.

Từ nhỏ, khi đọc sách, Cố Viêm Võ đã có thói quen là khi có gì tâm đắc liền ghi chép lại. Sau nếu thấy có sai lầm, lại lập tức sửa chữa. Nếu phát hiện thấy mình trùng lặp những điều của người xưa, cũng lập tức xóa bỏ. Cứ tích lũy năm tháng như vậy, cộng thêm những tư liệu thu thập được qua khảo sát, điều tra, ông soạn thành 1 bộ có nội dung cực kỳ phong phú, bao quát các mặt chính trị, kinh tế, lịch sử, địa lý, văn nghệ, đặt tên là "Nhật Tri Lục" (ghi chép những tri thức thu lượm được từng ngày). Bộ sách này được công nhận là 1 trước tác rất có giá trị học thuật. Trong "Nhật Tri Lục", ông viết 1 đoạn văn lời lẽ rất sâu sắc, thấu triệt. Ông cho rằng đạo đức, phong tục xã hội mà bại hoại, thì sẽ mất thiên hạ. Để giữ được thiên

hạ, thì mỗi người bình thường dù ở địa vị thấp cũng đều cần gánh lấy trách nhiệm (nguyên văn: "Bảo thiên hạ giả, thất phu chi tiện dữ hữu trách yên nhĩ hĩ"). Câu danh ngôn "Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách" (sự hưng vong của thiên hạ, có trách nhiệm của người dân thường) là xuất phát từ đoạn văn trên của Cố Viêm Võ.

Những nhà tư tưởng cùng thời đại với Cố Viêm Võ, còn có Vương Phu Chi, Hoàng Tông Hy. Họ đều tham gia cuộc đấu tranh chống Thanh, trước sau không chịu theo lệnh triều ra làm quan dưới triều Thanh. Họ đều có thành tựu lớn về học thuật. Lịch sử gọi gộp cả 3 người là "Thanh sơ tam tiên sinh" (Ba bậc thầy đầu đời Thanh).

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Văn Tự Ngục

Đối với các văn nhân của nhà Minh còn lại, những người tự thấy triều đình Thanh vừa dùng biện pháp võ vè, đồng thời mặt khác lại dùng những thủ đoạn trấn áp rất tàn ác đối với những ai không chịu phục sự thống trị của họ. Vào năm thứ 2 sau khi Khang Hy Đế lên ngôi, do có cáo giác của quan chức, được biết ở Hồ Châu, Triết Giang có 1 văn nhân tên là Trang Đình Long đã tự tiện chiêu tập 1 số văn nhân để biên tập bộ "Minh sử". Trong bộ sử này đã có những lời lẽ đả kích những người thống trị triều đình Thanh, hơn nữa lại còn dám sử dụng niên hiệu của nhà Nam Minh. Vào lúc đó, tuy Trang Đình Long đã chết, nhưng triều đình vẫn ra lệnh cho bắt quan tài, bằm chém thi hài; đồng thời xử tội người con trai ông cùng với tất cả những người viết lời nói đầu cho cuốn sách; người khắc chữ, người đi bán sách, người in ấn và cả các vị quan chức địa phương ở đó; kẻ thì bị tử hình, người thì bị đi đày. Toàn bộ vụ án liên can đến trên 70 người.

Đầu năm 1711, lại có người cáo giác rằng trong bộ văn tập của 1 vị quan hàn lâm là Đới Danh Thế đã có những chỗ tỏ thái độ đồng tình với chính quyền nhà Nam Minh, lại còn dùng niên hiệu Vĩnh Lịch Đế của nhà Nam Minh. Xét tội đó, triều đình đã ra lệnh tống giam Đới Danh Thế vào nhà lao và xử tử hình. Vụ án này liên lụy đến những người thân của Đới Danh Thế và những người làm công việc khắc chữ, in ấn văn tập đó. Tất cả có tới trên 300 người. Những vụ án đó đều từ chuyện văn chương gây nên, cho nên gọi nó là "vụ án văn chương" (Văn tự ngục).

Khang Hy làm hoàng đế được 61 năm thì chết già. Người con trai thứ 4 của ông tên là Dận Trinh lên ngôi, tức là Thanh Thế Tông, còn gọi là Ung Chính Đế. Ung Chính Đế tính vốn tàn bạo, lại là người đầy lòng nghi kỵ. Dưới sự thống trị của ông, các vụ án văn chương ngày càng nhiều, càng nghiêm trọng. Nổi tiếng nhất là vụ Lã Lưu Lương. Lã Lưu Lương cũng là 1 học giả nổi tiếng. Sau khi nhà Minh bị diệt vong, ông đã từng tham gia cuộc đấu tranh chống Thanh, nhưng không thành công. Ông liền ở nhà dạy học. Có người tiến cử ông vào "Khoa Bác Học Hồng Từ", nhưng ông đã cự tuyệt thẳng thừng. Giới quan chức khuyên thế nào ông cũng chẳng nghe, dọa dẫm cũng không ăn thua. Sau đó ông đã dứt khoát vào chùa, cắt tóc đi tu. Các quan chức chịu bó tay, không thu nạp nổi ông. Đi tu chẳng qua là Lã Lưu Lương trốn trong chùa viết sách, lập thuyết. Trong sách ông viết có nội dung chống lại sự thống trị của nhà Thanh. Vừa hay, ngay sau khi viết xong, sách còn chưa kịp lưu hành thì Lã Lưu Lương mất, như vậy càng chẳng có ai chú ý đến việc này.

Có 1 người Hồ Nam tên là Tăng Tĩnh bất ngờ biết đến văn bản của Lã Lưu Lương, vô cùng khâm phục học vấn của ông, bèn sai 1 học sinh của mình là Trương Hy đi từ Hồ Nam tới tận Triết Giang quê cũ của Lã Lưu Lương để tìm xem có bản thảo nào còn sót lại không. Vừa mới đặt chân đến đất Triết Giang, Trương Hy đã nắm ngay được tin tức về bản thảo, lại còn tìm được 2 môn sinh của Lã Lưu Lương. Trương Hy nói chuyện với họ rất tâm đầu ý hợp. Sau khi về kể lại với Tăng Tĩnh, được Tăng Tĩnh cho hẹn gặp mặt 2 môn sinh đó. Thế là cả 4 người cùng nhau bàn luận về sự thống trị của nhà Thanh và họ đều cùng tỏ ra căm tức, bí mật bàn bạc tìm cách lật đổ vương triều Thanh. Họ đều cho rằng, nếu chỉ dựa vào mấy kẻ thư sinh thì không thể làm nên việc lớn. Sau, Tăng Tĩnh dò biết được về 1 vị đại thần người Hán tên là Nhạc Chung Kỳ, hiện đang làm tổng đốc ở Thiểm Cam. Ông này nắm binh quyền rất lớn, do từng lập được chiến công trong dẹp loạn ở vùng biên giới nên được Ung Chính Đế trọng dụng. Tăng Tĩnh bèn nghĩ, nếu như thuyết phục được Nhạc Chung Kỳ đứng lên chống lại nhà Thanh, thì sẽ có nhiều hy vọng thành công.

Tăng Tĩnh viết 1 lá thư, sai Trương Hy đưa đến Nhạc Chung Kỳ. Nhạc Chung Kỳ tiếp kiến Trương Hy, xé thư ra xem thấy trong thư khuyên ông chống Thanh, ông rất đỗi kinh ngạc, liền hỏi Trương Hy: "Nhà người ở đâu đến đây, dám đưa bức thư hết sức phản nghịch và vô đạo như thế này?".

Trương Hy không hề đổi sắc mặt đáp: "Tướng quân có mối thù truyền kiếp với nhà Thanh, lẽ nào không muốn báo thù ư?".

Nhạc Chung Kỳ nói: "Nhà người kiếm chuyện này ở đâu ra?".

Trương Hy nói: "Tướng quân họ Nhạc, chính là hậu duệ của Nhạc Trung Vũ Vương (tức Nhạc Phi) của nhà Nam Tống, còn tổ tiên của hoàng đế nhà Thanh hiện nay vốn là người Kim. Năm ấy Nhạc Vương bị nhà Kim câu kết với Tần Cối giết hại, mối oan này lưu thiên cổ. Hiện tướng quân có nhiều người ngựa trong tay, chính là một dịp rất tốt có thể báo thù cho Nhạc Vương!".

Nhạc Chung Kỳ nghe vậy lập tức ngoảnh mặt đi, hét lên, cho tổng giám Trương Hy. Ông còn lệnh cho quan địa phương phải xét hỏi Trương Hy xem ai là người sai Trương Hy đến đây. Hy chịu mọi cực hình, nhưng vẫn 1 mực nói rằng: "Các người muốn giết, muốn bầm vằm ta cũng được, nhưng hỏi ai sai phái ta thì không có đâu!".

Nhạc Chung Kỳ nghĩ bụng: Trương Hy là 1 anh chàng cứng cổ, nếu chỉ dùng cứng thì không thể trị nổi anh ta. Liền nghĩ ra 1 biện pháp mềm dẻo khác. Hôm sau ông cho thả Trương Hy ra và bí mật tiếp kiến. Nhạc Chung Kỳ giả mặt bình thường như không, nói rằng: cuộc xét hỏi đêm qua chẳng qua là để thăm dò thử xem sao, nghe lời Trương Hy ông thấy vô cùng xúc động và quyết tâm dấy binh chống Thanh, rất mong Trương Hy giúp đỡ cho chủ trương. Thoạt đầu Trương Hy không tin, nhưng sau thấy Nhạc Chung Kỳ làm bộ trình trọng như thật, lại thề thốt có thần linh chứng giám, nên tỏ lòng tin. Hai người bàn bạc với nhau suốt mấy ngày liền, rất mực hào hứng. Trương Hy nói ra bằng hết, kể lể hết cả chuyện về thầy

Tăng Tĩnh đã dặn dò và giao nhiệm vụ cho mình như thế nào. Nhạc Chung Kỳ nắm được tình hình do Trương Hy cung cấp, 1 mặt cử người về Hồ Nam tróc nã Tăng Tĩnh, 1 mặt lập ngay bản sớ tâu vua. Báo cáo trình bày rất đầy đủ mọi chi tiết mưu đồ làm phản của Tăng Tĩnh, Trương Hy như thế nào cho Ung Chính Đế biết.

Nhận được báo cáo, Ung Chính Đế vừa giận vừa nổi nóng, cho bắt ngay Tăng Tĩnh, Trương Hy giải về Bắc Kinh, dùng hình phạt nghiêm khắc để xét hỏi. Đến lúc đó, Trương Hy mới vỡ lẽ ra là mình đã bị mắc lừa to của Nhạc Chung Kỳ, nếu không thừa nhận cũng không xong. Ung Chính Đế tiếp tục tra xét và biết thêm Tăng Tĩnh còn đi lại với 2 học sinh của Lã Lưu Lương nữa. Thế là vụ án liền dính đến nhà Lã Lưu Lương. Lúc này, Lã Lưu Lương đã chết, Ung Chính Đế cho đào mả lên và bật quan tài ra. Vẫn chưa hả dạ, Ung Chính Đế còn xử chém đám con cháu và 2 môn sinh của Lã Lưu Lương ngay trước cửa nhà. Cũng còn không ít học sinh tin theo Lã Lưu Lương đều bị liên lụy và bị đày đi nơi xa.

Trong các vụ án, có 1 số thực sự là những hoạt động chống lại triều đình Thanh. Ngoài ra, còn nhiều vụ án văn chương được xử tràn lan hết sức gán ghép. Người ta bới lông tìm vết những sai sót trong văn chương, chỉ vì 1 câu thơ, thậm chí 1 chữ cũng dẫn đến tai họa. Có 1 lần, trong văn bản tấu lên trên của Từ Tuấn, 1 vị quan hàn lâm, viết 2 chữ "bệ hạ" lại sai mất chữ "bệ" (tức chữ "bệ" là thêm cung vua, viết thành chữ "bệ" có nghĩa là ngục tù). Ung Chính Đế nhìn thấy, lập tức cách chức ngay. Sau đó lại cho người đến khám nhà và tìm thấy trong tập thơ của Từ Tuấn có 2 câu thơ "Thanh phong bất thức tự, Hà sự loạn phiên thư?" (Gió mát không biết chữ, lật trang sách làm gì?). Đem bới chữ "Thanh phong" cho rằng có nghĩa ám chỉ nhà Thanh, thế là Từ Tuấn bị kết tội phỉ báng triều đình Thanh, và bị xử tử.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Hoàng Đế Càn Long Cấm Sách Và Soạn Sách

Vương triều Thanh thống trị Trung Quốc, trải qua 2 đời Khang Hy và Ung Chính Đế cai trị, nền kinh tế phát triển rất mạnh. Đến đời con của Ung Chính, Thanh Cao Tông Hoảng Lịch (tức là hoàng đế Càn Long lên ngôi), thì đất nước cường thịnh, tài chính dồi dào. "Văn trị, võ công" (sự thống trị văn hóa và vũ lực) vào sơ kỳ nhà Thanh đã làm cho đất nước lúc đó đạt đến trình độ cường thịnh. Vào năm 1757 công nguyên, 1 quý tộc ở vùng Trugac tên là A Mu Sa Na vốn trước đây đã quy phục nhà Thanh, nay lại nổi loạn. Hoàng đế Càn Long phái 2 đạo quân tiến công vào Y Ly (còn gọi là Y Ninh) để đánh dẹp. Bình định xong toàn vùng Trugac thì có 2 thủ lĩnh tộc Uygua vốn bị bắt làm tù binh ở Trugac là Tru Mu anh (còn gọi là Bu Na Đan) và Tru Mu em (còn gọi là Hua Chi Tran) bỏ chạy về khu vực nam Thiên Sơn, Tân Cương, dấy binh chống lại nhà Thanh. Hai anh em Tru Mu đàn áp dân trong vùng 1 cách vô cùng tàn ác; người Uygua căm thù đã vùng lên đấu tranh, ủng hộ nhà Thanh. Vì thế, quân Thanh đã dẹp loạn 2 anh em Tru Mu rất dễ dàng. Năm 1762 công nguyên, triều đình Thanh đặt ra 1 cấp tướng quân ở Y Ly (Tân Cương) nhằm tăng cường cai trị cả 2 phần bắc và nam Thiên Sơn.

Cũng giống như vua ông và vua cha, hoàng đế Càn Long ngoài việc dùng võ công, ông còn rất coi trọng văn trị. Một mặt ông cho tiếp tục mở "Khoa Bốc Học Hồng Từ" chiêu tập các văn nhân, học giả để biên soạn các loại thư tịch; mặt khác ra sức xét xử các vụ án văn chương, đàn áp các văn nhân bi nghi ngờ mưu chống nhà Thanh. Các vụ án văn chương thời Càn Long rất nhiều, vượt xa số lượng của cả thời Khang Hy và Ung Chính.

Nhưng hoàng đế Càn Long hiểu ra rằng, nếu chỉ dựa vào các vụ án văn chương để cai trị văn hóa thì sẽ không thể đạt được tới mức triệt để được. Hàng ngàn hàng vạn thư tịch vẫn còn đang tàng trữ trong dân gian, nếu trong những đồng thư tịch đó lại có những nội dung không lợi cho sự thống trị của nhà Thanh thì sẽ giải quyết ra sao? Cuối cùng, ông đã tìm ra được 1 cách, tức là tập trung tất cả các sách tàng trữ trong cả nước lại, cho biên tập thành 1 bộ tùng thư đồ sộ chưa từng thấy. Làm vậy thì vừa lôi kéo thêm được 1 số trí thức, tỏ ra hoàng đế rất coi trọng văn hóa, lại vừa có dịp để thẩm tra soát xét tất cả các sách hiện đang được cất giữ trong dân gian. Thật nhất cử lưỡng tiện.

Năm 1733 công nguyên, hoàng đế Càn Long chính thức ra lệnh lập Tứ khố toàn thư quán. Ông đã cắt cử 1 số thân vương trong hoàng thất và đại học sĩ làm tổng tài. Các vị hoàng thân quốc thích phần lớn chỉ là nêu danh và giữ vai trò giám sát, còn những vị thực sự làm công biên soạn là 1 số học giả nổi tiếng thời đó như Đới Chấn, Diêu Nại, Kỷ Vận. Bộ tùng thư ấy được đặt tên là "Tứ khố toàn thư". Trung Quốc thời cổ thường chia sách thành 4 loại lớn: kinh, sử, tử, tập. Bộ Kinh bao gồm các trước tác kinh điển của các Nho gia từ trước đến nay (như "Kinh thi", "Luận ngữ", "Mạnh Tử") và những sách nghiên cứu âm vận văn tự; bộ Sử gồm các sách lịch sử các loại, địa lý, truyện ký; bộ Tử bao gồm các trước tác về học thuyết của bách gia chư tử, các trước tác khoa học kỹ thuật như nông học, y học, thiên văn, lịch pháp, toán pháp, nghệ thuật; bộ Tập bao gồm các tổng tập và chuyên tập về văn học. Tất cả các loại sách nói trên được tập trung lại và gọi là "tứ khố" (4 kho sách).

Muốn biên soạn 1 bộ tùng thư có qui mô to lớn như thế, trước hết phải thu thập thư tịch. Càn Long ra lệnh bắt quan các tỉnh phải đi sưu tầm, thu mua các loại sách, các tập bản đồ và nộp lên trên. Ông còn đặt ra các hình thức khen thưởng, yêu cầu các tư nhân hiến sách, hiến càng nhiều thưởng càng to. Lệnh đó vừa ban ra, quả nhiên các sách, bản đồ gửi về Bắc Kinh như 1 dòng chảy vô tận. Chỉ trong vòng 2 năm đã thu thập được tới trên 2

vạn loại, thêm vào đó là số lớn sách có sẵn trong cung đình, tổng cộng đạt được 1 số lượng rất khả quan. Sách đã thu thập xong, Càn Long ra lệnh cho các vị quan biên soạn của Tứ khố toàn thư quán phải kiểm tra thật kỹ lưỡng các sách đó. Hễ là các câu chữ có tính chất "ngang trái" (tức là không có lợi cho những người thống trị), nhất là luật đều phải xóa bỏ. Qua tra xét, phát hiện vị đại thần Tần Chương Lý ở hậu kỳ triều Minh có viết về đời trước của hoàng tộc nhà Thanh với lời lẽ không lấy gì làm tôn trọng cho lắm. Thí dụ, ông đã nêu ra rằng, chính các người đời trước của hoàng tộc đã từng nhận chức quan và sắc phong của triều Minh. Điều này xem ra làm cho hoàng đế Càn Long bị mất thể diện. Thế là Càn Long ra lệnh đốt sạch các sách đó. Còn trước tác của các văn nhân chống Thanh như Lã Lưu Lương, Hoàng Đạo Châu thì không cần phải bàn. Sau đó, qua những rà soát tiếp tục, lại thấy trong trước tác của những người triều Tống cũng có nhiều nội dung chống lại Liêu, Kim, Nguyên. Những nội dung ấy rất dễ làm cho người ta liên tưởng đến việc chống lại vương triều Thanh. Tất cả những loại sách như vậy đều phải tiêu hủy toàn bộ hoặc 1 bộ phận. Còn có 1 cách nữa, tức là gập những câu vào loại đó thì phải gạch xóa, bôi mực đen; như vậy thì tuy vẫn giữ được sách nhưng trông chẳng còn ra mặt mũi sách vở thế nào cả. Càn Long phải nặn óc suy nghĩ quanh việc này. Theo thống kê chưa đầy đủ, khi biên soạn bộ "Tứ khố toàn thư" đồng thời cũng tiêu hủy và cấm lưu hành có tới trên 3000 loại sách.

Dù cho động cơ của hoàng đế Càn Long như thế nào thì cuối cùng bộ "Tứ khố toàn thư" đồ sộ đã biên soạn xong và được cất giữ cẩn thận. Các học giả biên soạn "Tứ khố toàn thư" phải bỏ ra công sức tới 10 năm trời để biên tập, hiệu đính, sao chép, sửa chữa 1 số lượng lớn sách và bản đồ. Năm 1782, việc biên soạn chính thức hoàn thành, toàn bộ số sách ấy là 3503 loại, gồm 79.337 Cuốn. lúc đó, bộ toàn thư này được chép thành 7 bộ sách, đem cất giấu ở các nơi: hoàng cung, vườn Minh Viên, hành cung Nhiệt Hà (tức Thừa Đức, Hà Bắc ngày nay), Phụng Thiên (Thẩm Dương ngày nay), Hàng Châu, Trấn Giang, Dương Châu (trong đó có 3 bộ bị đốt trong chiến tranh). Đây là 1 di sản văn hóa phong phú giúp cho người đời sau nghiên

cứu thời cổ đại Trung Quốc, một cống hiến to lớn, vô cùng quý báu. Còn số sách bị cấm và bị đốt, tuy có gây nên tổn thất cho văn hóa Trung Quốc, song chúng cũng không bị cấm 1 cách triệt để. Hồi đó có không ít người yêu chuộng văn vật dám chịu gặp nguy hiểm phải vào tù, bị chém đầu, cố giữ và cất giấu rất nhiều sách có giá trị. Đến những năm mạt kỳ nhà Thanh, rất nhiều sách cấm lại lần lượt xuất hiện.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Tào Tuyết Cần Viết Hồng Lô Mộng

Hoàng đế Càn Long lao vào việc dùng binh hết năm này đến năm khác, chi phí quân sự rất lớn. Ông lại còn đi tuần du Giang Nam tới 6 lần, hết sức phô trương lãng phí. Thêm vào đó các quan lại quen thói tham ô, phung phí khiến nhà nước dần dần suy yếu. Chính vào lúc đó, tại đất kinh thành lưu truyền 1 cuốn tiểu thuyết mang tên "Hồng lô mộng". Thoạt đầu, người ta không biết tác giả là ai, sau tìm hiểu mới biết đó là Tào Tuyết Cần. Tào Tuyết Cần vốn là con em của 1 gia đình quý tộc, cụ của ông là Tào Tử, từng được Khang Hy Đế tin yêu, được cử xuống phía nam tổ chức nghề may dệt ở Giang Ninh. Giang Ninh vốn là 1 vùng đất giàu có ở phía nam, nghề dệt may ở đây được huy động để may các trang phục cho hoàng tộc. Đó là 1 việc làm hái ra tiền. Sau khi cụ Tào Tử mất, ông của Tào Tuyết Cần là Tào Dần và bố là Tào Phủ tiếp thu được nghề đó. Ba đời của 1 gia đình làm chức quan trông coi việc may dệt kéo dài tới 60 năm. Gia sản ngày càng giàu có và trở thành 1 hào phú.

Sau khi Ung Chính Đế lên ngôi, do nội bộ hoàng thất rối ren, việc có liên quan đến nhà họ Tào. Ung Chính Đế cho rằng nhà họ Tào đã từng chống lại mình, do đó cách chức Tào Phủ, đồng thời ra lệnh lục soát cả nhà ông. Lúc bấy giờ Tào Tuyết Cần mới chỉ là 1 cậu bé 10 tuổi nhưng đã có hiểu biết, thấy cảnh nhà mình bị hoạn nạn lớn như vậy, tâm hồn bé nhỏ của cậu bị thương tổn nặng nề. Bố bị mất chức quan, không thể sống tiếp ở đất Giang Ninh này nữa, đành phải trở về nhà cũ ở Bắc Kinh. Cuộc sống ngày càng khó khăn gian khổ, hoạn nạn cứ dập vào liên tiếp 2-3 lần. Đến khi bố chết, đời sống Tào Tuyết Cần càng khó khăn hơn, ông đành dọn đến Tây

Giao, Bắc Kinh, ở tạm trong ngôi nhà mấy gian đơn sơ để đi học. Nhiều lúc cơm không đủ ăn, chỉ đành húp 1 chút cháo loãng cho đỡ đói. Do Tào Tuyết Cần sống ở vùng ngoại ô, môi trường đã thay đổi, ông tiếp xúc với đám dân chúng cùng khổ, liên tưởng đến cảnh sinh hoạt hào hoa hồi nhỏ ở nhà mình không khỏi có nhiều cảm xúc. Sau đó, ông quyết tâm dựa vào những điều chính mình đã trải qua để viết ra 1 bộ tiểu thuyết phản ánh sinh hoạt xã hội đương thời. Đó là bộ tiểu thuyết "Hồng lâu mộng"

Trong "Hồng lâu mộng", Tào Tuyết Cần đã viết lên câu chuyện về 1 đại gia đình quý tộc từ lúc hưng thịnh cho đến suy vong. Trong gia đình ấy, phần lớn là bọn người ăn bám, lữ ký sinh trùng chỉ đòi hưởng thụ, lao vào cuộc ăn chơi hoan lạc, cho vay lấy lãi, có 1 số người thì ngoài mặt làm ra vẻ đứng đắn đạo mạo, còn nội tâm thì bán thiu đê tiện. Những vai chính trong tiểu thuyết là công tử Giả Bảo Ngọc của nhà họ Giả cùng với cô em họ của chàng là Lâm Đại Ngọc, họ là đôi thanh niên chán ghét thói sống quý tộc, phản đối lễ giáo phong kiến. Từ trong hoàn cảnh như vậy, họ đều muốn thoát ra khỏi sự trói buộc của lễ giáo cũ, nhưng không có lối thoát. Rút cuộc Lâm Đại Ngọc chịu mọi sự khinh rẻ mắc bệnh ốm chết. Còn Giả Bảo Ngọc thì phải bỏ nhà ra đi. Cả 1 đại gia đình quý tộc sau khi tận hưởng mọi vinh hoa phú quý, rồi như 1 tòa lâu đài mục nát, dần rệu rã sụp đổ xuống. Tào Tuyết Cần đã dùng ngòi bút đầy sự đồng tình sâu sắc viết về đôi thanh niên nam nữ và 1 số người hầu gái chịu mọi nỗi áp bức và lăng nhục. Nhưng, đồng thời cũng dùng ngòi bút với đầy lòng căm phẫn, vạch trần tất cả những mục nát và tội ác của giai cấp phong kiến thống trị. Trong "Hồng lâu mộng", có 1 đoạn văn viết về câu chuyện "bùa hộ mệnh của quan", chính là để bóc trần những thủ đoạn của bọn quan liêu và hào phú câu kết với nhau, lừa dối áp bức dân chúng như thế nào.

Trong tiểu thuyết có nó đến ở phú nhà họ Giả có 1 nhà họ Tiết là chỗ thân thích, vị công tử Tiết Bàn của nhà họ Tiết vì tranh giành 1 cô hầu gái mà hành hung đánh chết người. Người ở của kẻ bị hại cáo giác lên tận Phủ Ứng Thiên, tri phủ Giả Vũ Thôn cũng đang định cho công sai đến nhà họ

Tiết để tróc nã hung thủ, thì người hầu của ông ta có rí tai rằng đừng nên làm như vậy. Sau khi bãi đường, Giả Vũ Thôn giữ người hầu đó ở lại, hỏi tại sao lại ngăn ông tróc nã hung phạm. Người hầu đó móc trong túi ra 1 tờ giấy, trên đó có chép 1 bài dân ca "Bùa hộ quan" lưu truyền rất rộng rãi trong dân gian:

"Giả không giả, bạch ngọc làm nhà, vàng làm ngựa

Cung A Phòng ba trăm dặm, không sánh nổi nhà Sử ở Kim Lăng

Đông Hải thiếu giường Bạch Ngọc, Long Vương phải đến mượn Kim Lăng Vương

Trời xuống tuyết lớn, trần châu như đất, vàng như sắt".

Giả Vũ Thôn đọc xong nhưng không hiểu, sau khi nghe người hầu giảng giải mới biết ở đất Nam Kinh có 4 đại phú hào: nhà họ Giả là hoàng thân quốc thích, nhà họ Sử và Vương đều là đám đại quan liêu ở Kim Lăng (tức Nam Kinh); chữ "Tuyết" và chữ "Tiết" đồng âm (phát âm theo Trung Quốc) là chữ 1 nhà phú thương họ Tiết ở vùng đó. Bốn nhà này kết thân với nhau, câu kết thành 1 thế lực lớn. Đã làm quan thì phải biết giữ chắc lấy cái chức quan của mình, không nên để đặc tội với 4 nhà hào phú đó. Người hầu nọ còn nhắc Giả Vũ Thôn rằng, hung phạm giết người lần này chính là công tử nhà họ Tiết, nếu đụng chạm đến họ thì không những mất chức quan mà ngay như tính mạng cũng khó được bảo toàn. Nghe lời người hầu, Giả Vũ Thôn giật thót mình, lập tức bỏ ngay ý nghĩ muốn tróc nã hung phạm. Không những thế, ông còn theo kế người hầu, đi phao tin lên rằng người bị đánh chết ấy chính là chết vì bệnh cấp tính. Một vụ án mạng đã khép lại 1 cách tùy tiện và hồ đồ đến như vậy.

Tào Tuyết Cần đã bỏ ra 1 thời gian dài 10 năm, ngồi tại Tây Giao, Bắc Kinh để cố viết xong cuốn tiểu thuyết này. Lao động vất vả và bệnh tật đã dày vò làm ông suy nhược. Lúc ông viết đến hồi thứ 80 thì đứa con yêu quý

của ông bị bệnh, chết yếu. Tào Tuyết Cần không chịu nổi bất hạnh lớn lao này, đành phải bỏ dở trước tác chưa hoàn thành mà lìa đời. Sau khi Tào Tuyết Cần chết, bản thảo cuốn tiểu thuyết của ông được các bạn bè truyền tay nhau chép, dần dần được lưu truyền rộng rãi. Nhiều người đọc xong cuốn tiểu thuyết này vừa tán thưởng, vừa cảm động. Nhưng, 1 trước tác kiệt xuất như thế mà không được hoàn thành trọn vẹn, cũng là 1 sự vô cùng đáng tiếc. Sau này, có 1 văn học gia tên là Cao Ngạc đã viết tiếp 40 hồi nữa khiến "Hồng lâu mộng" trở thành 1 bộ tiểu thuyết kết cấu hoàn chỉnh.

Tiểu thuyết "Hồng lâu mộng" cứ truyền tay để chép, in ấn, lưu truyền ngày càng rộng rãi. Cho đến ngày nay, mọi người đều công nhận nó là 1 cuốn trường thiên tiểu thuyết kiệt xuất nhất của thời cận đại. Người ta không những thưởng thức nghệ thuật cao siêu của cuốn tiểu thuyết, mà còn thông qua nó để hiểu được tình hình xã hội và lịch sử của chế độ phong kiến Trung Hoa vào lúc sắp suy tàn. Đến tận nay, ở cả Trung Quốc cho đến các nước trên thế giới đều có nhiều học giả nghiên cứu, khảo chứng bộ trước tác vĩ đại này. Người ta đã gọi môn học chuyên ngành này là "Hồng học".

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Đại Tham Quan Hòa Thân

Càn Long làm hoàng đế 60 năm, về phương diện "Văn trị võ công" đều giành được thắng lợi. Ông lấy làm đặc chí và trở nên kiêu ngạo, tự xưng là 1 "ông già thập toàn". Ông ngày càng thích nghe những lời ca tụng. Thế là có kẻ liền dùng thủ đoạn nịnh nọt, chiếm được lòng tin yêu của hoàng đế và nhờ vậy làm đến chức quan to, nắm quyền lớn. Có 1 lần, hoàng đế Càn Long chuẩn bị đi ra khỏi cung để tuần sát, bèn gọi các quan tùy tùng đến chuẩn bị cờ quạt, xa giá và hộ vệ. Ngay trong 1 lúc, các quan không tìm ra được chiếc lọng vàng để dùng cho đế dùng cho nghi thức chuyển đi. Mọi người đều cuống lên không biết làm thế nào. Hoàng đế Càn Long rất nóng nảy hỏi: "Kẻ nào chịu trách nhiệm việc này?".

Các quan nghe thấy lời trách hỏi của hoàng đế, đều sợ run lên, nói không ra lời. Lúc đó ở phía bên có 1 hiệu úy trẻ tuổi ung dung nói: "Người đảm đương công việc không được phép đùn đẩy trách nhiệm".

Hoàng đế Càn Long ngoảnh lại trông, thấy viên hiệu úy đó mặt mày sáng sủa, thái độ trấn tĩnh, trong lòng lấy làm vui vẻ, liền quên ngay chuyện về lọng vàng, quay sang hỏi họ tên anh ta. Hiệu úy trẻ tuổi đó thưa tên là Hòa Thân. Hoàng đế Càn Long lại hỏi tình hình gia đình anh ta, hỏi anh ta đã học những sách gì. Hòa Thân nhất nhất trả lời trôi chảy. Hoàng đế Càn Long vô cùng hài lòng Hòa Thân, lập tức tuyên bố giao cho Hòa Thân tổng phụ trách công việc nghi thức. Về sau còn cho Thân làm quan Ngự tiền thị vệ. Hòa Thân là 1 con người rất lanh lợi, hoàng đế Càn Long cần gì, Hòa Thân đều thực hiện đúng ý. Hoàng đế Càn Long rất thích nghe những lời

nói ngọt, Hòa Thân toàn nói những lời như rót vào tai. Ngày tháng trôi qua, hoàng đế Càn Long coi Hòa Thân là người thân tín, anh ta dần bước lên cao. Không đầy 10 năm mà từ chức thị vệ được đề bạt đến chức Đại học sĩ. Sau này hoàng đế Càn Long còn gả con gái là công chúa Hòa Hiến cho con trai của Hòa Thân. Hòa Thân đã trở thành gia đình thân thích của hoàng đế, quyền hành cực lớn. Càn Long tuổi đã già, sức đã yếu, các việc trọng đại trong triều tự nhiên rơi vào tay Hòa Thân. Hòa Thân nắm được quyền to, các đại sự khác Thân không thêm ngó ngang, chỉ 1 mực vợ vét của cải. Ông ta không những nhận hối lộ, mà còn công khai đòi lấy tiền; không những tham ô ngấm ngấm, mà còn tước đoạt trắng trợn. Các cống phẩm của quan địa phương dâng lên hoàng đế đều phải qua tay Hòa Thân. Trước hết, Hòa Thân chọn lấy những thứ cực kỳ quý hiếm, tinh xảo dành cho mình, còn thừa lại mới đưa vào cung. Hoàng đế Càn Long được cái là chẳng hỏi han gì cả, còn những người khác thì chẳng có ai dám cáo. Lòng tham của Thân ngày càng lớn.

Một lần, có 1 vị đại thần là Tôn Sĩ Nghị từ phương nam trở về Bắc Kinh, chuẩn bị triều kiến hoàng đế Càn Long, thì vừa hay gặp Hòa Thân ở ngay cửa cung. Hòa Thân thấy tay Tôn Sĩ Nghị cầm 1 chiếc hộp, liền hỏi: "Cái gì trong tay nhà người thế?".

Tôn Sĩ Nghị trả lời: "Chẳng có gì cả, chỉ là cái bình đựng thuốc hít thôi!".

Hòa Thân sấn lên, hoàn toàn không khách sáo, chộp ngay lấy chiếc hộp, vừa mở ra xem thì thấy cái đựng thuốc hít ấy được trạm trổ từ 1 viên ngọc lớn. Hòa Thân cứ mân mê mãi cái đựng thuốc, ngấm nghĩa, luôn miệng khen rồi nói rất trơ trẽn: "Đúng là vật báu! Thôi, cho ta đi, thế nào?".

Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt, nói: "Ôi, không được đâu! Vật báu này là để dâng hoàng thượng, hôm qua tôi đã tấu rõ với hoàng thượng rồi".

Hòa Thân sa sầm mặt, ấn thẳng chiếc bình đựng thuốc vào tay Tôn Sĩ Nghị, rồi cười nhạt nói: "Chẳng qua ta đùa với người thôi, làm gì mà phải như là cái anh nghèo khổ vậy?".

Tôn Sĩ Nghị dâng hộp thuốc cho hoàng đế Càn Long. Được vài ngày thì ông lại gặp Hòa Thân, thấy Hòa Thân dương dương đắc ý nói: "Hôm qua ta cũng lấy được một vật báu. Nhà người xem đây, có phải cái là hôm nọ người cống hoàng thượng không?"

Tôn Sĩ Nghị bước đến gần, thấy đúng là chiếc hộp mình dâng cho hoàng đế Càn Long. Tôn Sĩ Nghị nói qua loa vài câu ứng phó, bụng nghĩ thầm, làm sao vật báu đó lại rơi vào tay Hòa Thân được nhỉ. Nhất định là hoàng đế Càn Long cho ông ta. Sau này, ông lén dò la mới biết là Hòa Thân đã mua chuộc thái giám để lấy cắp từ trong cung ra. Hòa Thân lợi dụng quyền lực, địa vị để tìm trăm phương nghìn kế vơ vét của cải. Một số triều thần và các quan địa phương biết thói xấu của ông ta, đã ra sức đi vơ vét của cải châu báu để đến cầu thân với Hòa Thân. Đại quan ép tiểu lại, tiểu lại nặn bóp dân chúng, đời sống dân chúng đương nhiên ngày càng khốn khó.

Sau khi trị vì tròn 60 năm, hoàng đế Càn Long truyền ngôi cho thái tử Ngung Viêm lên ngôi, tức là Thanh Nhân Tông, còn gọi là Gia Khánh Đế. Gia Khánh Đế sớm biết tình hình Hòa Thân tham lam bẩn thỉu. Ba năm sau khi Càn Long chết, Gia Khánh Đế lập tức cho bắt Hòa Thân, buộc ông phải tự sát, đồng thời cho lục soát, tịch thu toàn bộ gia sản của Hòa Thân. Sự giàu có của Hòa Thân vốn đã nổi tiếng, nhưng kết quả của sự tịch thu gia sản còn làm cho mọi người kinh ngạc hơn. Bản tịch biên gia sản rất dài, ghi đủ các thứ vàng bạc châu báu, gấm vóc...không thể nào đếm xuể. Chỉ tính sơ sơ riêng số bạc ước chừng có đến 800 triệu lạng, tính ngang với số thu nhập của triều đình trong 10 năm. Sau này nghe nói, số lớn của cải châu báu tịch thu được đều được Gia Khánh Đế cho người đến chuyên chở về

cung. Vì thế trong dân gian có câu nói châm biếm vẫn miệng là: "Hòa Thân bị đố, Gia Khánh vợ bở".

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Nữ Anh Hùng Vương Thông Nhi

Thời Hòa Thân cầm quyền, vương triều Thanh vô cùng thối nát, các quan lại địa phương tham ô ngang ngược, tiếng kêu oán thán của dân chúng vang khắp nơi. Vào lúc đó thì Bạch Liên giáo lại rất thịnh hành ở vùng Hồ Bắc, Hà Nam. Có 1 người tên là Lưu Tùng, người An Huy, đến Hà Nam truyền giáo. Ông ta lợi dụng việc chữa bệnh cho dân, khuyên họ nhập giáo. Sau bị quan phủ phát hiện, ông ta bị đày đi ở Cam Túc. Đồ đệ của Lưu Tùng là Lưu Chi Hiệp và Tống Chi Thanh trốn về Hồ Bắc, tiếp tục truyền giáo. Họ tuyên truyền nhà Thanh sắp diệt vong, trong tương lai sẽ xuất hiện 1 thế giới mới, những người nhập giáo đều được chia ruộng đất. Đám nông dân nghèo khổ trong vùng đã chịu đựng không biết bao nỗi khổ bị địa chủ bóc lột, họ mong muốn được chia ruộng đất, nên khi nghe những lời tuyên truyền ấy, liền lũ lượt tham gia Bạch Liên giáo. Tin ngày càng có nhiều người theo Bạch Liên giáo làm kinh động đến hoàng đế Càn Long. Ông ra lệnh cho các quan phủ ở các tỉnh phải tróc nã các giáo đồ. Bọn quan lại vốn rất giỏi đục khoét, nặn bóp dân đen trắng trộn, nhân cơ hội bèn cho bọn sai dịch đi mò từng nhà, từng hộ tiến hành tra vấn, không kể là giáo đồ hay không, cứ đều phải bỏ ra 1 số tiền "kính biểu" chúng. Những người có tiền thì bỏ tiền ra đổi lấy mạng, còn những người nghèo khổ không có tiền thì bị bắt vào tù, bị đánh đập, thậm chí mất mạng.

Ở Vũ Xương có 1 viên quan mưu mô đục khoét dân chúng. Việc không thành, ông ta liền bịa đặt ra 1 loạt tội trạng và vu cáo cho nhiều người khác. Vì thế, việc này liên lụy đến hàng mấy nghìn người. Thế rồi chẳng kể họ là giáo đồ hay chưa nhập giáo cũng đều bị bức hại đến tan nhà

nát cửa. Dân chúng càng nghiêng rãng căm giận bọn căm quyền. Thủ lĩnh Bạch Liên giáo là Lưu Chi Hiệp tới đất Tương Dương, triệu tập các giáo đồ lại bàn bạc. Mọi người nói: "Cái lối đời như hiện nay đúng là quan bức thì dân phải chống lại. Thế thì cứ dứt khoát làm phản cho xong". Qua trao đổi 1 hồi, họ đi đến 1 quyết định dùng khẩu hiệu "Quan đã bức thì dân chống lại" để phát động quần chúng nổi dậy, đồng thời cử các giáo đồ chia ngả đi các nơi tuyên truyền.

Năm 1796, là năm Gia Khánh Đế lên ngôi, các giáo đồ Bạch Liên giáo khởi nghĩa ở Nghi Đô, Chi Giang (Hồ Bắc). Ngay tại Tương Dương cũng có thủ lĩnh Bạch Liên giáo là Tề Lâm, định khởi nghĩa vào đúng tết hoa đăng của đêm Nguyên Tiêu, chẳng dè bị lộ, đám quan phủ đến đánh úp, Tề Lâm và đồng bọn có đến trên 100 người bị sát hại. Tề Lâm có 1 người vợ trẻ tên gọi Vương Thông Nhi, nguyên là 1 người con gái mãi võ giang hồ, từ nhỏ đã dày công tập luyện võ nghệ. Cô quyết tâm báo thù cho chồng và những người tham gia khởi nghĩa. Vì thế, cô cùng với đồ đệ của Tề Lâm là Diêu Chi Phú cùng nhau chinh đồn lại đội ngũ nghĩa quân. Không đầy 5 tháng đã tổ chức xong 1 đội quân tới 400 vạn người. Vương Thông Nhi và các thủ lĩnh khác cùng chỉ huy đội ngũ tấn công khắp nơi, trừng trị bọn tham quan ô lại.

Khi Vương Thông Nhi khởi nghĩa ở Hồ Bắc thì các giáo đồ Bạch Liên giáo ở Tứ Xuyên, Thiểm Tây cũng nổi dậy hưởng ứng. Ngọn lửa khởi nghĩa đã lam rộng ra 1 vùng rộng lớn gồm 3 tỉnh, 1 số dân nghèo và dân tự do đã đến tham gia vào hàng ngũ nghĩa quân. Tướng Minh Lượng nhà Thanh hiến cho Gia Khánh Đế 1 kế sách độc ác, bắt các địa chủ ở các địa phương phải tổ chức các dân đoàn vũ trang, xây thành lũy và tường vây. Khi nghĩa quân đến thì đẩy dân vào bên trong vùng xây thành, khiến nghĩa quân không có sự giúp đỡ của quần chúng, không được cung cấp lương thực, kế này được gọi là "vườn không nhà trống". Gia Khánh Đế bắt các địa phương đều phải áp dụng kế sách đó, quả nhiên các hoạt động của nghĩa quân ngày càng khó khăn. Quân Thanh bao vây Vương Thông Nhi

trên vùng Xuyên Bắc. Vương Thông Nhi mở lối thoát ra khỏi vòng vây của quân Thanh, trực tiếp chỉ huy 2 vạn người ngựa đánh vào Tây An. Không ngờ ở Tây An bị bọn quân quan đánh bại, đến lúc quay trở lại Hồ Bắc thì bị tướng Minh Lượng chỉ huy quân truy kích sát gót. Nghĩa quân gặp thế bí, đằng sau là bọn quân quan nhà Thanh, đằng trước là cả đám dân đoàn vũ trang của địa chủ đánh chặn, cuối cùng bị lọt vào vòng vây của địch ở vùng Tam Xá Hà thuộc phía tây huyện Văn (tức là địa phận tỉnh Hồ Bắc ngày nay).

Vương Thông Nhi trong nguy hiểm không hề run sợ, bình tĩnh chỉ huy nghĩa quân lui vào rừng rậm ở Mao Sơn chuẩn bị tổ chức phá vây. Quân quan nhà Thanh phát hiện, liền vây chặt Mao Sơn, chúng ùn ùn xông lên từ trước và sau núi. Nghĩa quân chống cự rất ngoan cường, cuối cùng chịu thất bại. Vương Thông Nhi và Diêu Chi Phú thấy việc không thành, đành rút lên đỉnh núi lao mình xuống vực, hy sinh anh dũng. Sau khi vị nữ anh hùng Vương Thông Nhi hy sinh, nghĩa quân ở các nơi vẫn tiếp tục chống lại bọn quân quan. Vương triều Thanh phải mất 9 năm trời mới trấn áp xong cuộc khởi nghĩa lan rộng đó. Thế nhưng, sau khi bị đòn nặng đó, vương triều Thanh như bị vấp ngã không gượng dậy được.

Gia Khánh Đế chết đi, con trai của ông là Mân Ninh kế vị, đó là Thanh Tuyên Tông, còn gọi là Đạo Quang Đế. Sau khi Đạo Quang Đế lên ngôi, vương triều Thanh ngày càng suy yếu, các quốc gia tư bản chủ nghĩa phương tây tranh thủ thời cơ gấp rút xâm lược, nguy cơ của dân tộc ngày càng nghiêm trọng. Đến năm 1840, cũng là năm thứ 20 kể từ lúc Đạo Quang Đế lên ngôi thì bùng nổ chiến tranh thuốc phiện. Kể từ đó về sau, Trung Quốc từ 1 xã hội phong kiến đã từng bước dần biến thành xã hội nửa thực dân nửa phong kiến. Nhân dân Trung Quốc anh dũng triển khai cuộc đấu tranh vô cùng gian khổ, không chịu bị khuất phục, chống lại tư bản chủ nghĩa đế quốc, chống lại ách thống trị của phong kiến, người trước ngã, người sau tiếp tục tiến lên.

-----HẾT-----

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Niên Biểu Các Sự Kiện Lớn (Tập 1)

-Khoảng hơn 4000 năm về trước: thời kì Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ trong truyền thuyết

-Khoảng 21 thế kỉ TCN: kiến lập vương triều Hạ

-Khoảng 16 thế kỉ TCN: Thương Thang diệt Hạ, kiến lập vương triều Thương

-Khoảng 14 thế kỉ TCN: Bàn Canh dời đô về Ân

-Khoảng 11 thế kỉ TCN: Vũ Vương diệt Ân, bắt đầu thời kì Tây Chu

-Năm 841 TCN: Quốc nhân bạo động, nền hành chính cộng hòa. Lịch sử Trung Quốc bắt đầu có các mốc năm tháng chắc chắn

-Năm 771 TCN: Khuyển Nhung đánh vào Hạo Kinh, Chu U Vương bị giết, kết thúc Tây Chu

-Năm 770 TCN: Chu Bình Vương dời đô về Lạc Ấp, bắt đầu thời kì Đông Chu, Xuân Thu

-Năm 685 TCN: Tề Hoàn Công lên ngôi, cử Quản Trọng làm tướng quốc

-Năm 684 TCN: trận Trường Thước giữa Tề với Lỗ

-Năm 656 TCN: Tề Hoàn Công thống lĩnh liên quân 7 nước Lỗ, Tống...đi đánh Sở

-Năm 638 TCN: trận Hoảng Thủy giữa Tống và Sở, Tống Tương Công bị bại trận

-Năm 632 TCN: trận Thành Bộc (đất Hà Nam) giữa Tấn và Sở. Quân Sở đại bại, Tấn Văn Công xưng bá.

-Năm 623 TCN: Tần Mậu Công xưng bá ở Tây Nhung

-Năm 597 TCN: trận đánh ở Tất (đất Hà Nam) giữa Tấn và Sở. Quân Tấn đại bại, Sở Trang Vương xưng bá

-Năm 551 TCN: Khổng Tử ra đời

-Năm 506 TCN: Ngô Vương Hạp Lư đánh Sở

-Năm 496 TCN: Việt Vương Câu Tiễn thắng quân Ngô ở trận Túy Lý, Hạp Lư trọng thương rồi chết. Ngô vương Phù Sai lên ngôi

-Năm 475 TCN: bắt đầu thời kì Chiến quốc. Trung Quốc bước vào thời kì phong kiến

-Năm 473 TCN: Việt vương Câu Tiễn diệt Ngô

-Năm 403 TCN: 3 nhà Triệu, Ngụy, Hàn được lập thành chư hầu

-Năm 359 TCN: bắt đầu có biến pháp Thương Ưởng ở Tần

-Năm 341 TCN: trận Mã Lăng

-Năm 307 TCN: Triệu Vũ Linh Vương thực hành "Hồ phục kị xạ"

-Năm 284 TCN: Nhạc Nghị thống lĩnh liên quân 5 nước đi đánh Tề

-Năm 283 TCN: Lạn Tương Như "hoàn Bích quy Triệu" (bảo toàn ngọc bích cho nước Triệu)

-Năm 279 TCN: Điền Đan dùng trâu lửa tấn công nước Yên, khôi phục nước Tề

-Năm 278 TCN: Khuất Nguyên nhảy xuống sông Mịch La tự tử

-Năm 270 TCN: Phạm Thư vào Tần, Tần thực hiện kế "viễn giao cận công"

-Năm 260 TCN: tướng Tần Bạch khởi quân đại phá Triệu Quát

-Năm 257 TCN: Ngụy Tín Lăng Quân cứu Triệu, đại phá quân Tần

-Năm 256 TCN: Tần diệt Chu

-Năm 238 TCN: Tần Vương Chính trực tiếp cầm quyền

-Năm 227 TCN: Kinh Kha ám sát Tần Vương bị thất bại

-Năm 230 đến 231 TCN: Tần diệt 6 nước

-Năm 221 TCN: Tần Vương Chính xưng Thủy Hoàng Đế, lập ra chế độ quận, huyện

-Năm 213, 212 TCN: Tần Thủy Hoàng đốt sách, chôn sống Nho sĩ

-Năm 210 TCN: Tần Thủy Hoàng chết; Lý Tư, Triệu Cao lập Hồ Hợi làm Tần Nhị Thế

-Năm 209 TCN: khởi nghĩa Trần Thắng, Ngô Quảng; Lưu Bang, Hạng Lương dấy binh

-Năm 207 TCN: trận Cự Lộc, Hạng Vũ đại phá quân Tần

-Năm 206 TCN: Lưu Bang diệt Tần, Lưu Bang được phong làm Hán vương, bắt đầu niên kì Tây Hán

-Năm 202 TCN: chiến tranh Sở-Hán kết thúc, Hạng Vũ tự sát, Lưu Bang xưng đế

-Năm 200 TCN: Hán Cao Tổ bị vây tại Bạch Đăng

-Năm 196 TCN: Hán Cao Tổ giết Hàn Tín, Bành Việt

-Năm 188 TCN: Lã thái hậu lâm triều

-Năm 180 TCN: sau khi Lã thái hậu chết, Trần Bình và Chu Bột đưa Hán Văn Đế lên ngôi

-Năm 167 TCN: Đê Vinh dâng thư, Hán Văn Đế bãi bỏ tội nhục hình

-Năm 154 TCN: loạn Thất quốc Ngô, Sở

-Năm 138 TCN trước năm 119: Trương Khiên 2 lần đi sứ Tây Vực

-Năm 133 TCN: Hán Vũ Đế lừa nhử quân Hung Nô vào Mã Ấp, bắt đầu chiến tranh Hán-Hung Nô

-Năm 119 TCN: Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh đánh bại Hung Nô. Hung Nô rút về vùng đại sa mạc Tây Bắc

-Năm 100 TCN: Tô Vũ đi sứ sang Hung Nô, bị bắt giữ (sau 19 năm trở về Hán)

-Năm 99 TCN: Tư Mã Thiên vào tù

-Năm 87 TCN: Hán Chiêu Đế lên ngôi, Hoắc Quang phụ chính

-Năm 33 TCN: vua Hung Nô Hồ Hàn Nha đến Trường An. Vương Chiêu Quân sang Hung Nô

- Năm thứ 8 TCN: Vương Mãng kiến lập triều Tấn, Tây Hán diệt vong
- Năm 17-27 CN: khởi nghĩa Lục Lâm, Xích Mi
- Năm 23 CN: trận Côn Dương, Lưu Tú đại phá quân Vương Mãng, triều Tấn diệt vong
- Năm 25 CN: Lưu Tú kiến lập Đông Hán
- Năm 67 CN: sứ giả nhà Hán đi lấy Kinh Phật từ Thiên Trúc trở về nước
- Năm 73 CN: Ban Siêu đi sứ Tây Vực lần thứ 1
- Năm 132 CN: Trương Hành chế tạo thiết bị đo động đất
- Năm 166 CN: sự kiện "đăng cố" lần thứ 1
- Năm 169 CN: sự kiện "đăng cố" lần thứ 2. Lý Ưng, Phạm Bàng... bị giết
- Năm 184 CN: Trương Giác lãnh đạo quân Khăn Vàng (Hoàng Cân) khởi nghĩa
- Năm 189 CN: Đông Trác vào Lạc Dương
- Năm 190 CN: các châu quận Quan Đông khởi binh dẹp trừ Đông Trác
- Năm 196 CN: Tào Tháo đón Hán Hiến Đế dời đô về Hứa Thành
- Năm 200 CN: trận Quan Độ, Tào Tháo đánh bại Viên Thiệu

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Niên Biểu Các Sự Kiện Lớn (Tập 2)

-Năm 208 CN: trận Xích Bích, liên quân Lưu Bị - Tôn Quyền đại phá quân Tào

-Năm 214 CN: Lưu Bị đánh chiếm Ích Châu

-Năm 220 CN: Tào Tháo chết, Tào Phi xưng đế, lấy quốc hiệu là Ngụy, Đông Hán diệt vong

-Năm 221 CN: Lưu Bị xưng đế, lấy quốc hiệu là Hán, sử gọi là Thục Hán

-Năm 222 CN: trận Di Lăng (Hào Đình), Lưu Bị thua Lục Tồn

-Năm 225 CN: Gia Cát Lượng bình định Nam Trung. 7 lần bắt Mạnh Hoạch

-Năm 229 CN: Tôn Quyền xưng đế, lấy quốc hiệu là Ngô

-Năm 234 CN: Gia Cát Lượng đóng quân Ngũ Trượng Nguyên, sau đó ốm rồi chết

-Năm 249 CN: Tư Mã giết Tào Sảng

-Năm 263 CN: Chung Hội, Đặng Ngải đánh Thục, Thục diệt vong

-Năm 265 CN: Tư Mã Viêm phế truất Ngụy đế. Kiến lập Tây Tấn, Ngụy diệt vong

-Năm 280 CN: Đổ Dụ, Vương Tuấn dẹp Ngô. Ngô diệt vong

-Năm 291-306: loạn Bát vương

-Năm 301 CN: người tộc Đê Lý Đặc thống lĩnh lưu binh khởi nghĩa

-Năm 308 CN: người Hung Nô Lưu Uyên xưng đế

-Năm 316 CN: Hung Nô Lưu Diệu đánh chiếm Trường An, Tây Tấn diệt vong

-Năm 317 CN: Tư Mã Ý lên ngôi ở Kiến Khang, mở đầu nhà Đông Tấn

-Năm 319 CN: người tộc Kiệt, Thạch Lạc xưng Triệu vương

-Năm 354 CN: Hoàn Ôn bắc phạt đến Bái Thượng

-Năm 376 CN: tiền Tần, Phù Kiên thống nhất phương bắc

-Năm 383 CN: trận Phì Thủy, Phù Kiên mở cuộc đại tấn công Đông Tấn, bị đại bại

-Năm 399 CN: Tôn Ân khởi nghĩa

-Năm 420 CN: Lưu Du kiến lập triều Tống (Lưu Tống). Đông Tấn diệt vong, bắt đầu Nam Bắc triều

-Năm 439 CN: Bắc Ngụy thống nhất phương bắc

-Năm 462 CN: Tổ Xung Chi làm ra lịch Đại Minh

-Năm 479 CN: Tiêu Đạo Thành xưng đế, kiến lập Nam Tề, Tống diệt vong

-Năm 493 CN: Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế dời đô về Lạc Dương

-Năm 502 CN: Tiêu Diễn xưng đế, kiến lập triều Lương, Nam Tề diệt vong

-Năm 523 CN: Lục Trấn khởi nghĩa

-Năm 534 CN: Bắc Ngụy phân liệt thành Tây Ngụy và Đông Ngụy

-Năm 548-522 CN: loạn Hầu Cảnh

-Năm 550 CN: Cao Dương kiến lập Bắc Tề, Đông Ngụy diệt vong

-Năm 557 CN: Trần Bá Tiên xưng đế, kiến lập triều Trần. Nhà Lương diệt vong. Vũ Văn Giáp kiến lập Bắc Chu, Tây Ngụy diệt vong

-Năm 581 CN: Dương Kiên xưng đế, kiến lập triều Tùy, Bắc Chu diệt vong

-Năm 589 CN: Tùy diệt Trần, thống nhất Trung Quốc

-Năm 605 CN: Tùy lập Đông Đô, khai thông Đại Vận Hà

-Năm 611 CN: cuối đời Tùy, các cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân bắt đầu

-Năm 613 CN: Tùy Dạng Đế 2 lần tiến đánh Cao Ly bị thất bại. Dương Huyền Cầm chống Tùy

-Năm 617 CN: quân Ngõa Cương chiếm Lạc Thượng. Lý Uyên khởi binh ở Thái Nguyên

-Năm 618 CN: Lý Uyên xưng đế, kiến lập triều Đường. Tùy Dạng Đế bị giết, nhà Tùy diệt vong

-Năm 621 CN: Lý Thế Dân bình định Đông Đô

-Năm 626 CN: cuộc chiến ở Huyền Vũ môn. Đường Thái Tông lên ngôi

-Năm 629 CN: Huyền Trang đi Thiên Trúc lấy kinh

-Năm 630 CN: Đường diệt đông Đột Quyết. Các vị chúa các tộc tôn xưng Đường Thái Tông là "Thiên khả hãn"

-Năm 641 CN: công chúa Đường Văn Thành kết hôn với Tùng Tán Can Bố

-Năm 683 CN: Đường Cao Tông chết. Võ Tắc Thiên lâm triều

-Năm 690 CN: Võ Tắc Thiên xưng đế, đổi quốc hiệu là Chu

-Năm 712 CN: Đường Huyền Tông lên ngôi, năm sau phong cho Diêu Sùng làm tả tướng

-Năm 755 CN: An Lộc Sơn làm loạn, Nhan Quá Khanh, Nhan Chân Khanh phát binh chống lại

-Năm 757 CN: Trương Tuần, Hứa Viễn giữ Tuy Dương. Quách Tử Nghi lấy lại Trường An, Lạc Dương

-Năm 762 CN: thi nhân Lý Bạch chết

-Năm 763 CN: loạn An Sử kết thúc

-Năm 770 CN: thi nhân Đỗ Phủ chết

-Năm 783 CN: loạn Chu Thứ

- Năm 805 CN: Vương Thú Văn cải cách (Vĩnh Trinh cách tân)
- Năm 817 CN: Bùi Độ, Lý Sóc bình định Hoài Tây (tây An Huy)
- Năm 824 CN: văn học gia Hàn Dũ chết
- Năm 835 CN: sự biến Cam lộ
- Năm 846 CN: thi nhân Bạch Cư Dị chết
- Năm 874 CN: Vương Tiên Chi khởi nghĩa
- Năm 880 CN: Hoàng Sào tiến vào Trường An, kiến lập chính quyền Đại Tề
- Năm 907 CN: Chu Ôn xưng đế, kiến lập nhà Hậu Lương. Triều Đường diệt vong, bắt đầu thời kì Ngũ Đại

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 4

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Niên Biểu Các Sự Kiện Lớn (Tập 3_End)

- Năm 916 CN: Khiết Đan, Da Luật A Bảo Cơ xưng đế
- Năm 923 CN: Lý Tồn Huân diệt Hậu Lương, kiến lập nhà Hậu Đường
- Năm 936 CN: Thạch Kính Đường mượn quân Khiết Đan diệt nhà Hậu Đường, lập nên nhà Hậu Tấn, cắt nhượng 16 châu đất Yên Vân cho Khiết Đan
- Năm 946 CN: Khiết Đan diệt Hậu Tấn
- Năm 947 CN: Khiết Đan đổi quốc hiệu là Liêu. Lưu Tri Viễn xưng đế, kiến lập Hậu Hán
- Năm 951 CN: Quách Uy xưng đế, kiến lập Hậu Chu. Hậu Hán diệt vong
- Năm 954 CN: trận Cao Bình, Chu Thế Tông đánh bại Bắc Hán
- Năm 959 CN: Chu Thế Tông chết
- Năm 960 CN: Triệu Khuông Dận xưng đế, kiến lập Bắc Tống. Nhà Hậu Chu diệt vong. Kết thúc Ngũ đại
- Năm 986 CN: Bắc Tống chinh Liêu thất bại. Dương Nghiệp chết trận

- Năm 993 CN: Vương Tiều Ba, Lý Thuận khởi nghĩa
- Năm 1004 CN: Khấu Chuẩn thúc đẩy Tống Chân Tông trực tiếp ra trận. Ký kết minh ước Tống – Liêu ở Thiên Uyên (vùng Hà Nam)
- Năm 1038 CN: Nguyên Hạo, người tộc Hạng Đảng xưng đế
- Năm 1043 CN: Phạm Trọng Yên thực hành tân chính sách
- Năm 1069 CN: bắt đầu "hiến pháp" của Vương An Thạch
- Năm 1084 CN: Tư Mã Quang hoàn thành "Tư trị thông giám"
- Năm 1115 CN: Hoàn Nhan A Cốt Đả, người tộc Nữ Chân xưng đế, kiến lập triều Kim
- Năm 1120 CN: khởi nghĩa Phương Lạp
- Năm 1125 CN: Kim diệt Liêu
- Năm 1127 CN: quân nhà Kim đánh vào Đông Kinh. Bắc Tống diệt vong. Tống Cao Tông lên ngôi, bắt đầu Nam Tống
- Năm 1130 CN: khởi nghĩa Chung Tương. Hàn Thế Trung chặn đánh quân Kim ở Hoàng Thiên Đảng
- Năm 1140 CN: trận Yển Thành, Nhạc Phi đại phá quân Kim
- Năm 1141 CN: cuộc giảng hòa Thiệu Hưng giữa Tống và Kim. Năm sau Nhạc Phi bị sát hại
- Năm 1161 CN: trận Thái Thạch, Ngưu Doãn Văn đánh bại quân Kim
- Năm 1162 CN: Tân Khí Tật đến Kiến Khang

-Năm 1206 CN: Hậu Thác Trụ bắc phạt thất bại. Thiết Mộc Chân thống nhất Mông Cổ, xưng Thành Cát Tư Hãn

-Năm 1210: thi nhân Lục Du qua đời

-Năm 1234 CN: Mông Cổ diệt Kim

-Năm 1271 CN: Hốt Tất Liệt xưng đế, đặt quốc hiệu là Nguyên

-Năm 1276 CN: quân Nguyên đánh chiếm Lâm An

-Năm 1279 CN: quân Nguyên đánh chiếm Nhai Sơn. Nam Tống diệt vong

-Năm 1283 CN: khởi nghĩa Văn Thiên Tường

-Năm 1351 CN: khởi nghĩa quân Khăn đỏ

-Năm 1368 CN: Chu Nguyên Chương xưng đế, kiến lập triều Minh. Quân Minh đánh vào Đại Đô. Nguyên diệt vong

-Năm 1403 CN: Yên vương Chu Đệ tiến vào Ứng Thiên, không rõ tung tích Kiến Văn Đế

-Năm 1403-1433: Trịnh Hòa 7 lần vượt đại dương (đi Tây Dương)

-Năm 1449 CN: sự biến Thổ Mộc Bảo. Vu Khiêm thống lĩnh quân dân bảo vệ Bắc Kinh

-Năm 1457 CN: sự biến cướp cửa cung. Vu Khiêm bị sát hại

-Năm 1510 CN: khởi nghĩa Lưu Lục, Lưu Thất

-Năm 1565 CN: Thích Kế Quang, Du Đại Do cơ bản quét sạch giặc lùn

- Năm 1572 CN: Trương Cư Chính bắt đầu phụ chính
- Năm 1593 CN: Lý Thời Trân qua đời
- Năm 1601 CN: Cát Hiến lãnh đạo thợ dệt ở Tô Châu chống thuế
- Năm 1616 CN: Nỗ Nhĩ Cáp Xích kiến lập nhà Hậu Kim
- Năm 1619 CN: trận Sác Xuy
- Năm 1625 CN: Dương Liên, Tả Quang Đẩu bị bọn hoạn quan sát hại
- Năm 1626 CN: thị dân Tô Châu bạo động. Nhan Bội Vĩ và 4 người hy sinh. Trận Ninh Viễn, Nỗ Nhĩ Cáp Xích bị thương nặng và chết
- Năm 1628 CN: nông dân Thiểm Bắc khởi nghĩa
- Năm 1633 CN: Từ Quang Khải qua đời
- Năm 1636 CN: Lý Tự Thành xưng là Sấm vương. Hậu Kim, Hoàng Thái Cực xưng đế, đổi quốc hiệu là Thanh
- Năm 1644 CN: Lý Tự Thành lập chính quyền Đại Thuận, tiến vào Bắc Kinh. Minh triều diệt vong. Ngô Tam Quế hàng Thanh. Quân nhà Thanh tiến vào Sơn Hải Quan
- Năm 1645 CN: quân Thanh tiến xuống phía nam. Sử Khả Pháp giữ Dương Châu
- Năm 1647 CN: Hạ Hoàn Thuần bị hại
- Năm 1652 CN: Lý Định Quốc đánh bại quân Thanh tại Quế Lâm
- Năm 1662 CN: Trịnh Thành Công thu phục Đài Loan
- Năm 1681 CN: Khang Hy Đế dẹp loạn Tam phiên

- Năm 1682 CN: Cổ Viêm Võ qua đời
- Năm 1685-1686 CN: trận Yakesa
- Năm 1689 CN: Trung – Nga kí "Điều ước Nibisu"
- Năm 1690, 1696, 1697 CN: Khang Hy Đế 3 lần đi đánh Gác Đan
- Năm 1764 CN: Tào Tuyết Cần qua đời
- Năm 1782 CN: "Tứ khố toàn thư" làm xong
- Năm 1796-1805 CN: Bạch Liên giáo đại khởi nghĩa.

Table of Contents

[Mục lục](#)

[Trương Thế Kiệt Tử Thủ Nhai Sơn](#)

[Chính Khí Ca](#)

[Quách Thủ Kính Sửa Lịch Pháp](#)

[Marco.Polo Từ Châu Âu Tới](#)

[Nổi Oan Nàng Đậu Nga Làm Cảm Động Cả Trời Đất](#)

[Người Đá Một Mắt](#)

[Hòa Thượng Làm Nguyên Soái](#)

[Đại Chiến Phiên Dương Hồ](#)

[Lưu Bá Ôn Cầu Mưa](#)

[Vụ Án Hồ Duy Dung](#)

[Yên Vương Vào Nam Kinh](#)

[Tam Bảo Thái Giám Xuống Tây Dương](#)

[Trận Thảm Bại Thổ Mộc Bảo](#)

[Vu Khiêm Bảo Vệ Bắc Kinh](#)

[Dương Nhất Thanh Dùng Kế Trừ Lưu Cẩn](#)

[Dương Kế Thịnh Liều Chết Vạch Tội Nghiêm Tung](#)

[Hải Thụy Cường Trực Không Xu Nịnh](#)

[Thích Quang Kế Đuổi Giặc Biển Nhật](#)

[Lý Thời Trân Lên Núi Hái Thuốc](#)

[Trương Cư Chính Phụ Chính](#)

[Cát Hiền Đánh Quan Thu Thuế](#)

[Nỗ Nhĩ Cáp Xích Xây Dựng Hậu Kim](#)

[Đại Chiến Sác Xuy](#)

[Từ Quang Khải Nghiên Cứu Tây Học](#)

[Tả Quang Đầu Vào Ngục](#)

[Mộ Năm Người](#)

[Viên Sùng Hoán Đại Chiến Ninh Viễn](#)

[Hoàng Thái Cực Lập Mẹo Phản Gián](#)

[Từ Hà Khách Viễn Du Thám Hiểm](#)
[Sấm Vương Lý Tự Thành](#)
[Lữ Tượng Thăng Chết Trận Cự Lộc](#)
[Trương Hiến Trung Kỳ Tập Tương Dương](#)
[Lý Nham Và Hồng Nương Tử](#)
[Ngô Tam Quế Mượn Quân Thanh](#)
[Sử Khả Pháp Tử Thủ Dương Châu](#)
[Hạ Hoàn Thuần Giận Mãng Hồng Thừa Trù](#)
[Trịnh Thành Công Thu Phục Đài Loan](#)
[Lý Định Quốc Chiến Đấu Lưu Động Ở Tây Nam](#)
[Khang Hy Đế Bình Định Tam Phiên](#)
[Thăng Lợi Yakesa \(Nhã Khắc Tát\)](#)
[Ba Lần Đánh Gác-Đan](#)
[Cổ Viêm Võ Viết Sách, Lập Thuyết](#)
[Văn Tự Ngục](#)
[Hoàng Đế Càn Long Cấm Sách Và Soạn Sách](#)
[Tào Tuyết Cần Viết Hồng Lâu Mộng](#)
[Đại Tham Quan Hòa Thân](#)
[Nữ Anh Hùng Vương Thông Nhi](#)
[Niên Biểu Các Sự Kiện Lớn \(Tập 1\)](#)
[Niên Biểu Các Sự Kiện Lớn \(Tập 2\)](#)
[Niên Biểu Các Sự Kiện Lớn \(Tập 3 End\)](#)